

NHÓM LIÊN HỮU MIÊN NAM ĐẤT VIỆT
Sưu tầm và biên soạn
NGUYỄN MINH TIẾN hiệu đính và giới thiệu

CHUYỆN VẪNG SANH

TẬP II (Phần 3 & Phần 4)

NHÀ XUẤT BẢN ĐÀ NẴNG

LỜI GIỚI THIỆU

Tôi nhận được bản thảo tập sách này trong thời gian vừa hoàn tất bản Việt dịch sách Tây Quy Trục Chỉ, là phần cuối cùng trong bộ An Sĩ Toàn Thư gồm 5 tập, lại cũng chính là phần khuyên dạy về pháp môn Tịnh độ. Bộ sách đồ sộ hơn 2.000 trang này đã dành cả 4 tập đầu để khuyên dạy về nhân quả, khuyến khích sự tu tập bao gồm giới sát, giới dâm, xem như một sự chuẩn bị phẩm hạnh thật đầy đủ chu toàn trước khi dẫn dắt hành giả bước vào tu tập pháp môn niệm Phật.

Thật là một cơ duyên tương hợp mâu nhiệm thay, tập sách này chính là bản thuyết minh rõ ràng nhất cho tiến trình tu tập được An Sĩ Toàn Thư khuyến tấn: “Tu sửa thân tâm mới có thể hướng về Tịnh độ.”

Nếu như Tây Quy Trục Chỉ là tập cẩm nang quý giá luận bàn về nghĩa lý sâu xa của pháp môn niệm Phật, phá trừ sự nghi ngại của những ai còn chưa thấu triệt, thì tập Chuyện Vãng Sanh này lại chính là những bằng chứng thật có trong đời thường, những tấm gương tu tập của hàng trăm hành giả chuyên tâm tu tập pháp môn niệm Phật. Tuy họ không phải là những người uyên bác về Phật học, nhưng công phu tu tập của họ lại hoàn toàn đúng hướng, với những thiện hạnh sâu dày được tích lũy trong từng việc làm mỗi ngày, kể cứu giúp dân nghèo, người chần bần, phát thuốc; kể xây cầu đắp lộ, người sửa đình dựng chùa... Mỗi người một việc, họ đều quên thân mình để phụng sự tha

nhân. Và vượt trên tất cả là họ tu tập thiện hạnh không phải để cầu được quả báo tốt đẹp giàu sang phú quý trong đời sau, mà tất cả đều một lòng mong về cõi Phật, viên thành đạo quả để có thể quay lại Ta-bà cứu vớt chúng sinh. Và những tâm nguyện cao quý ấy đã được họ biến thành hành động cụ thể, giúp làm vơi đi rất nhiều khổ đau trong cuộc đời này. Những tấm gương tu tập như thế đều cho ta thấy được sự viên dung cả lý tánh và sự tướng.

Có thể nói, tập sách này đã vẽ lên được một toàn cảnh về những người tu tập Tịnh độ trong thời hiện đại. Không chỉ là những cụ ông cụ bà đã qua độ tuổi “cổ lai hy”, mà còn có cả những em nhỏ ngây thơ ở độ tuổi chưa đến đôi mươi, thậm chí như bé Hoa Minh chỉ vừa 8 tuổi. Ở độ tuổi non nớt như thế mà các em đã có được sự tín thành, đã tha thiết hướng về Tam bảo và tin sâu pháp môn niệm Phật, quả thật chỉ có thể là do căn lành đã gieo trồng từ nhiều đời trước.

Mong sao những tấm gương tu tập thiết thực và kết quả rõ ràng như vậy sẽ là những hồi chuông cảnh tỉnh đối với những ai còn mê mãi trôi lăn trong khổ đau trần thế, giúp người người đều sớm nhận ra một lối quay về.

Với lòng biết ơn chân thành đối với các liên hữu đã cất công sưu tầm, thực hiện, tôi xin vui mừng giới thiệu tập sách này cùng độc giả gần xa.

Trân trọng,
Nguyễn Minh Tiến

LỜI NÓI ĐẦU

Nam Mô Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật.

Kính thưa chư liên hữu gần xa!

Trong Tín Tâm Lục có ghi lại câu chuyện như sau:

“Ông Lưu Sơn Anh phát tâm tụng Kinh Quán Âm và chú Chuẩn Đề cầu cho mẹ khỏe mạnh, sống lâu. Lúc đầu ông cảm thấy trong mình mệt nhọc, lại thêm đau chân không nhấc được, bụng bảo dạ rằng: “Mẹ ta bị bệnh đàm hỏa, dù tụng Kinh e chưa chắc đã lành được!”, nên ông có ý thôi tâm. Về sau lại suy nghĩ lời Khổng Tử đã nói: “Không bèn chí, không thể làm Thầy thuốc!” Làm Thầy thuốc mà không bèn chí còn không được thay, huống chi là tu niệm! Vì thế ông tự phấn phát cố gắng lên. Ngoài việc tụng Kinh ra, ông còn làm thêm những việc phước thiện khác, như: bố thí, phóng sanh, cứu giúp những người nghèo khổ bệnh tật... để hồi hướng cho thân mẫu.

Nhưng lâu ngày bệnh trạng không những chẳng nhẹ bớt mà lại thấy càng nặng hơn. Một hôm bà mẹ gọi ông đến, bảo:

- Bệnh của mẹ đã hơn ba mươi năm nay chữa trị thuốc thang cũng đã cùng khắp mà không hết, khi tăng

khi giảm. Nay con thay thế mẹ quỳ tụng Kinh, bệnh hiện tại lại càng thêm trầm trọng, e rằng do mẹ phước mỏng nghiệp dày nên không thể tiêu nổi. Thôi con nên ngừng việc tụng Kinh là tốt hơn!

Ông liền thưa với mẹ rằng:

- Có lẽ vì con chưa tận lòng chí thành, niệm nghi ngờ chưa trừ hết chướng? Xin mẹ cứ yên tâm!”

Khi đó ông liền đốt hương, cúi đầu quỳ trước Phật khóc lóc xin thế dứt trừ lòng nghi ngờ, cầu cho mẹ tật bệnh được tiêu trừ. Đêm ấy ông nằm mộng gặp Đức Quán Âm Bồ Tát đi đến nắm tay dắt mẹ mình cùng ngồi và trao cho bà một chén nước bảo bà uống. Sáng dậy thấy bệnh lành hơn một nửa. Qua vài ngày sau hoàn toàn dứt hẳn. Cố tật trên 30 năm, trong một giờ thấy đều tiêu diệt!”

Qua câu chuyện trên, nhận thấy yếu tố “lòng thành” đối với người tu Tịnh độ như chúng ta mà nói, thì nó đóng một vai trò trọng yếu đưa đến kết quả mỹ mãn của việc tu niệm hành trì, gần thì tai qua nạn khỏi bệnh tật tiêu trừ, khổ đau dứt sạch; xa thì vãng sanh Tây Phương vĩnh viễn thoát vòng sống chết luân hồi, nhanh chóng bước lên quả vị Vô Thượng Bồ Đề.

Hai chữ “lòng thành” hay “thành lòng” này, có rất nhiều từ tương đương đồng nghĩa, như: chí thành cung kính, thành tâm, chí tâm, nhất tâm, chân tâm, thật tâm, thật lòng, một lòng, dốc lòng...

Những ai có bản tính hiền lành, thật thà, chất phác, bụng nghĩ sao thì miệng nói vậy, không sợ chê cười, chẳng

màng thua thiệt, sẵn sàng nhường phần cho người, hoàn toàn không tính toán so đo, hay cân nhắc lợi - hại, được - mất... Thì chữ Cổ đức cho đây là pháp khí, là vật báu trong Phật môn, các Ngài vô cùng trân quý, luôn quan tâm chiếu cố đến và đầu tư thời gian cũng như công sức giáo dưỡng nhiều hơn, bởi vì vị ấy có được: “tâm thành”!

Ấn Quang Đại Sư dạy:

“Muốn hưởng được thực sự lợi ích từ Phật pháp, phải cầu nơi cung kính. Có một phần cung kính sẽ tiêu được một phần tội nghiệp, tặng một phần phước huệ. Có mười phần cung kính sẽ tiêu được mười phần tội nghiệp, tặng mười phần phước huệ. Nếu chẳng cung kính đến nỗi khinh mạn thì tội nghiệp càng tăng, phước huệ càng giảm”.

Một cư sĩ ở Vĩnh Gia viết thư cầu Đại Sư truyền cho bí pháp để dụng công tu trì, Ngài trả lời:

“Nếu có bí quyết truyền thọ riêng nơi chỗ ẩn khuất tức là tà ma ngoại đạo, không phải Phật pháp. Nhưng Ấn Quang thật cũng có chỗ diệu quyết chỉ riêng mình được, nay nhân cư sĩ thỉnh cầu, không ngại gì đem ra bày tỏ với các hàng Phật tử trong thiên hạ. Diệu quyết ấy là gì? Là chí thành, là cung kính. Điều này cả thế gian đều biết, nhưng đạo lý chí thành cung kính này thì cả thế gian đều mê muội! Ấn Quang do muốn tiêu trừ tội nghiệp sâu nặng và báo đáp ân Phật, hằng để ý tìm cầu gương sáng tu trì của cổ đức, nên được biết rằng chí thành cung kính là bí quyết rất mầu để vượt phàm lên Thánh, thoát nẻo luân hồi. Mấy điểm này, đối với những người hữu duyên

tôi đã thường thường khuyên nhủ. Nên biết thành kính không phải chỉ để riêng cho người học Phật, mà tất cả mọi việc nếu muốn được tinh nhất, phải lấy đây làm nền tảng”.

Làm sao để có được tâm “chỉ thành cung kính” trong công phu hàng ngày? Đây là một vấn đề vô cùng quan trọng, thiết yếu lại vô cùng cấp bách đối với chúng ta hiện nay!

Theo lời chỉ dạy của chư Cổ Đức, nếu chúng ta muốn khởi phát được tâm thành kính thì cần phải không thấy lỗi - xấu của mọi người chung quanh, dù là ý niệm trong lòng cũng không cho chúng manh nha, mà ngược lại lúc nào cũng thấy chính mình là phạm phu nghiệp sâu chướng nặng, đầy dẫy những lỗi lầm, xấu dở; Và luôn luôn tôn kính mọi người chung quanh dầu là người hung ác, xem họ đều là hóa thân của Phật hay Bồ Tát. Khi Đức Phật còn tại thế, Đề Bà Đạt Đa phản thầy lừa bạn, phá hòa hợp tăng đoàn, làm thân Phật ra máu, xúi giục A Xà Thế giết cha hại mẹ, ám sát Đức Thế Tôn... Vậy mà trong cái nhìn của bậc chân tu thì ông là một vị Đại Bồ Tát (Bồ Tát Nghịch Hạnh), thành tựu quả Bồ-đề nhanh chóng cho những ai hướng về nẻo xuất thế, siêu phàm nhập Thánh!

Vì thế “lòng thành” được xem là đôi cánh của chim đại bàng tha hồ bay lượn giữa bầu trời an lạc hạnh phúc xanh thẳm bao la; là cá kình to lớn thông dong bơi lội trong biển cả Phật pháp sâu rộng mênh mông; là chìa

khóa để mở tung cánh cửa giải thoát, vĩnh viễn dứt sạch trần lao khổ lụy!

Nếu đời sống hằng ngày của hành giả niệm Phật cầu vãng sanh Tịnh độ có được lòng thành kính, thì niềm tin tự nhiên sẽ sâu, chí nguyện vãng sanh tự nhiên sẽ thiết, hiện tại thân tâm của mình luôn yên bình hạnh phúc vô tận vô biên, lòng luôn thanh tịnh tràn đầy an lạc; mà thanh tịnh an lạc là hoa thơm, vãng sanh Cực Lạc thế giới là quả ngọt:

*Hoa báo hiện tiền nơi cõi mộng,
Mai sau quả báo nự liên đài!*

Chuyện vãng sanh Tập 2 (phần 3 & 4) vừa hoàn tất, xin ra mắt cúng dường chư liên hữu tất cả mọi nơi. Việc làm này nếu có chút ít công đức nào nguyện hồi hướng khắp pháp giới chúng sinh đồng sanh Tây Phương, đồng thành Phật đạo!

Nam Mô A-di-đà Phật
Miền Tây, ngày 15 - 7 - 2015.
Nhóm liên hữu Miền Nam Đất Việt

PHẦN 3

51. Bà TRẦN THỊ XUÂN (1914 - 2003, 89 tuổi) và Ông LƯU LUÂN BÁ (1913 - 2012, 99 tuổi)

Cách tu của ông cực kỳ đơn giản: không đi chùa, không đọc kinh sách, không kết giao với một người bạn đạo nào... vô số những cái không như thế! Ông chỉ nghe máy niệm Phật rồi niệm theo để về với Phật A-di-đà! Đây quả thật là trường hợp đặc biệt hiếm lạ nhất từ xưa đến nay!

Bà Trần Thị Xuân sinh năm 1914, cư ngụ tại số 542 đường Trần Hưng Đạo, khóm 3, phường 1, thành phố Sa Đéc. Thân phụ là cụ ông Trần Văn Biên, thân mẫu là cụ bà Cam Thị Ty. Bà là người con thứ bảy trong gia đình có chín anh em.

Khi tuổi trưởng thành bà kết hôn với ông Lưu Luân Bá, sinh được bốn trai, hai gái. Nhà máy xay lúa bằng hiệu “Nghĩa Hưng” là cơ sở sản nghiệp của gia đình bà. Nhà máy này hoạt động mãi cho đến năm 1975 mới ngưng, rồi chuyển sang chế biến đường mía.

Hiền lành, chân thật, cần mẫn, nhẫn nại với mọi khó khổ... là những đức tính tốt đẹp mà mọi người đều công nhận có đủ nơi bà.

Vào khoảng năm 1962 người con trai thứ tư nhập ngũ, bà phát tâm trường trai cầu nguyện cho con được bình an cho đến ngày xuất ngũ về nhà. Mấy năm trôi qua lòng thành của bà được cảm ứng đúng như ý nguyện, do đó bà đến chùa Giác Tôn quy y Tam Bảo, được Ni Sư trụ trì đặt pháp danh là Diệu Hạnh, và Ni Sư còn hướng dẫn thời khóa tu tập thường nhật cho bà. Ban ngày thì bà lo làm công việc của nhà máy, mỗi tối bà tụng các kinh điển Đại thừa, nhưng nhiều nhất vẫn là tụng kinh Pháp Hoa và trì chú Đại Bi, rồi niệm Phật hồi hướng cầu sanh Tây Phương. Bà thỉnh thoảng tới chùa thăm thầy bốn sư để nghe pháp và nhờ chỉ dạy thêm những điều cần thiết cho công phu hành trì.

Trong gia đình, do chồng bà không tin Phật pháp, không có thiện cảm với người tu, nhất là quý sư. Nên khi bà dùng chay tu hành đã gặp trở ngại chẳng nhỏ! Đôi lúc ông đem đồ mặn trộn vào thức ăn của bà đang ăn, và nói:

- Nè! Bà đừng có xem đồ mặn là cứt nghe chưa!

Quả thật là:

*“Phải chịu được người nung kẻ thét,
Mới trở nên màu sắc vàng ròng.
Mười phương chư Phật Tây, Đông.
Cũng từ lò đúc cõi hồng này ra.
Chịu khổ khó mới là đắc quả,
Không nhọc tu để há thành công.
Mang giày nhẵn nhục leo chông,
Mặc y tinh tấn, đeo cung đại hùng*

... Thiếu đại lực ắt trôi việc lớn.
Không đại hùng khó thắng nguy nan,
Tu như lọc cát tìm vàng;
Việc đâu phải dễ chớ toan ngã lòng.
Trên đời cao sen không thể mọc,
Sống an nhàn khó học chữ tu.”

Khi mới bắt đầu dùng chay, bà thường hay bị bệnh. Đã hai, ba lần bệnh nặng suýt chết, nên bà chí thành âm thầm nguyện cầu xin ân trên Tam Bảo gia hộ. Một hôm trong giấc chiêm bao bà được Long Thiên Thiện Thần mách bảo phải dùng: củ năng trộn với gạo nấu cơm hoặc cháo, ăn với nấm rơm kho cà chua. Từ đó cho tới ngày bà mất, suốt 40 năm trời đặng đặng thức ăn đưa vào cơ thể của bà chỉ có thế mà thôi, ngoài ra dường như không dùng được bất kỳ loại thức ăn nào khác nữa, kể cả trái cây!

Năm 1993 bà bị hẹp và hở van tim cấp 3. Đến điều trị tại Bệnh Viện Tim của Pháp ở Chợ Lớn, cứ một tuần tái khám rồi mang thuốc về một lần. Sau đó từ từ thưa ra: hai đến bốn tuần, rồi ba, sáu, mười hai tháng một lần. Nghĩa là bà dùng thuốc điều trị trọn đời.

Khi tuổi càng lên cao sức khỏe ngày một kém, bà bớt tụng kinh dần dần. Lúc bà 83 tuổi thì chỉ còn chuyên niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc.

Đầu tháng 2 năm 2003, lần nọ do vấp té trong nhà tắm, cột sống bà bị chấn thương. Đưa đến Bệnh Viện

Tim, kiểm tra tim xong ở đây chỉ định đưa sang Bệnh Viện Trung Tâm Chính Hình. Bác sĩ ở Trung Tâm Chính Hình chẩn đoán là “thoát vị đĩa đệm” và cho thuốc về nhà. Mặc dù đau đớn dữ dội do đôn cột sống (con bà phải gỏi thuốc giảm đau từ nước ngoài về để uống kèm thêm), nhưng chưa hề nghe bà rên than hay phiền trách. Tất cả mọi động tác xoay trở, dời động đều nhờ người thân tình ý phụ giúp thì đỡ khổ một chút. Có hôm đau quá, bà nói chú Út:

- Thôi! Vú sợ quá rồi... Vú mà được về trên trên, mỗi ngày vú đổ bê cho ông Phật Di Đà vú cũng chịu nữa. Chớ ở đây khổ quá rồi!

Chú Út nghe qua, vừa cười vừa giả lả:

- Trời ơi! Vú ước gì mà khôn quá vậy. Ông Phật đâu có đi vệ sinh đâu mà vú ao ước đổ bê!

Lần nọ chú hỏi:

- Vú có đau dữ không, vú?

Bà đáp:

- Đau, chớ sao không! Mà thôi vú cố niệm Phật cho nó quên đau!

Một tuần lễ trước khi bà mất, bà đã ba lần lịm ngất, tim hoàn toàn ngưng đập, huyết áp mất hẳn, nhưng môi vẫn còn lép nhép niệm Phật, thời gian dài nhất là 90 phút. Khi bà tỉnh lại, chú Út hỏi:

- Nãy giờ vú không có thở, huyết áp mất, tim của vú ngưng đập, vú có hay biết gì không, vú?

Bà trả lời:

- Biết hết trơn chớ sao không, con!

Sáng ngày 30 tháng 2 năm 2003 bà nhờ đỡ dậy, rồi ngồi xếp bằng kiết già trì chú Đại Bi. Trì xong, bà nói:

- Vậy là vú đã mãn nguyện rồi!

Rồi bà nhờ đỡ cho mình nằm xuống. Hơn cả tháng nay bà chưa ngồi dậy được lần nào, thế mà hôm nay ngồi được và gương mặt của bà lúc này luôn tràn đầy niềm hoan hỷ. Chú Út thấy thế mới hỏi bà:

- Bữa nay làm gì mà vú vui dữ vậy, vú?

Bà ôn tồn đáp:

- Vú bữa nay vú đi à! Đi... đi luôn chớ không có trở lại như mấy lần trước nữa!

Chú Út lại hỏi:

- Làm sao mà vú biết?

Bà trả lời:

- Tại con mắt của mấy đứa không thấy. Chớ vú thấy chư Phật xuống đông lắm! Nói thì giống như nói dóc... Nhưng vú tin chắc bữa nay Phật rước vú đi!

Bà đã nói như vậy nhiều lần trong ngày. Chú Út mãi nghĩ thầm trong bụng: Vú mình tỉnh bơ, còn nói chuyện leo lẻo mà đi cái nổi gì. Chú đình ninh chắc chắn rằng việc này sẽ không bao giờ xảy ra!

Đến chiều tối thấy bà hơi mệt, chú Út định đưa bà vào bệnh viện, vì mấy người anh ở nước ngoài luôn căn dặn với chú là khi nào phát hiện bà có gì khác lạ là phải cấp tốc cho bà nhập viện liền. Nhưng chú Chín thì bảo:

- Thôi! Ý của vú muốn ở nhà thì chịu theo vú đi!

Hai người đang cần nhân đôi co chưa ngã ngũ. Bà nằm nghe cự cãi qua lại, nên lên tiếng:

- Thôi! Chở vú đi, đi!

Gia đình bèn điện thoại xe cấp cứu của bệnh viện xuống rước. Khi vừa vào viện thì bác sĩ liền tiêm cho bà một mũi thuốc hồi sinh, rồi truyền dịch để chờ theo dõi. Lát sau bà nói:

- Thôi! Bây giờ cho vú về đi! Thỏa mãn ý của mấy đứa chưa?

Và còn nói:

- Cho vú về đi! Về nhà chỗ để chết ở đây à!

Lúc đó các ngón chân và của bà đã ngã sang màu tím. Mời bác sĩ đến, bác sĩ kiểm tra xong liền chấp thuận theo yêu cầu của bệnh nhân, bèn cho xuất viện.

Về tới nhà là 11 giờ đêm, bà liền bảo:

- Thay đồ cho vú đi. Một chút vú đi!

Thay đồ xong, bà vừa cười vừa nói:

- Sửa cái đầu vú lại một chút xíu coi. Vú gàn đi rồi đó nghen!

Chú Út cũng vừa cười vừa đáp lại:

- Vú còn nói chuyện leo lẻo, mà vú đi đâu?

Đến gần 12 giờ khuya mạch của bà bỗng dừng ngừng nhảy, huyết áp hết còn đo được nữa, nhưng môi của bà vẫn còn máy động. Đến đúng 12 giờ 15 đôi môi hoàn toàn ngưng hẳn, để già từ cõi thế gian đầy đau thương và khổ lụy. Nhằm ngày mùng 1 - 4 - 2003, bà hưởng thọ 89 tuổi) Năm phút sau căn phòng tỏa ra một mùi hương thơm sực nức, không giống với bất kỳ một mùi thơm nào. Vì thường ngày bà không dùng và cũng không cho con cháu dùng loại dầu hay nước hoa nào trong căn phòng của bà cả!

Chú Út hộ niệm cho bà, cứ một hồi thì chú sờ thăm toàn thân bà một lần, sờ thăm rất nhiều lượt. Vì chú nghe người ta nói rằng: Ai niệm Phật mà khi chết rồi toàn thân lạnh chỉ còn nóng đỉnh đầu là được vãng sanh, nên chú hiếu kỳ theo dõi. Kết quả cho thấy là hai bàn chân lạnh từ từ lạnh lên trên. Đánh đầu còn ấm sau cùng, và ấm nóng mãi cho đến 11 giờ trưa, khi nhập liệm mà vẫn còn ấm. Lúc sắp sửa nhập liệm, chú hơi hoài nghi có lẽ do mình bị “tự kỷ ám thị” hay chăng? Nên chú đã mời rất nhiều người đến cùng dò thăm. Thế là ai cũng sờ vào đỉnh đầu của bà và cũng đồng công nhận như vậy!

Chồng bà tên Lưu Luân Bá. Ông rất nóng tánh, cương trực và dứt khoát. Trong gia đình ông hết sức có

trách nhiệm; đối với lối xóm láng giềng thì cũng chẳng mịch lòng một ai. Quanh năm suốt tháng chưa từng ăn chay và đi chùa; đặc biệt là có ác cảm đối với quý sư và không ưa bàn chuyện Phật Pháp tu hành. Khi trông thấy các sư đi ngoài đường là ông nói xiên nói xỏ vọng theo. Bà vợ phát tâm trường trai tu hành cũng phải vất vả nhọc nhằn lắm mới vượt qua cái cửa ải thử thách sát hạch của ông!

Năm 1975, lúc này ông đã 62 tuổi, các con đều trưởng thành, gánh vác thay ông mọi chuyện gia đình, nên ông rất nhàn nhã thông dong, chẳng chơi thân với ai, chỉ kè kè bên mình cái radio - một người bạn tâm giao tri âm tri kỷ!

Lúc ông 90 tuổi, một hôm ông bị tụt huyết áp, con cháu liền đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa Sa Đéc. Qua ngày sau, khi tỉnh dậy ông la hét om sòm, đồng thời bứt hết các dây sợi đang truyền dịch, quyết liệt đòi về. Thấy ông làm dữ quá, y bác sĩ đành phải bó tay tốc hành cho ông xuất viện!

Về nhà ông nằm li bì, người thân để máy niệm Phật đặt sát bên tai cho ông nghe suốt cả ngày đêm. Được hơn một tháng thì ông dần dần khỏe lại, từ đó về sau ông thích nghe niệm Phật luôn, chứ không thèm nghe radio như trước nữa!

Qua cơn bạo bệnh suýt mất mạng đó mà thiện căn quá khứ được chín muồi, ông hồi tâm chuyên lo niệm Phật để về với Đức Phật A-di-đà, ông vẫn thường nói

với các con như thế. Cách tu của ông cực kỳ đơn giản là: không đi chùa, không ăn chay, không tụng kinh, không xem nghe băng đĩa, không đọc kinh sách, không kết giao với một người bạn Đạo nào để luận bàn Phật Pháp hay trao đổi cách thức cũng như kinh nghiệm hành trì gì cả... Ông chỉ nghe máy niệm Phật rồi niệm theo, để về với Phật A-di-đà mà thôi. Đây quả thật là trường hợp hiếm lạ nhất từ xưa đến nay!

Ông tu như thế suốt mười năm, vào khoảng tháng 3 - 2012 thể lực của ông suy kém do tuổi già sức yếu, con cháu đề nghị đưa ông nhập viện, nhưng ông không chịu. Biết tánh của ông nên con cháu cũng không năn nỉ. Đầu tháng 4 thấy sức khỏe ông cạn kiệt nhiều, nên đã mời Ban Hộ Niệm của tịnh xá Ngọc Quang đến cộng tu với ông được hai đêm, là ngày mùng 2 và mùng 3, ngoài lúc cộng tu ra thì con cháu luân phiên ngồi bên cạnh trợ niệm cho ông. Sáng ngày mùng 4, hơi thở của ông ngắn dần, toàn thể gia quyến vây quanh niệm Phật. Đến 6 giờ 5 phút sáng, ông an tường nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Nhâm ngày mùng 5 - 5 - 2012, ông hưởng thọ 99 tuổi.

Khoảng 7 giờ Ban Hộ Niệm đến đông đủ, hộ niệm qua tám giờ, khi thăm dò điểm nóng, thì thấy ấm ở đỉnh đầu trong khi toàn thân đều lạnh; gương mặt sáng đẹp như người đang nằm ngủ.

Kế đó người nhà tiếp tục niệm Phật thêm bốn tiếng đồng hồ nữa. Chú Út mới mời chuyên gia làm phim đến để ghi hình lại những thao tác khi lay động các khớp xương ở tay, chân và đầu, đặng gửi sang người anh ở nước ngoài. Vì ông này không tin Phật pháp, hay đả kích chuyện tu hành nên lúc trước thường điện thoại nói với chú rằng:

- Mày đừng có tin mấy... thầy chùa... họ bày ra cái vụ hộ niệm, ...hộ niệm,... gì đó! Mày đâu có biết, họ lén dùng thứ thuốc gì đó, bôi vô xác chết...Niệm Phật đã đời,... tám giờ sau họ kéo tay chơn ra, kéo tay chơn vô được..., rồi... cái... họ nói: Đã vãng sanh...!"

Cho nên chú nhận thấy rằng chỉ có cơ hội này, và cũng chỉ có mình mới có thể tháo gỡ quan niệm lệch lạc sai lầm của ông anh. Vì đã có chủ định trước, nên mặc dù tang sự bối rối, nhưng chú không rời xa cha mình nửa bước, luôn luôn có mặt tại hiện trường, để không cho bất cứ một ai đến gần đụng chạm vào thi thể của cha mình, suốt thời gian từ lúc ông cụ trút hơi thở cuối cùng cho đến khi hộ niệm viên mãn ngót mười hai giờ đồng hồ. Chú đã quan sát thật tận tường những mong... để làm sáng tỏ một sự thật, mà nhiều người hồ hững bỏ quên, đó là lĩnh vực tâm linh! Chẳng hạn gần nhất... là ông anh của mình!

Thời gian khá lâu sau, chú Út nằm mộng thấy ông. Ông nói với chú rằng:

- Tao đã vãng sanh rồi!

(Thuật theo lời: Lưu Bá Bội con trai của hai ông bà và Ban Hộ Niệm Tịnh xá Ngọc Quang.)

LỜI PHỤ

Đối với phương pháp hộ niệm cho người tu niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, theo Tổ Sư Ấn Quang dạy thì cần phải tuân thủ điều kiêng kỵ là: gia quyến không được khóc lóc bi thương, và không được đụng chạm đến thi thể của người mất sớm quá.

Căn cứ theo lời dạy của Ngài thì thời gian đụng chạm vào thi thể an toàn nhất thông thường phải sau tám đến mười hai tiếng đồng hồ; năm ba trường hợp đặc biệt thời gian còn phải dài hơn! Nhưng bảo đảm nhất là khi toàn thân đều lạnh hẳn, tức là không còn một điểm nóng ấm nào nữa cả mới chắc chắn!

Bà cụ Trần Thị Xuân ở câu chuyện trên do tín nguyện đầy đủ, công phu hành trì đã đạt trình độ tinh chuyên nên bà đã thấy Phật, rồi an nhiên tự tại vãng sanh, nên sự thăm dò tìm điểm ấm do người con hiếu kỳ vẫn không trở ngại. Nếu như công phu hành trì chưa được thâm hậu như thế, thì ngàn vạn lần phải lưu ý điều cấm kỵ này! Bởi vì lúc tắt hơi thần thức chưa xuất ra khỏi thân, khi ấy bị va chạm làm cho người mất có cảm giác đau đớn dữ dội nên họ dễ nổi sân, mà một khi nổi sân thì thần thức sẽ theo niệm sân hận đó mà đi vào tam ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) để tiếp tục nhận chịu vô lượng nỗi thống khổ trong vòng sinh tử luân hồi!

52. LÂM THÀNH THUẬT (1919 - 1999, 80 tuổi)

Thật tâm quanh năm chăm lo phúc thiện, không tính toán so đo, không xẻn tiếc của cải bạc tiền, mong người người sống bình yên: Lưu ân đức muôn thuở lại đời!

Thành ý trọn kiếp quyết chí vãng sanh, chẳng biếng lười già đãi, chẳng nệ công khuyên nhắc tu hành, lâm chung rực ánh sáng lành: Nêu gương mẫu ngàn năm cho đạo!

Ông Lâm Thành Thuật sinh năm 1919, tại Rạch Chanh, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Lâm Văn Bền, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Duyên. Ông là người con thứ năm trong gia đình có mười anh em.

Năm 1940, Thầy về rạch Xà No làng Nhơn Nghĩa, cả nhà ông đều đến quy y Tam bảo. Từ đó ông ăn chay mỗi tháng mười ngày, sớm chiều hai thời lễ bái.

Khi tuổi trưởng thành ông kết hôn với bà Đinh Thị Mận, sinh được một trai tám gái. Ban đầu ông sanh sống bằng nghề chuyên chở đá cát, vật liệu xây dựng, đến năm 1983 về sau mới chuyển sang làm ruộng vườn.

Tánh tình của ông hiền lành, nhân hậu, vui vẻ, cởi mở và thương người mền vật. Đời sống sinh hoạt cá nhân ông rất đơn giản kiệm ước, nhưng giúp người thì dốc hết túi không hề xẻn tiếc. Ông mạnh mẽ trong việc phúc lợi nhân sinh, và thường cùng với người em trai Út làm chỗ

dựa cho những em cháu trong vùng có nhiệt tâm hoạt động các công tác xã hội. Mỗi khi có đồng đạo đến yêu cầu:

- Bác Năm ơi! Anh em nhờ bác ủng hộ cái này nè...!

Ông trả lời không chút do dự:

- Ừ! Thiếu cái gì nói đi, bác ủng hộ hết mình!

Hình như mọi mặt từ thiện ông đều tận tình tham gia.

Các thành phần như: lỗ đường, đói rách, tàn tật... hầu hết đều được mọi người trong làng thôn giới thiệu đến gặp ông! Hễ mỗi khi ông thấy hay nghe nói có ai nghèo khổ thì ông sẵn sàng hết lòng giúp đỡ từ gạo tiền cho đến cây cối để cất nhà... không hề lộ nét đắn đo, hay tỏ vẻ khó khăn thiếu thốn. Ông chẳng bao giờ đặt vấn đề cần phải ngồi lại để nghiên cứu, tìm hiểu, điều tra xem đối tượng mà mình giúp đỡ đó có khó khăn thật hay không!

Đôi lúc thấy các con cháu hơi ngần ngại khi làm từ thiện, nhất là có những việc tốn kém tiền của nhiều quá, ông thường trấn an, nung đúc, thể hiện cụ thể bằng hành động nhiệt tình thí xả xem nhẹ vật chất của mình, chỉ chú trọng nghĩa tình đạo đức qua lời khuyên dạy của Tổ -Thầy mà thôi!

Do có oai lực và đức hạnh mà ông cùng em trai út của mình đã dìu dẫn mọi người, ai ai cũng hăng hái nhiệt tình hưởng ứng theo, như lời của Cổ Đức đã khuyên dạy:

“Thật tu rán chiêu mới hành thiện,
Thiện càng nhiều đạo tiến càng mau;
Thiện không phân biệt người nào,
Mà người nào cũng thiện giao tận tình.
Thiện không những cho mình được có,
Còn thiện cho người nọ người kia;
Thiện từ vui khổ sốt chia,
Đến an nguy cũng chẳng lìa bỏ nhau.
Mọi người biết đề cao việc thiện,
Xã hội đời tai biến không sanh;
Người nào cũng sống sạch thanh,
Xứ nào cũng ở hiền lành tốt tươi.
Việc thiện chẳng làm người ngu dốt,
Thiện giúp người sáng suốt mở mang;
Người hòa và nước được an.
Là do thượng hạ biết toan điều lành.
Thiện chẳng phải riêng dành nhà đạo,
Mà thiện ai muốn tạo cũng nên;
Liên Hoa có thiện được lên,
Dù người ấy chẳng mang tên đạo gì,
Mang tên đạo mà đi làm dữ,
Thua người lành chẳng ở phái chi,
Phật thành do tánh Từ Bi,
Phật không thành ở qui y bề ngoài.
Nên hành thiện dù ai cũng được,
Thật thiện tâm chớ chuốt ngoài môi;
Tấm lòng thiện ấy có rồi,
Thì là sẽ có chỗ ngồi Liên Hoa.”

Về phần công phu hành trì thì ông chuyên sâu pháp môn niệm Phật nguyện vãng sanh. Bất cứ gặp ai, ông cũng đều đem Phật pháp ra để khuyến tấn nhắc nhở, răn lo làm lành lánh dữ và niệm Phật cầu về Tây Phương Cực Lạc.

Năm hơn 70 tuổi ông bị cườm đá, sau khi phẫu thuật được hai năm thì thị lực yếu dần đến độ đi ra đường cần phải nhờ người dìu dắt. Cũng nhờ vậy mà ông ngưng tất cả mọi công tác từ thiện xã hội, trọn ngày ở nhà lần chuỗi niệm Phật. Có khi ban đêm không ngủ được thì ông niệm Phật suốt đêm. Trừ đôi mắt thị lực kém ra, sức khỏe của ông vô cùng sung mãn, càng ngày niệm Phật càng tinh chuyên, thần sắc càng hồng hào tươi sáng... Dường như bệnh của đôi mắt chính là cơ duyên thù thắng thành tựu hạnh nguyện vãng sanh của ông sau này!

Mỗi khi có con cháu đến thăm ông thường đem Phật Pháp ra để nhắc nhở tu hành, nhất là mình tu phải răn tu cho tròn Đạo làm người, rồi phải răn dứt bỏ xấu ác vun bồi thiện nhân, cuối cùng là niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ông thường nói:

- Thời kỳ này là thời kỳ mạt pháp, tự tu để đắc quả giải thoát thì khó lắm! Chỉ có hết lòng niệm Phật nguyện vãng sanh Tây Phương thì dễ nhất mà thôi!

Tu Tịnh Độ phải đầy đủ Tín -Nguyện - Hạnh. Nhưng lòng tin của mình phải tuyệt đối mới được!

Tin vào lời của Tổ - Thầy đã chỉ dạy.

Tin vào lời của Đức Bốn Sư Thích Ca.

Tin vào 48 lời nguyện của Đức Từ Phụ A-di-đà.

Còn nguyện là phát lòng mong muốn khi xả báo thân ở cõi đời này được sanh về thế giới Cực Lạc ở Phương Tây!

Tin sâu, nguyện thiết rồi thì mình cứ niệm Phật hoài vậy thôi... Đơn giản lắm,... cũng dễ lắm!

Có hôm cô Chín ở nhà sau nghe ông nói chuyện, giảng giải, khuyên nhắc, sách tấn về Đạo lý rất lâu, khi ra nhà trước xem xung quanh không thấy có ai hết, cô liền cất tiếng hỏi:

- Ba nói chuyện với ai vậy, thưa ba?
- Ba nói cho anh Tư của con... nó nghe!
- Ảnh về này giờ cả buổi rồi, ba ơi!

Vào khoảng tháng 2 năm 1999, hôm nọ ông đang súc miệng đột nhiên nôn ra máu. Khi đưa đến bác sĩ được chẩn đoán là vỡ động mạch thực quản, bác sĩ còn cho biết động mạch bị vỡ là động mạch nhỏ, nếu lớn thì nguy hiểm đến tính mạng. Sau đợt điều trị đó mọi chuyện trôi qua êm đẹp, sức khỏe hồi phục bình thường.

Ngày 19 tháng 4 năm 1999 là ngày lễ giỗ của mẹ ông. Sáng hôm đó, ông sang nhà em trai Út để tham dự. Quyến thuộc và các bạn đồng tu hội tụ tấp nập vô cùng

nhộn nhịp, ông vui vẻ luận bàn Phật pháp với mọi người, ông khuyên mọi người cố gắng hành trì niệ**m** Phật... Sau khi dùng cơm xong, ngồi uống nước và tiếp tục luận, đến khoảng 12 giờ trưa ông nói:

- Thôi, quý vị cứ ngồi chơi tôi xin kiếu về bên bên, ngã lưng một tí. Từ sáng đến giờ ngồi đã lâu rồi... cũng nghe hơi mỏi rồi!

Nói xong ông theo người cháu dắt mình về nhà. Khách khứa cũng lần lượt giã từ. Còn lại một số đồng đạo say mê món ăn tinh thần, nên ông Út là chủ nhà đã lên tiếng cung thỉnh chư vị vui lòng ở lại dự luôn buổi cơm chiều. Hơn hai mươi đồng đạo hoan hỉ nhận lời.

Ông về tới nhà chưa mấy chốc thì căn bệnh cũ sau hai tháng trời nằm im bỗng dưng tái phát, lần này lượng máu mà ông nôn ra rất nhiều có đến cả lít, mặc dù vậy tinh thần của ông vẫn thản nhiên trong khi con cháu thì hốt hoảng đòi cấp tốc chuyển đi bệnh viện, nhưng ông thì không chịu đi. Mặc dù lúc ấy cháu ngoại của ông là bác sĩ đang công tác tại Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ; mà ông nhờ thân nhân lau chùi sạch sẽ rồi vào nằm trên bộ đi-văng ở nhà trước, đầu quay về phía ngôi Tam Bảo, khi ấy độ hơn 2 giờ chiều.

Ở bên nhà ông Út cuộc trao đổi Phật Pháp còn đang diễn ra sinh động, thì thấy cô con gái thứ Chín của ông hốt hải chạy qua cho hay:

- Chú Út ơi! Ba con ổng làm sao... đâu chú với mấy em qua coi giùm ba con!

Nghe xong mọi người đồng kéo sang nhà của ông. Tối nọ, ông Út đến gần liền hỏi:

- Anh Năm! Anh có sao không anh Năm?

Ông trả lời:

- Trong mình nó mệt!

Ông Út nói:

- Bây giờ kêu mấy đứa lấy xe đưa anh xuống bệnh viện nhen?

Ông từ chối đáp:

- Thôi! Đi bệnh viện làm cái gì. Để ở nhà có gì thì mình niệm Phật!

Lúc ấy hơi thở của ông hơi ngắn lại. Ông Tám Hòa mới nói với chú Ba Hãn rằng:

- Để chú đốt nhang dâng lên các ngôi thờ đảng hoàng, rồi mình đứng hộ niệm cho ông Năm... Chắc ông Năm đi quá Hãn ơi!

Chú Ba trả lời:

- Dạ! Chú đốt, thì đốt đi, chú!

Ông Út quay sang nói với các đồng đạo:

- Thôi, tình hình này tôi thấy... chắc là không êm!

Khi đã thắp nhang các ngôi thờ, con cháu và đồng đạo đứng đầy cả nhà, luôn ở phía ngoài hàng ba. Ông Tám Hòa nói:

- Anh Năm ơi! Anh yên lòng tịnh niệm đi. Ở đây tụi tui đưa anh đi!

Ông mỉm cười, trả lời:

- Đưa được không đó nghen!

Ông Út lên tiếng với mọi người:

- Thôi! Bây giờ mình hộ niệm cho Anh Năm!

Rồi quay sang nói với ông:

- Anh Năm! Anh định tỉnh đi anh Năm, anh rân niệm Nam Mô A-di-đà Phật. Ở đây tụi em cùng niệm với anh!

Ông gật đầu mỉm cười, rồi nói:

- Chuyện này khỏi phải dặn dò, lúc nào trong tâm anh cũng niệm hết trơn, đừng có lo cho anh!

Trả lời xong ông khép đôi mắt lại, nhép môi niệm Phật theo đại chúng. Âm thanh trầm hùng của câu Vạn Đức Hồng Danh vang rền độ chừng mười phút, môi ông đang nhép bỗng dừng lại, rồi nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Ông tự sửa tay chân thẳng thớm, tư thế nằm rất thoải mái đoan nghiêm, gương mặt ánh lên sắc hồng hào và trào dâng niềm hoan hỉ lạ thường!

Đồng thời lập tức một làn ánh sáng từ ngoài lùa vào cửa nhà làm căn phòng sáng rực lên như ngọn đèn quay phim chiếu vào, mặc dù nắng chiều vẫn rất sáng tỏ, nhiều người đang niệm Phật trông thấy đều ngưng lại để nhìn, ánh sáng ấy lóe lên phút chốc lại tắt mất. Lúc đó khoảng 3 giờ chiều ngày 19 - 4 - 1999, ông hưởng thọ 80 tuổi.

(Thuật theo lời Lâm Văn Hương, cháu nội của ông; Lâm Văn Hân, cháu của ông và một số đồng đạo)

53. LÂM VĂN MỄ (1934 - 2012, 78 tuổi)

“Minh tu Tịnh Độ thì khi ra đi phải để lại cái gì đó làm niềm tin cho người sau!”

Lâm Văn Mễ.

Ông Lâm Văn Mễ sinh năm 1934, cư ngụ tại Rạch Chanh, phường Long Hòa, quận Bình Thủy, thành phố Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Lâm Văn Bền, là Hương Cả đương thời; thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Duyên. Ông là con út trong gia đình có mười người con.

Lúc lên 7 tuổi cả gia đình ông có đến Nhơn Nghĩa quy y Tam Bảo, khi ra về Thầy đã dạy cha ông rằng:

- Ông Cả à! Ông về khai bót lằm lúa để ban rải ra. Tu như vậy mau lằm!

Từ đó ông ăn chay mỗi tháng mười ngày, sớm tối hai thời lễ nguyện.

Năm 25 tuổi ông kết hôn với bà Lê Thị Thêu, sinh được bốn trai ba gái, canh tác ruộng vườn là nghề nghiệp chính của gia đình ông.

Năm 1965 ông đi lính ngành cảnh sát, ông phụ trách bên bộ phận làm giấy căn cước của tỉnh Cần Thơ. Đến năm 1975 ông trở về quê làm nông dân và trường trai chuyên chí tu hành từ đó.

Tính tình của ông liêm khiết, cương trực nhưng rất

vui vẻ, cởi mở, hài hòa. Đời sống rất bình dị, thanh đạm từ ăn uống, trang phục, cho đến mọi sinh hoạt cá nhân.

Ông tích cực tham gia hầu hết những công tác phúc lợi xã hội, như bắc cầu, bồi lộ... cho đến cứu giúp người nghèo đói, tật bệnh, ông tận tâm, tận lực tự làm một mình, đôi lúc vận động kêu gọi mọi người cùng chung sức với nhau đồng làm. Ông và người anh ruột thứ Năm có chung chí hướng, và đã làm trụ cột cho các em, cháu đồng đạo quanh vùng nương tựa, luôn luôn nung đúc, ủng hộ từ vật chất cho đến tinh thần, tích cực phát triển sự nghiệp tu tạo phước thiện theo phương châm “đẹp Đạo tốt đời” của người tại gia cư sĩ chân chánh, thực hành triệt để tôn chỉ “Học Phật Tu Nhân”!

Về công phu hành trì thì ông chuyên sâu Pháp môn Tịnh độ, niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Ông tuân thủ giới luật rất chín chắn, lấy giới làm thầy; nghiêm khắc với mình, khoan thứ với người; thẳng thắn góp ý sửa lỗi không sợ mất lòng. Đại đa số các thiện tri thức ở vùng An Giang - Cần Thơ, như ông Bảy Uổng, ông Út Kiệt... đều là bạn thân thiết của ông. Ông nghiên cứu rất nhiều kinh sách Tịnh Tông, tự mình chăm chỉ nỗ lực dụng công và khuyến tấn các bạn đồng tu hữu duyên.

Khi các con đã lớn khôn yên bề gia thất, còn lại người con trai thứ Ba, cô con gái thứ Tư là giáo viên cấp hai và người con trai Út không lập gia đình cùng chung sống với ông, đồng lòng niệm Phật nguyện sanh về thế giới an lành của Đức Phật A-di-đà. Sản nghiệp gia đình

gồm một mẫu đất; phân nửa vườn, phân nửa ruộng. Do ai cũng tu hành, thiếu dục tri túc, nên cuộc sống rất ổn định nhân vui!

Mười mấy năm cuối đời, việc nhà các con đều gánh vác nên ông hoàn toàn rảnh rang, công phu hành trì của ông bấy giờ được gia tăng gấp đôi, công tác từ thiện cũng giảm bớt lại, dành thời gian chuyên tu nhiều hơn. Hằng ngày ông thường đi dự các khóa niệm Phật, hoặc đi cầu nguyện tuần thất siêu độ cho các vong nhân, cũng là cơ hội để xiển dương Pháp môn Tịnh độ, vì ông thường được chư đồng tu mời lên diễn đàn để chia sẻ Phật Pháp cùng những kinh nghiệm tu tập. Ông cũng từng tâm sự với các bạn đạo về nguyện vọng của mình:

- Mình tu Tịnh Độ thì khi ra đi phải để lại cái gì đó làm niềm tin cho những người đi sau!

Ông có chiếc xe Honda, sáng đi chiều về, ngày nào cũng thế. Thể lực của ông rất tốt, quãng đường từ nhà đến Long Xuyên hay Châu Đốc... xa cả trăm cây số như thế, vậy mà ông vẫn đi và về trong ngày. Do đó bạn bè quen biết của ông dường như có khắp tất cả mọi nơi. Các con của ông thường xuyên kiểm tra túi áo của cha mình, để tiền vào đây đủ cho ông chi dụng đi lại. Trừ đồ xăng ra hầu như số tiền ấy ông đều giúp tặng cho người hết. Đặc biệt là ông chưa hề ghé quán dù chỉ uống một ly nước giải khát, nhưng bố thí thì ông không hề xén tiếc. Qua đó ta thấy tâm từ của ông rất mạnh mẽ phi thường, nên

móng căn bản của sự tu tập quá ư vững chãi, phù hợp với lời dạy:

“Khóa không gặp đúng chìa khó mở;
Tu không hành đúng chỗ khó nên,
Điều này bá tánh chớ quên,
Muốn về Phật phải xây nền từ bi.
Từ bi có đường qui Phật có,
Từ bi không chỗ ngộ Phật không;
Muốn lìa khỏi cõi trần hồng,
Lấy từ bi để soi thông con đường
Muốn thoát kiếp vô thường thống khổ,
Nên do đường Tịnh Độ mà đi;
Nam Mô Đà Phật A Di,
Bao nhiêu công việc từ bi rón làm.
Ham về Phật chớ ham ở thế,
Độ mình siêu độ mẹ cha siêu;
Tình thương quyến thuộc càng nhiều,
Càng tu để cứu khỏi điều trầm luân.
Đền trung hiếu bằng chân công đức,
Đáp nghĩa tình bằng sức tu hành;
Tu hành công đức viên minh,
Hiếu trung sẽ vẹn, nghĩa tình sẽ xong.
Chân công đức tổ tông cứu được,
Sức tu hành quyến thuộc độ qua;
Muốn lìa cảnh khổ Ta Bà;
Phải công đức lớn phải là tu cao!”

Những năm gần cuối đời ông rất thích ăn gạo lứt muối mè số 7, phương pháp ăn uống này vô cùng đơn giản phù hợp với hạnh buông xả của đời sống chân tu, càng ngày thân càng khỏe, tâm càng an; bởi vì thức ăn càng thanh đạm, thuận theo tự nhiên thì thần trí càng định tĩnh sáng suốt, bao nhiêu tham đắm ngũ dục nhất loạt âm thầm rơi rụng khỏi phải nhọc nhằn cố sức diệt trừ, cách thức ăn uống cổ xưa này nâng cao hiệu quả cho công phu hành trì rất nhiều!

Thời nay trào lưu văn minh khoa học kỹ nghệ phát triển quá ư nhanh lẹ, vô số những thực phẩm chế biến công nghiệp hết sức tiện dụng về mọi mặt, hết sức hấp dẫn: vừa ngon, thơm vừa bổ, rẻ... Nhưng quán sát tận tường thử tìm một người tu nào theo chế độ ăn uống toàn bằng những thức ăn hiện đại phương Tây mà có được sức khỏe tốt đúng nghĩa của nó... quả thật là vô cùng hiếm hoi!

Gần đến ngày Tết Trung Thu năm 2012, vào bữa cơm chiều ông và các con vừa ăn vừa bàn luận Phật Pháp. Cô Tư đề nghị:

- Ba ơi! Ba bây giờ đã lớn tuổi, ba yếu rồi... Sức khỏe cũng không biết ra sao... Thôi, ba giảm bớt đi lại để ở nhà niệm Phật thì tốt hơn nhiều!

Ông đáp:

- Mấy đứa con rán tự lo cho mình. Còn ba... mấy đứa khỏi lo. Ba biết cái sức của ba. Ba biết đường đi của ba rồi, các con an tâm đi! Mà không chừng ba lo ngược lại

cho các con... chớ các con đừng có lo cho ba! Mình tu, niệm Phật thì cuối cùng mình phải được vãng sanh Cực Lạc. Mà người tu Tịnh Độ rán tu làm sao tự mình ra đi không cần nhờ vả người trợ niệm mới chắc; chớ nếu ra đi mà nhờ người ta đến hộ niệm thì chưa chắc!

Ngày rằm tháng 8, cũng như thường lệ, sáng ông lên xe ra đi, chiều khoảng 3 giờ ông về tới nhà. Tắm rửa xong ông ra ngồi vào bàn nói chuyện với các em cháu, khoảng năm, sáu đồng đạo đang mạn đàm Phật Pháp dở dang nhân dịp tết Trung thu. Ông tự thuật sơ lược trọn ngày hôm nay mình đã đi đến đâu và gặp gỡ người nào, người nào... Sau đó ông luận bàn về những điểm then chốt của Pháp môn Tịnh độ: Ngoài tự lực ra còn có lực nhiếp thọ của Đức Từ Phụ A-di-đà, nên sự giải thoát sinh tử luân hồi dễ dàng hơn tu những pháp môn tự lực khác... Ông còn bàn cặn kẽ về lợi ích của niệm Phật, điều kiện của vãng sanh, và phương pháp, nguyên lý, nguyên tắc hành trì... Đặc biệt là người tu đừng nên hướng ra bên ngoài, mà dụng công căn bản là ở nơi tâm! Buổi nói chuyện xen lẫn giải đáp gần suốt hai giờ đồng hồ, bầu không khí rất phấn khởi tràn trề niềm hoan hỉ trên gương mặt mọi người! Cũng chẳng ai ngờ rằng đây lại là những di ngôn cuối cùng của một hành giả Tịnh Tông, đã bỏ ra thời gian khá dài để hoằng truyền pháp tu Tịnh Độ!

Hôm sau, con trai thứ Ba của ông thức dậy để công phu thời sớm mai. Chú bật đèn nơi ngôi Tam Bảo thì thấy

ông đang ngồi xếp bằng niệm Phật trong mùng. Vì chú Ba ngủ ở nhà dưới; còn ông thì nghỉ ở nhà trên. Chú xoay qua nhìn đồng hồ mới có 3 giờ khuya, biết mình dậy sớm hơn cả tiếng đồng hồ so với mọi khi, nên chú đi vào nhà sau ngã lưng lên chiếc võng nằm niệm Phật để chờ sáng.

Công khóa thường nhật của ông là ngồi niệm Phật năm, sáu mươi phút rồi mới lễ bái cầu nguyện mười lăm, hai mươi phút. Kế đó lại tiếp tục ngồi niệm Phật thêm đợt hai cũng năm, sáu mươi phút hoặc nhiều hơn. Hai thời công phu sớm - tối ông đều giữ đúng như thế. Còn các con của ông thì chỉ ngồi niệm Phật sau khi lễ nguyện mà thôi. Hằng ngày ông lễ bái trước, xong rồi các con mới lần lượt lễ bái nối theo sau. Nên hôm nay chú Ba nằm trên võng đợi cha mình xả tịnh niệm để lễ Phật, nhưng chờ mãi... chờ mãi... trời đã gần sáng mà vẫn thấy im ru hoài, chú mới ra nhà trước, lên tiếng:

- Ba ơi! Đã tới giờ cúng rồi, ba ơi!

Gọi xong vẫn không nghe động tịnh gì, chú liền lặp lại lần thứ hai, rồi lần thứ ba. Không gian vẫn chìm trong tĩnh lặng... trong lòng chú chợt trào dâng nỗi thắc thỏm hồ nghi, mới bước đến giờ mùng chui vào, rồi kêu lên một lần nữa, mà vẫn lặng thinh. Chú bèn đưng tay vào thân ông, thì nghe có cảm giác hơi lạnh lạnh, đưa tay lên gần mũi thì phát hiện hơi thở đã ngưng bật tự bao giờ, trong khi đó ông vẫn trong tư thế ngồi xếp bằng tịnh niệm trang nghiêm! Lúc ấy gần 5 giờ sáng ngày 16 - 8 - 2012, ông thọ 78 tuổi.

Đến 11 giờ trưa nhập mạch, các khớp xương mềm mại, gương mặt hồng hào, vui tươi, sáng đẹp lạ thường!

Những đồng đạo đi tham dự tang lễ ngày hôm ấy, rất nhiều vị đều có chung một nhận định giống y như nhau: là trước đó không bao lâu ông đã ghé thăm mình, thậm chí còn tặng cho tiền để làm Phật sự như chú Tư Đạm, chú Tư Rô,... và rất nhiều, rất nhiều vị ở xa xôi hẻo lánh. Có nhiều nơi trải nhiều tháng năm qua ông chẳng đến, vậy mà gần đây ông đều lần lượt đến viếng thăm tất cả!

Thời điểm hiện tại là mùa nước nổi, vị trí mộ phần đất tương đối thấp, chỉ cao hơn mực nước lúc bấy giờ khoảng một lớp len (2 tấc). Vì thế trước khi đào huyệt, các đồng đạo chuẩn bị hai cái thùng to để vừa đào vừa mức nước đổ ra ngoài. Một sự việc vô cùng trái ngược kỳ quái lạ lùng, là đào mãi, đào mãi sâu xuống gần hai mét mà chỉ có tí xíu nước nào cả, phải mức nước ở bên ngoài đổ vào cho dễ đào hơn. Vậy mà qua hôm sau mời thợ hồ đến xây mả, khi cắm cây để căng cao su che mát phía trên, thì ghim xuống vài tấc là phát hiện đã đục mực nước ngầm rồi!

Một hiện tượng hy hữu khác nữa là, trong khi cả một biển người lao xao tới lui nhộn nhịp, lúc chuẩn bị di quan bỗng có con chim hình dáng lạ, từ đâu bay lại, đậu trên cây trước sân hót liên hồi. Không lâu sau xuất hiện nguyên một bầy cùng đua nhau cất tiếng líu lo nghe rất

vui tai. Có nhiều người xem thấy cứ ngỡ loại chim này là loại chim nuôi!

Quả thật ông đã làm đúng như lời ông từng nói:

- Minh tu niệm Phật... phải được vãng sanh Cực Lạc... rán tu làm sao tự mình ra đi mới chắc... Chớ nếu ra đi mà nhờ người ta đến hộ niệm thì chưa chắc!

Và:

- Minh tu Tịnh Độ thì khi ra đi phải để lại cái gì đó làm niềm tin cho người sau!

(Thuật theo lời Lâm Văn Hân, con thứ Ba của ông.)

55. SU CÔ DIỆU CHÁNH (1923 - 2014, 91 tuổi)

*Lam lữ chất phác, mộc mạc chân thành,
Dùng thân giáo bảo khuyên con cháu,
Gắng trở nên hiếu thảo hiền lành!
Thiết tha tu hành, lợi danh chẳng tạo,
Rõ vô thường dứt tuyệt ghét thương,
Lâm chung ngồi Tây Phương trực đáo!*

Sa Di ni Thích Nữ Diệu Chánh, thế danh là Lê Thị Bực sinh năm 1923, nguyên quán ấp Tân Hòa, xã Tân Phú, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp.

Sư cô là chị Ba trong gia đình có năm anh em.

Khi tuổi trưởng thành, bà Lê Thị Bực kết hôn với ông Phạm Văn Dự, sinh được bốn trai, sáu gái. Chuyên sống bằng nghề nông.

Do vì gia cảnh bản hàn nghèo khó, chân lấm tay bùn, phải nhọc nhằn vất vả để tạo ra chén cơm manh áo. Vốn dĩ bản tánh sẵn có của bà là rất hiền lành, chân thật, rộng lòng bao dung và thương người. Nắng dãi mưa dầm đã vun bồi nghị lực và ý chí nhẫn nại cần mẫn của bà ngày một cao hơn, mọi nghịch cảnh và bất hạnh xảy ra trong cuộc đời, bà xem như là định số đã an bày, mà tất cả bởi cái nhân ở quá khứ do mình trót lỗi gây tạo ra, mà hiện giờ nó vừa chín muồi, nên bà đều vui vẻ đón nhận không một lời than trời oán người. Như lời nhắc nhở của Cổ đức:

*“Xin khuyên tất cả người ta,
Không nên nuôi những xấu xa trong lòng.
Làm ác gặp ác không sai chạy,
Luật trả vay vạ đại bất di;
Giàu sang quyền thế bực gì,
Cũng trong nhân quả khó đi ra ngoài.
Xem sử tích xưa nay đủ thấy,
Làm việc gì việc ấy trả cho;
Đúng như là đã hẹn hò,
Luật trời báo ứng bao giờ cũng linh.
Cơ thưởng phạt chó khinh mà mắc,
Biết bao nhiêu nhân vật đã lâm:*

Tưởng rằng chẳng có luật âm,
Không ngờ quả báo đúng tâm của mình...
Muốn về Phật đừng mang nợ thế,
Nợ thế còn không thể thoát phàm;
Thoát phàm nợ thế phải kham,
Nợ còn dù Thánh cũng cam chịu đền.
Nợ tiền phải trả tiền khó trốn,
Nợ mạng thì đền mạng không sai,
Nợ nào trả nấy dầu ai,
Muốn cho giải thoát đừng gây nợ trần...
Đường về Phật lợi danh chẳng buộc,
Chốn Liên Hoa chỉ rước từ tâm;
Hỡi ai đường Phật muốn tâm;
Liên Hoa muốn đến phải tâm cho từ.”

Đối với con cháu, dâu rể trong nhà, bà chưa từng quạu quọ la rầy mắng chửi, luôn giữ thái độ ôn hòa chỉ dạy, thường dùng thân giáo nhiều hơn ngôn giáo.

Đối với làng xóm láng giềng bà chưa hề mịch lòng một ai. Vì thế bà được mọi người thương yêu kính mến!

Đến năm 1984, ông bạn đường lìa đời, bà cảm nhận sâu sắc về lý vô thường: Vạn vật đều đổi thay biến hoại, có sinh tất nhiên phải có hoại diệt; có hợp ắt phải có tan; có sống thì phải đến lúc chết đi! Đúng như lời nhận định:

“... Cuộc đời là giả tạm nay vậy mai khác, thân thế lạc luân, của cải gia tài như đám phù vân trước gió, nước bọt, mây bèo. Những cái sanh, cái bệnh, cái lão, cái tử được đặt lên cuộc đời của người này rồi đến người khác...”

rồi đến người khác nữa, nghĩa là tất cả nhân loại không thiếu sót một ai. Thế mà, họ vẫn cống cuồng tâm trí theo bả lợi danh, mùi phú quý, đi theo những vật vụn, tiểu ti eo hẹp.”

Kể từ đó, bà phát tâm trường trai, sớm chiều lễ Phật tinh tấn tu hành.

Người anh ruột thứ Hai của bà là một liên hữu thâm niên đã hướng dẫn pháp môn Tịnh Độ cho bà.

Cũng từ đó, bà mạnh mẽ tham gia các công tác từ thiện xã hội, như: bắc cầu, làm đường, bố thí gạo cho người nghèo, sửa chữa chùa chiền... nhất là bà rất ưa thích phóng sanh. Có bao nhiêu tiền đều làm hết bấy nhiêu.

Mặt khác, những khóa tu niệm Phật ở chùa Nam An tổ chức, bà đều tham dự chưa lần nào thiếu vắng; còn phần kinh giảng sám kệ, bà ham thích đọc lắm, dù rằng phải ráp vần từng chữ, từng câu!

Năm 2007 bà phát tâm xuất gia (lúc đó tuổi bà đã 84), được Ni Sư Thích Nữ Huệ Giác trụ trì chùa Nam An đặt cho pháp danh là Diệu Chánh.

Mặc dầu tuổi đã cao nhưng sức khỏe của sư cô rất tốt, khi nhập chúng tu học, tất cả các thời khóa tu của chùa sư cô đều thực hành đầy đủ. Buổi công phu khuya thường bắt đầu vào lúc 3 giờ rưỡi, khi lên chánh điện ai đọc tụng gì thì đọc tụng, còn sư cô thì cứ ngồi niệm Phật

miết vậ thôi! Chùng xong thì các vị sư cô trẻ đều có phận sự lo đi làm lao tác, riêng sư cô thì tiếp tục đi kinh hành cho đến giờ điểm tâm sáng. Điểm tâm xong, sư cô cầm xô nước ra ngoài sân chùa chà rong bám trên những tấm gạch tàu. Vừa làm chậm rãi vừa niệm Phật mãi cho đến giờ cơm trưa.

Năm 2010, sư cô cùng năm, sáu liên hữu đi tu Phật thất ở chùa Hoàng Pháp. Rồi kế tiếp ra tu Phật thất tại chùa Huê Lâm thuộc khu vực Bà Rịa Vũng Tàu. Lần này, sư cô được Ban Tổ Chức tặng giấy khen là một trong những hành giả cao tuổi có thời gian ngồi niệm Phật dài nhất.

Đến năm 2011 lúc sư cô đã 88 tuổi, đôi chân của sư cô hơi yếu, cô con gái Út rước sư cô về nhà để tiện bề phụng dưỡng.

Lúc nào có con cháu ghé thăm, sư cô đều khuyên răn lo tu hành, kính tin Tam Bảo, làm lành niệm Phật. Bằng đĩa mà sư cô thường nghe là của Thầy Chân Hiếu nói về những lời khai thị của Tổ Ấn Quang; nhưng thích nhất vẫn là đĩa: “Kinh Niệm Phật Ba La Mật” do Hòa Thượng Thích Thiên Tâm dịch. Sư cô thường ngồi niệm Phật rất lâu. Ngoài hai thời công phu chính ra, lúc nào sư cô cũng lần chuỗi niệm Phật, nên khâu chuỗi không rời khỏi tay.

Sư cô có hai người cháu nội, một vị pháp danh là Tuệ Tu đang tu ở Vĩnh Long, còn vị kia pháp danh là Tịnh Liên hiện tu tại chùa Hưng Thiên ở Cao Lãnh. Mùa

hạ năm 2013, sư cô có đi cúng dường Trường Hạ nơi đây. Khi tác pháp dâng tịnh tài, Sư Ông khuyên sư cô khi đau yếu bệnh hoạn thì đừng có đi điều trị làm chi, chỉ nên cố gắng niệm Phật và phát nguyện cầu sanh Tây Phương!

Đến khoảng tháng 8, tháng 9 năm ấy, có lần sư cô nói với cô Út:

- Mẹ muốn chừng nào mẹ về với Đức Phật A-di-đà, thì mẹ ngồi!

Cô Út hỏi lại:

- Mẹ chắc ngồi được không đó! Ngồi vững vàng không ạ?

Sư cô nói:

- Mẹ chắc là... ngồi được!

Đầu năm 2014, sư cô bị đau lưng, con cháu đưa sư cô đến Bệnh Viện Đa Khoa Cao Lãnh. Sau khi chụp hình bác sĩ chẩn đoán là bị “thoái hóa cột sống”, sư cô điều trị ở đây mười ngày. Khi về nhà, sư cô uống thuốc sơ sài qua loa, thường thoa dầu nóng nơi vùng lưng mà thôi, chủ yếu là gia tăng công phu niệm Phật.

Qua tết Trung Thu năm 2014, một hôm đang ngồi niệm Phật gần hai tiếng đồng hồ từ 6 giờ đến 8 giờ tối, đột nhiên sư cô niệm Phật lớn lên. Sau đó hỏi ra mới biết trong lúc đó sư cô thấy hình Đức Phật A-di-đà bay qua bay lại trước mặt, vì mừng quá nên sư cô mới niệm Phật lớn lên như thế!

Đến ngày mùng 2 tháng 9 năm 2014, sư cô vẫn khỏe mạnh ăn uống bình thường. Cô Út dự định mua tấm nhựa để chấn tấm vách chỗ sư cô thường tắm vì sợ nước chạm ổ điện rất nguy hiểm, và nước dễ làm mục vách ván. Sư cô bèn nói với cô Út:

- Mẹ chỉ tắm một, hai lần nữa thôi, chớ đâu có tắm hoài đâu mà con sợ!

Khuya đêm đó sư cô phát cơn đau lưng và mệt, sư cô kêu con cháu xúm lại hộ niệm cho mình, và đi mời Ban Hộ Niệm của chú Tư Bồ Đề. Con cháu vây quanh hộ niệm cho sư cô, tới 4 giờ sáng thì Ban Hộ Niệm của chú Tư Bồ Đề khoảng mười mấy người vừa kịp đến. Sau khi trưởng đoàn khai thị xong, sư cô ngồi niệm Phật chung với mọi người, ngồi chừng vài tiếng đồng hồ sư cô liền hỏi chú Tư rằng:

- Tui nằm, được không chú Tư?

Chú liền đáp:

- Bà cụ muốn nằm thì cứ nằm; cụ muốn ngồi thì cứ ngồi. Tùy theo sức khỏe của mình!

Vì vậy, sau ba, bốn giờ thì sư cô nằm xuống độ chừng mười lăm hoặc hai mươi phút rồi ngồi dậy, mà gần suốt ngày như thế. Âm thanh niệm Phật của sư cô mọi người đều nghe rất rõ, thỉnh thoảng sư cô có xen phát nguyện cầu sanh Tây Phương.

Trước khi mất nửa giờ, sư cô vẫn còn niệm ra tiếng.

Hộ niệm mãi cho đến 4 giờ 15 chiều thì sư cô an tường trút hơi thở sau cùng trong tư thế ngồi dựa lưng vào một người cháu, hai tay kết ấn để xuôi xuống, gương mặt hết sức hoan hỷ, tươi đẹp. Nhằm ngày mùng 3 tháng 9 năm 2014, sư cô hưởng thọ 91 tuổi.

Qua tám tiếng đồng hồ sau thì thấy các khớp xương mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng trong khi toàn thân đều lạnh, khuôn mặt rạng rỡ tràn đầy niềm vui của một hành giả Tịnh Tông chắc chắn đã vĩnh viễn xa lìa biển khổ!

Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì cho đến giây phút lo phần hậu sự, tức là ngày hôm sau mới hoàn mãn.

Vào tuần thất thứ hai, người rể thứ Tám của sư cô nằm mộng, sư cô cho biết:

- Mẹ đã vãng sanh Tịnh Độ rồi!... Con rán niệm Phật và phát nguyện cầu vãng sanh Tây Phương!

Nói xong, sư cô dạy cho chú phát nguyện vãng sanh. Trong giấc chiêm bao, chú đã phát nguyện y theo sư cô dạy. Vì thường ngày chú cũng có niệm Phật nhưng chưa phát nguyện cầu sanh Cực Lạc!

(Thuật theo lời Phạm Thị Nho, cô con gái út của sư cô và Phạm Hồng Nhã, cháu nội của sư cô.)

55. ĐỖ ĐÔNG ĐEN (1986 - 2011, 25 tuổi)

*Một buổi mai sương hồng nắng ngọc, chim líu lo rộn rã
đầu cành, những đóa hoa xinh xắn muôn màu vạn sắc
rực rỡ thơm lừng, bướm vàng nhón nhơ chập chờn tung
cánh... Bất chợt mây đen ập đến sấm sét hãi hùng, mưa
loạt gió cuồng đất trời ám u nghiêng ngửa... giây lát hoa
lá điêu tàn xơ xác!*

*Dòng đời thay đổi, đổi thay;
Sáng còn tối mất đêm ngày nối nhau;
Buồn vui, hạnh phúc sầu đau;
Trần hồng cõi tạm chiêm bao khác gì!
Ai là người trí khéo suy,
Để ra khỏi mộng sâu bi kéo dài!*

*Đôi khi hạnh phúc đang ở trong tầm tay, bỗng dưng
đường tia chớp biến mất tự bao giờ! Như cuộc đời anh
Đỗ Đông Đen!*

*Trong ngõ cụt mà anh đã quyết chí vượt lên, không bi
quan, không bằng lòng chấp nhận để cho nghiệp lực trôi
buộc, lôi kéo theo vòng trầm luân sanh tử. Quả thật đây
là một kỳ tích!*

Anh sinh năm 1986, cư ngụ tại khu vực Phụng
Thạnh 1, phường Thốt Nốt, quận Thốt Nốt,
Thành phố Cần Thơ. Cha là ông Đỗ Văn Be, mẹ là bà
Tô Thị Bùi. Anh là con trai duy nhất, gia đình anh sống
bằng nghề buôn bán.

Từ thuở ấu thơ anh đã có bản tính hiếu thảo, lễ phép, ngoan hiền, tuy nhút nhát nhưng rất chăm học, siêng năng làm mọi việc phụ giúp gia đình. Thường thì anh chăm chú ngắm nhìn cha mẹ làm rồi làm theo, chứ ít cần chỉ dạy hay sai bảo. Vì thế, anh được hầu hết thân nhân quýen thuộc thương yêu quý mến.

Thuở bé anh thường thích đến chùa lễ Phật vào những dịp rằm lớn trong năm. Có lẽ thiện căn của anh đối với Tam Bảo rất sâu dày, nên lúc lên 12 tuổi anh đã tự động sớm chiều hai thời lễ nguyện và ngồi niệm Phật.

Trước khi đi học cũng như lúc tan trường về, anh đều đến xá ngôi Tam Bảo, có khi ngồi niệm Phật thật lâu. Cha mẹ của anh cũng rất lấy làm lạ khi trông thấy con của mình có vẻ khác người. Một hôm anh nói với mẹ:

- Mẹ có biết con ao ước trúng số để làm gì không mẹ?

Mẹ anh liền nói: Con trúng số, khi đó con sẽ mua cái này... phải không? Cái nọ... phải không? Cái kia... phải không? Bao nhiêu lần hỏi anh cũng đều đáp là “không!”. Cuối cùng mẹ hỏi:

- Cái gì cũng không phải! Vậy chớ con mua cái gì?

Anh đáp:

- Con sẽ mua gạo bố thí từ thiện!

Năm 16 tuổi có lần anh nói với mẹ:

- Mẹ ơi mẹ! Con có ý định muốn xuất gia, đi tu... dữ lắm! Nhưng mà suy nghĩ kỹ... con không có đi tu được!

Mẹ hỏi:

- Tại sao con không đi?

Anh trả lời:

- Tại vì tía với mẹ không ai lo, nên con không có đi xuất gia được!

Sau những tháng năm hoàn tất chương trình Trung Học Phổ Thông, anh vào trường Đại Học Cửu Long chuyên ngành xây dựng. Trong thời gian này chân trái của anh nghe đau, đến phòng khám, bác sĩ chẩn đoán là đau dây thần kinh tọa, anh điều trị qua loa và cũng không muốn cho cha mẹ biết, vì sợ cha với mẹ vì mình mà phải đeo mang thêm nhiều nỗi lo lắng, bất an!

Năm 2010 vào khoảng tháng giêng, khi anh ra trường, đi thực tập được hai tháng thì chân trái đau dữ dội. Đến Bệnh Viện Đa khoa Cần thơ, ở đây bác sĩ thấy xương có dấu hiệu lạ, liền chuyển ra Trung Tâm Chỉnh Hình ngoài Sài Gòn, được bác sĩ chẩn đoán là chèn ép dây thần kinh, rồi cho về nhà uống thuốc hẹn ba mươi ngày sau tái khám. Về nhà được vài hôm nhân dịp chuẩn bị lễ cưới của mình, anh đi phát thiệp cho bạn bè, khi chân vừa bước lên bậc thêm bỗng nhiên bị đột quy. Lúc trở lại Trung Tâm Chỉnh Hình lần thứ hai mới phát hiện anh đã bị ung thư xương, đành phải xử lý bằng cách tháo khớp và vô hóa chất.

Qua sáu lần vô hóa chất, bệnh tạm ổn nhưng chưa được bao lâu, anh bị ho dữ dội, không nằm được. Đến

cuối tháng 11 năm 2010 tái khám lần thứ ba thì bác sĩ cho biết ung thư đã di căn lên phổi, bệnh tình sắp sửa... đến hồi cáo chung! Thật không ngờ phía trước lại là ngõ cụt, thử hỏi có mấy ai chẳng đau xót ngậm ngùi. Nỗi bất hạnh to lớn nặng nề tựa như một bức màn đen tối của đêm ba mươi đang phủ kín đời anh, bất giác anh bàng hoàng chột tỉnh, nhận ra lẽ thật của kiếp nhân sinh, tương đồng với lời khai thị của Cổ Đức:

*“Đời chính là một giấc mộng say,
Đời là cõi chôn thây thiên hạ.
Thấy như thật nhưng toàn dối giả,
Không một ai được thỏa tấm lòng;
Rốt cuộc điều chi cũng hóa không,
Dù người có luống công bịn rịn.
Nào phú quý nào mùi chung đỉnh,
Nào công danh nào miếng lợi quyền;
Như vừng mây như bọt nước xuyên,
Không thể giữ được thiên tuế nguyệt.
Số định của người là sanh diệt,
Vạn vật là đồng kiếp vô thường;
Có lên mây cũng khó ẩn nường,
Dù xuống đất vô phương trốn thoát.
Cái chết vẫn luôn luôn đeo sát,
Dù người không muốn thác mặc tình;
Thấy rằng trong đời của nhơn sinh,
Có ẩn súc vô hình chi phối.
Mang xác thịt không ai tránh nổi,
Sanh làm người đều phải như nhau;*

*Trẻ rồi già rồi yếu rồi đau,
Rồi phải chết người nào chạy khỏi.
Ấy sự thật không cần phải hỏi,
Ai cũng đều biết rọi như nhau;
Há không tìm phương pháp siêu cao,
Hầu sớm có tẩu đạo kiếp chết.”*

Thời gian ở bệnh viện đang chờ vô hóa chất, một hôm anh nói với mẹ:

- Hồi tối con nằm chiêm bao thấy có một sư cô mặc bộ đồ trắng... đó mẹ! Sư cô kêu con xem Kinh A-di-đà và Phẩm Phổ Môn!”

Mẹ anh liền điện thoại về gia đình, sau đó cô Sáu gọi ra quyển Kinh A-di-đà và Phẩm Phổ Môn cho anh.

Từ đó bắt đầu anh tụng Kinh A-di-đà và trì chú Đại Bi. Khi xuất viện về nhà anh nhờ cô, chú chở đi chùa và Tịnh xá để lễ bái, nghe pháp và niệm Phật. Kế tiếp anh tụng kinh Địa Tạng Bồ Tát Bổn Nguyện, đọc các kinh điển Đại thừa như: Kim Cang, Niết Bàn...

Một hôm, anh đang mặc áo tràng ngồi trang nghiêm ở phía trước để nghe Thượng tọa thuyết giảng, quý cô ngồi ở phía sau ai nấy đều trầm trồ nghĩ thầm trong bụng: “Ồ! Ông sư nào mới về Tịnh xá mình, mà đẹp trai quá vậy ta!” Nhưng khi nhìn kỹ lại, thì ra... Còn ai trông khoai đất này: Đồng Đen nhà mình! Do vì vô chất hóa học mà tóc trên đầu rụng sạch sẽ, một cọng cũng không còn.

Đến mừng 10 tháng 12 năm 2010, cơn bệnh hoành

hành anh kịch liệt, thể trạng suy sụp nhanh chóng, ho nhiều, nằm xuống năm phút thì phải ngồi dậy, liên tục như thế suốt cả ngày đêm. Người nhà xót xa không chịu nổi liền mời bác sĩ Thiện Phúc và Diệu Thiện đến khám bệnh để tìm biện pháp giảm đau. Bác sĩ Diệu Thiện cũng là Trưởng Ban Hộ Niệm của Tịnh xá Ngọc Trung. Sau khi gặp gỡ trò chuyện, cô Diệu Thiện khuyên anh nên quy y. Duyên lành nhiều đời đã chín muồi, cô Diệu Thiện đã đứng ra cung thỉnh chư tăng đến nhà làm lễ cho anh quy y Tam Bảo, và anh được pháp danh là Thiện Siêu. cha và mẹ cùng quy y một lượt với anh. Sau đó Thượng tọa trụ trì Tịnh xá Ngọc Trung truyền thọ 8 giới, rồi Sư giảng giải về nghĩa lý các giới, anh vô cùng hoan hỉ lắng nghe. Kế đó anh quay sang cô vợ sắp cưới, vừa tháo chiếc nhẫn đang đeo trên tay ra trao cho cô và vừa nói:

- Thiện Siêu hôm nay trả tự do lại cho cô! Cô có thể bước thêm bước nữa thì tùy ý của cô... Nhưng nếu xuất gia chuyên tu giải thoát thì hạnh phúc hơn nhiều!

Cũng trong ngày hôm ấy, Thượng Tọa khai thị về pháp môn Tịnh Độ, nhận hiểu được Phật pháp nên anh đã phát tâm trường trai. Từ đó về sau cô Diệu Thiện ngày nào cũng đến thăm, an ủi, giảng giải thêm cơ bản về Tịnh Tông và khích lệ anh nên buông xả muôn duyên, một lòng niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương.

Sức khỏe của anh xuống dốc ngày một rõ rệt, gia đình thường vây quanh hộ niệm cho anh. Mặc dù bệnh

hoành hành bằng những cơn đau nhức dữ dội nhưng chưa hề nghe anh rên rĩ kêu than, hiếm khi bắt gặp anh nhíu mặt nhăn mày. Lần nọ mẹ hỏi:

- Đen à! Con có sợ chết không?

Anh đáp:

- Dạ, không!

Bà nói:

- Có thiệt không, hay là con giấu mẹ?

Anh đáp:

- Thiệt đó mẹ à!

Thiếu Chín bèn hỏi:

- Đen ơi! Con ra đi rồi, con có nhớ mẹ của con không?

Anh đáp:

- Không! Con sống với mẹ ở đây có mấy chục năm à!
Con về trên con sẽ sống vĩnh viễn!

Một hôm anh nói với mẹ:

- Mẹ biết không! Lúc đau nhức... lẽ ra... theo hơi thở của con, là... để con rên đó. Mà con không rên để con niệm Phật!

Đôi khi đau nhức quá bất chợt anh rơi những giọt nước mắt xuống, vừa trông thấy mẹ đi vào anh liền quệt nhanh. Bà đến bên cạnh hỏi:

- Đen ơi! Bộ con khóc hả con?

Anh đáp:

- Dạ, không có! Bụi vô mắt con, mẹ ơi!

Có lần anh đưa cho cha xôi chuối tay 18 hạt, khuyên cha rán niệm Phật để nữa cha con sẽ gặp ở cõi bất sinh bất diệt. Mẹ anh so bì, liền cất tiếng:

- Sao con không cho mẹ xôi chuối mà lại cho tía?

Anh trả lời:

- Tại vì mẹ biết ăn chay tu hành rồi, còn tía thì chưa!

Anh còn căn dặn mẹ rán lo tu hành, tu tạo phước đức như: bố thí, phóng sanh, cúng dường Tam Bảo...

Trước khi anh mất hai ngày, Ban Hộ Niệm của Tịnh xá Ngọc Trung bắt đầu phân công trợ niệm liên tục. Sang ngày mùng 4 tháng giêng, khoảng 2 giờ chiều anh nhờ người nhà tắm gội và thay y phục, đồng thời còn cho biết đêm nay anh sẽ ra đi. Đến 6 giờ tối cô Diệu Thiện tới, thấy anh đang mệt và đau nhức quá nên cô đề nghị tiêm thuốc giảm đau. Anh không chịu, thà để cho đau nhức chứ không để cho hôn mê do tác dụng phụ của thuốc gây ra. Đây là thái độ anh đã kiên định kể từ khi biết đến phương pháp niệm Phật vãng sanh, vì cô Diệu Thiện nhiều lần chứng kiến cơn đau hoành hành và cũng đã nhiều lần đề nghị như vậy, mà lần nào anh cũng từ chối như thế hết!

Gần 2 giờ khuya đêm ấy mọi người đông đủ đang vây quanh hộ niệm, anh quay sang nói với mẹ:

- Mẹ có nói gì thì nói hết đi, để chút nữa con đi!

Bà đáp:

- Mẹ không có nói gì để nói hết con à! Nhưng mẹ mong muốn một điều là trước khi con ra đi, con nhớ niệm Nam Mô A-di-đà Phật 10 lần, rồi con kêu A-di-đà Phật cứu con ba lần... Được không con?

Anh liền đáp:

- Dạ!

Lúc này lưỡi của anh đã cứng và thụt vô, nên anh nói âm thanh hơi khó nghe. Một lát sau anh đang ngồi niệm Phật theo mọi người bỗng dừng cất tiếng niệm lớn lên, được năm, sáu câu Nam Mô A-di-đà Phật, rồi nói A-di-đà Phật cứu con, ba lần, âm thanh vang ra mọi người nghe rất rõ. Vừa dứt câu thì anh cũng vừa trút hơi thở cuối cùng, đầu từ từ gục xuống, nước dãi tràn ra, mẹ anh liền lấy khăn hứng phía dưới, anh vẫn còn ở tư thế ngồi xếp bằng niệm Phật không dựa vào đâu cả.

Lúc ấy đúng 2 giờ 15 phút sáng ngày mùng 5 tháng giêng năm 2011. Anh hưởng dương 25 tuổi.

Sau đó năm, mười phút người nhà liền đỡ cho anh nằm xuống.

Thân quyến cùng Ban Hộ Niệm tiếp tục niệm Phật cho đến 11 giờ trưa thì thấy các khớp xương mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng, gương mặt hồng hào sáng đẹp như người đang ngủ. Thượng tọa trụ trì Tịnh xá Ngọc Trung rất hoan hỉ tán thán gia đình anh đã hộ niệm như pháp.

Sau khi chứng kiến sự ra đi của anh, chú Năm và dì Chín của anh đã phát tâm trường trai niệm Phật tu hành. Và những người thân nhiều lần nằm mộng, đa số thấy anh thân tướng trang nghiêm ngồi trên tòa sen, có khi thấy anh thuyết pháp cho đại chúng nghe. Riêng cô Dương Hồng Thúy vợ sắp cưới của anh đã chăm sóc anh và hộ niệm cho anh suốt thời gian cuối đời, khi bảy tuần thất đã qua, cô chiêm bao thấy anh hình thể to lớn, đầu có nhục kế nhô cao, đến dạy cô niệm Phật... Hiện nay cô đang chung sống với cha mẹ của anh, và rất tinh tấn tu hành!

(Thuật theo lời anh Đỗ Văn Be, chị Tô Thị Bùi và cô Dương Hồng Thúy)

56. PHAN THỊ YÊN (1914 - 1995, 81 tuổi)

Hiền lành, thật thà, nhân đức! Tâm lượng bao la, lòng luôn luôn thứ tha chưa hề giận tức!

Lục tự gắng sức chẳng rời! Vãng sanh linh hiển, độ con cháu tinh tiến tu niệm trọn đời!

Bà Phan Thị Yên sinh năm 1914, nguyên quán tại chợ Cái Dầu, Định Yên, Lấp Vò, Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông Phan Văn Viên, thân mẫu là cụ bà Trần Thị Tý. Bà là con Út trong gia đình có bảy anh em.

Khi đến tuổi thanh xuân, bà kết hôn với ông Lưu Văn Tôn, làm chức Hội Đồng đương thời, sinh được chín

người con, định cư tại: Thới Bình, Thới Thuận, Thốt Nốt, Cần Thơ. Gia đình bà sinh sống bằng nghề ruộng.

Tính tình của bà rất chân thật, hiền từ, nhẫn nại mọi khó khổ.

Thuở trẻ bà vốn là một trang tiểu thư “khuê môn đài các”, được song thân rất mực thương yêu. Đến khi đã làm dâu, làm mẹ, do vì cha mẹ chồng cùng với các em chồng quá khó, nên bà đã trải nghiệm thân phận của kiếp nhân sinh là: giàu đến đâu, quyền thế cách mấy, rồi... thì... nỗi khổ đau cũng chẳng hề nể nang, tha thứ bất cứ một người nào!

Năm 1945, có lần Thầy về thuyết pháp tại Vĩnh Trinh vào ngày 17 tháng 5. Cả gia đình từ lớn đến nhỏ đều được đi nghe, riêng bà phải ở giữ nhà. Bà khao khát muốn được tham dự nhưng vì phải nhường cho mọi người, nên tủi thân bà ngồi một mình bật khóc nức nở. Nhà của bà nằm trên tuyến đường giữa Bò Ót vào Vĩnh Trinh chỉ cách một con sông nhỏ. Khi buổi thuyết giảng hoàn mãn, chiếc xe bốn bánh màu nâu chạy ngang qua cửa nhà của bà thì bỗng nhiên dừng lại, bà thấy thế liền bơi xuống riết qua. Khi đến gần, thì thấy Thầy mở cửa kiếng ra đưa tay lên vẫy chào. Bà quá mừng đôi bàn tay run run chấp lại ở giữa ngực, rồi cúi đầu xuống... Trong khi ấy chiếc xe màu nâu kia từ từ lăn bánh rồi dần dần khuất bóng hẳn sau hàng cây. Lòng bà trào dâng niềm vui vô hạn, và dấu ấn kính tín Tam Bảo đã in sâu vào tâm khảm của bà từ dạo ấy!...

Những tháng ngày sau đó, bà cùng chồng đồng tâm chung ý nghiên tâm kinh kệ, rộng làm phước thiện, cứu giúp người nghèo, nhất là xuất của bố thí gạo tiền nhân những dịp lễ lớn hàng năm.

Khi các con đã lớn khôn đều an bề gia thất, chỉ có cô gái Út trường trai sống hạnh xuất gia, hành nghề Đông Y, hoạt động cho các cơ sở từ thiện mỗi nửa tháng mới về thăm bà một lần. Hôm nọ cô về thăm bà, anh trai thứ Chín và chị dâu đều đi ruộng. Thấy bà nằm trùm mền, hỏi ra mới biết bà bị bệnh mà sáng nay chưa ăn uống gì cả. Có rọng con cá lóc, bà định nấu cháo. Cô bèn đem cá ra làm thịt, nhưng bà ngăn lại:

- Thôi, con ơi! Con ăn chay... con đừng có làm!

Cô đáp:

- Không sao đâu má ơi! Để con làm cá nấu cháo cho má!

Lát sau, khi bà ra ngoài đi vệ sinh, thấy cô ngồi khóc, bà hỏi:

- Bộ con bị đứt tay rồi hả con?

Cô đáp:

- Dạ không có! Tại đập đầu nó, thấy nó giãy tê tê, con sợ con run... tội nghiệp nó quá mà con khóc. Chớ con không có đứt tay!

Bà nghe xong, bèn bước đến gần lấy tay vò đầu cô con gái của mình rồi an ủi:

- Thôi con đừng có buồn! Má chuyến này má hết

bệnh má sẽ phát tâm ăn chay luôn cho tới chết, để con khỏi phải sát sanh nữa... Con đừng có buồn!

Vài hôm sau, bà hết bệnh, cô cùng bạn đồng tu liền làm lễ phát nguyện trường trai đúng vào ngày 18 tháng 5 năm 1980, lúc đó bà 66 tuổi.

Quyển Khuyến Thiện của ông Vô Danh Cư Sĩ, là quyển sách gối đầu giường mà bà ưa thích nhất, bà nghiền ngẫm từng chữ từng câu trong đó và chăm chỉ gắng sức thực hành theo!

Công khóa thường nhật của bà là ba thời lễ niệm. Dù công việc có bận rộn cỡ nào thì phải niệm ít nhất là 10 tràng chuỗi trở lên, không để ít hơn.

Bà có người con trai thứ Tư là môn đệ thuộc hệ phái “Lưu Linh”. Thỉnh thoảng chú đi nhậu, tối về thấy bà đang ngồi niệm Phật trong phòng thì lấy tay nắm kéo bà ra, nghiêng tối nghiêng lui, rồi chú lựa nhựa từng câu từng tiếng:

- Má niệm Phật,... bộ má... sợ muỗi hả?... Ra ngoài ngồi... chớ... không... được ở... trong phòng... nghe chưa!... Niệm Phật... thì phải... hành xác chớ!

Bà vẫn tươi cười, ung dung vỗ tay vào đầu chú, chẳng lộ vẻ giận tức bực bội gì với: “Ông Thần Nước Mặn” này cả! Quả thật là:

*“Lúc nào cũng tràn trề tha thứ,
Dùng từ ngôn dạy chỉ lẫn nhau.
Mặt mày vui vẻ một màu,*

Mật đường khó sánh ngọt ngào lời phân.

...

Chịu cay đắng giới mài chánh đạo,
Hẹn một đời trực đạo Tây Phương
Vua lòng tay tự cầm cương
Thắng con ngựa ý trên đường xa xôi;
Không mồi dạ trước ngôi Phật điện,
Chẳng lãng tâm khi niệm Di-Đà;
Huệ lòng ắt được trở hoa,
Đạo mầu sẽ đắc, Phật tòa được lên.
Vật báu quý, giá tiền phải mất,
Đạo cao siêu, công đức cho dày;
Chớ nên tu niệm sơ sài,
Lòng mong đạt được phép tài Thần Tiên.
Bị khảo đảo không phiền không chán,
Gặp chông gai chẳng ngán chẳng ngao,
Sòng nâu cứ vẹn một màu,
Gương lòng thường được chùi lau không rời.”

Năm 1994, một hôm cô Út cùng với người bạn đồng nghiệp cũng là bạn đạo là cô Năm Ngồi về nhà thăm bà. Cô Năm thổ thổ với bà:

- Bác ơi! Con nằm chiêm bao con thấy bác được về cõi Tiên!

Bà nói:

- Không, con ơi! Về cõi Tiên vẫn còn sanh tử luân hồi. Bác nhất quyết nguyện sanh về Cực Lạc, chớ không

về cõi Tiên. Dù cõi Tiên có đem xe đến rước bác cũng không đi. Bác nhất định là về Cực Lạc!

Vào khoảng đầu tháng 3 năm 1995 cô Út về thăm nhà, bà nói:

- Hôm rày má sao... ăn thì cũng được, mà ngủ thì không được ngon. Đâu con xem mạch cho má coi có gì bệnh gì không!

Khi chẩn mạch xong, cô Út cho bà biết:

- Tháng 5 năm nay nếu má phát bệnh thì má bỏ xác đó. Má liệu lòng mà rán niệm Phật!

Bà nói:

- Con biết coi mạch, nói thì má tin. Thôi từ đây má buông bỏ hết mọi thứ. Má nhất tâm niệm Phật, má cầu vãng sanh Tây Phương!

Từ đó bà chuyên tâm trì niệm trong khi sức khỏe lần hồi suy kiệt, các con đòi đưa đi bệnh viện, bà không chịu. Các con đòi chích thuốc bà cũng không cho. Bà chỉ uống nước cúng Phật. Phần đi đứng thì vẫn bình thường, công phu lễ bái vẫn duy trì như mọi khi.

Đêm rằm tháng 5 năm 1995, cô Út ngủ chung với bà. Đang nằm, cô đưa tay sờ lên bụng của bà, bất giác cảm xúc trào dâng, bởi do nghề nghiệp lương y, cô tiên lượng rằng giờ phút phân ly giữa mình và mẹ dường như sắp sửa cận kề trong gang tấc. Cô không cam tâm chấp nhận cái bầu hạnh phúc “con còn có mẹ” bỗng dưng vuột khỏi tầm tay!

Cô cố nén cho lệ chảy ngược vào tim, nhưng rồi cũng phải bất lực!... Giây lát sau bà hay được, bà vừa rầy cô và vừa an ủi, đại để như vậy: Sao con tu lâu rồi mà con còn dở quá. Xả bỏ tất thân tứ đại dơ bẩn bất tịnh, mình sẽ có Kim Thân, tức là cái thân chân thật. Như thay một chiếc áo cũ rách hôi dơ bằng bộ y phục nhung lụa sang quý, vậy thì còn gì hân hạnh và vui sướng hơn... Cuối cùng bà đọc mấy câu thơ:

*“...Sớm về cõi Phật an thân,
Kéo kiếp phong trần dày gió dạn sương.
Phật đài phưởng phát mùi hương,
Cúi đầu đảnh lễ cây nường đức mẫu.
Từ bi oai lực nhiệm sâu,
Độ con thoát chốn ưu sầu trần ai...”*

Bà còn nói thêm:

- Má còn thuộc nhiều lắm, nhưng chỉ nhắc lại cho con nhớ 6 câu này thôi!

Qua hôm sau là ngày 16 tháng 5 năm 1995, cô Út hỏi bà:

- Má bệnh mà má thấy trong người má khỏe không?

Bà đáp:

- Không khỏe con ơi!

Cô hỏi tiếp:

- Má niệm Phật từ đó tới giờ, mà má biết thời gian chừng nào má bỏ xác không má?

Bà đưa lên ba ngón tay rồi nói:

- Ba ngày nữa má đi!

Cô Năm Ngồi đứng bên cạnh sợ bà nói sáng, liền hỏi:

- Bác ơi! Bác nói ba ngày nữa bác đi, mà bác đi đâu?

Bà trả lời:

- Ba ngày nữa Phật rước bác đi về Cực Lạc!

Chú Tư bên cạnh nghe xong liền cất tiếng hỏi bà:

- Má nói ngày 19 má đi, mà má đi lúc mấy giờ?

Bà đáp:

- Má đi đúng giờ ngộ!

Cô Út mới hỏi:

- Má có biết hôm nay là ngày mấy không, má?

Bà đáp:

- Biết! Bữa nay là ngày 16!

Cô Út lại hỏi:

- Má có biết ngày 18 tới là ngày gì không?

Bà đáp:

- Ngày 18 là ngày đại lễ. Ngày đó các con đừng có cho má ăn uống bất cứ thứ gì, cũng đừng kêu, đừng hỏi gì hết. Chỉ nhều nước cúng cho má thấm giọng thôi. Để má nhất tâm má niệm Phật!

Cô Năm xen vào:

- Bác về với Phật, bác có dặn dò gì hay không?

Bà ôn tồn, chậm rãi trả lời:

- Hai con ở lại... rán lo tu!... Chị em hãy nhường nhịn với nhau...

Cô Năm lại hỏi:

- Rồi Bác có phát tâm gì không?

Bà nói:

- Quần áo chỉ đem theo ba bộ thôi, còn bao nhiêu để lại bố thí hết... Đem theo chôn dưới đất uống lẩm!

Qua hôm sau cô Út mời chư đồng đạo đến hộ niệm cho bà. Đồng đạo đến thấy sức khỏe của bà còn quá tốt, nên có vị hỏi:

- Thấy bác còn sỏi quá!... Như vậy làm sao ba ngày nữa đi, Út?

Cô Út đáp:

- Tui cũng không biết! Quý vị cứ hộ niệm giùm đi... Sợ nhiều khi không có đồng đạo ủng hộ tui, sợ tui xúc động rồi tôi niệm Phật không có được vững tinh thần. Bà đã nói như vậy thì quý vị rán ủng hộ tui đi... chớ tui cũng không biết sao nữa!

Khi mọi người niệm Phật thì bà nằm im nhép môi niệm theo, thường thì bà nhắm mắt lại, lúc nhều nước vào môi bà mở mắt ra.

Hộ niệm suốt hai ngày đêm, bà con thân thuộc và chư đồng đạo khá đông. Đến đúng 11 giờ 50 phút, môi bà đang nhép bỗng từ từ dừng lại, nhẹ nhàng ra đi về thế giới an lành. Nhằm ngày 19 tháng 5 năm, bà hưởng thọ 81 tuổi.

Qua hơn tám giờ hộ niệm thêm sau đó thì thấy gương mặt bà hồng hào, sáng đẹp, miệng như mỉm cười. Các khớp xương mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng trong khi toàn thân đều lạnh. Toàn thể gia quyến và đồng đạo ai cũng vui mừng, tiếng Phật hiệu vẫn được duy trì cho tới khi an táng vào sáng hôm sau.

Khi báo tin sắp sửa ra đi, tối hôm đó bà kêu chú Tư và chú Chín lại. Hai chú quỳ trước mặt bà bật khóc nức nở, chú Tư sám hối:

- Má! Má ơi!... Má tha thứ cho con... khi Má vãng sanh rồi con sẽ cố gắng lo tu!

Bà mỉm cười, lấy tay vò đầu của chú, và đưa cho chú Tư một xâu chuỗi trường 108 hạt; còn chú Chín thì xâu chuỗi tay 18 hạt, hai xâu chuỗi mà hằng ngày bà thường dùng. Xong rồi, bà dụ dằng từ tốn dặn dò:

- Hai con ở lại hãy rán lo tu hành... để sau này mới gặp được Má! Má về Cực Lạc rồi Má sẽ độ các con tu hết!

Từ đó hai chú dứt hẳn rượu chè, cùng cả gia đình vợ con trường trai tu hành, mạnh mẽ trong các việc phước thiện suốt mấy mươi năm nay!

Bảy tuần thất trôi qua, người cháu ngoại của bà tên là Ký Thanh Vũ, 25 tuổi, trong lòng thường ôm nỗi hoài nghi: Không biết ngoại mình ra đi như vậy mà có được

vãng sanh hay không? Hôm nọ, anh đến bàn vong thắp một nén hương khấn nguyện với bà, mong cho có cảm ứng điềm gì đó để anh trọn đời tinh tấn tu hành. Ba hôm sau, vào lúc trưa anh nằm mộng thấy bà đứng trên tòa sen màu hồng từ trên cao hạ xuống, nhưng gương mặt bà không già mà lại rất trẻ, y phục giống đức Quán Thế Âm Bồ Tát, thân tướng to lớn cực kỳ xinh đẹp, hào quang tỏa sáng nhiều màu rực rỡ. Anh vô cùng vui mừng reo lên:

- Ngoạ! Ngoạ! Ngoạ! Ngoạ về thăm con, hả Ngoạ?

Bà mỉm cười, liền nói:

- Cháu đã cầu xin với bà cho cháu thấy, để cháu có niềm tin cháu tu. Hôm nay bà về đây báo mộng. Bà đã được vãng sanh rồi! Thôi, cháu hãy rán lo tu hành!

Anh chạy đến gần bà, thì bà từ từ bay lên cao rồi chợt biến mất sau một áng mây lành. Khi tỉnh giấc anh rất phấn khởi, cõi lòng tràn ngập niềm vui, phấn khích kể lại cho mọi người nghe, rồi cùng tất cả vợ con đồng phát tâm trường trai, niệm Phật, tu hành!

(Thuật theo lời: Lưu Thị Giềng, con gái út của bà và đồng đạo Năm Ngời).

57. NGUYỄN VĂN BÔI (1930 - 2004, 74 tuổi)

*Cảm Phật ân, Phật pháp nhiệm mầu!
Xả Ta Bà, quay đầu cầu về An Dưỡng!
Trọng thực chất, chẳng vướng hư danh!
Tu khổ thiết chí thành, vãng sanh tự tại!*

Ông Nguyễn Văn Bôi sinh năm 1930, cư ngụ tại ấp Bình Hòa, xã Bình Phú, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Nhị, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Hằng. Ông là con thứ sáu trong gia đình có tám anh em.

Thuở nhỏ khi 7 tuổi bỗng dưng ông không ăn thịt cá gì được, chỉ ăn cơm với muối tiêu và chuối suốt 14 năm trường. Cha ông nài ép ăn mặn mãi, cũng vì lòng hiếu thảo ông đã cầu nguyện với Trời Phật cho ông ăn được con cá, sau đó ông ăn cá không còn bị ói nữa.

Năm 24 tuổi ông kết hôn với bà Lê Thị Mới sinh được bốn trai sáu gái, gia đình sinh sống bằng nghề làm ruộng và nuôi cá.

Tính tình của ông chân thật, không thích hào nhoáng hình thức bề ngoài, thương người mền vật, cần kiệm. Tất cả mọi công tác từ thiện xã hội ông đều tích cực tham gia, như: bắc cầu, làm đường, sửa chữa chùa - đình, giúp người nghèo về mọi phương diện cơm - áo - gạo - tiền, cất nhà tình thương, hòm rương khi tống táng... Ông rất hăng say làm các việc này và xem đây là niềm vui

trong cuộc sống, ngẫu nhiên tương ứng với nền tảng căn bản của sự tu tập, mặc dù ở thời điểm này ông chưa biết nhiều về chuyện Phật pháp tu hành. Vô hình trung khế hợp với lời khai thị:

“Được đi đến chốn Liên Hoa,
Ấy do tâm của người ta tốt lành.
Tốt lành nếu tâm mình có được,
Sẽ khiến cho huệ phước sanh ra;
Giải xong kiếp khổ người ta,
Do lòng lành tốt ấy mà tiến lên.
Nhà muốn cất phải nền móng trước,
Người muốn tu phải tốt lành tâm;
Tốt lành tâm chẳng chịu cầm,
Như nhà muốn cất mà mầm móng không.
Thích Ca cũng do lòng lành có.
Mới động tâm trước khổ của người,
Muốn người hết khổ được vui,
Nên hy sinh cả cuộc đời lo tu.
Lòng lành có Đạo Mẫu sẽ có,
Có lòng lành tuy khó rán trau;
Lành tâm lành sự càng cao,
Tình người với Phật càng mau nối liền.
Tâm lành ấy nên khuyên nhau tạo,
Đòi được vui và đạo được siêu;
Pháp tu thì có rất nhiều,
Nhưng môn nào cũng chỉ điều thiện tâm.
Có tâm thiện mới làm việc thiện,
Có lòng lành mới khiến tưởng lành;

*Có nhân thiện niệm thiện hành,
Tất nhiên có quả tốt lành mai sau.
Nói việc thiện người nào cũng biết,
Nhưng mấy ai làm việc thiện đâu;
Thường ngày việc ác cứ bầu,
Thế nên kết quả thảm sầu nhiều hơn.
Quả tốt xấu do nhân thiện ác,
Giống dữ không thể gạt quả lành;
Ác mà muốn được phước sanh,
Khác nào nấu cát mong thành được cơm.
Muốn làm Phật chó ôm tánh ác,
Tánh ác còn, còn các nguy nan;
Sống trong cảnh sống bất an,
Chết trong cảnh chết kinh hoàng sợ lo.
Khởi tâm thiện để cho đời thiện,
Các nghiệp qua cũng khiến tiêu tan;
Đòi không thêm những báo oan,
Kiếp đầy cũng chẳng còn mang sau này!”*

Năm ông 65 tuổi thì phát bệnh, điều trị rất nhiều nơi: Bệnh Viện Chợ Rẫy, Bệnh Viện Phạm Ngọc Thạch và các bệnh viện ở An Giang, mỗi chỗ ông nằm viện một vài tuần, nhưng dây dưa như thế suốt ba năm trường mà tình trạng sức khỏe vẫn không hồi phục. Bác sĩ các nơi đều chẩn đoán ông bị: “suy tim”, “nám phổi” và “chai gan”, đồng thời khuyên gia đình nên để ông ở bệnh viện gần nhà vì ông tuổi đã già, để chăm sóc được phần dễ dàng thuận tiện hơn.

Ông có người con gái thứ Năm sống độc thân tu

hạnh xuất gia, thường theo nuôi bệnh cho ông. Hằng đêm cô âm thầm khấn nguyện Ân Trên gia hộ sao cho cha mẹ mình sớm được tỉnh giác quy y Tam Bảo, trường trai tu niệm, để giải thoát khổ đau sinh tử luân hồi.

Lần nọ ông đang nhập viện ở An Giang, gần 20 ngày không ăn cơm cháo gì được. Mười ngày đầu còn ăn được bánh trái chút đỉnh, 10 ngày kế tất cả mọi thứ đưa vào miệng ông đều ói ra hết, ngay cả sữa cũng không uống được, chỉ thuần uống được nước trắng mà thôi.

Một đêm cô Năm mộng thấy có một người đến nói với cô rằng:

- Hãy bảo cha con phát nguyện trường trai quy y Tam Bảo, lo tu hành thì sẽ hết bệnh!

Sáng ra cô thuật lại điềm chiêm bao cho ông nghe. Nghe xong, ông nói:

- Ngày xưa ba đã cầu xin Trời Phật cho ba ăn con cá, thì ba ăn con cá chớ không ăn chay được!

Thấy ba mình không chịu ăn chay nên cô đi chợ mua cá lóc về nấu cháo. Khi dọn ra ông dùng được vài muỗng gì đó thì bỗng dưng phải mửa ra hết. Ông bèn nói:

- Sao kỳ quá con ơi! Hồi nãy ba nằm chiêm bao, ba thấy ba nướng cá. Tự nhiên con cá hóa thành ông già đầu trọc, ông già đó nói với ba rằng: Tao là ông nội mày, sao mày nướng tao? Rồi ba giật mình thức dậy!

Kế đó xuất viện, về an dưỡng nơi tịnh thất của cô Năm. Cô thường theo bên cạnh khuyên ông phát tâm ăn chay. Ông nói:

- Ba biết con thương ba lắm! Tu hiền thì cái gì ba tu cũng được, còn ăn chay, thì ba ăn chưa được con ơi! Hơn nữa ba còn bệnh mà!

Trải qua thêm 10 ngày nữa cũng không ăn uống thứ gì được hết. Thấy thể lực của ông suy sụp quá đỗi, gia đình bèn dự định đưa đi bệnh viện ở Sài Gòn. Sau khi đã chuẩn bị xong đồ đạc sắp sửa lên đường, cô Năm nghe trong người hơi mệt, khó chịu, bèn ngã lưng trên chiếc võng ngủ thiếp đi. Cô thấy có một đồng đạo mặc bộ đồ lam từ bên ngoài bước vào cửa nói với cô rằng:

- Cô phải phát nguyện quy y cho ông cụ, và cho ông cụ trường trai luôn thì hết bệnh. Nếu đưa đi Thành Phố thì ông cụ sẽ bỏ xác ngoài đó!

Khi giật mình thức dậy thì ông cũng nằm gần bên, liền lên tiếng hỏi cô:

- Nãy giờ ngủ ngon quá hả con?

Cô bèn thuật lại giấc mộng vừa mới gặp. Rồi hỏi ông:

- Vậy thì ba tính sao?

Ông nghe xong im lặng trầm ngâm suy tư vài phút, rồi đáp:

- Thôi thì con đỡ ba lên đi! Rồi thấp nhang phát nguyện cho ba quy y đi; nếu ba ăn chay được thì ba ăn chay cho tới ngày bỏ xác luôn.

Cô bèn cùng cô Út Giềng (một bạn đồng tu cùng ở chung thất với cô) dìu ông lên gác nơi thờ ngôi Tam Bảo, thấp hương làm lễ phát nguyện quy y và trường trai cho

ông. Xong rồi, khi dìu ông trở xuống, vừa đúng lúc có vài vị khách mới đến, bà vợ của ông đang dọn cơm để đãi. Trên mâm mấm chay kho cà khồi bay tua tủa... gỏi gém đủ màu, cải rau đủ loại,... hương xông ngào ngạt, thơm ngát cả vùng! Ông chột nghe trong lòng thèm và muốn ăn, nên nói với cô Năm:

- Ba thấy ba ăn được đó con! Con cho ba ăn đi!

Khi dìu tới nơi, đỡ ông ngồi xuống để dùng cơm chung với mọi người. Cô Năm rất lo lắng, tha thiết khẩn xin:

- Thôi, ba ăn một chút xíu thôi, thưa ba!

Ông mạnh dạn trả lời:

- Ba ăn được mà!

Thế là ông ăn luôn một mạch ba chén cơm đầy, mấm cà rau gỏi chỉ cũng chẳng cần phải kiêng kỵ gì cả, trong khi đó cô Năm nín thở mắt hồn dôi mắt nhìn theo mà lòng vô lượng phập phồng, vô biên lo sợ. Dùng cơm xong, ông phấn khởi tinh thần hô to:

- Vậy là được rồi! Tui ăn được rồi... Vậy là tôi ăn chay cho tới chết luôn... Phật Pháp quá nhiệm màu rồi... Bây giờ tôi nguyện tôi ăn chay cho tới ngày bỏ xác luôn!

Nói vừa dứt câu, ông đứng phắt dậy gọn hơ khỏi cần ai đỡ, thấy bên cạnh có treo một buồng chuối già cui chín, ông bèn rút một trái, ăn xong thấy vô cùng ngon miệng liền rút thêm một trái nữa. Kế lại thấy trên bàn có ly nước đá chanh, ông nhẹ nhàng bước sang mở lòng từ duỗi tay độ tận!

Theo cơ chế sinh lý của hệ thống tiêu hóa, thông thường sau khi ngưng ăn hoàn toàn từ năm đến bảy ngày trở lên, trước khi ăn uống thức ăn trở lại, phải tuân thủ nguyên tắc: từ lỏng tới đặc, từ mềm đến cứng. Nghĩa là phải theo thứ tự: uống nước gạo rang, nước cơm, nước cháo, ăn cháo lỏng, ăn cháo đặc, ăn cơm nhão, cuối cùng mới ăn uống bình thường.

Trường hợp của ông đã 20 ngày ngưng ăn hoàn toàn, thì thời gian tuân thủ nguyên tắc này phải mất ít nhất là năm ngày trở lên. Nếu không, thì hậu quả chắc chắn phải cho vào hòm rồi khiêng ra nghĩa địa. Mạnh mẽ khẳng định một câu thảng thừng như đinh đóng cột rằng là: “Không có con đường thứ hai!” Vậy mà trường hợp của ông quả là “chuyện lạ- khó hiểu” nhưng mà... “có thật” trên cõi đời này!

Sáng hôm sau ông phóng lên chiếc xe đạp, ra ngoài đường nhanh chân phi nước đại. Khung cảnh làng quê hôm nay, trông sao thân thương vui đẹp quá! Lòng trào dâng niềm khoan khoái, niềm vui thích vô bờ. Như chim sổ lồng về tổ cũ, tung đôi cánh bay giữa trời cao, hùng hổ lao về phía trước, bỏ lại sau lưng gánh nặng bao nỗi ưu phiền của những chuỗi ngày dài đầy khổ đau và bệnh tật! Trời xanh hơn, mây trắng hơn, ông nghe trong ông mùa xuân thuở xa xưa sống lại nơi hồn! Miệng luôn thì thầm: “Phật Pháp... quả thật... quá... nhiệm mầu!”

Được hơn hai năm vào khoảng tháng 5 năm 2000, bữa nọ ông đi đẩy tiếp chiếc ghe cho người lối xóm, vì vận động quá mạnh nên ruột bị thòng. Các con đưa ông đến Bệnh Viện Hạnh Phúc ở An Giang để phẫu thuật bện đem ruột lên. Bác sĩ nói:

- Ông ăn mặn tui mới mổ cho ông, bệnh mới mau hết, sức khỏe ông hiện giờ kém lắm. Ông ăn chay tui không dám trị cho ông!

Ông bèn quay sang bảo cô Năm:

- Thôi về con ơi! Cuốn quần áo về! Kệ nó, chết thì chết, mình cũng trọn đạo. Chớ bây giờ không có ăn mặn, không có... gì hết! Ba nhất định ăn chay!

Bác sĩ cười nói:

- Thôi, ông quyết định mạnh mẽ quá! Vậy thôi, ở lại con trị cho ông, ông ơi! Từ đó tới giờ con mới gặp ông lần thứ nhất. Mà thấy thương quá, để con trị thuốc thang cho ông. Tại con nói vậy chớ ông không chịu ăn mặn thì thôi!

Kể từ khi trường trai ông chuyên cần niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc. Xưa nay ông cũng niệm Phật nhưng cầu vãng sanh thì rất hời hợt yếu ớt, thường lo làm việc phước thiện nhiều hơn. Ông có tật nghiện thuốc lá rất nặng, nhưng rồi ông mạnh mẽ dứt bỏ gọn gàng. Bao nhiêu tiền do con cháu cho, ông đều đem đi bố thí hết, không hề cất chứa. Ông thường ở tu nơi tịnh thất của cô Năm, ít khi về ở nhà, bởi vì nơi đây yên tĩnh rất dễ nhiếp tâm khi lễ bái trì niệm. Công khóa thường ngày

của ông là ba thời, sau lễ lạy thì ngồi niệm Phật khoảng một giờ. Sự hành trì cứ đều đặn như thế, chưa từng trễ sót. Ông thường tâm đắc và nhắc nhở con cháu:

*“Tu hành nào đợi mùi hương,
Miễn tâm thành kính tòa chương cũng gần.”*

Chữ “chương” có nghĩa là sáng sủa, rực rỡ, chói lọi. “Tòa chương” theo nghĩa hẹp là chỉ cho tòa sen nơi cõi Cực Lạc do vô lượng chất báu làm thành; còn nghĩa rộng là chỉ cho Phật quả cứu cánh viên mãn. Ý nghĩa đại khái của hai câu trên là: Sự tu quý ở thực chất, chứ không phải ở hình thức bề ngoài. Hành giả niệm Phật cầu sanh về Tây phương thì chú trọng ở tâm “chí thành cung kính”. Dùng tâm “chí thành” cùng “cung kính” mà lễ Phật, niệm Phật thì chuyện vãng sanh không khó khăn, không xa xôi gì cả!

Đến tháng 11 năm 2004 bệnh tái phát, các con đưa ông vào bệnh viện ở An giang. Ông hỏi bác sĩ:

- Bác sĩ ơi! Bệnh của tôi chắc không qua khỏi hả, bác sĩ?

Bác sĩ đáp:

- Bệnh của ông không sao đâu!

Ông nói:

- Thôi bác sĩ đừng có nói không sao! Tôi biết rồi. Tôi biết cái bệnh của tôi là không có qua khỏi đâu! Bác sĩ nhắm thấy trị cho tôi được thì tôi ở đây trị; còn không thì tôi về để yên tĩnh, tôi niệm Phật!

Bác sĩ trả lời:

- Bây giờ ông muốn về thì về. Kiểm thuốc Nam thuốc Bắc uống thêm. Chớ cái gan của ông chai hết rồi!

Ông nói với cô Năm:

- Vây thôi mình về con ơi! Phật cho mình sống ngày nào thì mình lo niệm Phật ngày nấy. Còn ba có ra đi thì ba cũng về với Đức Phật A-di-đà, ba tu thêm... chừng nào hoàn toàn ba sẽ trở lại cứu vớt chúng sanh!

Xuất viện về nhà là ngày 12 tháng 11 năm 2004. Về nhà ông uống thuốc Nam và chích thuốc, nhưng bệnh mỗi lúc một trầm trọng, hành hạ ông bằng những cơn đau kịch liệt, các con cháu luân phiên hộ niệm. Ông thường nói:

- Nó quậy ba dữ lắm con ơi! Nó đứt từng khúc ruột. Mà có điều là ba rán cố gắng lên. Nó đau bụng quặn khúc, đứt khúc ở trỏng, mà ba cố gắng lên, ba lo niệm Phật... Chớ không cố gắng niệm Phật là ba la làng đó con!

Cô Năm cũng thường nhắc:

- Ba à! Con lúc nào cũng mong mỗi ba hướng về Đức Phật A-di-đà... cho nên dù có mệt có đau đớn cách mấy, ba cũng rán niệm Phật cho con thấy dạng con yên tâm nghen ba!

Hơn một tuần vật vã dữ dội trôi qua, đến ngày 20 thì ông không chịu uống thuốc, chích thuốc, ăn uống gì cả, chỉ uống nước cúng Phật. Cơn đau nhức cũng tan mất dần.

Sáng ngày 22 gương mặt của ông bỗng nhiên hồng hào, sáng chói, môi đỏ, luôn lộ nét tươi tắn hoan hỷ (trước đó thì xanh lè xanh lét, đôi mắt thụt sâu). Các con ông ngỡ rằng bệnh tình của cha mình chắc đã hồi phục. Cô Năm chẩn mạch thì mạch đã hết nhảy rồi.

Khoảng 6 giờ sáng ông nhờ gia quyến đỡ ngồi dậy, ngã mình tựa vào người thân, rồi ông hỏi cô Năm:

- Hôm nay là ngày mấy rồi con?

Cô đáp:

- Hôm nay là 22!

Rồi cô hỏi lại:

- Thôi con chích thuốc khỏe cho ba nghen?

Ông nói:

- Thôi! Ba hết bệnh rồi. Đừng có chích thuốc gì hết.

Chiều nay ba đi!

Cô Năm sợ ông nói sảng, bèn hỏi:

- Ba đi đâu, thưa ba?

Ông trả lời:

- Ba về với Phật! Sáu giờ chiều nay là ba đi!

Cô vừa cười vừa nói:

- Thường thường đi về Phật, là đi giờ trưa chứ đâu có ai đi giờ chiều. Giờ chiều đâu có về với Phật được!

Ông nói:

- Về Phật lúc nào cũng về được, do cái tâm của mình đó!... Chừng nào ba đi thì con biết liền!

Cô đề nghị:

- Nếu mà lúc nào cũng về được thì ba về sáng này đi!

Ông liền mỉm cười chứ không đáp. Kế đó ông cho họp các con cháu lại, bèn nói:

- Các con ở lại rán lo tu hành. Nhứt là má nó rán lo tu mới gặp tui nghen!... Tui về Cực Lạc rồi, bà không tu là bà không có gặp tui đâu. Bây giờ tui về với Phật A-di-đà rồi!

Rồi ông dặn riêng từng người con, khuyên tất cả rán lo tu hiền, rán lo niệm Phật...

- Các con ở lại rán lo tu,... rồi chăm sóc mẹ, cũng như chăm sóc ba vậy đó!... rồi khuyên mẹ rán lo niệm Phật ... lo tu nghen con!

Dặn dò xong, ngược mắt nhìn lên bàn Phật, ông nói với cô Năm:

- Chiều nay ba về Phật rồi, con gom hết bông trên bàn Phật, mua bông khác thay vô. Rồi lấy bông đó nấu nước cho ba tắm. Để ba sạch sẽ ba ra đi!

Khi đã tắm gội thay y phục xong, ông nằm im nhiếp tâm niệm Phật, con cháu vây quanh cùng niệm Phật tiễn đưa.

Kế đó đồng đạo các nơi cũng được mời đến tham gia trợ niệm rất đông. Gần đến 6 giờ chiều, đôi ba phen ông chấp hai tay lại nơi ngực, cuối cùng ông tự sửa tay chân

xuôi thẳng, rồi nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng trong âm thanh Phật hiệu vang dội của mọi người. Trước khi già từ trần thế đầy sâu thương đau bề để về Phật cảnh an vui, ông thở ra một hơi dài môi vẫn nhép niệm Phật để cho con mình an tâm, vì thường ngày cô Năm hay thỉnh cầu như thế! Lúc đó đúng 6 giờ chiều, ngày 22 - 11 - 2004, ông hưởng thọ 74 tuổi.

Trong khi mọi người đang tiếp tục trợ niệm được hai, ba mươi phút gì đó, thì có một chiếc xe chở quan tài tới nhà, ai cũng chưng hửng ngỡ ngàng! Hỏi ra mới biết cái hòm này ông đã đặt trước cả năm rồi, và mới đây (hơn một tháng) ông đã chạy xe đạp đến tiệm trả tiền, và còn dặn dò đi dặn dò lại với chủ tiệm rằng:

- Tui biết... tui mất rồi. Con tui... tui nó... không có xài hàng này đâu! Nên khi tui mất, anh chở vô liền cho tui nghen! Để không thôi nó mua hàng khác là anh chở vô không được với tui nó đó!

Nhiều ngày trôi qua, cô Năm thường nghĩ: Ba mình ra đi như vậy mà... chẳng biết chắc chắn có được vãng sanh hay không? Đúng ngày tuần thất thứ bảy vừa hoàn mãn, đêm đó cô nằm mộng thấy một người to lớn, dung mạo phương phi, cao hơn ba mét, gương mặt trắng trẻo hồng hào, trái tai dài hơn một gang, mặc áo tràng màu

nâu bước vô nhà. Cô giạt mình không biết là ai. Khi nghe âm thanh cô mới nhận ra là ba của mình. Ông nói:

- Con à! Ba được về Tây Phương gặp Phật học đạo rồi. Con đừng có lo lắng nghĩ ngợi gì nữa! Con rán lo buông bỏ hết các chuyện bên ngoài, con mới vào chánh định được... Con mới về với Phật được ghen con!

(Thuật theo lời cô Năm Ngồi, con gái của ông)

58. LÊ THỊ MỚI (1935 - 2011, 76 tuổi)

Bụng bà có 3 khối u bóng lưỡng như là có chứa em bé. Bà biết đó là cái nghiệp, là oan gia trái chủ của bà. Bà nói: "Tao nhất tâm niệm Phật rồi coi thử mày có theo tao tới Cực Lạc hay không?" Bác sĩ có dặn gia đình nên chuẩn bị bông gòn thật nhiều. Vì khi mất thì các khối u đó sẽ vỡ ra. Nhưng đối với bà, khi bà mất hộ niệm tám tiếng đồng hồ sau thì bụng của bà xẹp lép, khô rang, không có có một tí nước nào chảy ra cả!

Bà Lê Thị Mới sinh năm 1935, nguyên quán: Mỹ Hội Đông. Thân phụ là cụ ông Lê Văn Đại; thân mẫu là cụ bà Thái Thị Chơn. Khi tuổi trưởng thành bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Bơi, sinh được bốn trai sáu gái. Gia đình sinh sống bằng nghề làm ruộng và nuôi cá.

Lúc chưa hiểu Phật Pháp (trước 60 tuổi) thì bà rất khó; vả lại thuở trẻ do bệnh phải nhiều lần truyền máu

nên bà hay đổi tánh đột ngột, vì vậy khi ông chồng phát tâm muốn cho ai cái gì thường phải giấu bà. Đến chừng hiểu biết đạo rồi, bà rất dễ dãi, thương người lắm, nhất là kính tin Tam bảo, hết lòng giúp đỡ chùa chiền, quý mến những người tu và ủng hộ vật chất cho họ.

Năm 2009 (73 tuổi) bà phát bệnh nặng, các con đưa bà vào Bệnh Viện Chợ Rẫy, ở đây bác sĩ chẩn đoán là bị sỏi mật, gan và đầu tụy đều có khối u ác tính, trong khối u có tế bào ung thư. Bác sĩ cho biết nếu giải phẫu sỏi mật bệnh nhân có thể chết sớm hơn; phần thì bà tuổi đã cao nên chuyển về bệnh viện gần nhà để theo dõi sẽ thuận tiện nhất. Cô Năm mới hỏi:

- Thưa bác sĩ! Mẹ tôi mổ, mà mười phần có hy vọng thành công được năm phần hay không, bác sĩ?

Bác sĩ trả lời:

- Không! chỉ hy vọng hai hoặc một phần thôi!

Khi về Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, gặp một bác sĩ, vị này có y đức cao lắm, ông thật tình trao đổi:

- Cô ơi! Thôi cho bà ở đây con mổ cho bà. Con mới ra trường, nhưng con cũng rần cầu nguyện Ân Trên Tam Bảo gia hộ thêm!

Bà bèn nói với cô Năm:

- Để vậy má chịu không có nổi. Thôi, như mổ... nếu mà má có ra đi thì má cũng nguyện theo Phật kiếp sau nối gót tu tiếp!

Khi vào ca phẫu thuật bà thành tâm khẩn vái cầu xin Ân Trên Tam Bảo gia hộ cho chuyến này an toàn. Chừng nào khỏe mạnh bà sẽ trường trai tinh tấn tu hành cho đến ngày chấm dứt cuộc đời.

Tâm thành của bà thật sự đã được cảm ứng, những người khác thì mấy tiếng đồng hồ chưa tỉnh, còn bà chỉ 30 phút mà đã tỉnh. Sau này bà kể lại:

- Bác sĩ kêu má đếm từ 1 đến 10, má biết hết trơn hà con! Má không có nghe đau đớn gì hết, khỏe lắm con ơi! Má tỉnh, má nhìn thấy mấy người xung quanh người ta đau đớn khổ sở giống như ở địa ngục vậy đó con!

Sau khi xuất viện về nhà một thời gian sức khỏe của bà đã khôi phục hoàn toàn, cô Năm mới nhắc đi nhắc lại lời nguyện trường trai mà bà đã phát. Nhưng bà cứ lần lựa mãi, với lý do:

- Má còn yếu quá mà ăn chay gì, con!... Yếu quá mà ăn chay gì!...

Thấy thế cô bèn lên Thiên Cẩm Sơn để lo chuyên tu. Một hôm cô Út Giềng ghé thăm bà, cô tỏ vẻ:

- Thím Sáu ơi! Năm Ngồi mong cầu cho thím ăn chay mà thím không ăn, nên cổ lên núi tu để hồi hướng công đức cho thím đó!

Bà nghe xong liền nói:

- Vậy hả! Thôi vậy con kêu nó về đi, thím phát nguyện ăn chay thím tu. Thím tính vài bữa thím khỏe,

thím ăn chay, Út ơi! Chớ đâu có ngờ nó như vậy... Nó không chịu thì thôi thím phát nguyện ăn chay cho tới ngày bỏ xác luôn!

Ngày rằm tháng 10 năm 2009 các con làm lễ quy y và phát nguyện trường trai cho bà. Kể từ đó bà chuyên cần lễ niệm, mỗi ngày ba thời có khi bốn thời công phu. Sau lễ nguyện thì bà ngồi niệm Phật một tiếng đến một tiếng rưỡi đồng hồ.

Sau khi ông chồng mất (năm 2004), bà ước ao thường lắm bầm nói với các con:

- Sao ba mấy mất lâu quá mà tao không thấy gì hết!

Đến gần tuần bá nhật (trăm ngày), một buổi sáng lúc dùng cơm xong, bà lên võng nằm thiếp đi. Bà mơ màng thấy ông thân tướng cao lớn mặc y phục phùng phình như hình ông Thọ trên hộp sữa, lại còn có hai người hầu hai bên, hào quang sáng rực. Ông nói:

- Bà coi tui nè! Tui được về với Phật rồi... Bà rán lo tu mới được về với Phật ghen bà Lê Thị Mới! Tui không còn khổ sở, không còn mang cái thân xác bệnh hoạn như ngày xưa nữa. Bây giờ tui đã thay đổi rồi... Bà coi tui nè! Bà rán lo tu ghen bà Lê Thị Mới!

Ba năm sau bệnh tái phát chạy chữa khắp nơi. Ba khối u ở gan và tụy sưng rất to và cứng, bác sĩ các bệnh viện đều bó tay.

Hôm nọ khi nghe xong đĩa “48 lời thệ nguyện của Đức Phật A-di-đà”, bà nói với cô Năm:

- Đâu con đem hình Đức Phật A-di-đà đến cho má xem!

Khi cô Năm mang ảnh Đức Phật lại gần cho bà xem. Bà nhìn chăm chăm một hồi rồi với giọng thiết tha thành kính nói:

- Con đã quy y Tam Bảo! Con đã quy y với Thầy rồi! Ông Phật Di Đà ơi! Hãy độ cho con về nước của Ngài! Ngày xưa con hồng biết, con làm lỗi lầm gì xin ông tha thứ, cho con về nước của Ông!

Mọi người nhìn thấy bà thành khẩn cảm động muốn rơi lệ, cô Năm hỏi bà:

- Má còn tiền của gì không? Má phải bố thí thì mới vãng sanh được. Chớ nếu má còn nắm núu giữ của thì má không đi được đó nghen!

Bà lệ làng trả lời:

- Hồng! Hồng có còn!

Cô Năm hỏi nhiều lần và nhiều ngày trôi qua, bà cũng đáp như vậy. Cô mới nhấn mạnh:

- Cõi Cực Lạc không có chứa người nói dối. Má phải nói thiệt mới được vãng sanh nghen!

Vài hôm sau bà kêu các con lại, và nói:

- Mấy bữa rày má nói dối, nên má còn đau cái bụng má hoài đó, bữa nay má nói thiệt cho con nghe: lấy 8 chỉ vàng ra đi con, với 12 triệu má gói để dành, mà má nói với con là hết tiền hoài!

Nói xong bà bật cười, vừa cười vừa ra nước mắt, rồi trao chìa khóa tủ đồng thời chỉ chỗ cất tiền và vàng cho cô Năm. Cô Năm cầm chìa khóa trên tay rồi hỏi bà thêm:

- Má ơi! Ở cõi Cực Lạc không có chứa người gian dối. Má phải nói thiệt hết ra... Bây giờ má có còn buồn phiền đứa con nào hay không?

Bà đáp:

- Má không có buồn phiền chi nữa!... Mà bây giờ má còn lo cho thằng Út... nó không có biết đạo đức gì hết trơn hết trọi, con ơi!

Cô Năm an ủi:

- Má đừng có lo! Má rán tu má về với Phật A-di-đà được đi, thì cái đức của má chuyển nó mới đặng!

Khi các con của bà đem tịnh tài mua vật phóng sanh, bà vô cùng vui mừng. Có lần cô Năm thổ thển với bà rằng:

- Lời của Tổ Thầy dạy má tâm đắc nhất là câu nào vậy má?

Bà đáp:

- Dứt được nó mới là giải thoát!

Cô lại hỏi:

- Nó là ai vậy má?

Bà trả lời:

- Con biết không! Bao nhiêu năm nay má đeo nó trong mình, không có buông xả, là tham - sân - si đó! Vì vậy, nên thân mạng má mới khổ sở như vậy. Bây giờ má nghe 48 lời nguyện của Đức Phật A-di-đà má quyết chí đi

về cõi Cực Lạc; chớ không có ở cõi thế gian này nữa. Thế gian này khổ sở quá rồi con ơi! Bao nhiêu năm khổ sở rồi bây giờ má quyết chí niệm Phật để má về với Phật, con ơi!

Các con bà lại hỏi thêm:

- Ngoài ra má còn tâm đắc câu nào nữa không?

Bà nói:

- Vạn vật vốn như duyên tạo cấu,

Các việc đều Thành, Trụ, Hoại, Không.

Cái gì rồi cũng phải trở về cát bụi, đều trở về không. Bây giờ má buông bỏ hết rồi đó! Các con có mừng cho má hông?

Mọi người hiện diện vô cùng hoan hỷ đồng reo cười và vỗ tay, nói:

- Mừng cho má rồi!

Đời sống của con người đâu khác gì một giấc mộng, mấy mươi năm vùn vụt trôi qua lệ làng như ánh chớp, vừa lóe sáng lên thì liền tắt mất nào có lâu dài, thế mà ai ai cũng ngỡ là thật, cũng thấy là chắc, là bền... Để rồi cố bám víu... tự tạo nên những khổ đau vô cùng oan uổng! Nếu lặng lòng lắng nghe những lời khai thị của Cổ Đức thì ta sẽ tìm được lối đi đến chốn an bình:

“Phù du sớm nở tối tàn,

Giàu sang cũng thác nghèo nàn cũng tiêu!

Cái thân như tác bóng chiều,

Như chùm bọt nước phập phều ngoài khơi!

Xưa ông Bành Tổ sống đời,

Tám trăm tuổi thọ nay thời còn đâu.
Thanh xuân kể đến bạc đầu,
Rồi đau rồi chết nào lâu lắc gì!
Thông minh tài trí thần kỳ,
Ngu si đại dột cũng quy một gò.
Ái hà nhiều nỗi gay go,
Mau mau tách gót xuống đò sang sông.
Luyến lưu chi kiếp trần hồng,
Khổ nhiều nay phải sinh lòng góm ghê!
Sự đời nên chán nên chê,
Tâm phương giải thoát mà về quê xưa!
Cha Hiền tựa cửa sớm trưa,
Con khờ lưu lạc nắng mưa dãi dầu!
Lang thang sanh tử đã lâu,
Sớm tỉnh quày đầu, Phật đọi Phật trông!

Đeo đấm làm chi côi bụi hồng,
Nhắm mắt, tắt hơi, tay trắng không.
Sự thế chẳng qua nguồn cội khổ,
Đường đời đâu khác hố hầm chông.
Tin sâu nhân quả hằng sám hối,
Nghịch cảnh bủa vây vẫn kiên lòng.
Một hướng Tây Phương không dời đổi,
Sen vàng nhất định sẽ đơm bông!”

Có lần bà rờ ba khối u bóng lũng nơi bụng, rồi nói với các con của bà rằng:

- Má rán má lo niệm Phật thử coi cái nghiệp nó đi tới Phật không! Nó mà đi tới, Phật cũng sợ nó luôn... Tao nhất tâm tao niệm Phật rồi coi thử mày có theo tao tới Cực Lạc hay không?

Mọi người nghe bà nói xong đều phá lên cười.

Từ đó sức khỏe của bà ngày một cạn kiệt. Đầu tháng 9 con trai Út của bà đòi đưa bà đi bệnh viện. Bà nói:

- Con ơi! Má yếu lắm rồi, đừng có chở má đi đâu nữa hết. Để cho má ở nhà, để yên tĩnh má lo niệm Phật!

Sáng ngày mùng 10 bà vẫn còn vui vẻ ngồi tiếp chuyện với những người thân quyến ghé thăm. Chiều lại khoảng 5 giờ bà bắt đầu lên cơn mệt. Cô Năm ngồi bên cạnh căn dặn:

- Má! Má ơi! Má nương theo tiếng niệm Phật của con nhen! Má đừng nghĩ đến cái bệnh, má mới về với Phật được! Mà bệnh là cái nghiệp đó, má mà nghĩ tới nó, nó sẽ nắm má lại đó! Má phải hướng tâm về Đức Phật... niệm sáu chữ Di Đà liên tục nhen má!

Đêm đó bà lăn qua lăn lại rồi trở tới trở lui, trong gia đình thay nhau trợ niệm, thỉnh thoảng các con nhắc bà:

- Má nhớ niệm Phật nhen má!

Bà đáp:

- Má nhớ con ơi! Con cứ niệm Phật đi, rồi má nương theo!

Lúc trước bà thường hay ước mong: khi mình hấp hối phải chi có được Ban Hộ Niệm hỗ trợ! Sáng ra cô Năm

điện thoại mời Ban Hộ Niệm. Tình cờ có Ban Hộ Niệm gồm 36 người đang chuẩn bị hộ niệm cho một bệnh nhân ở Chác Cà Dao lúc 6 giờ sáng. Nhưng người con của ông bệnh nhân này phản đối, nên cuộc hộ niệm của ông bị hủy bỏ, nhờ vậy mà cả đoàn đồng kéo đến hộ niệm cho bà. Tới 10 giờ trưa cô Út Giềng thủ thủ hỏi bà:

- Thím Sáu ơi! Thím có nghe con niệm Phật không?

Bà bèn gật đầu, cô liền đề nghị:

- Đầu thím niệm lớn lên cho tụi con nghe thử coi!

Bà liền niệm Nam Mô A-di-đà Phật to lên, âm thanh rành rẽ. Thấy bà còn khỏe quá nên có vài vị đồng tu trong đoàn đã xầm xì với nhau:

- Bà này chưa đi đâu!

Đến gần 11 giờ rưỡi hơi thở của bà ngắn dần, thân quỵn và Ban Hộ Niệm tập trung cùng niệm Phật. Khi bà đang ngược lên nhìn thì cô Út Giềng nói nhỏ:

- Thím rán nhớ niệm Phật nhen, thím Sáu!

Bà gật đầu rồi nhép môi niệm Nam Mô A-di-đà Phật, tự sửa xuôi tay xuôi chân, đồng thời nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, đúng 11 giờ rưỡi ngày 11 tháng 9 năm 2011, bà hưởng thọ 76 tuổi.

Tám tiếng đồng hồ sau, các khớp xương của bà mềm mại, toàn thân đều lạnh duy còn đỉnh đầu rất nóng. Một điều hết sức đặc biệt là trước đó ba khối u nơi bụng của

bà giống như có chứa một em bé. Bác sĩ căn dặn với gia đình nên chuẩn bị bông gòn thật nhiều, vì khi bệnh nhân này mà mất thì các khối u đó sẽ vỡ ra. Đến chừng thăm khám thì bụng của bà xẹp lép, khô rang, không có một tí nước nào chảy ra trên thân. Đây quả thật là hiện tượng quá ư lạ lùng!

Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì cho đến khi an táng.

Sau khi bà mất, cô con gái thứ Năm thường hay ưu tư, không biết má mình có được vãng sanh hay không. Đêm nọ cô nằm mộng thấy một vị tỳ kheo đắp y dáng mạo trang nghiêm, dẫn cô đến một cảnh giới có vô số hoa sen, lớn có, nhỏ có, muôn màu vạn sắc cực kỳ diễm lệ. Cô thấy một bông có đề tên Lê Thị Mới, và nghe âm thanh vọng lại bên tai: “Bà Lê Thị Mới được vãng sanh hạ phẩm hạ sanh!” Khi cô thức giấc thì bao nhiêu nghĩ ngợi buồn lo đều tan biến hết nơi lòng!

(Thuật theo lời cô Năm Ngồi con gái của bà, và đồng đạo Út Giêng.)

59. ĐÀO THANH CHÂU (1919 - 2000, 81 tuổi)

“Bây giờ con cố gắng hành đạo để sau này cha con mình sẽ gặp nhau ở cõi Cực Lạc!”

Đó là lời một người cha đã mất nói với người con gái thứ Ba của mình trong giấc mộng sau 6 tuần thất!

Ông là Đào Thanh Châu sinh năm 1919, cư ngụ tại Thới Bình, Thới Thuận, Thốt Nốt, Thành phố Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Đào Văn Nghi; thân mẫu là cụ bà Ngô Thị Tánh. Ông là con thứ sáu trong gia đình có tất cả sáu anh em.

Năm 1939, khi phong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Nam phát triển rực rỡ, ông đã qui hướng Tam Bảo và trở thành một cư sĩ tại gia chân chánh từ dạo đó. Ông tuân thủ đúng tôn chỉ: “Học Phật Tu Nhân” và tận lực tu thân hành thiện, mỗi tháng ăn chay bốn ngày, sớm chiều hai thời lễ bái tịnh niệm.

Lúc tròn 30 tuổi, ông kết hôn với bà Nguyễn Kim Thành, sinh được bốn trai hai gái. Gia đình ông sống bằng nghề làm ruộng.

Theo thời gian sự tu tập tăng dần, ông đã tích cực tham gia mọi công tác từ thiện xã hội như: bác cầu, làm đường, cất nhà tình thương, giúp đỡ người bệnh tật, cô bần... Với tấm lòng thành thật chân tu, luôn hy sinh phụng hiến, không vì danh, vì lợi... nên ông được nhiều người kính mến.

Trong gia đình, ông cũng chuyên tâm dạy dỗ con cháu về đạo đức căn bản làm người, trau giồi nhân cách, đối nhân xử thế phù hợp với đạo lý cổ Thánh tiên Hiền đã chỉ dạy. Đồng thời chay lạt ít nhất mỗi tháng là bốn ngày, ngoài thời lễ nguyện sáng chiều ra còn phải rán niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, theo thể thức: “Nam Mô A-di-đà Phật sáu chữ, đi, đứng, nằm, ngồi rán niệm chớ quên, không đợi gì thời khắc”. Vì bản thân ông đã trải nghiệm về việc niệm Phật được tai qua nạn khỏi, đời sống an bình hơn. Và niệm Phật thì các điều ác sẽ không đến được với mình, bởi mình không có thời gian để nghĩ đến nó mà lúc nào cũng nghĩ đến điều thiện mà thôi!

Đến tháng 3 năm 1987, nơi gò má dưới mí mắt của ông có mọc một mụn bằng nốt ruồi, cái mụn này gây cảm giác ngứa làm ông khó chịu, ông bèn dùng kim khêu nó, thì nó làm dữ thêm. Ông đến phòng thuốc Nam của chùa Khánh Vân hỏi một lương y quen, rằng:

- Dì Út ơi! Đâu dì xem coi cái mụn này là cái thứ lành tính hay cái thứ ác tính?

Sau một hồi vọng chẩn, cô Út đáp:

- Mụn này là cái thứ ác tính. Cái này coi chừng là cái nghiệp cuối cùng của anh đó ghen. Anh đừng có phá, đừng có chích, có lẽ... đừng có động đến người ta ghen, anh!

Ông nghe xong, vẻ mặt trầm ngâm suy tư một tí rồi thốt:

- Dì nói... tui mới nhớ, cách đây khoảng ba tháng trước tui nằm ngủ, trong chiêm bao... tui thấy một con rắn

dài từ độ chừng ba, bốn thước nó cắn tay trái bên đeo đồng hồ của tui. Tui vầy hết biết vầy mà nó không sút, bỗng nhiên con rắn nó nói: Tôi đòi nghiệp ông 100 năm về trước! Nghe nó nói như vậy thì tôi quá sợ, tôi vầy thật mạnh thì con rắn mới văng ra xa, và tôi giật mình thức dậy.”

Sau đó, mụn ấy lớn dần dần, híp cả mắt bên trái, có màu đỏ như mồng gà, khô rang không chảy mủ máu chi hết. Ngày mồng 1 tháng 4 các con đưa ông vào Bệnh Viện Chợ Rẫy. Bác sĩ làm sinh thiết đồ được viện Paster cho biết kết quả là “Ung thư da ở giai đoạn 3”. Bác sĩ bó tay nên cho ông ra về vào ngày 13 - 4 - 1987.

Qua đó chúng ta nhận ra rằng không có cái gì từ trên trời rớt xuống cả, mà mọi thứ đều do nhân của thuở quá khứ mình đã gieo, như lời Cổ Đức từng khai thị:

*“Nghiệp tạo rồi tuy đã bỏ quên,
Đúng giờ khắc tự nhiên nó đến.
Nghiệp lực rất mạnh vô bờ bến,
Ngàn muôn năm cũng chẳng mất đâu;
Giống nghiệp càng châm gốc rễ sâu,
Càng nảy nở dài lâu khó nhỏ.
Nghiệp càng lắm càng nhiều đau khổ,
Vay cho nhiều phải trả lời nhiều;
Nợ hồng trần chẳng lúc nào tiêu,
Dây oan trái cứ đeo buộc mãi.
Năm tháng vẩn vít trong khổ hải,
Kiếp đời lẫn lộn mãi sông mê;
Đường Tây Phương bật lối trở về,*

*Nẻo địa ngục vào ra mòn gót.
Chịu hành phạt đã không còn sót;
Cửa luân hồi chưa vượt khỏi qua;”*

...

*Phải mau tưởng niệm Di Đà,
Tin sâu nguyện thiết Liên tòa ắt lên!”*

Tám giờ sáng ngày 14 - 4, lúc ông đi tới đi lui ngoài sân rồi xuống sông rửa tay, khi ông đi lên, cô con gái thứ Ba từ đằng xa nhìn thấy sắc diện và tướng trạng của ông có vẻ khác lạ, liền lao nhanh tới vịn ông, và kêu người nhà chạy ra tiếp, cùng dìu ông ngồi xuống nơi bàn thông thiên gần đó, đồng thời hộ niệm cho ông. Ông gục đầu xuống khoảng năm phút thì tỉnh lại, rồi ông cất tiếng niệm Phật lớn theo mọi người. Lát sau thấy ông đã khỏe, thân nhân bèn xúm nhau đưa vào nhà. Vào nhà ông nói với các con:

- Thôi bây giờ để cho ba phát nguyện ba ăn chay đi! Nếu mà nghiệp của ba hết thì cái quăng đời còn lại của ba... là ba cũng vừa lo tu vừa lo giúp đời; còn nếu mà ba chết, thì ba nguyện với Đức Phật gia hộ cho ba, khi ra đi ba biết trước ngày giờ vãng sanh về cõi Phật!

Các con ông rất hoan hỷ tán đồng, ủng hộ tâm nguyện trường trai của cha mình. Kể từ đó bệnh ông tăng dần, ăn uống mỗi lúc một kém dần. Đến ngày 25 tháng 4 ông không còn ăn cơm được, chỉ ăn bánh do con làm và một ít trái cây.

Một hôm ông nói với cô con gái thứ Ba là bệnh kỳ này chắc ông không qua khỏi. Bởi vì mấy chục năm trước

ông cũng bị cơn bệnh nặng, mà lần đó ông nằm chiêm bao thấy Thầy, Thầy trị bệnh cho ông. Còn lần này cũng nằm chiêm bao gặp Thầy mà Thầy không có trị bệnh!

Bệnh tình diễn tiến ngày càng dữ dội và rất nhanh chóng, các con mới đề nghị mời chư đồng đạo đến hộ niệm, ông vô cùng hoan hỉ. Cuộc hộ niệm được khởi đầu từ ngày mừng một, liên tục kéo dài cho đến ngày ông mất là tròn hai tuần lễ.

Khi gặp các đồng tu đến hộ niệm ông rất vui vẻ chào hỏi. Có lần ông nói:

- Đồng đạo ơi! Rán hộ niệm tiếp tôi, cho cái nghiệp nó đừng có hành tôi đau nhức... Đồng đạo rán niệm Phật tiếp tôi, bởi vì Thầy nói: 'Niệm chữ Di Đà tan chướng nghiệp'. Tôi đặt đức tin trọn vẹn nơi lời dạy này. Cho nên tôi niệm Phật và nhờ chư vị niệm Phật tiếp tôi!"

Thấy cái mặt đỏ ao, lớn híp cả mắt, cô Út Giêng mới hỏi ông:

- Anh Năm ơi! Anh có nghe đau nhức dữ dội gì không, anh Năm?

Ông đáp:

- Tôi tin tưởng Phật pháp nên tôi niệm Phật liên tục, nên không có đau nhức đó dì Út ơi! Khi tôi ngưng niệm Phật, tôi nghe nó có hơi đau thì tôi niệm liên tục, liên tục... Niệm như vậy thì thấy nó im. Với... đồng đạo niệm dội dội, tôi nghe tôi vui với tiếng Phật hiệu nên không nghe đau, không nghe nhức gì hết!

Đến ngày 11 tháng 4 nhuận năm 1987, ông nằm chiêm bao thấy mình đang ở bến phà Cần Thơ, có một chiếc xe mà những người trên đó mời ông lên đi, ông không chịu lên. Sau đó, ông giật mình tỉnh giấc.

Qua ngày 12 ông ngủ sớm, 7 giờ tối mọi người đang hộ niệm thì ông giật mình tỉnh giấc, ông kể lại với con ông rằng:

- Ba vừa nằm mơ ba thấy có một chiếc xe, có người trong xe nói là ba ngày nữa Đức Phật A-di-đà sẽ đến rước ba về cõi Phật. Vậy, con với đồng đạo thành tâm cầu nguyện cho ba... Và các con ở lại rán lo tu hành!

Mọi người nghe xong rất đổi vui mừng. Cũng từ giờ phút đó tinh thần ông tươi tỉnh phấn chấn lạ thường. Ông không ăn uống gì cả chỉ dùng một ít nước trắng thấm giọng mà thôi, ông luôn luôn nhờ đồng đạo rán niệm Phật liên tục cho mình.

Sáng ngày 15 tháng 4 nhuận năm 1987, các con tắm rửa thay bộ y phục bà ba mới màu trắng cho ông. Khi mọi thứ đã xong, chư đồng tu vây quanh hộ niệm, vì có báo tin trước nên thân quyến và đồng đạo đến rất đông, đứng chật trong ngoài. Đúng 8 giờ ông an tường trút hơi thở cuối cùng. Ông hưởng thọ 68 tuổi.

Hộ niệm mãi tới chiều, khi nhập mạch các khớp xương mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng, gương mặt hồng hào như người nằm ngủ!

Đến tuần thất thứ sáu, cô Ba nằm mộng thấy ông trong bộ đồ bà ba trắng, nhưng vóc dáng cao lớn vô cùng

đẹp đẽ trang nghiêm. Ông nói chuyện Phật pháp cho cô nghe. Vì lúc còn sinh tiền mỗi khi rảnh rỗi ông cũng thường bàn luận đạo lý, chỉ dạy phương thức tu trì cho con mình. Sau cùng ông tóm kết lại rằng:

- Bây giờ con rán cố gắng hành đạo để sau này cha con mình sẽ gặp nhau ở cõi Cực Lạc.

Ông vừa nói dứt lời thì cô cũng liền tỉnh giấc, lòng ngập tràn niềm hỷ lạc vô biên.

(Thuật theo lời của cô con gái thứ Ba của ông và đồng đạo Út Giêng.)

60. LÊ THỊ CÚC (1932 - 1982, 50 tuổi)

"Út ơi! Bữa nay Út ở lại với tui một đêm đi. Chớ út đừng có về chùa làm chi, đừng sáng tui đi!"

Ai cũng ngỡ bà vì ao ước vãng sanh quá nên mới nói như vậy, chứ đâu có ngờ...

Bà Lê Thị Cúc sinh năm 1932, cư ngụ tại ấp Thới Bình, xã Thới Thuận, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Lê Văn Quở; thân mẫu là cụ bà Mai Thị Lựu. Bà là con thứ bảy trong gia đình có mười anh em.

Khi lên 19 tuổi, bà kết hôn với ông Lưu Phước Hiền, tục danh là Ba Đực, sinh được bốn trai, bốn gái. Gia đình sống bằng nghề làm ruộng.

Lúc bà về làm dâu, do mẹ chồng mất sớm, cha chồng không tục huyền, em trai thứ Bảy của chồng mới 10 tuổi, nên bà phải nhận thêm trách nhiệm chăm sóc trẻ, mãi cho đến khi cậu Út này ăn học nên người. Về sau gia đình bà ra riêng, đến định cư tại chợ Thới Bình, và mở cửa tiệm buôn bán tạp hóa để tăng thêm thu nhập, nâng cao tiện nghi sinh hoạt gia đình.

Bà rất hiền hậu, điềm đạm, từ hòa... khi gia đình thân tộc hay lối xóm láng giềng hữu sự, nhất là lúc sanh nở ốm đau, bà đều tận tình tùy phần sẵn sóc giúp đỡ, nên bà được nhiều người quý mến.

Năm 42 tuổi (1974), thiện căn quá khứ chín muồi, bà giác ngộ Phật pháp, liền phát tâm trường trai chuyên tu pháp môn Tịnh Độ, ngày bốn thời lễ niệm. Bà nhận thấy hình tướng cũng phần nào giúp ích cho sự tu nên tất cả y phục bà đã thay đổi bằng những bộ vạc mẻ, và mỗi lần ngắm nhìn nó bà cảm nghe lòng mình dâng tràn niềm vui thích lạ thường! Các con của bà cũng lần lượt phát tâm tu theo, những mong sớm được giải thoát, vĩnh viễn ra khỏi vòng sinh tử luân hồi nghìn trùng thống khổ... Bà cũng thường đi chùa, viếng non nên quen biết bạn đạo rất đông. Các thiện tri thức cũng thường xuyên ghé nhà để trợ duyên khích lệ gia đình về Phật Pháp, trọng điểm vẫn là đạo lý căn bản “bổn phận làm người” của cư sĩ tại gia và nguyên tắc niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới.

Quanh vùng, khi có những bệnh nhân nào cần hộ niệm, bà thôi thúc các con tham gia. Ban ngày thì lo làm

việc, tối đến chúng hăng hái tranh thủ cùng đi với chú đồng đạo. Nếu gặp ca hộ niệm nào mà gia đình nghèo, bà bảo con mang gạo theo để giúp đỡ họ.

Năm 1980 (bà 48 tuổi), xương sống của bà phát cơn đau nhức. Sau nhiều tháng thay thầy đổi thuốc, tiêm chích đủ thứ mà không thuyên giảm. Cuối cùng bà uống ba thang thuốc Nam của ông thầy ở Phú Tân, bệnh tình mới được tạm bình phục. Từ đó, bà thường xuyên sang phòng thuốc từ thiện của chùa Khánh Vân để chặt thuốc, và phối thuốc hằng ngày.

Có lần bà bị bệnh, đến Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, bác sĩ khám thấy bà thiếu máu trầm trọng, lại biết bà đang ăn chay nên đã đề nghị bà phải ăn mặn thì mới điều trị. Bà hỏi bác sĩ:

- Tui bị bệnh gì mà ăn mặn mới điều trị được, thưa bác sĩ?

Bác sĩ trả lời:

- Cô thiếu máu trầm trọng mà cô ăn tương, biết chừng nào đủ máu mà trị!

Bà nói:

- Nếu như vậy thì thôi để tui đi về!

Thế là bà ra về.

Vào cuối tháng 10 năm 1981, bà bị tai biến mạch máu não nên liệt nửa người bên phải. Gia đình đưa bà đi chích thuốc ở Long Xuyên mười ngày, dùng ghe tàu để chở, sáng đi thì chiều về, nhưng bệnh vẫn không tăng

không giảm. Biết mệnh số đã an bày, bà vui vẻ nhận chịu, hoan hỷ trả nghiệp, chuyên lo niệm Phật để sớm vãng sanh Tây Phương. Lúc này, bạn đồng tu tập nập ghé thăm. Các liên hữu cũng thường đến an ủi khuyến tấn. Nhờ tin sâu lý nhân quả, nghiệp báo nên mặc dù bệnh khổ hành hạ khốn đốn nhưng lúc nào bà cũng vui tươi, không bức bối cáu gắt, hay than trời oán người; thân tuy bệnh mà tâm không bệnh, lúc nào cũng nhớ nghĩ cái chết luôn luôn cận kề, và hành trang cần thiết là những gì mà mình cần cố gắng lo liệu cho được chu toàn để khỏi phải ân hận về sau:

*“Thân nghiệp chướng chứa đầy bao bệnh khổ,
Đau chỗ nào cũng tột độ xốn xang.
Mãi hoành hành cứ dai dẳng suốt canh tràng,
Chưa chợp mắt mơ màng bỗng trời chợt sáng.
Một mai kia mạng căn khi đúng hạn,
Rời dương gian cùng bè bạn lẫn người thân.
Rồi đi hieu quạnh quẻ chốn mộ phần,
Muôn ngàn thứ của thế trần đều bỏ lại.
Nên giác ngộ khá toan lo hối cải,
Thời gian qua như ngựa sai chẳng chờ ai.
Tĩnh đi thôi kiếp sinh tử mộng đêm dài!
Tri Phật hiệu để chờ ngày ngò sen báu!”*

Vào mỗi chiều tối chồng bà đi làm về, ông thường nói với các con:

- Bữa nào đi ruộng về... mệt thiệt!... Nhưng nhìn thấy má mây vui vẻ, ba ăn cơm... ba thấy ngon; còn bữa

nào đi về... mà thấy... má mày nằm nhẹ lép như vậy ba buồn... ba ăn không vô!

Vì thế, mặc dù trong người có bức ngặt cỡ nào bà cũng canh chừng lúc ông chồng sắp về tới, là bà rán gắng gương ngời dậy vui vẻ nói chuyện để cho ông ăn được ngon miệng.

Đến ngày 13 tháng 2 năm 1982, tới giờ cơm sáng, bà không dùng và nói với các con rằng:

- Từ nay tới ba ngày nữa, thỉnh nước cúng cho má uống thôi, chớ má không ăn cơm. Uống nước cúng cho sạch sẽ đặng má về với Phật!

Mặc dù lúc đó bà vẫn còn ăn uống bình thường, dường như khi ăn thức ăn vào bà cảm thấy khó chịu. Đồng thời bà bảo các con mời chư đồng đạo đến cầu an và hộ niệm cho bà, liên tục ba đêm. Bà còn dặn con nên cho mấy cậu hay tin bà sắp mất, nhưng đừng cho dì Út biết. Chừng nào bà mất rồi mới báo cho dì biết. Con bà lấy làm lạ liền hỏi:

- Sao vậy má? Có hai chị em, dì Út thương má lắm mà! Sao má không cho dì Út hay?

Bà nhẹ nhàng giải thích rằng:

- Ừ! Bởi vì có hai chị em... Dì Út thương má lắm! Nếu cho dì hay... dì khóc lóc bịn rịn, má không có vãng sanh được. Đợi chừng nào má đi rồi, mới cho dì Út hay!

Chồng bà và các con đều làm y theo lời bà căn dặn.

Cầu an và hộ niệm được 2 ngày, đến ngày thứ 3 là ngày rằm. Chiều hôm đó, khi bắt đầu lễ nguyện cầu an thì bà đề nghị với liên hữu Út Giềng:

- Cô Út ơi! Đêm nay cô đừng có cầu an nữa... mà cô cầu siêu đi. Cầu siêu cho tôi mau được vãng sanh về cõi Cực Lạc. Chớ đừng có cầu an nữa!

Thông thường đối với bệnh nhân còn khỏe thì chỉ hộ niệm đầu hôm, đến khuya thì ai về nhà nấy, phần thời gian còn lại gia quyến tự bố trí lo liệu. Nên gần khuya, nhóm đồng đạo của cô Út Giềng ở chùa Khánh Vân chuẩn bị ra về, bà nói:

- Út ơi! Bữa nay Út ở với tui một đêm đi. Chớ Út đừng có về chùa làm chi, đừng sáng tui đi!

Bởi vì ai cũng ngỡ là bà ao ước vãng sanh quá nên mới nói như vậy cho vui thôi, chứ không ngờ rằng đó lại là sự thật! Cho nên cô Út vừa cười vừa đáp:

- Đi đâu mà đi! Máy em còn ở đây... mà chị đi cái gì!

Thế là quý cô đồng hoan hỉ nhận lời, hôm đó cùng nhau ở lại nghỉ tại nhà của bà.

Đêm ấy, trong khi mọi người đang niệm Phật bà cũng niệm Phật theo, thỉnh thoảng bà la lên:

- Đi chỗ khác coi! Làm cái gì vậy!

Cô Út thấy thế liền lên tiếng gọi:

- Chị Ba! Chị Ba! Niệm Phật chị Ba!... Chị nói cái gì ạ?

Bà trả lời:

- Tui đang niệm Phật mà nó đem ba khía tới nó kêu tui ăn. Tui đuổi, tui đập nó đi chỗ khác... Mà nó kêu: Ăn! Ăn! Ăn!

Cô liền khuyên:

- Niệm Phật đi chị Ba! Chị niệm theo em, chị niệm lớn lên đi chị!

Bà bèn niệm Nam Mô A-di-đà Phật lớn theo mọi người. Lát sau bà cũng la đuổi nữa, vì bà thấy có một đám người mang thịt cá đến bảo bà ăn. Ban Hộ Niệm cũng lay tỉnh và bảo bà niệm Phật lớn lên. Từ đó đến sáng, tình trạng ấy đã lặp đi lặp lại vài lần như thế.

Sáng ra, bà nhờ các con thay đồ, mặc áo vạc mẽ cho mình. Xong xuôi, mọi người vây quanh hộ niệm cho bà.

Đến trưa thì liên hữu Ba Đô vô tới. Một, hai ngày trước chú có ghé thăm bà, khi cáo từ ra về chú ngậm ngùi nói:

- Thím Ba bệnh như vậy mà con không có ở đây được, con đã lỡ lãnh cất lúa cho người ta rồi!

Hồi sáng này chú đang cất lúa, sao nghe trong người nóng bức, trong lòng rất xốn xang bồi hồi. Chợt nhớ đến bà, chú bỏ cất đi về, chạy xe riết vào thì vừa đúng 11 giờ, lúc đó bà quay sang chào hỏi chú, rồi nằm chấp tay, miệng nhép môi niệm Phật theo mọi người. Niệm đến 12 giờ thì bà nhẹ nhàng an tường vãng sanh, tay vẫn còn

chấp giữa ngực. Nhằm ngày 16 tháng 2 năm 1982, bà hưởng dương 50 tuổi.

Hộ niệm thêm 8 giờ sau thì thấy các khớp xương đều mềm mại, gương mặt tươi đẹp hồng hào, đỉnh đầu ấm nóng trong khi các nơi đều lạnh.

(Thuật theo lời Lưu Thị Duyên, cô con gái thứ Tư của bà)

61. NGUYỄN VĂN MỸ (1910 - 1991, 81 tuổi)

*Dù nghèo vẫn chẳng lo riêng mình,
Luôn giúp hương thôn an với bình.
Thuận hòa vui đẹp tình người thắm,
Đời đã tốt tươi đạo thêm xinh!
Một khi đức trọng quý thân khâm,
Nhờ sự tu hành rất “thật tâm”.
Kết cuộc lâm chung siêu hay đạ,
Lấy thước này đo ắt chẳng lầm!*

Ông Nguyễn Văn Mỹ sinh năm 1910, cư ngụ tại Rạch Chùa, ấp Trung Bình Nhứt, xã Vĩnh Thành, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Khỏe; thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Nương. Ông là người con thứ sáu trong gia đình có bảy anh em.

Năm 20 tuổi ông kết hôn với bà Trần Thị Sáu, sanh được bốn trai ba gái. Gia đình ông sống bằng nghề làm ruộng và thợ mộc.

Tính tình ông vui vẻ, cởi mở, chân thật và nhân hậu.

Năm 1945 ông có đi nghe Thầy thuyết pháp ở sân vận động An Giang một lần và ở Cái Vồn một lần. Sau đó ông phát tâm dùng chay kỳ, sáng chiều lễ bái trở thành người cư sĩ tại gia, tận hết sức thực hành theo tôn chỉ: “Học Phật Tu Nhân”.

Mặc dù kinh tế gia đình rất khốn đốn, eo hẹp, thiếu trước hụt sau, phải cam go vất vả lắm trong phương kế sinh nhai, tảo tần một nắng hai sương mới duy trì được sự sinh hoạt đời sống gia đình, nhưng ông vẫn tùy phần san sẻ gạo tiền cho những người đói khổ xung quanh!

Ông thường vận động cây cối để cất nhà tình thương, hay đóng hòm cho tang sự... Đặc biệt là ông có khiếu ăn nói, biện luận hợp tình, trình bày hợp lý, nên đã khéo léo hòa giải được rất nhiều vụ tranh chấp xích mích giữa lối xóm láng giềng, hay vợ chồng bất hòa xung đột lẫn nhau. Vì vậy đã đem lại bầu không khí tươi vui cho hương thôn và sự yên bình trong gia đình!

Đối với các con cháu trong nhà ông rất có uy đức. Và ông cũng thường răn dạy các con răn lo làm ăn chơn chất thật thà, cố gắng làm lành lánh dữ, tu thân hành thiện, trau sửa nhân phẩm, hạnh đức tốt đẹp!

Năm gần 60 tuổi ông phát tâm trường trai, chuyên nghiên cứu pháp môn Tịnh độ, một lòng niệm Phật cầu

sanh Tây Phương. Khi các con đã trưởng thành, ông giao phó hết chuyện nhà và cất một cái thất ở gần nhà, ban ngày ông ra đó để niệm Phật và nghỉ trưa. Kể từ dạo ấy ông giảm bớt các công việc từ thiện xã hội, ưu tiên thời gian niệm Phật nhiều hơn và cũng thường khuyên con cháu phải cố gắng ăn chay niệm Phật để cầu vãng sanh về thế giới Cực Lạc của Đức Từ Phụ A-di-đà. Thỉnh thoảng ông cũng viếng thăm chư vị đồng tu ở nơi xa. Phương tiện giao thông thời điểm ấy thuận là đi bộ, nên có khi ông đi cả tháng mới về.

Vào khoảng năm 1970, Hội Quán của Ban Trị Sự tại địa phương nhà chuẩn bị tổ chức Đại lễ, vì ngày lễ đã cận kề mà nguồn nhiên liệu và cơ sở vật chất quá ư khô khan eo hẹp. Ông bèn đến nhà ông Năm trong vùng để xin cây gừa. Cây gừa này rất to lớn, cành lá sum sê rậm rạp, cái gốc của nó mấy người ôm không giáp, được ông Năm cho biết tuổi thọ của nó là đã trải qua ba đời người. Trước đây đã xuất hiện một sự kiện hết sức đặc biệt lạ lùng!

Số là có người đến mua, ông Năm đồng ý và cũng ngã giá xong xuôi. Khi người mua dẫn nhân công sang để hạ cây xuống, đột nhiên xảy ra sự cố nên đình lại, quỷ thần nhập vào thân quyến làm dữ, buộc ông này phải cúng cho họ ba đầu heo, ba con gà và ba con vịt! Ông mua cây sợ quá đành phải vãng theo. Trải qua hai tuần lễ sau đó quỷ thần lại đập đồng ép buộc cúng thêm một con heo nữa, lý do là vì đã phá nhà của họ làm mất hết một cây

cột, cho nên lần thứ hai này ngoài cúng ra còn phải trồng bù lại một cây giữa nhỏ gần cây giữa lớn! Người mua cây sợ quá thôi không dám hạ.

Khi thấy ông đến xin thì ông Năm nói:

- Trời ơi! Chú đốn được thì chú đốn!... Làm phước được thì cứ đốn. Tui cho chú đó!... Chú tui để làm gì?... Hơn nữa bán thì tui không dám bán!

Thế là ông về nhà kêu con cháu tổng cộng là năm cậu thanh niên đem cửa búa theo. Tối nơi ông trèo lên chằng ba ngòai chấp tay niệm Phật, ở dưới năm vị kia cũng niệm theo. Qua hơn mười phút niệm Phật ông ngưng lại, rồi nói lớn:

- Nếu ai mà ở đây thì kính mời quý vị dọn đi nơi khác! Cho tui xin cái cây này để tui bố thí củi đun, làm phước làm duyên cho người ta. Thôi bây giờ mấy ông cho tui xin nghen!

Nói xong ông trèo xuống tự tay cầm búa đốn trước, kế đó con cháu kẻ cửa người chặt tiếp theo, lần hồi hạ hết trọn cây. Lúc ấy ông Năm và bà con lối xóm đứng xa xa hiếu kỳ quan sát, trong lòng thì rất hồi hộp lo lắng cho đoàn người công quả này, nhất là lo lắng cho ông, vì ông đóng vai chủ chốt.

Suốt thời gian đốn cây xong, rồi mang về Hội Quán, cành nhánh dùng làm củi, thân cây thì xẻ ván đóng bàn, ghế, tủ... và những thứ gia dụng khác cho Hội Quán, thế mà thấy đâu cũng vào đấy, đều im ru, mọi người vẫn bình an vô sự, không hề có xảy ra chuyện gì!

Bác Tư (Nguyễn Văn Tư) là một trong số bạn đạo của ông, hai nhà cách nhau vài ba cây số, ông thường chống gậy đến để trao đổi Phật Pháp và kinh nghiệm hành trì. Có lần nọ ông nói:

- Mình muốn tu giải thoát thì phải cắt ái (dứt ái dục) nghen cháu! Nói thật với cháu, chú đã cắt ái mà chú rớt hai lần. Lần này chú quyết phải đi đến mức rớt ráo mới được!

Dần dà năm tháng qua nhanh, vào khoảng tháng 2 - 1991 ông bị bí tiểu, sự đau đớn dường như rất dữ dội nhưng ông không hề rên than, các con đưa ông đến y tá để xử lý. Xưa nay hề bị bệnh là ông chỉ dùng thuốc Nam, chưa hề biết bệnh viện là gì!

Từ đó cơ thể của ông bắt đầu suy kiệt dần, ăn uống sút kém, thường hay lên cơn mệt. Các con đòi đưa đi bệnh viện, ông nói:

- Cây khô rồi tưới nước cách mấy cũng khô... Thôi! Mình rán niệm Phật để Phật cứu. Chớ bác sĩ không có cứu mình được đâu!

Rồi từ đó ông chỉ uống “Thang Thuốc Thường”: lá xoài, lá ổi, lá mít, lá bưởi, bông trang hay bông vạn thọ; đồng thời một lòng chuyên nhất niệm Nam Mô A-di-đà Phật.

Ông thường nằm trên chiếc ghế bố ở nhà trước, đôi mắt luôn hướng thẳng về ngôi Tam Bảo để nhiếp hết tâm

ý trong lúc trì niệm. Bởi vì Cổ Đức hằng khuyên chúng ta luôn nhớ rằng:

*“Lẽ sống chết trọng đại,
Vô thường đuổi sau gáy.
Kiếp người duy có hạn,
Sớm chằm lo hối cải.
Bớt nói chuyện ớt cà,
Voi đi bao gánh ác.
Niệm thêm câu Di Đà,
Tạo nhiều duyên giải thoát.
Tây Phương là quê nhà,
Ta bà là quán trọ.
Cả đời tự chuốc đau thương,
Lạc lầm tự mình đày đọa!
Bấy lâu đấm côi mê,
Cha hiền chờ đầu ngõ.
Hãy mau quay gót trở về,
Dừng bước lữ hành sương gió!
Hẹn gặp nhau nơi Tây Phương,
Bạn bè đều là thượng trí.
Chốn ấy chân thật an vui,
Quê nhà của ta đấy nhỉ!
Niệm Phật vãng sanh Liên trì,
Là nhờ chuyên nhất: đứng, đi, nằm, ngồi.
Biết bao người đã đến rồi,
Lấy đây làm tấm gương soi đời mình!”*

Thời gian này ông dặn dò hậu sự của mình cho con cháu. Ông mua một cái băng nhựa ghi âm lại, chỉ dẫn

từng ly từng tí để mọi người làm theo, kinh sách bằng đĩa loại nào, xử lý ra sao... ngay cả những lời đáp tạ trong tang lễ và tuần thất ông cũng đều chỉ dạy cặn kẽ, bởi vì ông nhận thấy các con của ông ai cũng lâm vào hoàn cảnh nghèo khó, chỉ chân thật lo làm ăn nên chẳng am tường lắm đối với chuyện nghi lễ tang tế bao giờ!

Hay tin bệnh tình của ông chuyển sang giai đoạn nguy kịch, đồng đạo xa gần liên tục ghé thăm, các con ông đều hết sức lấy làm lạ là ông ngồi tiếp chuyện, vui vẻ bàn luận Phật pháp như người bình thường không chút gì bệnh hoạn cả; có khi người này vừa về thì người khác tiếp tới, liên tục như thế suốt cả ngày, đôi lúc cả đêm, mà chưa hề nghe ông rên than mỗi mết gì hết!

Ngày mùng 2 - 5- 1991 ông bảo người nhà đi mời bà con lối xóm cùng đồng đạo đến hộ niệm cho ông ba ngày. Các con y theo lời, đến đêm mùng 4 là đêm hoàn mãn, hôm ấy ông vẫn còn nói chuyện đạo lý với mọi người cho đến khuya.

Sáng ra, người con rể thứ Ba đến thăm trong khi các con đều chuẩn bị đi làm công việc như thường lệ, ông đang nằm trên chiếc võng vừa trông thấy bèn kêu lại. Rồi cho mời thân quyến tập trung lại cầu nguyện cho ông, và còn cho biết rằng hôm nay ông sẽ ra đi, người con rể thứ Ba ngồi bên cạnh, nói với ông nửa thật nửa đùa:

- Bữa nay mùng 5 xấu lắm ba ơi! Ngày mai mùng 6, ba hãy đi!

Ông đáp:

- Ngày nào cũng là ngày của Trời của Phật!

Khi làm lễ cầu nguyện xong, ông bảo xúm lại niệm Tây Phương Tiếp Dẫn cho ông. Ai cũng ngỡ ngàng vì thấy ông còn khỏe, nhưng không dám trái lời của ông, mọi người đồng thanh niệm Tây Phương Tiếp Dẫn lần thứ nhất, do ai cũng e ngại nên âm thanh hơi nhỏ. Ông ra lệnh phải niệm lớn lên. Niệm lần thứ hai lớn hơn lần đầu. Đến lần thứ ba, vừa dứt câu A-di-đà Phật thì ông cũng đồng thời nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Nhằm ngày mùng 5 - 5 - 1991, ông hưởng thọ 81 tuổi.

(Thuật theo lời: Nguyễn Văn Niệm, Nguyễn Văn Giêng, hai con của ông và đồng đạo Tư Dưa).

62. THÁI THỊ TIẾM (1939-2009, 70 tuổi)

*Đầu chẳng tròn, áo chẳng vuông... Có sao lại gọi sư cô?
Ô hô! Đây là chuyện lạ!*

*Giúp thiên hạ, giúp âm thầm... Cần chi người hay kẻ
biết! Đúng thật: Mật hạnh từ tâm!*

Bà Thái Thị Tiếm sinh năm 1939, cư ngụ tại ấp Châu Giang, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Thái Văn Đống; thân mẫu là cụ bà Ngô Thị Huỳnh. Bà là chị Hai trong gia đình có năm chị em.

Khi đến tuổi trưởng thành bà kết hôn với ông Trần Duy Hồ, sinh được bốn trai, một gái. Gia đình bà sinh sống bằng nghề buôn bán.

Bà có bản tính nhu thuận, hiền lành, hay thương người, ưa thích làm lành.

Năm lên 30 tuổi bà phát tâm trường trai, sớm chiều lễ Phật. Vài năm sau người chồng cũng phát nguyện tu theo bà. Kinh sách mà bà thường đọc là quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ.

Thường khi con cháu có chơi giỡn xích mích khóc lóc tức tưởi chạy về mét với bà, thì bà bảo:

- Nam Mô A-di-đà... thôi, đi con! Nam Mô A-di-đà... nhin, đi con!

Bà rất tích cực tham gia các công tác từ thiện xã hội, như làm công quả chặt, phơi thuốc nam cho các phòng thuốc từ thiện, quyên tiền cứu giúp những người nghèo, bệnh tật không có điều kiện chữa trị... Trong hương thôn có ai bệnh nặng, dù nửa đêm nửa hôm bà vẫn vui vẻ tạo phương tiện đưa vào Bệnh Viện Đa Khoa Châu Đốc.

Có lần nhân dịp chuyển người lối xóm vào nhập viện, bà trông thấy một ông cụ bị bệnh phổi mà không có ai nuôi, bà bèn phát tâm giặt đồ cho ông. Từ đó trở đi bà đều âm thầm vào bệnh viện để làm việc này, chăm sóc cho nhiều người tương tự như thế, gia đình không ai hay biết gì cả. Ai có hỏi đi đâu, bà đều đáp là tôi đi công chuyện.

Mãi đến khi bà bị bệnh khối u phần phụ, cần phải phẫu thuật, chồng con mới vỡ lẽ công chuyện mỗi sáng của bà!...Bác sĩ Hiệp rất quý kính bà, thường gọi bà là sư cô, là từ mẫu, vì hạnh của bà giống y như hạnh của Bồ Tát, do bà chẳng nề khó nhọc, chẳng sợ tanh hôi, nhất là những bệnh dễ truyền nhiễm lây lan mà ai ai cũng sợ, cũng xa lánh không dám đến gần!

Khi gặp bà, bác sĩ Hiệp nói:

- Chèn ơi! Bà sư cô này bệnh, phải ưu tiên cho sư cô này mới được nhen! Tôi đích thân... tôi mổ cho bà sư cô này mới được!... Bà sư cô này từ bi dữ lắm, bà không có sợ lây bệnh của ai hết...Mà hể ai tới đây là bà tận tình chăm sóc, giặt giũ!

Ngoài ra bà rất ưa thích phóng sanh, bà thường khuyên các con cháu nên hạn chế sát giết sinh mạng các loài vật.

Bà cũng thường cùng với chồng đạp xe đi cầu nguyện tuần thất quanh vùng.

Vào khoảng năm 2004 bà lâm cơn bệnh tai biến mạch máu não nên liệt nửa thân người. Qua thời gian dài điều trị, hồi phục được đôi phần, có thể đi gàn gàn ở trong nhà.

Ai sinh ra trên cõi đời này đều bình đẳng nếm trải bao nhiêu nỗi khổ đau, từ kẻ ăn mày đói rách thấp hèn

cho đến đế vương quyền uy cao sang danh vọng cũng phải như thế cả! Bệnh tật đối với người con Phật, đó là tăng thượng duyên khai phát trí tuệ. Giúp ta ý thức rõ ràng rằng con đường duy nhất để thoát ly mọi khổ lụy của cuộc đời, là cần phải luôn luôn suy tư nghiên ngẫm về nó qua lời Phật dạy, hay những khai thị của chư Cổ Đức:

*“Thân như hòn bọt,
Đời tựa áng mây.
Phút chốc đổi thay,
Lâu dài chi đó!
Mọi thứ đều bỏ,
Khi đã dứt hơi.
Sự nghiệp cả đời,
Tan theo sương khói.
Chỉ mang phước tội,
Vào nẻo luân hồi.
Muôn kiếp nổi trôi,
Sông mê biển khổ.
Xét suy tội chỗ,
Rán tạo phước lành.
Tín nguyện trì danh,
Cầu sanh Tịnh Độ.
Ác xưa hôi ngộ,
Cải sửa mỗi ngày.
Việc thiện hằng say,
Mặc ai chế nhạo.
Lòng nguyện Tây Phương quyết đáo,
Chí nguyện nắm chặt Hồng danh.*

*Một đời này lao nhọc mấy cũng cố gắng hành,
Ngàn vạn kiếp khó khổ vãng sanh rồi sẽ dứt!
Đài sen sáng rực,
Chờ kẻ chí tâm!”*

Năm năm trường do bệnh nằm một chỗ, bà nỗ lực hành trì rất tinh tấn ngày đêm bốn thời, mỗi thời tu của bà trước sám nguyện và tụng kinh Pháp Hoa, kế đó là niệm Phật. Nhất là thời giữa khuya, bà vận đồng hồ reo, con bà sợ bà suy kiệt sức khoẻ nên muốn ngăn cản. Bà trả lời:

- Con ngủ thì cứ ngủ, còn má cúng thì cứ cúng!

Ngoài bốn thời công phu ra bà chuyên cần trì niệm Hồng Danh Vạn Đức.

Mặc dù bệnh hoành hành nhưng bà vẫn chấp nhận trả nghiệp. Đối với các đồng đạo ghé thăm, hay các con cháu trong nhà, bà thường khuyên răn lo niệm Phật. Bà thường nói là bà nhất quyết sẽ vãng sanh, có người hỏi:

- Bà vãng sanh rồi còn mấy đứa cháu của bà ai lo cho nó?

Bà khẳng khái trả lời:

- Cháu thì có cha mẹ nó lo! Còn phần tôi, tôi phải về với Phật sớm, tôi không muốn vướng bận nữa!

Đến tháng 7 năm 2009, bà bảo cô Ba đem hết những tấm ảnh của bà ra, rồi bà chọn sẵn một tấm hình mà bà ngồi xếp bằng mặc áo tràng chấp tay niệm Phật, lại dặn

rằng khi bà mất lấy hình đó mà thờ... Sau này mua quan tài thì mua cái bình thường giá rẻ thôi, và mộ phần chỉ để bốn viên gạch ở bốn góc là đủ rồi. Bà còn dành dụm tiền sắm cho các cháu của bà những chiếc áo tràng để cùng cô Ba vào chùa Kỳ Viên, chùa An Phước... dự lễ. Sáng ngày 11 bà vui lắm, nói với cô Ba:

- Má thấy con noi theo cái gương của má tu, rồi dẫn dắt mấy đứa cháu đi chùa được... là má mừng lắm!

Kế đó bà nhìn lên thấy mấy đôi chiếu đang treo phía trên, bà vừa chỉ vừa nói:

- Thiếu chiếu rồi kìa! Con điện thoại cho vợ thằng Hùng mua cho má hai đôi chiếu nữa đi. Để đám tiệc tối trải cho đủ chiếu!

Cô Ba đáp:

- Đám gì không biết nữa... chưa đâu!

- Sao con biết... một, hai ngày nữa có đám rồi. Chẳng lẽ có khách lu bu mà con chạy lại đằng hàng xóm để mượn chiếu của người ta, hay sao?

Chiều ngày 12 bà lên cơn mệt, nhưng không nhiều lắm, bà bảo cô Ba mời Ban Hộ Niệm đến để hộ niệm cho bà. Cô chưng hửng đáp:

- Bệnh trầm kha mới kêu người ta tới hộ niệm... chớ má còn ngồi... má nói chuyện... như vậy, người ta tới thì ăn nói làm sao?

Rồi cô không chịu đi. Bà bảo đôi ba phen không được, liền nói:

- Má nói mà con cứ cãi hoài, một chút nữa là má bỏ xác rồi đó!

Con bà rước thầy thuốc Phát đến xem mạch cho bà. Nhân dịp đó bà gọi cô Ba tới bên cạnh và hứa với bà là sẽ trọn đời trường trai! Cô ba nói:

- Con đã hứa với má lâu rồi mà!

- Không, bây giờ có thầy Phát ở đây làm chứng. Con phải hứa trường trai trọn đời, để không thối nửa chừng bỏ dở!

Khi cô Ba đã hoan hỷ hứa xong, lương y Phát bèn xem mạch cho bà. Chẩn mạch xong ông nói:

- Chèn ơi! Mạch của bác Ba cũng còn tốt!

- Thôi, con ơi! Con vị bụng con nói như vậy chớ mạch lạc ở đâu... mà mạch! Mạch bộng gì... lạc hết trơn rồi. Một chút xíu nữa bác đi rồi, chớ tốt gì!

Kế đó bà lên cơn mệt, con trai của bà điện thoại mời bác sĩ ở Bệnh Viện Nhật Tân. Lát sau nhân viên của bệnh viện phái đến, khi bác sĩ đang đo huyết áp cho bà, bà nói:

- Bác sĩ ơi! chuyến này Phật rước tui rồi bác sĩ ơi. Bác sĩ trẻ lắm cứu tui không có được đâu!

Sau khi khám sơ bộ xong bác sĩ đề nghị với gia đình cho bà nhập viện, bà không chịu, nhưng thân nhân nóng lòng... Cuối cùng bà miễn cưỡng đồng ý. Khi thay y phục xong và chuẩn bị hành lý rồi, người nhà dìu bà ra xe, lúc dìu ra gần tới cửa bà bảo:

- Thôi, ngừng lại đây!

Bà chấp tay xá Cửu Huyền, cô Ba cũng xá theo bà. Bà khẩn vái to mọi người ai cũng nghe hết:

- Con trình với Cửu Huyền, hôm nay con đi bệnh viện dưới sự bắt buộc của con cái thôi. Tại đứa con thứ Tư của con nó khá nó bắt buộc phải đi bệnh viện, chớ nó không để cho con ở nhà... Bây giờ con đi là vì con của con thôi! Con đi bệnh viện là con bỏ xác rồi Cửu Huyền ơi!

Bác sĩ nhìn thấy lác đầu, rồi cần nhần, tại sao bệnh mà không khẩn cấp lo, làm cái gì mà cứ rì mọ rề rà hoài!

Khi lên xe cô Ba ngồi kế bên, cô nói nhỏ với bà:

- Má rán nhớ niệm Nam Mô A-di-đà Phật ghen má!

Bà kêu cô nên niệm Tây Phương Tiếp Dẫn. Cô Ba nghĩ bệnh của bà làm sao chết ngay bây giờ được, nên cô nói:

- Chèn ơi! Bây giờ chưa niệm Tây Phương Tiếp Dẫn được!

Đến bệnh viện cô cũng nhắc bà rán nhớ niệm Phật, bà nói:

- Lo cho con đó! Một chút nữa con khóc... con kể lẻ um sùm à!

- Con hứa với má rồi, dù có xảy ra chuyện gì đi nữa con cũng không khóc!

Khi y bác sĩ gắn một số dây truyền oxy, máy đo nhịp tim... Bà bắt đầu mệt nhiều, tiếng niệm Phật của bà ban đầu lớn, sau đó từ từ nhỏ lại dần. Cô Ba lại nhắc bà:

- Má ơi! Má rán niệm Phật nghen, má!

Bà gật đầu đáp:

- Niệm!...Niệm!

Lát sau thấy hơi thở của bà yếu nhiều, cô Ba kê sát vào lỗ tai của bà, nói:

- Bây giờ con niệm Tây Phương Tiếp Dẫn cho má nghen!

Bà gật đầu thật mạnh ba lần, lộ vẻ ưng ý vừa lòng. Cô Ba liền khẩn nguyện:

- Cầu xin Đức phật A-di-đà và chư Phật mười phương gia hộ cho mẹ con... nếu mẹ con còn duyên ở đời với tụi con, thì các Ngài độ cho mẹ con khoẻ lại như xưa; nếu như mẹ con hết duyên thì nhờ Ngài rước mẹ con đi một cách nhẹ nhàng!

Cô chí thành tha thiết khẩn ba lần. Khi khẩn nguyện xong vừa lúc đó xem thấy chỉ số của máy đo nhịp tim cũng vừa lịm tắt. Quay lại nhìn thì cô đã phát hiện bà đã ra đi tự bao giờ, cô bèn kêu người em dâu, nói:

- Em đọc Tây Phương Tiếp Dẫn lớn lên đi! Mẹ đã ra đi rồi đó!

Lúc ấy 7 giờ tối, nhằm ngày 12 - 7 - 2009, bà hưởng thọ 71 tuổi.

Khi nghe tiếng niệm Phật vang dội các y bác sĩ chạy lại, thấy tim bà ngừng đập, định hô hấp nhân tạo, nhưng cô Ba ngăn lại và xin với bác sĩ cho mượn giường đó để hộ

niệm cho bà trong lúc chờ xe rước về nhà. Khi chuyển thi hài của bà về đến nhà là khoảng 8 giờ tối. Chư đồng tu tấp nập đến hộ niệm rất đông.

Lúc nhập liệm, gương mặt của bà tràn ngập niềm vui. Chân, bụng rất lạnh, vùng ngực và mặt nhiệt độ bình thường, riêng đỉnh đầu ấm nóng. Cuộc hộ niệm vẫn duy trì mãi tới 7 giờ sáng ngày hôm sau.

Đặc biệt là một tay một chân bên liệt đã cứng còng gần năm năm, ngày thường không co duỗi được, vậy mà lúc này mềm mại như tay và chân bên kia. Đây quả thật là rất hy hữu lạ lùng. Ngày tang lễ, con cháu và tất cả bạn đồng tu ai ai cũng vui mừng hớn hỏ, khác hẳn hoàn toàn với những đám tang khác đầy bi thương và khổ lụy!

(Thuật theo lời: Trần Thị Bích Sơn con gái thứ Ba của bà.)

63. NGUYỄN THÀNH LỖN (1932 - 2009, 77 tuổi)

- Cây nghiêng về hướng nào, thì khi ngã phải ngã về hướng đó! Mình đã chuyên tâm mình niệm Phật thì mình phải về với Phật; còn ai niệm Tiên thì thành tiên; ai tu mà còn nóng giận thì thành Thần; còn ai niệm gian ác thì thành ma quỷ chớ gì!

- Lời ông Út -

Ông Nguyễn Thành Lỗn sinh năm 1932, cư ngụ tại ấp Bình Quới, xã Bình Thạnh Đông, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Điện; thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Tiểu. Ông là con Út trong gia đình có năm anh em.

Năm lên 19 tuổi ông kết hôn với bà Lê Thị Tính, sinh được hai trai, ba gái. Gia đình ông sanh sống bằng nghề làm ruộng.

Ông có bản tính vui vẻ, cởi mở, hài hòa, chân thật, cần mẫn, thương người mến vật. Nhờ thừa hưởng di sản tinh thần quý báu của tổ phụ, nên ông đến với Tam Bảo rất sớm, ở độ tuổi thơ đồng!

Năm 1975, ông phát tâm trường trai. Khi người cha kính yêu qua đời (1979) toàn thể gia đình cũng phát tâm trường trai như ông. Noi theo gương hạnh của cha, nối tiếp sự nghiệp phúc lợi xã hội, như: bào chế Đông dược thành phẩm, cất nhà tình thương, giúp đỡ cơm áo gạo

tiền cho những người nghèo khổ, bệnh tật... lúc nào ông cũng hăng hái, không cảm thấy mệt mỏi dù phải đối diện với muôn trùng khó khăn trở ngại ép ngặt!

Hằng ngày ngoài công phu bái sám hai thời tịnh niệm sớm tối ra, ông niệm Phật trong mọi oai nghi và thường đem Thánh ngôn ra khuyên dạy con cháu cố gắng thực hành theo phương châm: “Tu đền nợ thế cho rồi, thì sau mới được đứng ngôi tòa sen!”

Nền tảng căn bản vẫn là đạo làm người. Nỗ lực vun bồi những đức tính: chân thật, thuận hòa, trên kính dưới nhường, bao dung, thương yêu, đùm bọc lẫn nhau, quý tiếc mạng sống vật loại... Một khi đã là con người tốt rồi thì chuyện: “Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật quốc” quá ư thuận lợi dễ dàng!

Năm 1983, đáp ứng yêu cầu của quần chúng, ông nhận trọng trách lãnh đạo nhà thuốc từ thiện Thanh Bình. Đến năm 1995 thì ông chuyển sang cơ sở Bình Thủy. Năm 1999 ông lại phải quay về chùa An Hòa để đảm nhiệm Ban Tiếp Tân cho Giáo hội.

Trong suốt thời gian công tác Phật sự này, ông cùng một số bạn bè đã vận động quyên góp gây quỹ mua đất, thành lập khu nghĩa trang công cộng ở Vàm Cỏ Đông, diện tích gần một mẫu. Ngoài những chỗ an táng ra, tất cả đất trống đều được tận dụng trồng thuốc Nam, cung ứng dược liệu cho các cơ sở từ thiện xa gần.

Vạn vật sinh ra trong cõi đời đều biến hóa, đổi thay theo chu trình khép kín: lá rụng về cội, nước trở về nguồn, trăng tròn rồi khuyết... cho đến cái nóng oi bức của ngày hạ cũng phải lui tàn nhường chỗ cho cơn gió heo may se lạnh khi tiết đông về. Thân xác thịt xương của con người cũng không thoát ra ngoài quy luật tuần hoàn ấy, sinh ra lớn lên... rồi già... rồi bệnh... rồi cuối cùng cũng phải dừng chân nơi “điểm hẹn thiên thu”, cho dù: sang - hèn, khôn - ngu, giàu - nghèo, mập - ốm... hay bất cứ là ai trên cõi đời này, đều phải ngoan ngoãn chấp hành! Và vòng sinh tử luân hồi sẽ vĩnh viễn khép kín nếu ta không dừng mảnh tìm phương kế thoát ly, như người xưa đã thở than:

*Nhớ lời Phật Tổ dạy rằng:
Đời người chớp nhoáng như lần điển quang,
Xác thân tạm hợp rồi tan,
Lao xao bọt nước, mơ màng chiêm bao,
Nặng mang những nghiệp trần lao,
Loanh quanh ba cõi, xông xáo sáu đường.
Đã sinh trong cõi vô thường,
Thì ai thoát khỏi bi trường tử sanh,
Bầu trời lồng lộng cao xanh,
Sáng mưa chiều nắng tan tành gió mây,
Núi non rừng rú cao dày,
Còn đâu bể thẳm với đây chiều mai.
Từ ngàn xưa đến ngày nay,
Mả mồ đào đắp đầy đây đồng hoang.
Than ôi cuộc thế ngổ ngang,
Nào nùng chết khổ, lẽ làng sống vui,*

*Hơi thở nếu chẳng tới lui,
Mưa tuôn, cỏ lợp đất vùi nắng phơi.
Than ôi giấc mộng muôn đời!
Biết bao trần khách đọa nơi thảm sâu.
Thân người bền chắc chi đâu,
Mong manh tợ hạt sương đầu cỏ may!
Nếu không tìm kế lâu dài,
Bao giờ mới thoát khỏi ngày trầm luân!*

Tháng 7 năm 2008, ông ngã bệnh, đơn thuần là triệu chứng sốt, uống thuốc không giảm. Người nhà đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, năm ngày trôi qua vẫn không tìm được nguyên nhân của bệnh, bèn chuyển ra Bệnh Viện Nhiệt Đới ở Sài Gòn. Thời gian nằm viện có lần ông nói với người cháu:

- Từ trước tới giờ ngoại lo tu phước, ít tu huệ. Chuyến này về nhà ngoại sẽ cố gắng niệm Phật để vãng sang về Cực Lạc!

Mười hôm sau bệnh tình tạm ổn ông xuất viện về nhà, phải mất ngót hai tháng trời sau đó sức khỏe của ông mới hồi phục hoàn toàn.

Để làm tròn tâm nguyện của ông, các con cháu đã trang trí một căn phòng thoáng mát, thích hợp cho ông tinh chuyên tu niệm hành trì. Ban ngày ông mở máy niệm Phật cho phát ra hai cái loa, rồi niệm quyết liệt theo. Ông thường đùa với cô Hai:

- Ba niệm kinh với ông sư này mới được!

Chiều tối các con cháu khoảng mười đến hai mươi mấy người sau khi lễ bái sám nguyện xong, xúm lại vào phòng cùng niệm Phật với ông từ 6 giờ đến 8 giờ. Có lúc niệm cao thanh, có lúc niệm thâm. Qua một thời gian quan sát thực trạng nhận thấy hai tiếng đồng hồ đối với đại chúng thì hơi quá lượng, nên ông đã giảm bớt lại một nửa và duy trì cho đến ngày ông ra đi là đúng một năm.

Mô hình đạo tràng cộng tu lý tưởng này đáng để cho chúng ta học tập, nhưng nếu phước duyên lẫn uy đức thiếu kém, chúng ta chỉ còn có cách tùy hỷ mà thôi chứ không dễ gì thực hiện!

Đến tháng 8 năm sau (2009), sáng ngày 22 ông bị nóng sốt và mệt nhiều, người nhà đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang. Nằm ở phòng cấp cứu, bác sĩ chẩn đoán ông có khối u ở cuống mật. Qua một tuần lễ sức khỏe tạm bình phục. Một đêm vào giữa khuya ông nói lớn với mọi người:

- Vui quá! Có ai đọc sám kệ với tui không?

Thế là ông cất tiếng ngâm nga mấy đoạn thơ khá dài, kể đó niệm Phật liên tục, mọi người trong phòng cấp cứu đều hướng về ông, thấy ông mặc bộ đồ bà ba, tóc râu bạc trắng, ngồi ngay ngắn trang nghiêm nên đều hết sức lấy làm lạ!

Đến ngày 28 chú Tư Đức ở Kinh Xáng Cây Dương đến thăm thấy ông vui vẻ khác thường nên hỏi:

- Lúc này bác có thường nhớ niệm Phật không, thưa bác Út?

Ông hoan hỷ lấy tay chỉ cái máy niệm Phật, rồi nói:

- Nhờ vị sư này niệm Phật hay quá nên bác không có quên!

Chú lại hỏi tiếp:

- Từ trước tới giờ mình ăn chay, mình lễ bái, làm lành và chuyên niệm Phật. Vậy chí nguyện của bác là về đâu?

Ông khẳng khái trả lời:

- Cây nghiêng về hướng nào, thì khi ngã phải ngã về hướng đó! Mình đã chuyên tâm niệm Phật thì mình phải về với Phật; còn ai niệm Tiên thì thành tiên; ai tu mà còn nóng giận thì thành Thần; còn ai niệm gian ác thì thành ma thành quỷ chớ gì!

Chú Tư nghe ông nói như vậy, trong lòng hết sức phấn khởi vui mừng tin chắc rằng ao sen báu bên Tây Phương sẽ nở một đóa hoa quang minh tỏa sáng, làm cho kẻ thấy người nghe càng nguyện thiết tin sâu, đồng cầu sanh Tịnh độ! Chuyện vãng một hồi, rồi chú từ già ông ra ngoài tìm gặp cô Hai, chú báo cho cô hay:

- Bác Út gần được về với Phật rồi! Chị nên theo dõi... coi chừng bác ra đi không hay đó! Vì người gần vãng sanh tinh thần thường sáng suốt và sức lực khỏe mạnh lạ lắm!

Cũng trong thời gian này, có lần ông thấy điềm lạ nên hỏi các con:

- Sao ngộ quá con ơi! Hễ mỗi lần cha nhắm mắt thì thấy một đoàn Tăng sư đến thăm cha rất đông, khi mở mắt ra thì không thấy gì hết! Các con có thấy không?

Thì ra, ông có người con nuôi ở bên Úc, pháp danh Như Trí, cô này là một Phật tử thuần thành, thường tới lui Tịnh Tông Học Viện Úc Châu, khi hay tin ông bệnh nặng cô đã ghi tên của ông gửi vào đạo tràng nhờ đại chúng hồi hướng cho ông, nên mới cảm ứng điềm lành như vậy!

Sáng ngày mùng 2 tháng 9 ông bảo với con:

- Đưa cha về nhà tắm rửa sạch sẽ... Chuyển này cha sẽ lừa hết con cháu vào phòng niệm Phật cho thoát khổ!

Khi ra khỏi bệnh viện ông ngồi trên xe tắc-xi tươi cười như người không bệnh. Chiều hôm đó bà con lối xóm đến thăm, ông khuyên:

- Đòi này khổ lắm! Rán lo niệm Phật!

Ông còn căn dặn các con:

- Mình vừa lo làm, vừa lo niệm Phật ghen con!

Có mấy cháu đề nghị:

- Bệnh của cậu uống con tắc kê bay mới hết!

Ông tươi cười đáp:

- Con cháu có lòng thương cậu thì cậu rất cảm ơn, cậu ăn chay từ năm 1975 đến nay... chỉ còn một bước nữa là trọn vẹn. Có đau mới chết, bệnh là để thử thách mình đó thôi... hãy để cho cậu được trọn vẹn!

Đến 6 giờ chiều, sau khi mọi người lễ bái xong, xúm nhau vào phòng niệm Phật như thường lệ. Cô đồng đạo Hiền bước vào trước bèn hỏi ông:

- Ông Út! Ông về nhà khỏe hả, ông Út?

Ông đáp:

- Về nhà niệm Phật vãng sanh cho khỏe!

Rồi ông nói tiếp:

- Con cháu cúng xong rồi vô đây ngồi niệm Phật đặng thoát khổ!

Thế là ông ngồi niệm Phật cộng tu suốt một giờ. Người cháu mới đến nói với ông:

- Ngoại ơi! Ngoại mỗi lưng thì ngoại nằm đi nghen ngoại?

Rồi bèn đỡ ông nằm xuống, ông vẫn nhép môi niệm Phật theo mọi người. Niệm được một lúc, đêm đã dần về khuya, đại chúng lần lượt giải tán chỉ còn lại vài người, sau đó đưa ông sang võng nằm nói chuyện bình thường. Ông dặn người rể thứ Năm:

- Con làm thì làm, như được 200 gạ lúa thì phải bố thí 100 gạ nghe chưa!

Rồi ông xoay qua người rể thứ Ba:

- Con vừa làm cũng phải vừa lo làm phước, vừa lo niệm Phật nghen con!

Khi ấy khoảng 10 giờ, các con múc cho ông một chén cháo trắng, dùng xong ông nói:

- Con Ba năm nay giàu dữ lắm! Nó làm nếp trúng mà còn trúng giá nữa!

Cháu ông sợ ông nhớ chuyện trần đời quên niệm Phật, nên chen vào:

- Ngoại ơi! Các dưỡng, các mợ lớn hết rồi!... Mà thôi đi, ngoại lo niệm Phật đi, mấy cái chuyện đó ngoại đừng có lo tới!

Ông nói:

- Con à! Con yên tâm đi, bây giờ ông ngoại niệm Phật, ông ngoại hết có quên rồi... Ông không có còn quên nữa đâu, con đừng có lo cho ông!

Đến 11 giờ 30 khuya, ông nhờ dìu cho ông đi vệ sinh. Xong rồi, ông nói:

- Sao mà trong mình nó kỳ lạ quá!

Mọi người lập tức thông báo nhau tập trung vào phòng của ông. Cô Hai vừa bước vào, ông kêu:

- Vân ơi! Con đi đốt nhang các ngôi thờ, rồi niệm Phật... Ba đi!

Nghe ông nói ai cũng giật mình, vì thấy rằng ông còn khỏe khoắn và tỉnh táo bình thường, đâu có biểu hiện gì khác lạ giống như người sắp mất đâu! Thế là các con cháu đồng cùng chấp tay ngồi niệm Phật với ông. Kế đó ông nhờ đỡ nằm xuống, ông nói:

- Sao mà trong mình nó nóng quá!

Lát sau lại nói:

- Sao mà trong mình nó lạnh quá!

Khi cây hương vừa tàn thì đốt thêm đọt thứ hai. Đang nằm ông vẫy tay, nói:

- Chào hết đồng đạo và bà con... Tôi đi ghen!

Rồi ông nhờ đỡ ngồi dậy, ông hỏi:

- Căn phòng này con cháu ở lại niệm Phật, có đồng ý không?... Mà ai sẽ nối tiếp theo?

Chú Tư trả lời:

- Cha ơi! Cái phòng này để con lãnh cho! Cha cứ yên tâm niệm Phật về Cực Lạc trước, con cháu sẽ về sau!

Ông gạt đầu và niệm Phật lớn hai lần, rồi nhít người ra để thông hai chân xuống giường, hai tay buông xuôi theo thân, lưng thẳng. Chú Tư bèn quỳ gối đặt cằm của ông lên vai mình. Ông lần lượt đưa mắt nhìn hai mươi mấy người ngồi trang nghiêm niệm Phật trong bầu không khí thanh tịnh. Nhìn qua một vòng xong đôi mắt từ từ khép lại, im lìm ra đi giữa âm thanh sáu chữ trầm hùng chậm chậm vang lên đều đặn, khoảng cách của chữ Đà và chữ Phật hơi thưa ra. Bên ngoài có vài thầy giáo ngồi trên bàn trà đang quan sát hiện trường, họ mới vừa cùng xầm xì với nhau:

- Cái gì mà... Cậu Út, ông còn nói chuyện rồn rảng mà đi đâu!... Mấy đứa này... hở một cái... là nó niệm Phật... hở một cái... là nó niệm Phật!”

Cô cháu ngoại đã từng đi hộ niệm, ngồi gần đối diện với ông mà vẫn không hề hay biết, cô nghĩ thầm rằng ông đang nhắm mắt để dưỡng thần. Khi chú Tư đổi sang niệm Tây Phương Tiếp Dẫn lớn lên báo hiệu rằng ông đã dứt thở rồi. Hốt nhiên ai nấy lông tóc dựng đứng cứ ngỡ ông đùa chơi cho vui, chẳng ngờ ông ra đi thiệt! Mấy vị thầy giáo đang “tâm sự loài chim biển” ngoài kia cũng không

khỏi một phen thất vía kinh hồn, bò càng bò niểng! Lúc ấy đúng 1 giờ sáng, ngày mùng 3 - 9 - 2009, ông thọ 77 tuổi.

Khi hay tin ông Út vẫy tay chào con cháu và từ giả đồng đạo trước khi về Cực Lạc, nên chư vị đồng tu đến gia đình ông rất đông, thay phiên cầu nguyện và hộ niệm để gieo duyên. Đến 9 giờ sáng mới nhập liệm mà sắc diện của ông vẫn hồng hào, sáng đẹp, lộ nét tươi vui!

(Thuật theo lời của cô Hai Vân, chú Tư Ngoan, hai con của ông, cô Diễm, cháu ngoại của ông và đồng đạo Tư Đức.)

NỘI TÔI

*Phúc hậu nhân từ Nội của tôi,
Nghìn thu giấc ngủ đã đi rồi.
Tây Phương Cực Lạc, Ông về trước,
Con gắng tu hành bước theo sau.
Mấy chục năm trường Nội xả thân,
Lo cho bá tánh những khi cần.
Thuốc tán, thuốc hoàn... luôn bào chế,
Trao tặng bà con khắp xa gần.
Giúp người an khỏe khi đang sống,
Lo nơi táng tống lúc qua đời.
Tốt đạo, thấm tình, hương thôn đẹp,
Cánh hoa đức hạnh nở rạng ngời!
Chân thật tu hiền chẳng lợi danh,*

Mặc bao gai góc với sỏi sành.
Tình đời ấm lạnh âu thường lệ,
Cầu Phật ban ân vạn sự thành!
Đốc cạn tâm can trọn cả đời!
Đáp đền nợ thế đến tàn hơi!
Khi cần phải xả, liền buông xả!
Về cõi Tây Phương vui thảnh thơi!

Nội tôi thanh thoát từ bi,
Hôm nay Nội đã ra đi vĩnh hằng.
Ngồi nhìn con cháu một lần,
Dặn dò khuyên răn chuyên cần siêng tu.
Ông về Cực Lạc ngao du,
Ở đây phải răn công phu hành trì.
Biết rằng Nội sắp ra đi,
Cố ngăn nhưng lệ ưu bi vẫn tràn...

Nhiệm mầu cõi báu Tây Phang,
Trang nghiêm thanh tịnh, ông đang đến rồi.
Từ nay chấm dứt luân hồi,
Sen vàng rực rỡ ông ngồi hân hoan.
Giờ con đang ở trần gian,
Gắng tu tinh tấn chẳng màng khổ lao.
Hẹn ông mình sẽ gặp nhau,
Để không còn những nỗi đau kiếp người!

(Bé Thẩm và một đồng tu)

64. VÕ THỊ TÁC (1950 -2015, 65 tuổi)

Tế kẻ bần, cứu người khổ, xông pha đông tây nam bắc đủ chỗ, bao gian khổ, lòng chẳng chút ngại ngần!

Luôn tỉnh ngộ, luôn chuyên cần, đẹp đạo tốt đời buông của xả thân, vững tinh thần, tâm không rời Tịnh Độ!

Bà Võ Thị Tác sinh năm 1950, cư ngụ tại số nhà 252, tổ 2, ấp Vĩnh Thuận, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Võ Văn Hiệp, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Khôi. Bà là chị Hai trong gia đình có năm người con.

Cha của bà biết được một số phương thuốc gia truyền, nên thuở nhỏ, khi học hết lớp ba trường làng, bà được cha cho đi học Hán Văn và chuyên ngành về Đông Y với nhiều thầy thuốc. Mãi đến năm 20 tuổi, học nghiệp của bà mới hoàn tất.

Nhờ gặp gỡ Phật Pháp rất sớm nên hạt giống bồ đề nhanh chóng nảy mầm, ba năm sau bà phát tâm trường trai. Kế đó cô em gái thứ Ba cũng noi theo bà, lo chạy lạt dưa muối tu hành!

Tính tình của bà hoạt bát, vui vẻ, ăn mặc khiêm ước, bình dị. Bà rất nhiệt tình tham gia các công tác từ thiện xã hội, bố thí giúp người thì không hề xén tiếc cả về vật chất, tiền bạc lẫn sức lực và tinh thần. Một đôi dép rẻ tiền mà bà sử dụng trong rất nhiều năm tháng, hễ rách quai thì bà khâu lại, đến khi không còn khâu được nữa

mới mua đôi mới; còn y phục thì đến 30 năm vẫn còn dùng, bao nhiêu quần áo mới bà đều tặng cho các cụ già. Cho nên nhiều khi ra đường, những người ăn xin đều nghĩ rằng bà đồng môn phái “Cái Bang” với họ. Các anh xe ôm cũng không lấy tiền vì thấy bà ăn mặc quá đơn giản sơ sài, cũ kỹ. Khi lên xe buýt thì bà thường trả tiền luôn cho những người lớn tuổi.

Bà ưa thích săn sóc những người bệnh, nhất là những người lớn tuổi không ai quan tâm chiếu cố, từ việc đổ bê đến giặt giũ!

Trong thôn xóm hễ có tang sự, hầu hết người ta đều đến rước bà để hướng dẫn sắp xếp mọi thứ, như: chỗ nơi cầu nguyện; thứ tự, giờ giấc tống táng và tuần thất sau đó... Thậm chí việc đi mua hòm người ta cũng nhờ bà. Đôi khi bà đích thân tận liệm giùm họ luôn. Ngoài ra bà còn hướng dẫn cách thức lấy hài cốt...

Thỉnh thoảng bà hay tổ chức các cuộc chẩn bần cho những hộ dân nghèo ở Tân Mỹ, Mỹ Luông, Cồn Phước, Cù Lao Giêng... Bà đi quyên góp gạo rồi mời bác sĩ ở Bệnh Viện Đa Khoa Châu Đốc hoặc Bệnh Viện Nhật Tân để cùng đi cho gạo và khám bệnh, cấp phát thuốc miễn phí.

Bà đối xử rất bình đẳng, không phân biệt với bất cứ ai hay tôn giáo nào. Hầu hết các chùa chiền hay tịnh xá ở những vùng lân cận bà đều quen biết, ngay cả giáo đường bà cũng lui tới một cách tự nhiên. Những năm Giáo Hội Phật Giáo có tổ chức ba tháng an cư, bà thường liên hệ xe giúp đưa quý sư cô về chùa trong ngày giải hạ.

Công tác từ thiện của bà không giới hạn ở phương diện nào! Cái gì có lợi cho nhân sinh mà bà nhận thấy khả năng của mình có thể làm được thì bà cố gắng tận lực làm, không nệ khó khăn, chẳng nài gian khổ. Lắm lúc chỗ này rước đi chưa về thì có chỗ khác đến rước nữa...

Bà sinh sống bằng nghề kinh doanh Đông Dược, thường thì bà chỉ lo bào chế, khi bào chế thành phẩm xong rồi thì bà chuyên đi làm từ thiện tối ngày; còn phần bán thuốc thì bà Ba ở nhà lo. Nếu bà đứng bán thì bà cho chứ chẳng lấy tiền ai cả. Lúc mẹ bà qua đời, bà lại phải gánh vác thêm công việc đồng áng, ruộng vườn. Thời gian sau có thêm một bạn đồng tu nữa là bà Chín đến sống chung.

Công khóa hành trì của bà chỉ hai thời sám lễ sớm chiều, sau đó thì bà ngồi niệm Phật, tùy theo sức khỏe mà thời gian ngồi niệm có lâu có mau không nhất định. Kinh sách mà bà đọc đơn thuần là quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ, băng đĩa mà bà nghe xem cũng đồng loại như thế.

Những lúc bào chế thuốc, bà thích ngồi riêng một mình, im lặng vừa làm vừa niệm Phật để khỏi mất thời gian nói chuyện tạp nhạp vô ích. Cách thức hành trì của bà theo phương châm: “Làm hết các việc từ thiện, tránh hết tất cả những điều độc ác, quyết rửa tẩm lòng cho trong sạch” rồi hồi hướng phước đức và công đức đó cầu về thế giới Tây Phương của Đức Phật A-di-đà!

Do thắm thía nỗi khổ của kiếp nhân sinh, bèo mây tan hợp. Biết bao lần khi chứng kiến những cuộc tang lễ, khiến bà phải suy nghĩ mà xót dạ đau lòng: Đời người cuối cùng rồi ai cũng phải trở về cát bụi, lâu son gác tía đều trở thành vô nghĩa trong giây phút ấy! Con hiền, cháu thảo đâu thể thế thay... Rồi một mình đi lang thang trong nẻo luân hồi. Do đó, khi rảnh rỗi các chị em cùng ngồi lại bàn luận với nhau. Bà Ba thì nói rằng:

- Bây giờ mình còn khỏe mạnh, mình phải rán lo làm lành, rán lo niệm Phật để về Tây Phương... Chừng nào học đạo cho hoàn toàn rồi thì trở lại cứu vớt tất cả chúng sanh!

Bà thường hay đọc một cách thích thú những đoạn thơ sau đây:

*“Ngày đến, đến đi đâu kéo ngược,
Năm về, về mãi chẳng ngừng ngang.
Tuổi già sức yếu đa sầu cảm,
Tóc bạc mình ve lấm rợn ràng.
Biết được trần gian là mộng huyễn,
Tử thần sửa soạn kéo vào quan.*

*Kéo vào quan quách biết bao người,
Cuộc sống sum vầy phỏng mấy mươi.
Lắm lúc đua chen vui lẫn giận,
Nhiều khi vùi vểnh khóc pha cười.
Tuồng đời chuốc ngót cho xong tiếng,*

*Cuộc thế trau giồi mượn tác hơi.
Nín thở nằm ngay không cựa quậy,
Xót thương con trẻ khóc đôi lời.*

*Đôi lời kể lại nỗi hàn huyên,
Ma lớn chạy to phí lắm tiền.
Tưởng vậy xác thân đa hạnh phúc,
Nào hay hồn phách lắm oan khiên.”*

Trần gian là quán trọ, dừng chân qua đêm, sáng mai lại phải từ giã để lên đường. Mấy mươi năm trên cõi đời quả thật quá ư ngắn ngủi, dường thế một đêm! Vậy mà biết bao người phải bận rộn cả đời bon chen đuổi theo tiền tài, danh vọng, phú quý, vinh hoa... toàn là bọt bóng bèo mây, nay tan mai hợp:

*“Bồi hồi tỉnh giấc Nam Kha,
Đường danh, néo lợi xem ra ích gì!”*

Sức khỏe của bà mặc dù không được tốt lắm, nhưng do tinh thần nhiệt tình hy sinh phụng hiến, sống vì mọi người nên bà đã lướt qua mọi bệnh tật. Có lần chân bà bị tê dữ dội, bà được đưa đến bệnh viện ở Châu Đốc để điều trị, nhưng chẳng giảm, rồi xuống Bệnh Viện Đa Khoa An Giang cũng không xong, sau đó ra bệnh viện ở Sài Gòn, nhưng cũng không ổn. Cuối cùng bà quay về nhà uống thuốc Nam thì tạm được an lành!

Cuối năm 2013, đêm nọ bà nằm mơ thấy có một người cao to đứng ở đầu giường của bà, nói rằng: “Tu đền

nợ thế cho rồi, thì sau mới được đứng ngôi tòa sen.” Mà lặp đi, lặp lại ba lần như vậy!

Lúc tỉnh giấc, bà thuật lại cho bà Ba và bà Chín nghe, rồi nói:

- Chắc có lẽ... công hạnh hành thiện tích đức của tôi chưa đủ hay sao, nên Phật, Bồ Tát mới nhắc nhở tôi phải cố gắng hơn nữa!

Đến đầu năm 2015, sức khỏe của bà bị tuột dốc, ăn uống kém dần, tay chân tê mỗi ngày càng nhiều, khi đi khám bệnh thì không tìm ra bệnh gì.

Sự dụng công hành trì của bà lúc này càng khẩn thiết hơn xưa. Lúc đầu bà còn lần chuỗi, về sau tay bị tê nhiều nên bà ngưng luôn, mà chỉ niệm ký số, hết trăm này rồi tới trăm khác.

Khoảng sau rằm tháng ba, một đêm bà nằm mộng thấy tương tự như lần trước, nhưng lần này người đó nói: “Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc Quốc; Hưởng công niệm Phật rất yên lành”, và cũng nói y như vậy đúng ba lần. Sáng ra bà cũng kể lại cho bà Ba và bà Chín nghe, rồi nói:

- Tôi chắc sắp ra đi rồi, chị Chín ơi! Còn kỳ trước có lẽ tôi làm chưa xong nên Ân Trên Long Thiên Hộ Pháp mới bảo tôi: “Tu đền nợ thế cho rồi; Thì sau mới được đứng ngôi tòa sen.” Còn kỳ này chắc đã xong xuôi viên mãn rồi!

Biết bà Chín còn hơi hồ nghi, nên bà nói thêm:

- Chị cứ yên tâm đi! Một đời tôi, cái gì tôi cũng buông

hết rồi. Giống như mình ăn chuối... mình lột bỏ cái vỏ vậy đó! Hơn nữa... chị nhớ đi, cũng như cái cây... mình mổ miệng bên nào, đến khi đứt gốc thì nó sẽ ngã về bên đó... Chị cứ yên tâm đi! Một khi mình đã hướng về với Phật A-di-đà rồi thì chắc chắn mình sẽ về đó thôi!

Thấy bà yếu nhiều, các em cháu bà nài nỉ đưa bà đi bệnh viện để khám bệnh nhưng bà không chịu, bà nhờ đặt bàn Phật trong nhà và mời đồng đạo đến cầu nguyện.

Đến ngày 19, tại nhà có lễ giỗ, bạn đồng tu và thân tộc ghé viếng thăm bà rất đông, mọi người đề nghị nên đến bệnh viện để khám bệnh, bà miễn cưỡng chấp thuận.

Sáng ngày 20, khi vào Bệnh Viện Nhật Tân, trải qua quá trình xét nghiệm, bác sĩ chẩn đoán là bị “suy nhược cơ thể” và cho bà xuất viện ra về trong ngày do không tìm ra bệnh gì, vì các chỉ số cận lâm sàng hầu như bình thường. Lúc này bà có thể tự gắng gượng để đi được. Qua hôm sau mọi động tác sinh hoạt của bà đều phải nhờ người phụ giúp, vài hôm nữa thì không ngồi được. Cũng trong lúc này bà nói với bà Ba:

- Cái gì gia đình cho chị thì bán hết và bố thí đi!

Bà Ba đáp:

- Tài sản này của chị mà, đâu phải của ai đâu. Chị muốn gì thì chị nói, các em sẽ làm theo ý chị!

Nghe thế bà liền yêu cầu làm cho bà những việc như: cúng thập tự, trai phạn, mua cặp chân đèn và may 50 áo tràng để gửi vào chùa dâng cúng, và mua cá phóng sanh... Những điều bà yêu cầu, mọi người nhất nhất làm

y theo. Còn cách thức tẩm liệm chôn cất ra sao bà đều tận tường hướng dẫn từng li từng tí.

Khoảng 5 giờ sáng ngày mừng một tháng tư, bà lên cơn mệt hỗn hển, mọi người đang hộ niệm cho bà, bà đọc lên sáu câu thơ trong bài “Hiến Thân Sãi Khó”, bà đọc nhất gừng từng chữ một theo nhịp thở:

*“Nam Hải Quán Âm bình nước tịnh,
Rưới giùm bá tánh bớt tai ương.*

*Phận tố xác phàm tố sẽ đưng,
Cúng dường cho Phật, Phật đành ưng.
Dù cho phải chịu ngàn cay đắng,
Cũng nguyện đạo mẫu sẽ chấn hưng.”*

Đã trải qua mấy ngày liền bà không nói chuyện, hôm nay dù rất mệt mà bà vẫn cố gắng đọc mấy câu thơ này, dường như bà có ý muốn trút hết nỗi lòng trước khi già từ cõi thế!

Kế đó bà bắt đầu lên cơn ngật mình, người cháu đo huyết áp thấy rất thấp bèn cấp tốc truyền dịch cho bà, hy vọng rằng huyết áp sẽ tăng lên bằng lúc bình thường, nhưng mọi người đều thất vọng vì không có hiệu quả gì cả! Thân quyến và đồng đạo tập trung hộ niệm, sau đó bà nằm im trở lại, cơn ngật mình bỗng nhiên biến mất! Cuộc hộ niệm kéo dài mãi đến 3 giờ chiều, bà nhẹ nhàng dứt thở ra đi về cõi vĩnh hằng, nhằm ngày 1 - 4 - 2015, bà hưởng thọ 65 tuổi.

Qua tám giờ hộ niệm, gương mặt của bà vui tươi sáng đẹp hơn lúc bình thời, các khớp xương mềm mại, mọi chỗ trên thân đều lạnh, duy chỉ có đỉnh đầu ấm nóng. Âm thanh Phật hiệu trợ niệm vẫn được ngân vang liên tục sang ngày hôm sau.

Khi hay tin bà mãn phần, các đồng tu và bà con khắp nơi tấp nập kéo lại để hộ niệm gieo duyên với bà. Ca niệm lúc 6 - 7 giờ tối, liên hữu Lâm bồng bắt gặp một luồng ánh sáng từ ngoài chiếu vào, anh cứ ngỡ là có ai đó rọi đèn pin nên không mấy quan tâm.

Lễ an táng được tiến hành lúc 3 giờ chiều ngày hôm sau (mùng 2). Địa điểm chôn cất gần nhà nên đi bộ. Khi quan tài băng qua đường cùng âm thanh trầm hùng của câu Phật hiệu, bất giác anh quay phim hô to:

- Có hào quang, có hào quang!

Đồng thời anh đưa máy cho một số người khác xem, họ cũng thấy như thế. Người thợ chụp hình cũng nhìn thấy được ánh hào quang này qua ống kính. Trên quan tài đặt 35 túi lan toàn màu trắng, vậy mà nhìn qua ống kính hoa lan trắng đã biến thành màu vàng; còn áo quan màu trắng biến thành màu tím hoa cà, phía trước quan tài có vòng tròn sáng tỏa ra ngũ sắc.

Sự ra đi của bà đã để lại biết bao niềm tiếc nuối khôn nguôi trong lòng nhiều người!

(Thuật theo lời của bà Võ Thị Dồi, em thứ Ba của bà và đồng tu Nguyễn Thị Đạm.)

65. NGUYỄN VĂN THỌ (1932 - 2008, 76 tuổi)

Bán đất để làm từ thiện! Quả thật đây là chuyện... rất khó, rất khó làm!

Niệm Phật mong nguyện vãng sanh! Biết trước ngày vãng sanh... tất đạt thành mong nguyện!

Ông Nguyễn Văn Thọ sinh năm 1932, cư ngụ tại ấp Hòa Long, thị trấn Tân Châu, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Sửu, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Tường. Ông là thứ chín trong gia đình có chín người con.

Khi tuổi trưởng thành, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Vân, sinh được sáu trai ba gái, gia đình sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình của ông hiền từ, chân thật lại vui vẻ. Mọi sinh hoạt cá nhân thì rất giản dị, bình dân. Đối với chòm xóm láng giềng thì luôn sẵn lòng thương yêu đùm bọc, nên ông được mọi người kính mến!

Ông đến với Tam Bảo rất sớm, sáng chiều lễ Phật, tập thể ăn chay lúc tuổi hầy còn thơ. Mãi đến năm 1962 khi đọc được quyển “Con Đường Tu Tất”, ông bèn đồng mãnh phát tâm trường trai, một lòng niệm Phật cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc, mà sau này ông thường nhắc nhở các con cháu:

- Mình niệm Phật vãng sanh cũng như con một ở trong gốc cây tre chui ngang ra ngoài; còn tu các pháp

môn khác thì cũng như con mọt đục từng đốt, từng đốt đục theo thân cây tre, lên tuốt trên đọt rồi mới ra ngoài. Niệm Phật cầu vãng sanh, nhờ có lực tiếp dẫn của Đức Phật A-di-đà nên ra khỏi sanh tử luân hồi rất nhanh và dễ (hoành siêu: ra bằng chiều ngang); còn tu những pháp môn khác đều hoàn toàn tự lực nên rất khó và rất chậm (thụ xuất: ra bằng chiều dọc).

Bấy giờ, ông hăng hái làm tất cả các công tác phúc lợi xã hội, như: bắc cầu, bồi lộ, cất nhà tình thương, đóng hòm, sưu tầm thuốc Nam... có khi âm thầm tự làm một mình, có khi kêu gọi mọi người cùng làm. Say sưa đến độ thậm chí bán đất nhà để làm từ thiện; con ông cần nhờ, ông nói:

- Nghèo thầy Nhan bầu nước dai cơm, tuy cơ hàn mà được danh thơm, hơn phú quý ngồi ôm bả lợi... Ba thích làm thầy Nhan Hồi, chứ không thích ngồi ôm bả lợi, con ơi!

Về phần công phu của ông thì rất chuyên cần, sớm chiều hai thời đều đặn, sau lễ nguyện thì ngồi niệm Phật năm ba mươi phút. Kinh sách mà ông đọc là cuốn Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ, quyển mà ông tâm đắc nhất là quyển “Khuyến thiện”, kể về nỗi khổ ở cõi Ta Bà và tám điều vui nơi Tây Phương Tịnh Độ:

*“Cõi Cực Lạc lắm điều thanh nhã,
Khổ buồn rầu lo sợ chẳng còn.
Chốn Ta-bà tìm lụn dầu mòn,
Thân tứ đại của người cũng thế.*

Mau thức tỉnh tu thân kẻ trễ,
Đến tội rồi mới hối muộn màng.
Chi cho bằng ta sớm lo toan,
Gìn giới luật nghe kinh trọng Phật.
Đến lâm chung quả lành đâu mất,
Cõi Tây Phương chừ Phật đợi chờ.
Việc tu thân thiện tín hững hồ,
Chùng họa đến e cho khó tránh.
Môn Tịnh Độ là phương cứu cánh,
Rán phụng hành kẻ phụ Phật xưa.”

Hằng ngày ông thường khuyên dạy các con ông:

- Mình phải ăn cần ở kiệm mà lo tu hiền... mình làm bất cứ chuyện gì cũng phải niệm Phật... mình cố gắng niệm Phật để sau này được sanh về thế giới Cực Lạc. Về Cực Lạc mới là hết khổ, ở Ta Bà này khổ quá con ơi!

Ông còn hướng dẫn các con phát nguyện:

“*Nam Mô Bốn Sư Thích Ca Mâu Ni Phật (3 lần)*
Nam Mô A-di-đà Phật (3 lần)

Con nguyện đem công đức này hồi hướng về cõi Tây Phương Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà. Nhờ ơn Đức Phật gia hộ cho con lúc lâm chung giữ chánh niệm, được thoát chốn mê đồ, vãng sanh về miền Cực Lạc. Sau khi học đạo hoàn toàn con sẽ quay trở lại cứu vớt tất cả chúng sanh!”

Hơn bốn mươi năm hành đạo, theo thời gian công việc từ thiện mỗi lúc phạm vi được mở rộng ra thêm, ông hằng say nỗ lực như thuở mới phát tâm ban đầu!

Trước khi mất khoảng hơn một năm (2007), ông cảm thấy tứ đại bất hòa, tự biết ngày về xứ của mình chắc cũng chẳng còn bao xa! Trên cõi đời này con người và tất cả các loài động vật đều phải tuân theo định luật tuần hoàn chi phối, đó là sanh, già, bệnh, chết, như thời tiết xuân, hạ, thu, đông luôn luôn luân chuyển đổi đời; thực vật thì có sanh, trụ, dị, diệt; khoáng vật thì có thành, trụ, hoại, không... nguyên lý vô thường này quá ư khắt khe và tàn nhẫn, bởi nó không tư vị, buông tha bất cứ một chúng sanh nào; muôn loài vạn vật đều bình đẳng đón nhận như nhau, dù rằng có khi phải đón nhận bằng thương đau và tràn đầy nước mắt! Do đó chúng ta cần phải gấp rút tìm biện pháp đối phó với mối hiểm họa của bệnh khổ, khi nó sắp sửa đến hoành hành bức bách, nhất là ở giây phút cuối, cái giây phút kết thúc sinh mệnh của một kiếp làm người:

*“Trọn cả đời bon chen gây sự nghiệp,
Rốt cuộc rồi tan hiệp tợ bèo mây!
Vui chẳng bao, nước mắt mãi đọng đây,
Danh lợi tạm, chóng chầy tiêu tan cả.
Ác nghiệp khiến cơn đau luôn hành hạ.
Luật tuần hoàn vay trả vẫn công minh.
Nên gieo nhiều thiện sự lúc sanh bình,
Sẽ bớt nỗi hãi kinh khi chết đến.
Biết đời giả đầy khổ đau đừng mến,
Rán tu trong khi nghiệp chướng hoành hành.
Niệm Di Đà dạ tha thiết chí thành,
Chán ế độ cầu vãng sanh Tịnh Độ.*

*Nhọc một đời vạn kiếp dài thoát khổ,
Mình được siêu tông tổ dứt luân hồi!”*

Thời gian này ông ngưng hết các công tác từ thiện, thường ở nhà công phu hành trì nhiều hơn, cho nên sự niệm Phật của ông có phần tinh chuyên thuần thực. Vào ngày mùng 5 tháng 5 năm 2008, ông bị nóng sốt, sức khỏe kém dần, thân xác ông bứt rứt không yên. Người con trai thứ Hai của ông thấy vậy bèn đặt bàn Phật, rồi mời bà con lối xóm và đồng đạo đến cầu an cho ông liên tiếp ba đêm. Ba đêm trôi qua thì ông khỏe lại.

Hay tin ông bệnh, một hôm ông Tư láng giềng ghé thăm, có khuyên ông:

- Anh Chín ơi! Anh rán niệm Phật nghen, anh Chín!

Ông trả lời:

- Chú lo cho chú kìa! Chú tôi thì đã phát nguyện về đó rồi, là tôi phải đi về đó, còn chú ở lại phải ráng!

Ông Tư hỏi lại:

- Sao mà... anh lại nói như vậy?

Ông đáp:

- Bởi vì tôi đi trước nên tôi tới trước! Coi chừng chú không tới... đó nghen!

Đến ngày mùng 1 tháng 7, thấy ông không ăn uống gì cả, chỉ thỉnh nước cúng uống và dùng thêm nước trắng mà thôi, chú Hai mới hỏi:

- Sao ba không ăn uống gì hết, vậy ba?

Ông chỉ trả lời gọn lỏn:

- Tại ba không ăn được!

Từ đó trở đi, mỗi khi con cháu và đồng đạo ghé thăm, ông đều khuyên nhắc:

- Hãy rán lo tu hành và nên thường niệm Phật, quý lắm!

Vào lúc 6 giờ sáng ngày 12 tháng 7 năm 2008, ông bảo chú Hai điện thoại gọi các em về. Chú hai nói:

- Máy đưa em con nó ở xa xôi quá mà! Ông mạnh khỏe như vậy mà chẳng lẽ ba đi hay sao?

- Ba... bữa rằm, chiều 5 giờ là ba đi!

- Ông đừng có nói chơi! Công an mời ba đó!

- Ba đi thiệt!

Vì trước đây có ông Tám ở lối xóm nói trước ngày giờ đi, mà ông không đi. Do đồng đạo rằm rộ kéo tới đông quá nên công an đến làm việc để ổn định an ninh.

Rồi ông dặn dò chú Chín về cách thức xây kim tĩnh cho mình...

Chiều lại thấy ông môi lép nhép, biết ông đang niệm Phật nhưng chú Hai vẫn đến gần hỏi ông:

- Ông có niệm Phật không, vậy ba?

- Ba đã nguyện về cõi Cực Lạc rồi. Con thấy cái cây không? Nếu nó nghiêng về hướng tây, khi tróc gốc thì nó phải ngã về hướng đó. Ba cũng vậy, hằng ngày chuyên niệm Phật, đã phát nguyện về Phật, chùng bỏ xác tất nhiên phải về với Phật thôi!

Qua hôm sau (ngày 13), cô Tư từ Sài Gòn về thấy ông còn đi đứng, nói chuyện bình thường, cô mới cần nhìn chú Hai:

- Ông ba... ổng mạnh, ổng khỏe như vậy mà kêu em về làm gì?

Đã hai tuần nay ông hoàn toàn ngưng ăn nhưng công phu sớm tối ông vẫn duy trì đều đặn.

Sang ngày 14 ông hơi mệt nhiều, con cháu tề tựu đầy đủ, ông nói:

- Ba không có cái gì để lại cho tụi con hết! Thôi các con rán lo tu hiền vậy đó! Rán ăn tương... nhất là thằn Út: mấy đùng có nhậu nữa, mấy chỉ lo tu hiền, lo làm ăn nuôi vợ nuôi con... Rán lo niệm Phật! Pháp môn niệm Phật như con một đục ngang qua cây tre ra ngoài...

Rồi ông dặn tiếp:

- Các con mua hòm cho ba, thì mua loại rẻ thôi, và y phục để lại cho người nghèo...

Đến ngày rằm, ông yếu nhiều, chiều lại lúc 4 giờ ông nhờ người nhà tắm gội cho sạch sẽ. Tắm xong ông kêu chú Hai lại và nói:

- Con lấy cái lược chải đầu cho ba, coi con!

Chải tóc rồi ông cầm cái lược chải râu, bộ râu trắng phau rất dài, rất đẹp, lúc đó đã hơn 4 giờ. Chú Hai đùa với ông:

- Chèn ơi giờ này còn chải râu nữa!

- Vậy chớ, về với Phật là phải trang nghiêm cho đẹp chứ!

Rồi ông bảo đem áo dài khăn đóng đến cho ông mặc vào và đội lên.

Hay tin ông Chín sắp sửa về với Phật bà con lối xóm lũ lượt kéo đến xem đứng ngoài sân rất đông, phần lớn hiếu kỳ, một số thì trong lòng rất hồi hộp lo lắng cho ông. Ông nằm trên tấm nệm, đặt ở nền gạch giữa nhà trước, mặt hướng về ngôi Tam Bảo. Khoảng 4 giờ 30 phút ông kêu con cháu lên nhang đèn, đồng thời vợ dâu con cháu đều lễ Phật. Đúng 5 giờ ông chấp tay đưa lên trán xá Tam Bảo, xá xong, tay phải để xuống, tay trái vẫn để trên ngực. Chú Hai và đồng đạo Tư Mạnh niệm Phật với âm thanh chậm chậm ngân lên hùng hồn, ông cũng niệm theo, vài phút sau ông đưa mắt nhìn mọi người rồi mỉm cười, dứt hơi an tường già từ cõi thế đầy khổ đau phiền muộn! Lúc ấy, 5 giờ 5 phút chiều ngày rằm tháng 7 năm 2008, ông thọ 76 tuổi.

Sáng hôm sau mới nhập liệm, lúc ấy gương mặt ông hồng hào tươi vui, các khớp xương mềm mại, mọi nơi đều lạnh, duy đỉnh đầu còn ấm nóng. Con cháu và đồng tu chứng kiến sự vãng sanh của ông nên nhiều người phát tâm tu hành, nhất là chú Út con trai của ông trước đây nhậu quậy nổi tiếng, thế mà giờ đây trường trai, niệm Phật, lạy Phật rất chuyên cần!

(Thuật theo lời Nguyễn Văn Giàu, con trai thứ Hai của ông.)

66. HUỖNH THỊ NHIỄM (1936 - 2010, 74 tuổi)

Bà Huỳnh Thị Nhiễm sinh năm 1936, cư ngụ tại ấp Phú Hiệp, xã Phú Hữu, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Huỳnh Văn Dân, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Mít. Bà là con út trong gia đình có mười hai chị em.

Năm lên 7 tuổi, cha mẹ qua đời, bà và anh chị được sự bảo bọc, nuôi dưỡng của các cậu, mợ.

Đến tuổi trưởng thành, bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Đến, sinh được chín người con nhưng chỉ còn hai trai, năm gái. Gia đình bà sinh sống bằng nghề chuyên chở lúa gạo và mua bán vật liệu xây dựng. Sau đó chuyển sang nghề làm ruộng rẫy.

Tính tình bà hoạt bát, hiền lương, nhân hậu, ưa thích bố thí, giúp người, tích cực tham gia các công tác từ thiện xã hội như: bác cầu, làm đường...

Bà dùng chay kỳ mỗi tháng mười ngày, và mỗi năm ba tháng. Bà biết đến chùa chiền rất sớm và quy y Tam Bảo tại chùa Hưng Sơn, được pháp danh là Hoa Từ. Nhưng bà chỉ dừng lại ở mức làm lành lánh dữ, cầu mong cho gia đạo bình an, tấn tài tấn lộc, chứ chưa xác định mục đích quan trọng bậc nhất của người con Phật là phải giải thoát sanh tử luân hồi!

Mỗi lần có chuyện buồn là bà niệm Phật, càng nhiều chuyện buồn chừng nào thì bà càng niệm Phật nhiều chừng nấy!

Vào năm 1981, chồng bà mất do bị bệnh phổi, khi đó bà được 45 tuổi. Nỗi khổ sinh ly tử biệt của kiếp người đã giúp bà tỉnh ngộ rõ ràng hơn về chân lý qua lời Cổ Đức cảnh tỉnh:

*“Sân lan trời ngã bóng chiều,
Xa trông phù thế ít nhiều ngẩn ngơ.
Tranh đòi dật mộng vẫn vợ,
Thân như hòn bọt lững lơ đầu ghềnh.
Cánh bèo sóng vỗ bập bênh,
Tại ai hay cũng gây nên bởi mình?
Hồng trần là kiếp phù sinh,
Thị phi thương ghét trong tình quân quanh.
Mà trông chiếc lá lia cành,
Vinh hư cõi tạm trong vành đó thôi!
Mà trông ngọn nước chảy trôi,
Mệnh mang sáu nẻo biết rồi về đâu?
Đòi người nào có bao lâu,
Nắng mưa thôi cũng dãi dầu cỏ hoa!
Lâu sương phủ ánh trắng tà,
Hoàng lương một giấc tỉnh ra ngộ ngài!
Chi bằng về cõi Liên Bang,
Sen khoe sắc ngọc, gió đàn pháp âm.
Trời giải thoát, cảnh thậm thâm
An vui muôn kiếp, tuyệt lằm lổ xưa.
Chỉ câu niệm Phật dừng thừa,
Chỉ tha thiết nguyện, tin ưa trong lòng.
Đài sen sáng chói hư không,
Nối đầu sinh tử trần hồng tiêu tan!”*

Những năm tháng còn trẻ khỏe, khi mùa vụ đã qua, bà lui tới chùa nhiều hơn và tụng kinh hằng đêm tại nhà. Thật ra bà không biết chữ, do không được đi học, nhưng bà ham xem kinh đọc sách quá nên bà đã học tập thành, dần dà đọc được trôi chảy. Khi gia duyên bận rộn thì bà tu ít lại để lo làm bốn phận trách nhiệm với gia đình.

Bà thường tụng đủ các kinh như: Pháp Hoa, Địa Tạng, Báo Hiếu Phụ Mẫu Ân... rồi niệm Phật. Và bà cũng thường khuyên nhắc dạy dỗ con cháu cố gắng ăn hiền ở lành, tu phước tích đức, vun bồi nhân thiện!

Mãi đến năm 2008, do một cơ duyên may mắn, người con gái của bà nhân dịp ăn mừng tân gia, trong số tặng phẩm có bộ sách “Khuyên Người Niệm Phật” của cư sĩ Diệu Âm. Bộ sách này đã làm thay đổi hẳn đời tu của bà. Mặc dù sách ấy xuất bản trong những lần đầu tiên chữ nhỏ nhưng bà rất say mê đọc đi đọc lại, càng đọc càng thích thú như người vừa bắt gặp được việc mừng vui vượt ngoài mong đợi!

Từ đó bà hăng hái hơn trong việc tu tạo phước lành để hồi hướng cầu sanh Tây Phương. Bà thường may mùng tặng cho những người nghèo và bệnh viện; may áo tràng đem đến chùa cho các thiện nam tín nữ có điều kiện tu tập được trang nghiêm...

Nông thôn nơi đây vẫn thường dùng những phương tiện kéo xe hoặc cày bừa bằng động vật như trâu, bò. Nhìn việc canh tác đồng ruộng thấy những con trâu kéo

lúa nặng nề mà mình mảy toàn là sinh đất. Cho nên gần đến những đợt thu hoạch bà chuẩn bị mô-tơ bơm nước đặt sẵn, hễ có con trâu nào đi ngang qua nhà là bà chặn lại, bảo con cháu bà tắm rửa giùm cho nó sạch sẽ, mát mẻ, nghỉ ngơi một lát cho khỏe, rồi mới tiếp tục lên đường!

Bà tham dự đầy đủ các ngày thọ bát ở chùa Viên Quang và chùa Kỳ Viên. Sau đó bà đến tham dự khóa niệm Phật ở chùa An Phước.

Nhờ nương theo đại chúng cộng tu và nghe pháp thường xuyên nên sự tu trì của bà tiến bộ nhanh chóng, tâm nguyện vãng sanh của bà rất mạnh mẽ, mỗi khi gặp gỡ bạn đồng tu thân thiết bà đều khích lệ chí nguyện cầu sanh về Tây Phương, nhất tâm nhất ý hướng về Cực Lạc.

Mặc dù tuổi đã ngoài 70, bà vẫn hướng dẫn con cháu tu chung với bà mỗi tối. Hễ cứ chạng vạng thì tề tựu lại đông đủ, bà ngồi ở phía trước, con cháu ngồi phía sau tụng một biến kinh A-di-đà, xong rồi thì cùng nhau niệm Phật.

Thường nhật bà thích niệm theo tiếng của máy niệm Phật, hay là những lúc mưa, bà niệm lớn để cho âm thanh Phật hiệu vang dội hòa nhịp cùng với tiếng mưa ngoài trời, dường như khi ấy bà cảm nghe trong lòng tiêu sái thanh lương, tẩy sạch mọi trần lao phiền muộn!

Những lúc rảnh rỗi bà thường nhắc nhở con cháu cố gắng làm lành lánh dữ, gắng lo niệm Phật cầu về Tịnh Độ, và bà còn dặn dò cận kề chi li về hậu sự của mình trong tương lai. Cách thức hộ niệm, cho đến cách thức

thiên hóa lẫn tuần thất, mỗi mỗi đều rành rẽ như pháp. Nhất là phải nấu chay hoàn toàn trong tang sự cho đến cúng quảy hằng năm.

Xưa nay thể trạng của bà tương đối tốt, rất ít đi bệnh viện; nếu vào bệnh viện thì cũng chỉ do cái chân bị nhúc mà thôi. Thường khi bà lạnh bụng chậm tiêu thì mua thuốc Tầu dùng là xong ngay!

Đến ngày 20 - 7 - 2011 là ngày chủ nhật, bà vẫn đi niệm Phật định kỳ ở đạo tràng chùa An Phước như thường lệ. Qua ngày kế, sự sinh hoạt vẫn diễn ra bình thường như mọi ngày. Đến 7 giờ tối bà nói với chú Bảy:

- Mẹ hình như ăn không tiêu, đâu con đi mua thuốc cho mẹ đi!

Chú liền ra đi. Khi đem về cho bà uống xong gói thuốc thì bà đi nghỉ. Một lát sau chú Bảy sang phòng của bà, lúc đó bà đang nằm trong mùng, chú mới cất tiếng hỏi:

- Mẹ lúc này ra sao rồi, mẹ?

Bà đáp:

- Mẹ đỡ đỡ rồi con ơi!

Chú nghe bà nói như vậy cũng yên tâm liền trở về, lát sau chú thấy căn phòng của bà bật đèn sáng trưng, chú bèn đi qua thấy bà ngồi trên võng. Chú lại hỏi:

- Mẹ bây giờ sao rồi, mẹ?

Bà vừa lấy tay chỉ vào bụng, vừa nói:

- Sao mẹ thấy đau cái này! Mẹ thấy hơi mệt. Đâu con điện cho thằng Út đi mua thuốc cho mẹ coi!

Vì xưa nay mỗi lần bà ăn chậm tiêu đều nhờ chú rể đi mua. Khi chú Bảy điện thoại nhờ em rể Út của mình mua thuốc cho bà rồi, bỗng nghe bà nói thêm:

- Đâu con điện Út Lợi vô đây... rồi điện cho thằng Tài riết lại đây luôn nghen!”

Chú Tài là con trai thứ Chín của bà.

Kế đó bà lên cơn mệt. Chú Bảy điện thoại cho các em xong thì bước lại ngồi bên cạnh bà, bà nói:

- Chắc không xong!

Nói xong, bà khẩn thiết niệm Phật to lên, chú Bảy cũng niệm lớn theo, và lấy tay vuốt vuốt vào ngực của bà. Chú Chín lúc ấy cũng vừa tới hỏi han anh mình vài ba câu rồi cũng ngồi xuống bên cạnh. Bà đang niệm Phật bỗng nhiên ngưng lại đưa mắt nhìn hai chú một lượt rồi dứt hơi, hai phút sau đầu gục xuống. Hai chú khiêng bà sang qua giường, khi đó khoảng 10 giờ đêm ngày 21 - 7 - 2010, bà thọ 74 tuổi.

Các con của bà hộ niệm đúng y như lời của bà căn dặn khi còn sanh tiền.

Trải qua mười lăm giờ hộ niệm sau khi bà mất, thì thấy gương mặt của bà hồng hào, sáng đẹp, tươi vui, các

xương khớp thì mềm mại. Các nơi trên thân đều lạnh duy có đỉnh đầu còn ấm. Khi nhập liệm xong thì hộ niệm tiếp đến ngày 24 mới đưa linh cữu đi hỏa táng. Sau đó thu nhật được mười bảy viên xá lợi, màu đỏ, màu huyền và màu trắng trong!

(Thuật theo lời Nguyễn Văn Đủ và Nguyễn Thị Lợi, các con của bà.)

67. DƯƠNG VĂN HẠNH (1974 - 2009, 35 tuổi)

*Nợ nần đã thiếu, dương nhiên trả,
Nhưng phải lượng đo sức của mình!
Nguyện Phật ban ân: Dừng lại nghiệp,
Không cầu trả dứt: Thật cao minh!
Nguyên đạo Tây phương đạo đức thành,
Quay lại Ta-bà độ chúng sanh.
Cứu độ chúng sanh là trả nợ,
Nợ trả cách này, trả mới nhanh!*

Anh Dương Văn Hạnh sinh 1974, cư ngụ tại ấp Hòa Lợi, xã Phú Hiệp, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Thân phụ là ông Dương Văn Đức, thân mẫu là bà Võ Thị Nhan. Anh là anh Hai trong gia đình có bốn người em.

Thuở lên 8 tuổi, thấy cha dùng trường trai, anh xin cha ăn chay theo. Nhưng chỉ được ba, bốn năm, do vì

cuộc sống cha anh phải làm thêm nghề chài lưới, săn bắt chim, chuột, ếch, nhái... để nuôi gia đình, nên cha ngưng trường trai thì anh cũng trở đũa.

Anh có bản tính hiếu thuận, hiền hoà, rộng rãi và vui vẻ cởi mở. Khi 18 tuổi, anh phát tâm trường trai trở lại, sáng chiều lễ nguyện, sau lễ bái thì ngồi niệm Phật hơn một giờ đồng hồ, và thường xuyên ngâm nga đọc, học sám kinh.

Năm 19 tuổi, anh kết hôn với chị Nguyễn Thị Mai, sinh được hai trai một gái. Lúc này, cha anh có cho hai công ruộng, nhưng làm giùm anh luôn. Hằng ngày anh đạp xe theo lối xóm để bơm ga hột quẹt và may giày dép cũ. Trên xe có nguyên một gian hàng, nào là: quần, áo, giày, dép... để bán. Đặc biệt là đối với các cụ già thì anh không lấy tiền, và không sợ mua thiếu dù người đó là ai, có trả hay không cũng chẳng màng. Do đó hầu hết mọi người yêu thương quý mến anh.

Anh rất nhiệt tình tham gia các công tác phúc lợi xã hội, như: bắc cầu, bồi lộ...

Khoảng năm 2004, những ngày niệm Phật định kỳ và học Phật pháp tại tịnh thất của cô Mai và cô Bích, anh dắt hết vợ con đến tham dự đều đặn, mặc dù gia duyên bận buộc nhưng anh vẫn tích cực tu học, nên mỗi lần thi trắc nghiệm tổng kết cuối năm anh đều nhận phần quà xuất sắc. Chẳng những thế, anh còn dành dụm tiền mua máy sang băng giảng Phật pháp để tặng cho những người hữu duyên.

Cuối năm 2008 anh thường đi cầu ra máu, nên cứ ngỡ là bị bệnh trĩ, bèn đi bác sĩ chuyên khoa để điều trị, nhưng bệnh cứ dây dưa ngày một trầm trọng. Đầu năm 2009 đến Bệnh Viện Đại Học Y Dược, được biết là khối u đại tràng ác tính. Kế đó chuyển sang Bệnh Viện Tân Bình để phẫu thuật. Khi giải phẫu bác sĩ mới phát hiện ung thư đã di căn lên gan, đồng thời tiên lượng mạng sống của bệnh nhân chỉ còn sáu tháng mà thôi.

Sau đó anh xuất viện về nhà là cuối tháng 2 năm 2009. Vì sợ anh bị “sốc” về mặt tinh thần nên vợ và em gái thứ Ba không cho anh biết sự thật về bệnh tình của anh.

Về nhà anh uống thuốc Nam một thời gian, sức khoẻ hồi phục khả quan: ăn uống, ngủ nghỉ rất tốt, đi đứng sinh hoạt nghe trong người rất khoẻ. Anh luôn tự tin rằng bệnh trạng của mình sẽ khỏi hẳn trong một ngày đẹp trời gần đây! Khi thuốc hết, do nóng lòng muốn nhanh lẽ ra phải chờ thầy thuốc đến, anh phóng lên xe đi hút thuốc, vợ anh ngăn lại nhưng anh không chịu nghe theo. Do vết mổ chưa lành mà lại vận động quá mạnh, quá nhiều nên bị tổn thương. Từ đó uống thuốc không có hiệu quả gì nữa, ăn vào thức ăn không tiêu hoá, bụng dần to lên, cơ bắp teo lại, những cơn đau nhức, nóng bức ngày một nhiều. Nhất là khi biết được ung thư đã di căn và mạng sống của mình còn không quá sáu tháng thì tinh thần anh bị suy sụp rõ rệt. Nhờ thân quyến và đồng

đạo đã trấn an và khuyên bảo nên buông xả muôn duyên nhất tâm niệm Phật để cầu sanh về Thế giới Cực Lạc. Có lần, cha anh nói với anh rằng:

- Con rán niệm Phật để vãng sanh đi! Còn tiền bạc, nợ nần gì... thì để Ba tính cho!

Mặt khác các bạn đồng tu cũng thường ghé thăm an ủi, khai thị, nung đúc tinh thần, lần hồi nghị lực được khôi phục, nỗi lo âu tan biến dần. Anh ý thức rõ ràng rằng vấn đề to lớn quan trọng bậc nhất của mình cần phải thực hiện ngay trong lúc này là: gấp rút thành tâm niệm Phật để về với Phật A-di-đà! Vì xác thân tứ đại sắp sửa mục nát hư hoại. Ngoài ra không còn có vấn đề to lớn quan trọng nào nữa cả! Do đó anh đã hạ quyết tâm đồng mãnh chấp trì câu Lục Tự Vạn Đức Hồng Danh. Anh căn dặn người nhà: nếu có ai tới thăm thì nói anh ngủ, để sự niệm Phật không bị gián đoạn.

Hơn một tháng trước khi mất, bệnh hoành hành anh dữ dội bằng những cơn ngạt mình và nóng bức khó kham nhẫn. Tuy vậy, vẫn chưa hề thấy anh có một thái độ, cử chỉ nào biểu lộ sự bức tức buồn phiền hay một lời than oán trách hờn nào cả. Khi thấy thể lực của anh cạn kiệt nhanh chóng, chư đồng đạo đề nghị đưa anh về nhà cha mẹ ruột cho thuận tiện để hộ niệm, anh đồng ý. Các em của anh và chư đồng đạo thay phiên chăm sóc và trợ niệm cho anh suốt cả ngày đêm.

Cơ thể của anh luôn có cảm giác nóng như lửa nung,

phải nhờ người dìu vào bồn nhựa và bơm nước vào đây để tắm, một ngày đêm có khi đến mười sáu lần. Anh thường nói đây là quả báo lúc trước anh đã thiêu đốt chúng sanh. Mỗi lần bắt ếch nhái làm thịt thì anh dùng tro than rải lên trước rồi mới cắt cổ lột da. Anh đã thành tâm sám hối đồng thời nhờ mọi người cầu nguyện xin các oán thân trái chủ hóa giải oan kết, thân quyến cũng nhiều lần mua vật mạng phóng sanh để hồi hướng cho anh:

*“Giống đã gieo không gọi cũng lên;
Nghiep tạo rồi tuy đã bỏ quên,
Đúng giờ khắc tự nhiên nó đến.
Nghiep lực rất mạnh vô bờ bến,
Ngàn muôn năm cũng chẳng mất đâu;
Giống nghiệp càng chắm gốc rễ sâu,
Càng nảy nở dài lâu khó nhổ.
Nghiep càng lắm càng nhiều đau khổ,
Vay cho nhiều phải trả lời nhiều;
Nợ hồng trần chẳng lúc nào tiêu,
Dây oan trái cứ đeo buộc mãi.
Năm tháng vẫn vít trong khổ hải,
Kiếp đời lẫn lộn mãi sông mê;
Đường Tây Phương bật lối trở về,
Nẻo địa ngục vào ra mòn gót.
Chịu hành phạt đã không còn sót;
Cửa luân hồi chưa vượt khỏi qua;
Nghiep trần còn đành phải sanh ra.”*

Cuộc hộ niệm được khởi đầu vào khoảng rằm tháng 6 và kết thúc vào ngày 28 tháng 6 năm 2009. Cũng trong

thời gian này, anh hoàn toàn ngưng ăn 16 ngày. Ai cũng công nhận rằng gần nửa tháng trời anh không hề ngủ. Anh nằm chấp tay miệng niệm Phật theo đại chúng, có khi thì chỉ nhép môi, có khi thì nhắm mắt lặng im. Khi thấy anh nhắm mắt lặng im giây lâu, mọi người đều ngỡ anh đã thiếp ngủ, liền niệm câu Phật hiệu nhanh một tí, ngay tức thời anh đưa tay ra dấu phải niệm chậm lại, niệm nhất gừng từng tiếng, từng tiếng một để anh nương theo, chứ nhanh quá anh niệm theo không kịp. Bao nhiêu lần kiểm tra dò thử thì bấy nhiêu lần như thế cả, ban ngày lẫn ban đêm cũng đều như vậy, bất cứ lúc nào hễ vừa niệm hơi nhanh là anh đưa tay ra dấu phải dừng lại.

Bên cạnh đó, nỗi niềm lo lắng về nợ nần, mảnh đời tương lai của mấy đứa con thơ... cứ trào dâng; cơn đau đốn, nóng bức ráo riết hoành hành mãnh liệt, trong khi thể xác cạn kiệt nhanh dần. Tâm hồn anh lúc này như một bãi chiến trường mà phần thắng bại vẫn chưa hề ngã ngũ. Nhờ nền móng nhân đạo anh xây đắp tương đối kiên cố, hoàn chỉnh nên duyên trợ niệm thù thắng đã đến với anh, anh được thân nhân và chư đồng đạo hết mình ủng hộ, đã liên tục an ủi, khuyến tấn, khai thị... Do vậy mà anh dần dần tỉnh táo, sáng suốt, lấy lại nghị lực, phục hồi niềm tin và chí nguyện cầu sanh Tây Phương khẩn thiết.

Vì cơn đau đốn bức bách dữ dội, nên trước khi mất một ngày, vào lúc 9 giờ sáng anh đã nhờ thân quyến và

chư đồng đạo thấp hương cầu nguyện cho anh: “Xin Đức Phật từ bi gia hộ cho con được dừng nghiệp, để con thành tâm niệm Phật, chừng đắc đạo con sẽ trở lại cứu độ hết những chúng sinh mà con đã sát hại!”

Bởi vì từ trước tới giờ đối trước ngời Tam Bảo anh luôn nguyện trả nghiệp cho hết một kiếp này. Chính vì vậy mà đau đớn quá anh niệm Phật không được thành tâm nên khó vãng sanh.

Kể từ khi anh thành tâm nguyện “dừng nghiệp” thay thế cho nguyện “trả hết nghiệp” thì cơn đau nhức giảm bớt rõ rệt, tâm hồn trở nên an định hơn.

Tờ mờ sáng ngày 28, cha anh chuẩn bị đi dự đám tang của ông sui, anh đã bảo với cô Ba rằng:

- Em nên đi với ba, đi em! Để em ghé chợ mua bông hoa... Chớ ba là đàn ông không chu đáo mấy việc đó đâu!

Sau đó anh chấp tay niệm Phật lớn theo tiếng trợ niệm, rồi từ từ niệm nhỏ dần, đến 9 giờ 30 phút môi đang nhép hết chữ Phật thì ngừng lại và đồng thời trút hơi thở cuối cùng. Lúc ấy nhằm ngày 28 tháng 6 năm 2009. Anh hưởng dương 35 tuổi.

Qua tám giờ sau thì thấy các khớp xương mềm mại, gương mặt tươi tỉnh, các nơi đều lạnh duy có đỉnh đầu còn ấm. Quả thật anh đã không cô phụ bao trái tim thương yêu kỳ vọng của tất cả mọi người!

- Sau thời gian anh bỏ xác, có cô Tám Biển ở xã Hòa Lạc nằm chiêm bao thấy anh đến thăm và nói: “Tôi đã bỏ xác được vãng sanh về Phật rồi!” Sáng lại, cô Tám điện thoại lên nhà hỏi thăm, bệnh anh có bớt không, thì ra mới biết anh đã mất hơn một tuần lễ rồi.

- Sáng ngày mùng 10 tháng 7 năm 2009, cô Ba Kiều là em ruột của anh đến lấy huệ để cắm bông làm tuần thất thứ hai cho anh, cô gặp cô Bé Sáu ở xã Mỹ Đức, cô Bé Sáu nói: Hồi đêm hôm tôi ngủ thấy anh Hai Hạnh về mặc nguyên bộ đồ bà ba, tôi biết anh đã chết trong bụng tôi rất sợ, nhưng anh Hai vui vẻ kêu tôi nói: “Bé Sáu ơi! Anh đã được vãng sanh về Phật rồi!” Anh kêu tôi và nói như vậy ba lần.

(Thuật theo lời Dương Văn Đức - Võ Thị Nhan - Nguyễn Thị Mai, cha, mẹ, vợ và cô Ba Kiều em gái của anh.)

68. NGUYỄN THỊ TRỊ (1924 - 2004, 80 tuổi)

Bà là một người bình thường, vóc dáng thon nhỏ, lưng hơi khòm, chân thấp chân cao, đi đứng chậm chạp, ăn mặc giản dị.

Đạo tràng của bà là một cái chòi lá không có cửa, căng một sợi dây, vắt ngang cái áo tràng giả làm tấm chắn cho trẻ không chạy vào đùa giỡn. Hai tư thế: ngồi niệm Phật và đi kinh hành tay lần chuỗi cứ thay phiên nhau. Hễ đủ số là bà ngồi nhai trầu nghỉ giải lao...

Thế mà bà vãng sanh còn lưu lại xá lợi!

Bà Nguyễn Thị Trị sinh năm 1924, cư ngụ phường Cái Khế, khu vực 5, hẻm 114, đường Cách Mạng Tháng Tám, quận Ninh Kiều, Thành phố Cần Thơ. Đến tuổi trưởng thành bà lập gia đình với ông Nguyễn Văn Kỹ, khi đứa con trai đầu lòng chào đời chưa bao lâu thì ông chồng mất, bà thủ tiết nuôi con.

Vóc dáng bà thấp nhỏ, lưng hơi khòm, chân thấp chân cao vì bị té gãy từ lâu, thế nên bà đi đứng chậm chạp. Bà có đức tính thuần hậu, miệng thường nhai trầu đỏ chót. Bà không biết chữ lại lãng tai. Bà ít nói, trang phục bình dị, ăn uống đạm bạc không khen chê ngon dở. Duy có món trầu thì con cháu phải có cho bà mỗi ngày.

Bà biết chút ít thuốc gia truyền nên hay làm phước cứu giúp chữa trị cho những người bị bệnh: quai bị, đau cổ, dòi ăn, ung nhọt... Hơn 10 năm trước khi mất, bà được

Phật tử Minh Chất và Diệu Nguyệt hướng dẫn cho bà mền đạo, và dần dà khuyến khích bà quy y Tam Bảo, thọ trì ngũ giới, được Hòa thượng Chơn Đức chùa Hội Linh đặt pháp danh là Diệu Thanh. Từ đó bà phát tâm ăn chay trường, giữ giới tinh nghiêm. Bà lại được Hòa thượng Thiện Cung và thầy Đức Toàn khuyến tấn pháp môn Tịnh Độ, và bà thường theo Minh Chất đi hộ niệm cầu an cho các bệnh nhân và cầu siêu cho các đám tang. Dù trời có mưa gió hay lụt lội cũng không thiếu vắng bà. Nhờ duyên lành này mà bà nỗ lực tu tạo phước đức, và khi chúng kiến cảnh kẻ già từ trần thế ra đi về cõi vĩnh hằng đã để lại bao nỗi sầu thương tuôn theo dòng lệ, bỗng chợt nghĩ đến thân phận mình, bà tỉnh ngộ được phần nào về lời khai thị của chư Tôn Đức:

*“Người mê đắm đuổi tiên tài,
Đến khi dứt thở hình hài ra tro.
Còn kẻ trí toan lo xét kỹ,
Cái thân này có tí nào vui.
Trải qua một cuộc tối lui,
Lưng còm gối mỏi rồi chui vào hòm!
Để mắt ngó gò hoang nghĩa địa,
Cỏ xanh rì mai mả người đời!
Giàu nghèo tuy khác hiện thời,
Mãn phần rồi cũng về nơi chốn này!
Kẻ sang với ăn mày hèn hạ,
Cuối cuộc đời mô mả chung đây!
Người già, trẻ, kẻ dở, hay,
Cũng đồng gởi xác ra ngoài bãi hoang!”*

*Kìa phụ nữ, nọ chàng nam tử,
Lúc chung qui đều ngự cỏ xanh!
Kẻ xấu xí, người đẹp xinh,
Hồn lia khỏi xác, gửi mình hang sâu.
Kẻ vương bá công hầu tể tướng;
Lâm trận đồ cũng mượn gò ni!
Ai ơi, nghĩ kỹ sâu bi!
Cái thân không thiệt, hồn đi nơi nào?
Sực tỉnh lại mau mau tu tập,
Ác rán chừa, vun đắp thiện căn!
Hôm mai giới luật ân cần,
Chuyên câu niệm Phật, ngự thân sen vàng!”*

Bà chung sống với gia đình người con trai là Phật tử Thiệu Đạo và cô con dâu pháp danh Diệu Dung, cùng bốn đứa cháu nội. Mặc dù nhà cửa khá giả khang trang, nhưng từ ngày quy y thọ giới rồi, bà bảo con cất cho bà một cái chòi lá trong sân, chỉ cách đường đi một hàng rào bông bụt. Chòi lá không có cửa, trong đó kê một chiếc giường cũ kỹ, một cái tủ nhỏ cũ mèm đựng hai ba bộ quần áo. Trên đầu giường là tượng đức Phật A-di-đà tiếp dẫn. Đạo tràng lý tưởng của bà là căng một sợi dây, vắt ngang cái áo tràng giả làm tấm chắn cho trẻ không chạy vào đùa giỡn.

Công khóa thường nhật của bà bắt đầu từ 4 giờ khuya, niệm Phật đến 6 giờ sáng. Điểm tâm xong bà ngồi nhai trầu, lát sau thì đi kinh hành xung quanh sân nhà, đến trưa dùng cơm. Hai tư thế ngồi niệm Phật và đi kinh

hành tay lần chuỗi cứ luân phiên nhau, hễ đủ số là bà ngồi nhai trầu nghỉ giải lao. Ai đau bệnh nhờ điều trị thì bà ngưng tu để trị bệnh. Sáu đến tám giờ tối bà đến nhà Phật tử Minh Chất ở gần bên để cộng tu với các bạn đạo, tụng một biến kinh A-di-đà và niệm Phật hồi hương xong rồi thì bà về chòi lá. Do không biết chữ nên ai tụng kinh thì tụng, còn bà thì cứ ngồi niệm Phật vậy thôi. Bà thường niệm cao thanh, tay thì lần chuỗi, phong thái rất ung dung, giọng điệu rất thanh thoát. Vì chòi lá cạnh đường hẻm nên mọi người đi qua đi lại đều nghe tiếng bà niệm “Nam Mô A-di-đà Phật” rõ ràng, chậm rãi nối nhau không dứt, mặc cho xe chạy, trẻ con đùa la, người nói ồn ào. Bà đếm xâu chuỗi bằng hột me, cứ 500 hột thì bà ngồi nghỉ và nhai trầu. Thỉnh thoảng khách bộ hành thì thăm với nhau: “Chèn ơi! Bà cụ siêng niệm Phật quá!” Hay là: “Chèn ơi bà cụ niệm Phật tốt quá!”

Đôi lúc các cháu có mời bà vào nhà xem tivi. Bà nói:

- Thôi! Để tao niệm Phật!

Ban đêm bà cũng ngủ trong chòi lá, bà nói như vậy cho được yên tĩnh. Lúc ngủ con cháu cũng thấy bà nhép miệng niệm Phật cho đến khi ngủ quên. Thỉnh thoảng bà cũng thường ôm cháu nội hay những đứa bé lối xóm vào lòng mà khuyen:

- Con rán niệm Phật nghen con!

Hoặc là:

- Con rán hiền lành, đừng hung dữ nghen con!

Tháng giêng năm 2004, sức khỏe kém dần, xác thân cụ bà cũng không tránh khỏi luật vô thường chi phối, có sanh ắt có diệt. Bệnh khổ lại đến! Chân yếu đi không được, bệnh cao huyết áp hành hạ bà.

Ngày 22 tháng 1 năm 2004, tinh thần bà vẫn tỉnh táo, ăn rất ít, chủ yếu là uống nước súp, tiếng nói đã trở nên khó nghe. Cô Diệu Dung luôn ở bên cạnh mẹ chồng trợ niệm và nhắc nhở cho bà đừng quên niệm Phật. Sau đó gia đình lại đưa bà qua Bệnh viện 30 Tháng 4 năm 6 ngày để ổn định huyết áp, xong lại về và đưa bà vào nhà lớn để dễ dàng chăm sóc. Từ đó đến khi mất trọn một tuần lễ, đêm nào Phật tử Minh Chất cũng hướng dẫn các bạn đạo đến cộng tu với bà, luôn khai thị nhắc nhở bà nên cố gắng trì niệm trong giờ phút cuối cùng này. Bà thường lặp đi lặp lại một câu gọn lỏn: “Nam Mô A-di-đà Phật. Phật ơi rước con!” Mặc dù âm thanh hơi khó nghe. Tay bà luôn nắm chặt tượng Phật A-di-đà đem từ chòi lá vào.

Đến sáng ngày mùng 6 tháng 2 năm 2004, gia đình mua bông trái và thỉnh thầy Đức Toàn cùng đoàn hộ niệm đến niệm Phật cho bà suốt ngày. Lúc nào bà cũng để tay lên ngực và nhép miệng niệm Phật theo mọi người.

Hơn 6 giờ chiều, Diệu Dung thấy hơi thở của bà lạ nên bảo con cho cô Diệu Nguyệt hay. Diệu Nguyệt xách áo tràng chạy qua thì thấy Diệu Dung đang thay áo thọ cho bà. Bà nhìn Diệu Nguyệt khẽ gật đầu, thở hơi lên hai ba cái rồi từ từ nhắm mắt ra đi... một cách nhẹ nhàng an nhiên. Bà hưởng thọ 80 tuổi.

Tiếng trợ niệm thanh thoát của các Phật tử suốt tám tiếng đồng hồ mới dò khám thân, mặt mày bà hồng hào, môi đỏ, các khớp xương mềm mại, toàn thân lạnh duy đỉnh đầu còn ấm nóng. Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì mãi cho đến sáng ngày hôm sau.

Ngày mùng 8 tháng 2 năm 2004, linh cữu của bà được đưa vào lò thiêu của nghĩa trang Mỹ Khánh để hỏa táng, vừa châm lửa có một vị nhìn qua lỗ phát hỏa thấy ngọn lửa thay vì phà tỏa ra như bao nhiêu lần trước, trái lại nó thẳng vút lên cao. Thật là một điều kỳ lạ!

Sáng ngày mùng 9 tháng 2, ông Từ Quán trang đã kéo máng ra để cho nguội hẳn. Diệu Dung thấy cái lò bên kia (nghĩa trang có hai lò) một máng vun chùn xương cốt, tro tàn đen thui. Còn máng của bà cụ thì gom gọn rất ít, xương trắng phau, nằm khời, không thấy tro bụi, sạch trơn. Cô còn hỏi ông Quán trang xem có lộn không. Ông bảo không bao giờ lộn, vì đây là lò thiêu bà lão có râu chuối (hình bà mặc áo tràng có đeo râu chuối) ở phường Cái Khế vào hồi lúc 4 giờ chiều ngày hôm qua. Diệu Dung vừa gấp xương vào hũ vừa nói:

- Để xem có xá-lợi không?

Thật ra cô chưa từng thấy xá-lợi, cô chỉ nghe nên nói chơi vậy thôi. Ông Từ nghe thế liền cười, nói:

- Tôi thiêu ở đây biết bao nhiêu người rồi, làm gì có. Cô lấy bao nhiêu bỏ hũ thì lấy, còn lại đem thả sông hoặc để tôi giải quyết cho!

Vừa lúc đó Minh Chất và Diệu Nguyệt vào tới. Diệu Nguyệt lấy đũa bới dưới đồng tro phần đầu thấy hai chiếc răng trắng, một viên tròn đen như hột tiêu, cứng như sắt. Cô vội đem ra ngoài sáng thì thấy chiếu sáng lấp lánh như kim tuyến. Cô vui mừng nói:

- Đây nè thím Út!... Có xá-lợi!

Thế là mọi người phấn khởi lấy đũa khều khều tìm kiếm. Nội phần đầu lượm được gần 40 viên xá-lợi lấp lánh sáng và khoảng 10 cái răng. Ông quản trang nói:

- Tôi mới thấy lần đầu tiên, bà cụ có phước quá!

Và ông xin một hột lớn nhất để dành cho mọi người ở nghĩa trang Mỹ Khánh xem; Còn lại, Thiện Đạo và Diệu Dung bỏ vào hũ. Diệu Dung nói:

- Thôi bấy nhiêu cũng đủ vui mừng quá rồi!

Hiện nay, xá-lợi của bà để trên bàn thờ cho mọi người chiêm ngưỡng. Các Phật tử có đến quay phim và chụp hình.

Cụ bà là một Phật tử thuần thành, không biết chữ, bệnh tật, già yếu, nhưng nhờ vào lòng thành kính Tam Bảo, tin sâu, nguyện thiết, hành trì niệm Phật kiên cố mà ra đi nhẹ nhàng, hỏa táng còn lưu Xá-lợi, thật là một gương sáng để chúng ta noi theo!

(Thuật theo lời Phật tử Minh Chất, Diệu Nguyệt và Diệu Dung.)

69. NGUYỄN THỊ CHÍN (1926 - 1992, 66 tuổi)

Bà Nguyễn Thị Chín sinh năm 1926, cư ngụ tại: 18/8 đường Cách Mạng Tháng Tám, khu vực 5, hẻm 114, phường Cái Khế, quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ. Song thân là cụ ông Đoàn Văn Thông và cụ bà Võ Thị Vạn. Bà là con thứ chín trong gia đình có chín anh em.

Khi trưởng thành bà kết hôn với ông Sơn Sanh (người gốc Khơ-me), sinh được bốn người con, gia đình sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình bà thật thà, chơn chất và vui vẻ, miệng hay nhai trầu nên bà con lối xóm thường gọi bà là bà Chín Trầu.

Thấy bà tuổi gần 60, cháu của bà là liên hữu Minh Chất khuyên bà nên quy y Tam Bảo. Bà trả lời:

- Còn bận gia đình quá hà, con ơi!

Tháng 9 năm 1990 người chồng đột nhiên lên cơn cao huyết áp rồi từ trần. Từ đó, mặc dù có buồn khổ nhưng nhờ vậy mà bà đã giác ngộ ra lẽ thật của cuộc đời: có sanh thì phải có tử; có hội ngộ ắt phải có giây phút chia ly mà từ ngàn xưa cho đến hôm nay vẫn y nguyên như thế:

*“Con người sống trong thời hiện tại,
Mặc dù là thông thái văn minh;
Nhưng vẫn còn trong cảnh tử sinh,
Theo định luật hữu hình tất hoại.*

Người vẫn bệnh vẫn già chết mãi,
Vật có sanh đều hoại đều tàn;
Khổ não còn đây giữa thế gian,
Thân người rốt cuộc hoàn tro bụi.
Sự vật thấy chế nhiều thứ mới,
Già chết xem còn cũ như xưa;
Sức lên trời xuống biển có thừa,
Nhưng thiếu sức ngăn ngừa thân chết.
Giàu sang bỏ xác rồi cũng hết,
Nghèo hèn hơi thở dứt cũng thôi;
Hỏi cái chi là của người đời?
Trả lời chẳng có gì tất cả.
Chỉ một cuộc lữ hành xứ lạ,
Về rồi thôi không thể mang theo;
Đời khác chi là cảnh bọt bèo,
Không thể tránh khỏi ngày tan rã.
Thật là kiếp con người tạm giả,
Thế gian là mả mả của người;
Kể từ khi mới có đất trời,
Kéo dài đến cõi đời hiện tại.”

Minh Chất lại khuyên:

- Dì Chín ơi! Dì già lắm rồi! Dượng Chín đã mất, bây giờ rảnh rang, con đưa dì quy y, ghen dì?

Bà đồng ý, Minh Chất liền đưa bà đến Niệm Phật Đường Quang Đức, quy y thọ giới với Hòa Thượng Thích Bửu Lai, được pháp danh là Diệu Thơ. Kể từ đó bà tinh tấn niệm Phật, mỗi tháng đi chùa sám hối hai lần.

Bà thường theo Minh Chất và các bạn đồng tu đi hộ niệm, cầu an cho các bệnh nhân, cùng cầu siêu cho các đám tang. Mỗi tối, có khi bà ở nhà niệm Phật; có khi bà đến nhà của Minh Chất để cộng tu với các bạn đạo, do không biết chữ nên ai tụng kinh thì tụng, riêng bà thì cứ ngồi niệm Phật vậy thôi.

Đầu năm 1992 bà bị đau bụng, đưa qua Bệnh Viện 30 Tháng 4, bác sĩ chẩn đoán là ung thư gan giai đoạn cuối nên đành bó tay. Ở đây được một tuần, thấy không thuyên giảm, gia đình liền đưa bà về nhà uống thuốc Nam. Qua hai mươi mấy ngày uống thuốc, sức khoẻ hồi phục khả quan, bà đi chùa được, nên mọi người ai cũng rất phấn khởi, vui vẻ chúc mừng cho bà.

Sau đó bệnh lại tái phát, bụng to dần lên, hành hạ bà đau đớn dữ dội, nhưng có điều đặc biệt là không hề nghe bà rên than, càng đau bà càng niệm Phật khẩn thiết thêm hơn.

Trước khi mất vài ngày bà kể rằng, bà đã nằm mộng thấy Đức Phật dẫn một đoàn Phật tử đi rất đông, bà đi riết theo mà không kịp. Rồi bà gọi con cháu lại dặn dò phải cố gắng lo tu hành, thương yêu đùm bọc lẫn nhau. Bà có người con rể thường hay nhậu nhẹt quậy lắm, trước kia bà rất ghét, lúc ấy bà cũng tha thứ cho chú. Còn thiếu nợ ai bà sai con cháu đi trả, và mua vật phóng sanh.

Đến 4 giờ chiều ngày 22 tháng 2, bà bảo người con trai thứ Hai ra chợ mua hoa quả, đồng thời xuống rước Thầy Đức Toàn “Lên hộ niệm ẹ ẹ để không kịp!”

Bà còn bảo người con gái thứ Ba sang mời Minh Chất và các bạn đồng tu đến để hộ niệm cho bà luôn.

Khi hay tin, Minh Chất và chư đồng đạo liền kéo đến, bà đang nằm trên chiếc ghế dựa, mọi người đứng vây quanh, thấy có nhiều bộ đồ chuẩn bị mang theo cho bà, nên Minh Chất đề nghị với bà chỉ đem theo vài bộ thôi, còn bao nhiêu nên phát tâm cho những người nghèo. Bà trả lời:

- Để tao suy nghĩ một lát!

Thế rồi bà yên lặng một chút rồi nói:

- Được, di giao hết cho con đó, đem mà bố thí cho người nghèo đi con!

Hơi thở bà yếu dần... Minh Chất khai thị và mọi người đồng hộ niệm. Chốc lát sau, bà niệm “Nam Mô A-di-đà Phật” ba tiếng thật lớn rồi ra đi. Nhằm ngày 22 tháng 2 năm 1992, bà hưởng thọ 66 tuổi.

Qua tám tiếng đồng hộ hộ niệm, khi thăm khám thi thể thì thấy: tay chân mềm dịu, gương mặt hồng hào rạng rỡ tươi vui, toàn thân đều lạnh chỉ có đỉnh đầu ấm nóng. Sau đó vẫn tiếp tục niệm Phật cho đến ngày hôm sau mới lo việc hậu sự.

(Thuật theo lời cô Sơn Thị Cương Pháp danh Diệu Chiếu, con gái của bà, và Phật tử Minh Chất.)

70. CHIÊU VĂN TRIỆU (1918 - 1997, 79 tuổi)

*Thương người mến vật, thật thà niệm Phật! Mọi thứ đều
buông, thương - ghét vui - buồn tiêu tan sạch mất!*

*Nghiệp khảo chẳng màng, lòng luôn bình an! Chọn ngày
về xứ, khổ đau sanh tử bỏ lại trần gian!*

Ông Chiêu Văn Triệu sinh năm 1918, cư ngụ tại ấp Phú Trung, xã Phú Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông Chiêu Văn Tám, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Biên. Ông là con thứ ba trong gia đình có năm anh em.

Khi đến tuổi trưởng thành ông kết hôn với bà Phạm Thị Thuận, sinh được bốn trai, hai gái. Gia đình ông sống bằng nghề ruộng rẫy.

Tính tình của ông vui vẻ, hiền lành, thương yêu anh em, hòa đồng với làng xóm, ông rất rộng rãi nhân từ hay giúp đỡ mọi người chung quanh.

Ông quy y Tam Bảo rất sớm, mỗi tháng ăn chay bốn ngày. Mặc dù gia duyên bận buộc nhưng thời khoá công phu lễ niệm sớm tối của ông luôn duy trì đều đặn.

Năm 1956 (38 tuổi) hai ông bà phát tâm trường trai, cô con gái Út cũng phát tâm theo cha.

Năm 1972, lúc đang làm ruộng trong Kênh Mười, bà 'bạn đường' bị bệnh thổ tả, khi chuyển về vừa tới nhà thì bà qua đời!

Năm 1975, tám, chín mẩu ruộng ông đang canh tác phải nhường lại cho các hộ dân nghèo. Qua năm sau (tức năm 1976) ông bị tai biến mạch máu não nên liệt nửa người. Các con đã đưa ông đi chữa trị rất nhiều nơi, mất trọn một năm trời mà bệnh tình chỉ hồi phục đôi ba phần. Sau cùng gia đình đưa ông trở về nhà an dưỡng cho đến khi mãn phần. Vì con của ông là y sỹ nên đã mua thuốc Tây hoặc thuốc Bắc về nhà để điều trị cho ông, đôi lúc cũng có dùng thuốc Nam trong những khi cần thiết.

Chỉ trong khoảng thời gian ngắn ngủi mà ông phải nếm trải quá nhiều nỗi bi thương, sâu khổ dập dồn, nên cảm nhận sâu sắc qua đoạn khai thị:

*“Vạn vật dưới bóng trời mọc lặn,
Có vật nào mà đặng thật lâu.
Bị tiêu mòn hoặc sớm hoặc lâu,
Không có một vật nào tồn tại.
Phải tìm chỗ trường sanh bất hoại,
Chớ ngồi đây chịu mãi tử sanh.
Kiếp người đầy giả dối hôi tanh,
Xem như thật mà không phải thật.
Xác thân của người còn phải mất,
Thì trong đời có vật nào còn.
Biết vật chi rồi cũng tiêu mòn,
Cứ đeo đắm là không sáng suốt.
Nên mở hết sự đời trói buộc,
Để làm cho rảnh kiếp vô thường.
Sống lâu dài như Phật Tây Phương,
Thân ấy mới là thân chơn thật.*

*Thân hiện tại có ngày phải mất,
Bởi nó là giả chất cấu thành.
Đâu bằng thân sen báu thai sanh,
Vô số kiếp thơm lành bên bỉ.”*

Cũng từ đó ông buông bỏ tất cả chuyện đời, chuyên tâm niệm Phật một lòng tha thiết nguyện sanh về Tây Phương Cực Lạc.

Các bạn đạo cũng thường xuyên ghé thăm, khuyến tấn về pháp môn Tịnh độ. Ngoài những lúc công phu trì niệm ra, ông cũng thường xem các kinh: Pháp Bảo Đàn, Hiền Ngu, Lăng Nghiêm... đặc biệt ông tâm đắc hạnh nhẫn qua các câu như:

*“Ai chửi mắng thì ta giả điếc,
Đợi cho người hết giận ta khuyên.
Chữ nhẫn hòa, ta để đầu tiên,
Thì đâu có mang câu thù oán.
Việc hung ác hễ vừa thấp thoáng,
Chữ từ bi ta diệt nó liền.
Sự oán thù đáp lại chữ hiền,
Thì thù oán tiêu tan mất hết.”*

Mỗi khi gặp gỡ con cháu, ông thường khuyên chúng nên cố gắng làm lành lánh dữ, phải rán nhẫn nhịn, tu hiền... rồi dùng chay lạt, niệm Phật, cầu vãng sanh Tây Phương!

Vào ngày rằm tháng 9 năm 1997, bệnh của ông trở nặng, ông hôn mê, tiểu tiện không còn tự chủ và không còn hay biết gì nữa hết, cô Út vô cùng kinh hãi, mỗi sáng đi chợ bán tương, cô gom hết tiền mua vật mạng phóng sanh, hồi hướng cho ông. Liên tục suốt ba hôm thì sức khỏe của ông hồi phục và tỉnh táo bình thường lại.

Đến ngày 19 tháng 9 năm 1997, ông nói với cô Út:

- Bữa nay con dọn cơm dưới nhà bếp, rồi dìu ba xuống ăn chung với con một bữa. Ba chỉ ăn bữa cơm này nữa thôi!

Thường ngày cô Út đều bưng mâm lên, hôm nay bỗng dưng ông thích ăn ở nhà dưới. Khi ăn cơm xong, ông lấy trong miệng ra một cái răng, đưa cho cô Út và nói:

- Ba cho con cái này nè, con giữ kỹ làm kỷ niệm!

Sáng hôm sau, ông nói với cô Út:

- Con chuẩn bị hành lý cho ba chưa?

- Ba định đi đâu, thưa ba?

- Ba định đi về xứ!

Cô Hai bạn đồng tu của cô Út, cất tiếng hỏi:

- Thưa bác! Quê bác ở đây, mà bác nói về xứ! Vậy bác định đi về xứ nào?

- Ở đây là quê già, Cục Lạc mới là xứ thiệt của mình!

Cô Út hỏi tiếp:

- Vậy ba có chuẩn bị gì chưa?

- Ba có chuẩn bị sẵn hết rồi!

- Ba chuẩn bị ra sao, ba nói cho con nghe đi?

- Thì sáu chữ Nam Mô A-di-đà Phật đó! Sáu chữ Di Đà là hành lý của mình đó, con ơi!

- Vậy là tốt quá! Ba rán nhiếp tâm tập trung tư tưởng để niệm Phật. Vậy là ba sửa soạn về xứ!... Để con sửa soạn cho ba các chuyện bên ngoài; còn bên trong ba rán buông xả các thứ nhớ nghĩ để niệm Phật, nghen ba!

Chiều lại ông hỏi:

- Bữa nay là ngày mấy rồi, hả con?

- Thưa ba, bữa nay là ngày 19!

- Nước sau hè khô chưa con?

- Thưa ba, còn nửa ống chân!

- Vậy ba cũng rán thêm vài bữa nữa cho nước khô.

Ông nhắc cô Út lo xay lúa để chuẩn bị đám tang cho ông.

Từ đó về sau ông từ khước tất cả thuốc men và thức ăn, chỉ uống một ít nước trắng để thấm giọng. Sức khỏe mỗi lúc mỗi cạn kiệt trầm trọng. Chương trình hộ niệm được tiến hành, ông nằm im niệm Phật theo mọi người, thỉnh thoảng ông niệm bài chú vãng sanh.

Khi có khách khứa, cũng như thân tộc đến thăm, các con ông sắp xếp không được vào hỏi han những câu vô ích, không cần thiết như: “Khỏe không?”, “Biết tôi là ai không?”... mà chỉ hỏi người săn sóc bên ngoài phòng khách là được rồi; còn đến gần ông thì chỉ niệm Phật với ông mà thôi!

Suốt một tuần trợ niệm, đến 5 giờ sáng ngày 26 tháng 9 năm 1997 ông nằm trên giường gọi con cháu đến đủ mặt. Cháu nội ông có hai người làm nghề đặt vón bắt cá, ông kêu lại rồi bảo:

- Các cháu đừng tạo sát nghiệp nữa, vì vật mạng cũng có linh tánh, cũng có thân xác, biết tham sống sợ chết như mình vậy! Nếu gây nghiệp sát sẽ chịu quả báo khổ đau không nhỏ!

Rồi ông kêu hai cháu hứa với ông và chặt bỏ vón trước khi ông bỏ xác. Hai đứa cháu hứa bỏ, ông gật đầu mỉm cười. Mặc dù lưỡi ông lúc này hơi cứng, tiếng nói hơi khó nghe nhưng chú ý nghe vẫn được rõ ràng.

Người con trai định đem thuốc ra chích cho ông, nhưng ông ngăn lại và nói:

- Vô ích, cứ thỉnh nước cúng Phật cho ba uống đi!

Cô Út thỉnh nước cúng cho ông uống. Uống xong, vẫn trong tư thế nằm ông niệm Phật và đọc chú vãng sanh rồi xá ba xá, đồng thời ông chấp tay vào ngực niệm Phật mà qua đời. Nhằm ngày 26 tháng 9 năm 1997, hưởng thọ 79 tuổi. Vừa lúc ấy hai cô con gái ngồi kế ông bỗng ngửi được một mùi hương lạ sực nức, nghe thư thối cõi lòng, thời gian khoảng năm mười phút thì mất.

Qua tám tiếng đồng hồ hộ niệm tiếp theo, thì thấy nét mặt của ông vui tươi khác thường, đặc biệt đỉnh đầu

một vùng lớn bằng miệng chung cực nóng, vừa sờ đến như đưa tay đụng vào một ly nước sôi.

Rất nhiều người chứng kiến sự ra đi của ông mà đã phát tâm tinh tấn tu hành cho đến ngày hôm nay.

(Thuật theo lời Chiêu Thị Nga, cô con gái út của ông.)

71. LÊ VĂN SÂU (1952 - 1976, 24 tuổi)

*Nhàm chán Ta Bà thống khổ, thề quyết thoát ra, bốn năm
thiết tha tinh tu Tịnh Độ!*

*Mến ưa Cực Lạc yên lành, cầu về mãnh liệt, cảm Phật
chơn thiết tự tại vãng sanh!*

Chú Lê Văn Sâu, sinh năm 1952, cư ngụ tại số 172, ấp Hòa Thạnh, xã Châu Phong, thị xã Tân Châu, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông Lê Văn Trình, thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Thôn. Chú là thứ út trong gia đình có năm anh em, sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Năm 1968 cha của chú mất. Hai người anh và hai người chị đều lập gia thất, đồng ra riêng cất nhà xung quanh, còn chú thì chung sống với mẹ. Kế đó chú làm thêm nghề đưa đồ dọc từ Châu Đốc qua Châu Giang.

Tính tình của chú rất có hiếu với mẹ và hòa thuận với các anh chị, nhiệt tình giúp đỡ những người xung quanh.

Đến năm 20 tuổi, một hôm nọ chú thưa với mẹ:

- Thưa mẹ! Con thấy cuộc đời quá giả tạm, mỏng manh, vui ít khổ nhiều, mà sống làm nghề đưa đồ lại càng dễ chán. Hơn nữa, vì bạn bè của con đùa nào cũng vậy, mở miệng ra là chửi thề lố mãng hung tùm, nên con xin phép mẹ cho con nghỉ để ở nhà. Từ nay trở đi con lo ăn chay, cúng lạy, niệm Phật làm lành, cầu giải thoát cho mình và cứu độ Tổ tông!

Khi được mẹ chấp thuận, từ đó chú dốc hết tâm lực lo tu thân hành thiện. Bao nhiêu y phục chú đều đem đi cho hết, chỉ may hai bộ đồ: một bộ bà ba đen và một bộ vạt mề để thay đổi. Chú rất siêng năng tinh tấn hành đạo, mỗi ngày là bốn thời cứ nối tiếp liên tục, hết ngồi niệm Phật thì đi kinh hành hoặc ngồi xem kinh sách, hay chép kinh sách nên thời gian chú ngủ nghỉ rất ít. Thật là sự dụng công đồng mãnh, như đoạn khai thị sau:

*“Liên Hoa người muốn được gần,
Phải tu nhanh chóng chớ chần chờ lâu.
Tu nếu nhận là cầu siêu thoát,
Rán tu đừng ngơ ngác trong tâm;
Nếu tin Thánh trước là phàm,
Thì mình cũng có thể làm Phật Tiên.
Kẻ thành đạo nhờ duyên trước lớn,
Hoặc nhờ tu tinh tấn hiện nay;
Không duyên mà cố tu hoài,
Phật hay Tiên cũng có ngày được nên.
Ai người muốn ngồi trên Sen báu,*

*Tu phải dùng tâm đạo làm nguồn;
Đạo tâm sông nghiệp đời sông,
Cõi phàm qua Thánh bắt nguồn từ đây.
Tâm là gốc tạo gây vạn sự,
Lành cũng tâm mà dữ cũng tâm;
Đường về tới chốn Lô Âm,
Tâm tìm khóa mở, tâm tâm lối đi.
Người phải tự chỉ huy tâm ấy,
Khiến tâm đi trong cái quang minh;
Mình không làm chủ được mình,
Khác nào những đám lục bình trôi sông.”*

Hàng năm mùa vụ thì chỉ có một đợt, mẹ chú ăn chay không nổi nên đến giờ cơm thì bà đi sang các nhà anh chị để dùng bữa. Hơn nữa chuyện ăn uống của chú lại rất đơn giản thanh đạm, vì vậy chú tận dụng thời gian hết để lo việc tu học, đồng thời chú thường xuyên đóng góp vào các công tác từ thiện xã hội ở địa phương nhà.

Thỉnh thoảng chú có đến chùa Bửu Hòa (cách nhà vài cây số) để gặp gỡ các bạn đạo trao đổi, luận bàn về Phật pháp. Vào thời điểm đó kinh sách rất khan hiếm, vậy mà chú cũng đã sưu tầm mang về nhà tương đối nhiều: những tác phẩm trong bộ Hiển Đạo, kinh Lăng Nghiêm, kinh Vô Lượng Thọ... rồi chú sao chép lại để ngày đêm đọc học tu hành. Sự nỗ lực của chú rất cần mẫn tinh chuyên.

Có những khi đến mùa nước nổi chú thường neo xuồng trước bến rồi ngồi niệm Phật, hoặc trèo lên nóc nhà để ngồi niệm Phật. Người đi qua, kẻ đi lại trông thấy,

có người thì khen ngợi chú tu tinh tấn, cũng có kẻ lại nghĩ chú bị chạm dây thần kinh.

Thỉnh thoảng chú cũng thường khuyên mẹ và các anh chị niệm Phật, tu hành. Có lần chú nói với người chị dâu thứ Tư:

- Mình niệm Phật thì phải nhiếp tâm, chí thành mà niệm và cũng phải hồi hướng về Tây Phương. Cũng như cái cây nghiêng về bên nào sẽ ngã về bên ấy... chị niệm Phật nếu mà không hồi hướng thì biết về đâu?

- Cái thân này cũng như chiếc thuyền! Muốn qua sông mà hủy hoại nó thì không được, còn như dung dưỡng nó cũng không được!

Thời gian tu hành trải qua 4 năm. Đến ngày 17 tháng 11 năm 1976, chú đi ruộng trong kênh Đào để thăm lúa. Chiều tối hôm đó chú sang nhà người anh thứ Tư ngồi nói chuyện với nhau, giây lát sau chú nói:

- Anh Tư à! Năm nay làm lúa có lẽ là em không có làm. Anh làm đi!

- Sao mà mà không làm?

- Bây giờ em hỏi thiệt anh nghen? Như Phật cho biết trước ngày vãng sanh anh có dám đi không?

Chú Tư cười, chưa đáp thì chú nói tiếp:

- Chắc chắn là anh không dám đi rồi chứ gì!

Nói xong cả hai đều cười rộ lên... rồi chú trở về bên nhà.

Sáng lại, khoảng 4 giờ mẹ chú không nghe động tĩnh gì như thường lệ, bà bật dậy, lên tiếng hỏi, không nghe chú trả lời. Đến gần xem thì phát hiện chú đã tắt hơi, bà liền la lên, con cháu xung quanh chạy qua, thì thấy chú nằm ngửa rất ngay ngắn, hai tay vẫn còn chắp ở giữa ngực.

Khi thắp sáng hương đèn trên các ngôi thờ, người nhà phát hiện một lá thư trên bàn thờ, chiếc đèn dè lên, và bên cạnh là chiếc đồng hồ. Mọi người cùng nhau mở ra xem, thì thấy chú viết:

“NAM MÔ A-DI-ĐÀ PHẬT.

Thưa má cùng anh chị, con được ơn trên cho biết là hôm nay con được vãng sanh, nhờ lòng chí thành niệm Phật, con không muốn nói trước vì sợ tình ái làm trở ngại sự siêu thoát của mình. Thành khẩn cầu xin má hiểu cõi đời là giả tạm, có hiệp tất có tan, đó là định luật xưa nay mấy ai tránh khỏi, như con được về Cực Lạc thì má cũng vui! Nên con tha thiết cầu mong má nhớ niệm Phật và làm phước nhiều, đó là mục đích cứu cánh để được thoát khỏi cuộc đời đau khổ này. Khi con chết bao nhiêu đồ đạc của con đều để lại hết, chỉ đem theo một bộ mặc trong mình mà thôi, còn cái đồng hồ xin má đưa cho anh Út Khự để làm kỷ niệm, em thiết tha cầu khẩn anh chị thương em, là thay em nuôi má cho được chu toàn, và luôn luôn xem Kinh Giảng để giải nghĩa cho má nghe mà tu. Anh chị nên biết:

*Lợi danh vật chất có huờn không,
Thế xác rồi đây cũng hoại vong.*

*Luyện ái bụi trần thêm lao lý,
Vui, buồn, thương, ghét thấy hoài công.
Mộng tưởng đục trần theo hơi dút,
Vợ, chồng, con, cháu cũng hết công
Sự sản thế điền đều bỏ lại,
Cõi đời nào khác bọt dòng sông!*

Đó là cái chân lý tuyệt đối, em mong rằng anh chị và mẹ xét cho kỹ, để lo tìm cái trường tồn, vĩnh viễn. Cũng may cho em, chứ không biết tu thì kinh hồn, kinh hồn!

Lê Văn Sâu, hẹn chung vui ở Tịnh Độ.

Mong anh Tư giúp em cho phần mộ có tấm bia giá rẻ nhất, trong bia ghi: ĐẠO LÀ TẤT CẢ, LÊ VĂN SÂU CHI MỘ. Hãy giữ giấy này mà nói chuyện với chánh quyền.”

Trong thời gian này chú không có bệnh hoạn gì cả. Nhằm ngày 18 tháng 11 năm 1976, chú hưởng dương 24 tuổi.

Khuya đêm ấy những người làm đồ tế gần đó thấy ánh sáng thật lớn ở trên nóc nhà của chú. Bà Hai Bộ cũng đồng thấy ánh sáng ấy, bà kể lại với các anh chị của chú rằng:

“Hồi tối tao thấy trên nóc nhà mà y một quang sáng chiếu tia tia, đẹp lắm!”

Cuộc an táng của chú được tiến hành trong ngày, khi nhập liệm gương mặt của chú như một người đang nằm ngủ, các khớp xương đều mềm mại.

Được chứng kiến sự ra đi an lành của chú, rất nhiều người trong thân quyến và lối xóm đã phát tâm ăn chay và tinh tấn niệm Phật tu hành.

(Thuật theo lời bà Nguyễn Thị Khôn, mẹ của chú và cô Lê Thị Hiền chị dâu thứ Tư của chú.)

72. LÊ VĂN VẤN (1945-1973, 27 tuổi)

*Hạnh đức hiếu hiền mãi dồi trau,
Dụng được cứu đời bớt khổ đau.
Tín nguyện chuyên cần trì lục tự,
Quang minh Phật đốn, dứt trần lao!*

Chú Lê Văn Vấn sinh năm 1945, cư ngụ tại ấp Long Thạnh, xã Long Thuận, huyện Hồng Ngự, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông Lê Văn Nhi; thân mẫu là cụ bà Võ Thị Chen. Chú là con thứ ba trong gia đình có năm anh em. Gia đình chú sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Năm chú được 17 tuổi (1963), chú phát tâm trường trai, xin phép cha mẹ được vào chùa Bửu Long để làm công quả và học Phật tu hành (chùa cách nhà khoảng 5 cây số). Nơi đây chú chung sống với vài huynh đệ và hai ông từ (nguyên quán ở miền Trung di cư vào, đó là ông từ Hai và ông từ Ba mà người ta thường gọi là ông Ba Huế).

Sau đó chú đã ghi danh vào học các khóa: “Đạo Pháp Khai Tâm” và “Sơ Cấp Đào Tạo Giảng Viên” do Giáo Hội

tổ chức. Sau khi dự khóa xong, chú xuống Phú Tân học nghề Đông Y rồi trở về ở chùa như trước, để phát triển công hạnh giúp đời bằng cách hốt thuốc Nam cho quần chúng bị bệnh ở quanh vùng. Chú còn đi làm tổng giám thị cho các khóa “Đạo Pháp Khai Tâm”, mà Giáo Hội đã mở ra cho tầng lớp thanh thiếu niên được thấm nhuần Phật Pháp, nhằm thuần hóa nhân tâm, an định xã hội trong dịp các em nghỉ hè.

Tính tình của chú hiền lành, hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với anh em, niềm nở, cởi mở với mọi người. Đời sống sinh hoạt cá nhân rất kiệm ước, thanh đạm, bình dị.

Năm 1966, cha chú qua đời do bệnh lao phổi, khi ấy ông 49 tuổi. Chú càng cảm nhận sâu sắc về thực chất của đời người qua lý Tứ Đế của Đức Thích Ca Mâu Ni đã giảng dạy, mà Khổ Đế vẫn là lời pháp được diễn ra liên tục hằng ngày từ trong gia đình cho đến chung quanh. Quả đúng như những câu thơ của các bài sám tụng:

*“Sương buổi mai lâu dài chi đó,
Thân người đời nào có bao lâu.
Nhộn nhàng trong cuộc bể dâu,
Xuân xanh thoáng chốc bạc đầu rồi đây.
Ba vạn sáu ngàn ngày khó nhọc,
Dứt hơi rồi hỏa tốc vô hòm,
Của tiền để lại nhi tôn,
Bao nhiêu tội lỗi phân hồn lãnh riêng.
Chốn cửu tuyền khác miền dương thế,
Quỉ ngu đầu chẳng nề chẳng kiêng,*

*Chĩa dâm đao chém liên miên,
Vô cùng thống khổ vô biên đoạn trường.
Vô tận thảm thương đường sanh tử,
Dám khuyên người cần thử xét soi,
Thân như pháo đã châm ngòi,
Nổ vang một tiếng bèn coi thế nào?
Tiếc công lao bào hao tâm lực,
Chừng đao đầu quả thực... hỡi ôi!
Trăm năm sự sản phủ rôi,
Thức thân bị nghiệp luân hồi trôi trăn.
Lửa hồng trần cháy rần sáng rực,
Người ngủ say mau thức chạy ra,
Khá nên xét lại đi mà!
Thành tâm niệm Phật liên hoa dựa kê!
Nếu chẳng thế biển mê chìm mãi,
Biết đời nào được lại thân người?"*

Chú thường xuyên về thăm mẹ, khi đi thì thưa, khi về thì trình. Lúc mẹ bị bệnh, chú chăm sóc giặt giũ rất chu đáo kỹ lưỡng, không kém gì so với người nữ.

Hàng năm, mỗi lần đến đợt thu hoạch vụ mùa là chú về nhà giúp gia đình đi cắt lúa mướn. Thường khi ở giữa đồng, đến giờ cơm chú hái một nắm rau dứa nước mà sách thuốc thường gọi là “Du Long Thảo”; hay hái một nắm rau muống, cái tên trong thực đơn ở các nhà hàng thường dùng là: “Thanh Long Quá Hải” (rồng xanh vượt đại dương: tức rau muống luộc) nhưng chú thì không có điều kiện luộc nên để sống, rồi chấm với nước muối là xong ngay. Đúng như lời của Đức Phật Thầy Tây An:

*“Thịt thà xương máu tanh hôi,
Cỏ cây rau cải cũng rồi bữa ăn.
Đức từ bi lòng hằng thể hiện,
Không sát sanh lòng thiện ta còn.
Lạt chay tuy chẳng ngọt ngon,
Còn hơn thú vị cơm chan máu hồng!”*

Hạnh tu của chú rất đoan nghiêm, cẩn trọng. Hằng ngày ngoài những lúc chẩn mạch bốc thuốc và công phu lễ niệm ra, chú còn siêng năng nghiên cứu giáo điển, thưa hỏi với các bậc thiện tri thức, hoặc trao đổi kinh nghiệm tu học với các bạn đồng tu... Đường lối tu tập chính yếu của chú vẫn là pháp môn Tịnh Độ, một lòng niệm Phật cầu sanh về Tây Phương Cực Lạc. Chú cũng thường khuyên những người thân của mình cố gắng nỗ lực hành trì như thế, nhất là mẹ chú:

- Má rán lo tu, rán lo niệm Phật đừng có lưu luyến con cái!

Bởi cảm tình là hệ lụy, là trói buộc, là gốc rễ của sanh tử luân hồi, mà Cổ Đức đã từng răn nhắc:

*“Niệm ái chẳng dứt,
Khó thoát khỏi Ta Bà,
Niệm Phật chưa thuần,
Tây Phương xa diệu vợi!”*

Ngày mùng 5 tháng 11 năm 1973, chú phát bệnh thổ huyết. Sau đó được đưa về nhà điều trị, trong thân

quyến, kể thì bảo nên đi bệnh viện Long Xuyên, người thì chỉ thầy này, thuốc nọ; nhưng chú đều khước từ không chịu đi xa. Nhưng người nhà và đồng đạo nài nỉ mãi, hai ba ngày sau đưa chú vào nằm ở Bệnh Viện Đa Khoa Long Xuyên, trải qua một tuần, bệnh trạng của chú chẳng những không thuyên giảm mà còn trầm trọng thêm!

Đến ngày rằm, mọi người đành phải đưa chú về nhà để tiện bề niệm Phật. Khi ngồi trên ghe về nhà, tay chú luôn lần lần, cô Út ngồi gần thấy vậy ngỡ là chú khát nước, bèn hỏi:

- Anh muốn uống nước hả?

Chú lắc đầu. Thì ra là chú lo chuyên tâm niệm Phật. Khi về đến bến sông thì trời đã chạng vạng tối (7 giờ). Bà con tấp nập đến thăm, tiếng họ xầm xì với nhau:

- Ông Ba Ván ổng đau nặng mà ổng còn chuyên đồ nữa kìa ta!

Sau khi lên nhà chú nằm trên chiếc ghế mây dài, bắt đầu lên cơn mệt. Mọi người xúm lại đặt bàn cầu nguyện. Đến 9 giờ 35, bạn thân của chú là đồng tu Tư Điều tới bên cạnh hỏi:

- Đệ Ba! Đệ Ba! Đệ còn nhớ niệm Phật không?

Lúc đó chú lấy tay chỉ vào ngực tỏ ý rằng mình vẫn còn nhớ niệm Phật, đồng thời khoát tay ngo ý “xin đừng hỏi nữa”; bên ngoài tiếng niệm Phật của các liên hữu vẫn ngân lên đều đặn. Kế đó chú liền từ từ đưa hai tay chắp lên ngực rồi dứt thở, lúc ấy đúng 9 giờ 40 tối, ngày rằm tháng 11 năm 1973, chú hưởng dương 27 tuổi.

Lễ an táng được tiến hành trong đêm. Khi di chuyển quan tài, bàn hương án được đưa đi trước, tiếng hộ niệm đưa linh cữu của nam nữ đồng đạo vang đều. Đang hạ huyệt, ông Nguyễn Văn Bạo bỗng la lên và chỉ:

- Coi kìa, ánh sáng trên trời lạ quá mấy ông ơi!

Lúc ấy nhiều người nhìn lên, đều thấy một vầng ánh sáng màu xanh từ hướng Tây bay đến trên phần mộ, dừng lại lơ lửng trước đầu quan tài, rồi tua tủa ra nhiều màu rất sáng đẹp rồi chuyển đi và mờ dần, cuối cùng tan biến trong màn đêm! Một số đồng đạo nhìn thấy thế lòng rất hân hoan, tin chắc rằng chú đã được vãng sanh. Nhiều người chứng kiến hiện tượng trên bèn phát tâm ăn chay, niệm Phật, tu hành.

(Thuật theo lời của cô Lê Thị Lệ, em út của chú và đồng đạo Nguyễn Văn Bạo..)

73. NGUYỄN VĂN TUA (1954 - 1984, 30 tuổi)

Anh thường trì ngọ, đôi khi cũng có lúc nhịn ăn cả tuần. Đặc biệt là anh nghiêm trì giới hạnh rất kỹ lưỡng, vô cùng trân quý thời gian, tránh né tất cả những cuộc tiếp xúc không cần thiết. Một lòng tiến hướng về Tây Phương...

Anh Nguyễn Văn Tua sinh năm 1954, cư ngụ tại ấp Tân Thượng, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Thuật, thân mẫu là cụ bà Trần Thị Chinh. Anh là con thứ năm trong gia đình có sáu anh em. Gia đình anh sinh sống bằng nghề ruộng rẫy.

Tính tình anh hiền lành và rất hiếu thuận. Năm lên 17 tuổi, anh rất thích ngâm nga sấm kệ nên thường xuyên đến giảng đường để đọc. Và lại hai vợ chồng người anh thứ Hai đã dùng trường trai, nên anh xin cha mẹ cho mình được chay lạt tu hành. Khi song thân chấp thuận, sau đó anh cùng với một số bạn đạo, gồm mười mấy người cất cốc để tu, mỗi vị một cái ngoài ruộng (cách nhà khoảng vài trăm mét).

Năm 1973, anh ghi danh học khóa “Đạo Pháp Khai Tâm” do Ban Trị Sự tổ chức tại xã nhà. Kế đến là học khóa “Sơ Cấp Tu Nghiệp Giảng Viên”.

Nơi địa phương mà anh cư ngụ có phòng thuốc Nam, ban ngày anh đến làm công quả ở đó, chiều tối về cốc lo công khóa hành trì.

Ngoài những lúc tự học, đọc kinh sách, và cùng các huynh đệ thảo luận trao đổi về giáo lý ra, còn có ông Bảy Găng là thiện tri thức thường lui tới khuyến tấn về Phật pháp cho anh và các huynh đệ.

Anh thường trì ngô, đôi khi cũng có lúc nhịn ăn cả tuần. Đặc biệt là anh nghiêm trì giới hạnh rất kỹ lưỡng, vô cùng trân quý thời gian, tránh né tất cả những cuộc tiếp xúc không cần thiết. Một lòng tiến hướng về Tây Phương, bởi vì:

*“Vô thường không đợi,
Ngày tháng qua nhanh.
Biển nghiệp sâu rộng,
Kiếp người mong manh.
Nếu không niệm Phật,
Cực Lạc cầu sanh.
Tất bị nghiệp dắt,
Vô lượng nhọc nhằn.
Luyến lưu chi nơi cõi bản,
Sống đời nhớp nhúa hôi tanh!
Chi bằng gieo nhân Tịnh độ,
Tin sâu nguyện thiết chí thành.
Trong lòng luôn luôn có Phật,
Sen báu Phật trao một cành!
Ngàn đời khổ đau dứt tận,
Vạn kiếp vĩnh viễn an lành!”*

Anh có người anh họ là Sáu Hoàn. Khoảng năm 1980, hai vợ chồng của Sáu Hoàn phát tâm trường trai tu

hành, ra cất nhà gần đó, rồi ngỏ lời mời anh về ở chung. Vì muốn trợ duyên cho hai anh chị, nên anh đồng ý đến ở tu chung với hai vợ chồng Sáu Hoàn cho đến ngày anh ra đi.

Thấm thoát thời gian trôi qua đã được 5 năm, đến tháng 7 năm 1984 anh từ khước đảm trách nhà thuốc Nam với lý do dưỡng bệnh. Thời gian này anh rất tinh tấn hành đạo. Một hôm anh nói với vợ chồng Sáu Hoàn:

- Em không trông thuốc Nam nữa, ai có cần trông thì lấy giống về trồng, vì em sắp bỏ xác!

Vợ sáu Hoàn hỏi:

- Đệ nói sắp bỏ xác mà giải thoát được không?

Anh đáp:

- Giải thoát được em mới bỏ xác chứ!

Lại hỏi:

- Đệ căn cứ vào đâu mà giải thoát?

Anh nói:

- Đệ căn cứ vào lời nguyện của đức Phật A-di-đà, vì Ngài không bỏ rơi một người niệm Phật thành tâm nào!

Gần cuối tháng tám, vào mùa nước nổi, đám mía của cha anh đang thu hoạch, đến giờ nghỉ, mọi người tập trung lại gò đất cao, vừa ngồi nhai mía vừa cùng nhau bàn chuyện phiếm, bất chợt anh lên tiếng:

- Nữa tôi có chết nhờ đồng đạo chôn tôi ở gò này!

Có người lên tiếng:

- Ủ! Nữa đệ chết thì chôn đệ ở đây! Chớ chỗ nào nước cũng ngập mênh mông hết... Nếu không chôn ở đây thì chôn ở đâu!

Vừa dứt lời thì một trận cười thật to vang lên. Song rồi ai cũng ngỡ là anh nói chơi cho vui nên chẳng mấy lưu tâm!

Cũng trong thời gian này có đoàn sư tầm thuốc Nam đến cho anh hay một tuần nữa sẽ khởi hành chuyến đi lấy thuốc ở xa. Anh bèn từ chối:

- Hôm trước đệ lỡ hứa với các anh, mà hiện giờ đệ có công chuyện nên đệ không đi được!

Đến ngày mùng 4 tháng 9, anh dạo chơi thăm những người thân hữu và già từ một vài đồng đạo.

Sáng mùng 5, khác hơn mọi khi, anh công phu sớm hơn thường lệ rồi đi thăm phòng thuốc Nam, sau đó về nhà song thân chẩn mạch cho mẹ. Thường ngày thì xem mạch xong anh đến nhà thuốc bốc thuốc đem về. Hôm nay xem mạch xong anh nói với mẹ:

- Con có công chuyện hôm nay mẹ đi hết thuốc giùm con!

Mẹ anh nói:

- Nếu con có công chuyện thì con lo đi làm đi, để mẹ đem toa thuốc lại đăng đẳng hốt cũng được!

Khi bà đi rồi không bao lâu người em gái từ trong bước ra nhà trước, thấy anh đang nằm nghiêng bên hữu, hai tay chắp đưa lên trán, cô hỏi nhưng không nghe anh trả lời, cô nhìn thấy hai chân của anh hơi run run, nên cô hốt hoảng la lên. Lúc ấy kê bên nhà, cách một con mương, có gia đình đang chuẩn bị cúng giỗ nên khi nghe la thất thanh mọi người ùa sang. Không ai biết ắt giáp gì cả liền bu lại vạch anh lưng cạo gió, trong khi đó thì anh đã tắt hơi tự bao giờ!

Đang lao xao cạo gió cho anh, thì tức thời ông Bảy (thầy dạy nghề thuốc cho anh) bước vào ngăn lại, sửa thân thể của anh lại cho trang nghiêm, rồi cùng nhau luân phiên hộ niệm. Vì ông Bảy vừa nằm chiêm bao thấy cảnh tượng giống y như ông vừa mới bước vào nhà của học trò mình. Lúc ấy khoảng gần 9 giờ sáng ngày mùng 5 - 9 - 1984, anh hưởng dương 30 tuổi.

Thân quyền và chư đồng đạo hộ niệm đến 9 giờ sáng hôm sau mới nhập mạch. Khi ấy các khớp xương mềm mại, riêng đỉnh đầu còn ấm nóng.

(Thuật theo lời Phạm Thị Nhe, chị dâu thứ Hai của anh, hai vợ chồng Sáu Hoàn, và người anh rể thứ Ba).

74. NGUYỄN VĂN ÁNH (1908 - 1996, 88 tuổi)

“Ba định đi ngày 13, nhưng sợ các con chưa hiểu sâu nhân quả. Bởi đạo đức của ba còn kém cõi mà đến ngày giỗ quảy cúng mặn tội nghiệp cho ba lắm! Mà cũng tội nghiệp cho các con nữa. Nên ba chọn ngày 14 ba về với Phật. Chớ để tới ngày rằm tui bày kéo sang ngày 16 cúng mặn nữa à!”

Đó là lời tiên đoán của người cha biết trước ngày giờ chết của mình!

Ông Nguyễn Văn Ánh tên thật là Phạm Duy Đức, sinh năm 1908, cư ngụ tại xã Vĩnh Thạnh Trung (Thạnh Mỹ Tây), huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Vì ông thứ Bảy nên có thêm biệt danh là “Bảy Cọp”. Song thân là cụ ông Phạm Văn Phúc và cụ bà Nguyễn Thị Tới. Ông Bảy là con trai út trong gia đình.

Khi đến tuổi trưởng thành ông kết hôn với bà Phan Thị Tý, sinh được sáu trai một gái. Gia đình ông cũng là một trong những hộ nông dân tay lấm chân bùn của vùng đất Châu Phú.

Tánh ông hiền lành, chân thật, thường bố thí gạo cho những người nghèo và cúng gạo cho chùa trong làng hằng tháng.

Năm 1939 ông có đến Tổ Đình ở Phú Tân để nghe thuyết pháp và quy y Tam Bảo từ đạo đó. Một hôm nọ, ông rủ hai người bạn đồng trang lứa cùng nhau đi nghe

pháp, và thỉnh kinh kệ về nhà xem. Khi gà vừa gáy hiệp đầu là ba vị đã lo cơm nước xong xuôi bèn khăn gói lên đường. Cuộc bộ tịch tang đến nơi, dự thuyết giảng hoàn tất thì trời cũng vừa xế chiều. Trước khi ra về, Thầy gọi:

- Ba ông ở xã Mỹ Thạnh Tây đâu? Lên đây!

Nghe Thầy gọi, vị nào cũng giật thót cả người, trời không phải mùa đông mà thịt cóng xương lạnh, nổi da gà tựa hồ như đang phát cơn sốt rét, ai cũng run run khúm núm chậm chậm đi lên. Thầy đưa tay chỉ ông Ba Ngộ, rồi nhờ đồng đạo trao cho phẩm “Ngôi Trên Đảnh Núi Liên Đài”, kế đó là phẩm “Giác Mê Tâm Kệ” cho ông Mười Tịch, sau cùng trao “Nguyện Văn Quy Y” cho ông. Cả ba đồng chấp tay thành kính xá dài, im lặng nhận lãnh quà xong bèn cáo từ lui gót, không một lời một câu ư a gì cả, có lẽ hai hàm răng lúc ấy đã bị keo dán sắt chế vào nên dính chặt lại tự bao giờ!

Số là trước khi khởi hành cả ba ông quỳ trước bàn Phật nguyện thỉnh Pháp Bảo mà mình ưa thích, đúng y như những thứ mà Thầy đã trao tặng cho từng người!

Qua sự kiện đó, tín tâm của ông với Tam Bảo gần như tuyệt đối, chỗ tựa vững chãi an ổn nhất trọn cả đời tu của ông khi đương đầu với bao khó khăn trở ngại, đôi khi cái chết cận kề trong gang tấc! Niềm tin quả thực là trọng yếu của sự hành đạo:

*“Kẻ học Phật phải cần tìm hiểu,
Để tu cho biết nẻo mà về.
Đã tu mà không thoát cõi mê,*

Thường vì bởi lối ra chẳng biết.
Thiếu tin tưởng sẽ không nên việc,
Thiếu lòng thành thì Phật khó trông.
Việc tu hành muốn được thành công,
Phải đầy đủ tấm lòng tin tưởng.
Thường bị cảnh chung quanh ảnh hưởng,
Vì thiếu lòng tin tưởng mà ra.
Nếu có lòng tin tưởng sâu xa,
Tất không bị người ta cám dỗ.
Tin tưởng có cõi vui Tịnh Độ,
Tin tưởng mình có thể sanh qua.
Tin tưởng xưa Phật cũng người ta,
Thì mình cũng sẽ là như Phật.
Lời Phật nói không hề sai thất,
Nếu làm y như Phật đã làm.
Tin tưởng sao làm vậy cho kham,
Không thể để ai làm thối chí.
Nhứt định sẽ vẹn tròn đạo lý,
Được thành công như ý đã nguyện.
Tin tưởng là sức mạnh vô biên,
Được thành Phật thành Tiên nhờ nó.
Tin tưởng ấy trong lòng được có,
Thì sự tu đâu bỏ nửa đường.
Khuyến nhủ trong bá tánh thập phương,
Tu phải có chủ trương mới được.
Tin làm phước thì là được phước,
Làm ác thì gặp ác không sai.
Tin rằng mình nghiệp dữ chẳng gây,

*Nhút định chẳng đầu thai cõi khổ.
Việc trần chẳng để lòng ham hố,
Chắc chắn không bị trở lại trần.
Lòng hằng mong cõi Phật được gần,
Thế nào cũng sanh lên cõi Phật.”*

Vào thập niên 70, ông tham gia hoàng dương Phật Pháp, khi phong trào chấn hưng Phật giáo tại miền Nam đang phát triển rầm rộ, ông đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Phổ Thông Giáo Lý tại xã nhà.

Vì muốn cho Phật Pháp được rải khắp, khiến nhân sanh được lợi lạc, nên ông đã hăng hái tổ chức thường xuyên các cuộc diễn giảng Phật Pháp do các thiện tri thức cư sĩ đảm trách, và phát thanh lời kinh tiếng kệ tại Hội quán vào những ngày 14, rằm và 29, 30. Ông rất quan tâm thương yêu giới trẻ, thường hay khích lệ khuyến tấn các em cháu chăm chỉ tu học và hành trì.

Những năm sau 1975, giáo sự đình chỉ, lúc này mặc dù tuổi già sức yếu ông vẫn thường đi đây đó để cầu nguyện siêu độ cho những người đã mất, mong mỗi họ sớm được vãng sanh về cõi an lành, vĩnh viễn chấm dứt khổ đau sanh tử. Đấy cũng là cơ hội truyền bá Phật pháp, kêu gọi mọi người thức tỉnh tu thân hành thiện.

Mặt khác ông còn hợp tác với vài anh em có tâm đạo đi khắp nơi tìm kinh giảng của ai hư rách đem về đóng bìa và dán lại lành lặn.

Đến năm 1977, ông và bà Bảy đồng phát tâm trường trai. Được khoảng bảy, tám năm, vì con cháu trong gia

đình có một số không thông hiểu Phật pháp, cứ bo bo chấp chặt theo hiểu đạo thế gian, nên đã nài ép làm cho hai ông bà gián đoạn hết bốn, năm năm. Sau đó, có cơ duyên thuận tiện, ông bà mới dùng chay lạt trở lại cho đến lúc lià đời.

Cách thức hành trì của ông chuyên về Tịnh Độ, sớm chiều lễ bái, niệm Phật cầu sanh Tây Phương. Ông vừa nỗ lực tự thực hành và tha thiết giới thiệu, kêu gọi những ai hữu duyên nên y theo lời “Khuyến Thiện”:

*“Nếu như ai cố chí làm lành,
Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật quốc.
Cả vũ trụ khắp cùng vạn vật,
Dầu Tiên phàm ma quỷ súc sanh.
Cứ nhất tâm tín, nguyện, phụng hành,
Được cứu cánh về nơi An Dưỡng
Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng,
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.”*

... ..

*“Ao sen báu Tây Phương đua nở,
Chờ chúng sanh niệm Phật chí tâm.”*

Vả lại, suốt mấy mươi năm kể từ khi mới bắt đầu nương tựa Tam Bảo, ông đã trải nghiệm thân chứng về công đức thù thắng của câu lục tự Vạn Đức Hồng Danh, nhờ thành tâm trì niệm mà ông nhiều lần tai qua nạn khỏi, thoát chết chỉ trong kẻ tóc đường tơ. Do vậy tín tâm của ông đối với Tịnh Tông dường như là tường đồng vách sắt, kiên cố vô song.

Lúc tuổi về chiều, nhất là những năm cuối đời, công phu của ông càng chuyên cần hơn, hết lễ bái cầu nguyện thì ngồi niệm Phật, hết ngồi niệm Phật thì lễ nguyện... cứ thay đổi liên tục suốt ngày, và từ ngày này sang tháng khác. Khi mệt thì nghỉ, nghỉ khỏe rồi thì tiếp tục. Bạn bè khách khứa hay em cháu tới thăm thì ông chỉ một mực khuyên lơn, khuyến khích về chuyện tinh tấn tu hành!

Đến năm 1995 - 1996, do phế quản yếu, ông thường hay bị mệt, khó thở nên các con thỉnh thoảng có vô nước biển cho ông. Dù vậy, công khóa hành trì ông vẫn luôn giữ đều đặn không hề lui sụt. Vào khoảng đầu tháng 8 năm 1996, có lần con trai Út đang tấn mừng cho ông, ông hỏi:

- Vinh ơi! Con rảnh chưa vậy?

Chú Út trả lời:

- Dạ con đang tấn mừng. Có gì không, thưa ba?

Ông nói:

- Con nhớ nghe con! Đúng 2 giờ chiều ngày 14 tháng 9, Phật rước ba. Bữa đó ba đi nghe con!

Chú về thuật lại cho vợ nghe, mà trong lòng thì nửa tin nửa ngờ.

Đến ngày mừng 8 tháng 9, vào buổi sớm sáng ông nói với người con trai thứ Tư:

- Hãy đưa ba về nhà cũ, đến ngày 14 là ba đi!

Vì hiện tại ông đang ở nhà chú Tư, còn nhà cũ là nhà của chú Út.

Các con của ông xúm lại bàn tán xôn xao. Cô con gái thứ Bảy nài nỉ:

- Rằm ba hãy đi, chớ ngày 14 xấu lắm!

Ông đáp:

- Không được đâu! Ba định đi ngày 13, nhưng sợ các con chưa hiểu sâu nhân quả. Bối đạo của ba đức còn kém cõi mà đến ngày giỗ quảy cúng mặn tội nghiệp cho ba lắm! Mà cũng tội nghiệp cho các con nữa. Nên ba chọn ngày 14 ba về Phật. Chớ nếu để tới ngày rằm tội bấy kéo sang ngày 16 cúng mặn nữa à!

Khi ông trở về nhà chú Út, đồng đạo và thân quyến hay tin tập nập liên tục kéo tới thăm, ông vẫn đón tiếp trò chuyện bình thường. Thấy cha mình quyết tâm chọn ngày 14, bấy giờ con ông là chú Tư Hưởng và cô Bảy Lệ cũng là y sĩ, bèn đi mua thuốc hồi sinh về chích cho ông. Vì thuốc này có tác dụng kéo dài thêm sự sống hơn 24 tiếng đồng hồ nữa. Lúc các con đề nghị chích thuốc, ông vẫn để cho chích không phản đối mà còn vừa nói vừa cười:

- Mấy đứa chích thì chích, đến đúng ngày giờ ba đi thì ba đi!

Sáng ngày 14, cũng như thường lệ lúc công khóa lễ nguyện buổi sớm, chú Út giành đi cắm hương, ông không cho, nghiêm nghị nói:

- Ba còn cấm nhang được, để ba cấm!

Tối 12 giờ trưa hôm ấy ông hơi mệt, vì có chuẩn bị trước, mọi người đông nghẹt vây quanh. Đúng 2 giờ chiều, đang nằm im ông bỗng lớn tiếng niệm Phật, âm thanh từ từ nhỏ dần rồi ông nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, khi đó hai tay vẫn còn chắp ngay ngắn giữa ngực. Nhảm ngày 14 tháng 9 năm 1996. Ông hưởng thọ 88 tuổi.

(Thuật theo lời chú Út Vinh con của ông và đồng đạo Bảy Khen.)

75. HUỲNH NGỌC THỔ (1932 - 2008, 76 tuổi)

- Thiệt tình! Lúc ra đi đau đớn khổ quá! Bây giờ mình về... rán cố gắng tu đặng khi bỏ xác vui về niệm Phật rồi chào đồng đạo ra đi... mới được!

Đây là một ước nguyện duy nhất và lớn nhất trong đời mà bất cứ người tu Tịnh độ nào cũng nên hoài bão. Phải quyết tâm thực hiện trọn vẹn! Gương vãng sanh sau đây đáng để cho chúng ta chiêm ngưỡng học tập!

Ông Huỳnh Ngọc Thổ sanh năm 1932, cư ngụ tại ấp Vĩnh Hưng, xã Vĩnh Thạnh Trung, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Đinh Trung Cần, thân mẫu là cụ bà Trương Thị Ty. Ông là con thứ ba trong gia đình có sáu anh em.

Do tổ phụ theo Đức Cố Quản khởi nghĩa ở Bảy Thưa nên bị thực dân Pháp và tay sai truy lùng tộc họ để bắt

bố, bởi vậy đến thế hệ của ông thì từ họ Đinh đổi thành họ Huỳnh!

Khi tuổi trưởng thành, ông lập gia đình sinh được sáu trai bốn gái. Gia đình chuyên sống bằng nghề làm ruộng.

Có lẽ đã trồng thiện căn sâu dày nhiều đời với Phật pháp, nên ông phát tâm trường trai rất sớm khi còn trong đội ngũ kháng chiến chống Pháp, lúc ấy tuổi chưa tròn hai mươi. Được biết cha của ông cũng trường trai từ thuở thơ đồng.

Công khóa thường nhật của ông là hai thời lễ lạy sáng tối, sau lễ nguyện thì ngồi niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc, khi khỏe thì hơn một giờ đồng hồ, lúc yếu thì nửa giờ. Những dịp rảnh rỗi, gia duyên ít bận buộc thì công phu tăng lên ba hoặc bốn thời trong ngày.

Kinh sách mà ông đọc, băng đĩa mà ông nghe, xem rất nhiều, rất rộng, nhưng ông thích nhất vẫn là bộ *Hiển Đạo*, mà phẩm “Thần Cơ Thật Luận” vẫn là phẩm tâm đắc nhất của ông!

Đối với con cháu trong nhà, ông rất quan tâm dạy dỗ ngay từ bé, tập cho chúng sớm chiêu lễ Phật, dạy cho chúng trên kính dưới nhường, xây dựng nền tảng căn bản đạo đức làm người. Vì vậy gia đình của ông êm ấm, thọ hưởng niềm vui của Thiên Luân:

*“Từ trên tới dưới thuận hòa,
Hay hơn châu báu ngọc ngà giàu sang.”*

Ngoài ra ông còn hướng dẫn các con về pháp môn Tịnh Độ. Do vì thời kỳ mạt pháp, nghiệp lực của chúng sanh sâu nặng, tự tu tự độ rất khó, cho nên cần phải cầu thêm lực tiếp dẫn của Đức Từ Phụ A-di-đà thì mới hy vọng ra khỏi sanh tử trần lao:

*“Người tự độ cầu thêm Phật độ,
Như nước xuôi được gió thuận chiều.
Đường về chóng biết bao nhiêu,
Được hai sức độ mau siêu phàm trần.”*

Tánh tình của ông chân thật, hiền hòa, rộng lòng thương người. Khi các con đã khôn lớn trưởng thành yên bề gia thất ông bèn giao phó việc nhà, riêng phần mình chuyên lo công phu hành đạo. Ông sốt sắng tham gia các công tác phúc lợi xã hội, như: bắc cầu, bồi lộ, cất nhà tình thương, giúp người nghèo khó... Trồng thuốc Nam, nhất là theo đoàn sưu tầm thuốc ở hòn, ở núi... có khi mỗi lần đi suốt một vài tuần lễ mới về.

Lúc tuổi hạc dần cao, ông càng chăm chỉ niệm Phật nhiều hơn. Ông thường cùng bà vợ đi dự các Phật Thất chùa Đông An, chùa ở Bình Minh, hoặc Thốt Nốt và những đạo tràng niệm Phật khác do các đồng tu tổ chức. Có lần ông ra tận chùa Hoàng Pháp ở Hóc Môn.

Một hôm ông cùng ông Hai Hào đi hộ niệm cho một bạn đồng tu, người bạn này là giảng viên chuyên đi thuyết giảng Phật pháp, nhưng lúc lâm chung vị này nằm im lìm không tỉnh táo. Nên ông nói với ông Hai:

- Thiệt tình! Lúc ra đi đau đớn khổ quá! Bây giờ mình về... rần cố gắng tu đặng khi bỏ xác vui vẻ niệm Phật rồi chào đồng đạo ra đi... mới được!

Bởi vì ông nhận thấy rằng: bao nhiêu hiểu biết kiến thức gom nhặt tích chứa nhiều như non cao biển rộng, mà không tu tập để chuyển đổi, tiêu mòn dần những tham sân si, phiền não nghiệp chướng, thì cũng chỉ là kiến giải suông, cũng chỉ là chuyện bên bờ sống chết luân hồi mà thôi, lúc đối diện với tử thần quyết định không dùng chi được!

Vào khoảng tháng 2 năm 2007, ông bị u xơ bàng quang, các con đưa ông ra Bệnh Viện Bình Dân ngoài Sài Gòn phẫu thuật nội soi.

Sức khỏe tạm ổn được mười tháng thì tái phát, tiếp tục phẫu thuật lần thứ hai. Khi về do ông vận động quá sớm nên vết mổ vỡ ra, cuối cùng phẫu thuật lần thứ ba. Lần này thì mổ hở, thời gian nằm viện một tháng mới xuất viện. Còn phải đặt trên người nhiều sợi dây lòng thòng mang về nhà!

Về nhà sức khỏe của ông ngày một suy sụp rõ rệt, thường bị xuất huyết, nên thỉnh thoảng các con đưa ông đi An Giang để vô máu hoặc thay những dây dẫn, sáng đi chiều về. Bệnh tình càng lúc nặng dần, nhưng công phu trì niệm của ông thì càng tinh thuần, tâm thần luôn định tĩnh thêm.

*“Trăm năm cõi mộng có chi dài,
Giả tạm mong manh chóng đổi thay.*

*Được mất ghét thương vui lẫn giận,
Thạnh suy cười khóc lắm khô hài.
Ngày tháng dần qua chết chợt đến,
Hoa Đà tái thế cũng bó tay.
Tĩnh ngộ siêng lo tu Tịnh nghiệp,
Lâm chung thông thả ngự Kim Đài.*

*Niệm Phật tâm ta in bóng Ngài,
Chẳng cho ô nhiễm bợn trần ai.
Não phiền bao thứ tiêu tan hết,
Thanh tịnh cõi lòng an lạc ngay.
Tùy duyên nỗ lực gieo phước thiện,
Hộ niệm đồng tu lúc chia tay.
Nguyện khắp chúng sanh siêu Tịnh Độ,
Vĩnh thoát trầm luân dứt đọa đầy!”*

Theo cái nhìn của thế nhân, thông thường hoàn cảnh bệnh tật là khổ đau, là bất hạnh, nhưng đối với những ai đã trải nghiệm Phật Pháp, đặc biệt là người tu Tịnh Độ - niệm Phật cầu vãng sanh - thì đây là cơ duyên thù thắng, thúc ép ta để khởi chánh niệm và duy trì chánh niệm dễ dàng hơn... Sanh tâm nhằm chán cảnh bụi hồng đầy khổ đau này! Nhất là tám thân tứ đại nhớp nhúa, chứa đầy những thứ thối tha dơ bẩn; mang đầy những tang tóc đau thương, vô biên phiền hận dày vò, cùng vô biên tử sầu hệ lụy! Do càng thống khổ bao nhiêu, thì lòng ước nguyện hướng về thế giới Cực Lạc càng khẩn thiết mạnh mẽ bấy nhiêu!

Đến sáng ngày 19 tháng 11 năm 2008, con cháu thấy ông yếu nhiều, nên đã liên hệ mời các bạn đồng tu, chiêu tối đến nhà cầu nguyện và hộ niệm cho ông, nhưng đến 12 giờ trưa ông đã lên cơn mệt, ngất mình, phải nhờ con cháu đỡ lên, rồi nằm xuống, nằm xuống rồi đỡ lên, liên tục như vậy. Đến 2 giờ chiều ông đòi đi tắm. Tắm xong, nửa tiếng đồng hồ sau thì ông khỏe lại bình thường.

Người con trai thứ Ba chiều hôm đó vẫn đi làm việc như thường lệ, khi hay tin ông mệt nhiều, liền cấp tốc trở về nhà, bèn thống lãnh toàn gia quỳn hơn hai mươi mấy người vây xung quanh túc trực niệm Phật cho ông, ai không làm chủ được cảm xúc hay khóc thương bi cảm thì đuổi ra ngoài. Đến gần 4 giờ chiều thì có Sư Minh ghé thăm (Sư vốn là huynh đệ với em ruột của ông. Vì em ông xuất gia thuộc hệ phái Khất Sĩ, nên xưa nay hai bên cũng thường qua lại trao đổi Phật pháp với nhau). Sư Minh đến gần kề miệng vào lỗ tai nói nhỏ với ông, mọi người không biết là sư nói những gì, chỉ nghe được có mấy tiếng cuối:

- Tôi dặn anh còn nhớ không?

Ông nằm im nghe xong liền gật đầu, rồi mỉm cười đáp:

- Nhớ!

Hộ niệm đến 5 giờ chiều thì tay trái của ông bỗng đưa lên rồi từ từ hạ xuống. Có lẽ đây là ông chào đồng

đạo trước khi ra đi như lời ông đã nói, đồng thời mỉm cười nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Nhằm ngày 19 tháng 11 năm 2008, ông hưởng thọ 76 tuổi.

Vừa lúc đó các đồng đạo cũng đã tề tựu khá đông, trợ niệm thêm hơn tám giờ đồng hồ nữa, thì thấy các khớp xương đều mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng. Đặc biệt là nụ cười hoan hỷ vẫn còn trên gương mặt... dường như nhấn nhủ một điều gì đó với chư liên hữu còn đang ở lại nơi cõi trần ai đầy đấng cay và ngập tràn giông tố phong ba này!

(Thuật theo lời Ba Sự và Mười Thuận, hai con của ông.)

PHẦN 4

76. NGUYỄN THỊ MÉN (1953 - 1985, 32 tuổi)

*“Khen ai mười chín tuổi đầu,
Phát tâm niệm Phật mong cầu vãng sanh.
Không màng nẻo lợi đường danh.
Một lòng tín nguyện cầu sanh Liên đài.
Tâm thành mãn nguyện không sai,
Lâm chung bình tỉnh khuyên rày mẹ cha.
Kiết tường chánh niệm Di Đà,
Vãng sanh Cực Lạc chói loà ánh quang.
Nữ lưu công hạnh rõ ràng,
Khuyên người ở lại khá toan sửa mình.
Chỉ thành niệm Phật cầu sinh,
Chỉ trong một kiếp nhẹ mình về Tây.
Không còn sáu nẻo chuyển xoay,
Đáp ơn cha mẹ vui vầy Tổ tông.”*

Đó là những dòng thơ do một liên hữu viết tặng cô Nguyễn Thị Mến!

Cô sinh năm 1953, cư ngụ tại số nhà 326, ấp Thượng, xã Tân Quới, huyện Thanh Bình, tỉnh Đồng Tháp. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Tròn, thân mẫu là cụ bà Huỳnh Thị Đẹp. Cô là con Út trong gia đình có ba chị em gái, sinh sống bằng nghề làm ruộng.

Thuở bé song thân đã tạo điều kiện cho cô hoàn tất chương trình Tiểu học, vào thời điểm ấy đối với trẻ thơ thôn quê vùng sâu vùng xa mà nói, điều này quả thật rất hiếm hoi. Sau đó cô đã ghi danh dự khoá “Đạo Pháp Khai Tâm” do Giáo Hội tổ chức tại địa phương. Lý tưởng giác ngộ giải thoát có lẽ được manh nha gốc rễ do ở cơ duyên này.

Khi lên 16 tuổi cô học nghề may, và những năm sau đó cô may đồ rất khéo. Nhiều nơi gấm ghé mai mối trâu cau, hỏi cưới nhưng cô đều từ chối. Cô tự biết: nếu mình không mạnh mẽ chủ động quyết định, tất nhiên sẽ có ngày lên xe hoa theo chàng về xứ lạ, bèn nghiêm nhiên đổ ra một đồng ương hoạ như: Cu Tí, Cu Tèo... Út Này, Út Nữa, Út Mót... Lúc đó phải tắt bật đi sớm về trưa, bươn chải dãi nắng dầm mưa, vật lộn với cuộc sống để tạo ra cơm áo gạo tiền... nuôi con ăn học. Tiền đồ là đêm ba mươi mờ mịt, một màn đen tối tối tối tối. Đại khờ gì mà mình phải chui đầu vào hiểm địa để đi! Vì vậy cô đã ngỏ ý với mẹ và chị Hai rồi âm thầm rời gia đình, sang Kiến An nương nhờ am cốc của chư đồng đạo chuyên tu vào năm 1972, lúc cô 19 tuổi.

Được hơn một tháng, do cha cô làm dữ quá nên mẹ mới bảo chị Hai của cô đi tìm dắt cô về. Thấy cô tha thiết tu hành quá nên thân quyến đã dựng một cái thất cho cô ở đất ruộng cách nhà khoảng hai cây số, gần trại của người chị thứ Ba vài chục mét.

Khi có được không gian tâm linh thuận lợi, cô đã đồng mãnh công phu ngày đêm bốn thời, mỗi thời là hai giờ đồng hồ, cứ sau lễ bái là ngồi niệm Phật, thời khuya

thường là dài hơn. Gần đó có cô Ba Thài, những ngày rảnh rỗi trong năm thường sang ở tu chung với cô; và ông Bảy Găng hay tới lui khuyến tấn quý cô về cách thức hành trì Pháp môn Tịnh Độ - cầu vãng sanh Tây Phương.

Hoàn cảnh gia đình cô: chị Hai thì về bên chồng; cha mẹ hiện đang chung sống với chị và anh rể thứ Ba. Nên cô phải thường về phụ giúp gia đình, nhất là mùa vụ nông nghiệp, hoặc xử lý các công việc giao tế. Ngoài ra cô còn đến phòng thuốc Nam trong làng để chặt và phơi thuốc mỗi tuần lễ một ngày.

Bản tính của cô hiền hòa, chân thật, kỹ lưỡng, vui vẻ, cởi mở nhưng ít nói, ăn nói đâu ra đó. Đời sống sinh hoạt rất đơn giản, bên mình chỉ có ba bộ đồ mà hai bộ đã cũ kỹ phai màu. Đặc biệt là cô không cất giữ tiền và thường hay trì nợ, hạnh nghị lại rất nghiêm cẩn, khi nằm luôn nằm nghiêng bên phải.

Từ năm 1975 trở đi, cha cô làm cán bộ thuộc ngành thuế vụ. Tính ông liêm khiết, nhưng thẳng thắn nên dễ nổi quạu. Những trường hợp nộp thuế mà người ta đem lúa còn ướt đến, ông thường la mắng thẳng thừng không kiêng nể. Vì thế, thỉnh thoảng cô phải đến tận nhà để năn nỉ, xin lỗi người ta!

Những lúc kinh tế gia đình sa sút, chị Ba phải nấu tàu hủ non bán. Nếu chị đi bán thì ế ẩm liên miên; còn cô bán thì rất đắt. Nên mỗi ngày cứ 10 giờ cô về nhà, chị Ba đã nấu tàu hủ xong cô bèn gánh đi, tới 1, 2 giờ chiều bán xong, thì cô liền quay về thất.

Ngoài công khoá thường nhật cô còn nỗ lực nghiên cứu đọc học sách kệ và các kinh sách Đại Thừa, lần hồi thâm nhập sâu rộng Phật lý.

Có lần cả xóm xôn xao vì tin đồn: người ta bắt quả tang cô đã lằng nhằng tình cảm với anh chàng thanh niên lối xóm. Anh kia không chịu đựng nổi đã lên tiếng biện bạch, trong khi đó cô đứng đờ như gió thoảng qua tai, chẳng một lời thanh minh, thanh nga!

Năm 1980, lúc 27 tuổi, cô xin mẹ cho cô xuống tóc để “ngã tướng”, vì khi ấy vẫn còn có nhiều người theo dạm hỏi kết thất sợi tơ hồng. Dưới đây xin lược trích vài đoạn thơ trong tập lưu bút mà cô đã viết vào ngày 24 tháng 10 năm 1980:

KỶ NIỆM

*Nay thế phát quyết lòng tinh tấn,
Quơ gươm hùng chiến thắng đục lòng.
Phủ cho sạch hết bụi hồng,
Huệ tâm sớm trở trái bông Bồ-đề.
Để đáp lại ân dày cha mẹ,
Mười tháng trường mang nặng để đau.
Lòng con cứ mãi rạt rào,
Mong sao cha mẹ được vào Liên Hoa.*

...

*Dù lắm kẻ tặng quà cay đắng,
Cứ nhủ lòng chẳng giận đờng nao.*

Nhút tâm quét sạch trần lao,
Sáu căn thanh tịnh như sao sáng ngời.
Con chí nguyện trọn đời hành đạo.
Dù gặp nhiều khảo đảo chông gai.
Đường tu gian khổ chẳng nài,
Bền lòng kiên nhẫn có ngày được nên.
Từ xưa nay trong nền đạo cả,
Biết bao người phải ngã vì yêu.
Con xem thấy cũng ít nhiều,
Đoàn trước đã lật, đâu liều lủi theo.
Bao cảnh khổ cheo leo trước mặt,
Không thể nào nhắm mắt chui vào.
Con nguyện chung thủy một màu,
Thoát vòng cương tỏa tránh mau sáu đường.
...
Tạm ngưng bút đốt hương khẩn nguyện.
Cầu mẹ cha sớm tiến Tây Phương.
Sống trong cảnh lạc - chơn - thường,
Cùng con an hưởng chung vườn Từ bi!

Sức khỏe của cô rất tốt, ít khi bệnh cho dù là cảm xoàng. Đến năm 1984, cô nghe trong người bất ổn, linh cảm rằng mình sắp sửa từ giã thế gian, nên ngày 14 tháng 4 năm 1984, cô đã viết ba trang: “Lưu Niệm Tạm Xa Cha Mẹ”. Đến ngày 21 tháng 4 năm 1984 cô lại viết tiếp bài: “Kính Gởi Cha Mẹ”, bao gồm hai trang văn vần và bốn trang văn xuôi, những mong cha mẹ nên chấp nhận một sự thật mà cắt đứt thương đau, khi phải đối

diện với chuyện sinh ly tử biệt vốn dĩ đương nhiên giữa cõi bụi hồng!

Ít lâu sau cô phát bệnh, ban đầu nhẹ rồi ngày một nặng dần, uống thuốc Nam hoài vẫn không thuyên giảm. Kế đó cô quyết lòng niệm Phật cầu vãng sanh không để tâm đến việc chữa bệnh nữa! Gia đình khuyên cô nên đi điều trị, cô nói:

- Thôi! Trước cũng chết, sau cũng chết... thôi, không có đi!

Thấy sức khoẻ cô quá tệ, chị Hai của cô mới nhờ cô Út Liên và cô Mùi Chuyên khuyên giúp, hai người năn nỉ suốt cả đêm, cô miễn cưỡng chấp nhận:

- Đi thì đi! Đi cho quý vị vừa bụng!

Chư đồng đạo liền mượn ghe chở cô đi chữa trị khắp các nơi. Thầy thuốc chẩn đoán là khối u tử cung. Nhiều ngày trôi qua cuối cùng đành phải quay về, bằng lòng với số phận đã an bày. Trong khoảng thời gian này, sự niệm Phật của cô rất tinh chuyên và khẩn thiết.

Đến tháng 6 năm 1985, bệnh của cô bạo phát, được chư đồng đạo trực tiếp ủng hộ từ vật chất cho đến tinh thần. Một nữ cư sĩ tâm đạo là Tư Mỹ trực tiếp chăm sóc bệnh cho cô, hỏi cô rằng:

- Dì có biết bốn phận của Dì lúc này là phải làm gì không?

Cô đáp:

- Biết! Bốn phận của tôi là phải buông xả mọi duyên trần, tha thiết niệm Phật để cầu sanh Cực Lạc!

Có lần cô nói:

- Khi tôi chết tôi nhờ chị giúp tôi phần tang đám, và tuần tự cho được chu toàn!

Tư Mỹ hứa:

- Dì cứ lo cho phần mình ra đi! Ra đi cho có kết quả tốt đẹp đi! Mọi sự tôi hứa sẽ lo xong!

Vào khoảng 1 giờ khuya, đêm 25 rạng ngày 26 tháng 6 năm 1985, cô nằm trên chiếc ghế bố nhờ người mời cha, mẹ và anh chị lại mà nói:

- Thưa cha mẹ! Con hôm nay đã mãn số rồi. Xin cha mẹ đừng buồn. Nếu ai không xúc động thì ở đây hộ niệm cho con, còn ai xúc động thì đi nơi khác!

Kế đó cô nắm tay cha mẹ rồi nói tiếp:

- Thưa cha mẹ! Trước khi ra đi, con muốn xin cha mẹ một điều.

Cha cô bảo:

- Điều gì, con cứ nói!

Cô chậm rãi thưa:

- Con muốn cha mẹ hứa với con là phát nguyện trường trai!

Cha mẹ cô đồng hứa. Cô cười rồi xoay qua nắm tay người chị thứ Ba mà dặn dò:

- Em chết rồi, anh chị ở lại nên phát tâm trường trai! Anh chị có hứa không?

Chị cô hứa, còn anh rể thì trả lời rằng:

- Anh còn phải gánh vác gia đình, nên... ăn chay... chắc chưa được!

Cô cười, liền tùy thuận nói:

- Thôi, vậy thì ăn chay mỗi tháng bốn ngày cũng được!

Căn dặn xong, mọi người đồng niệm Phật. Thấy anh Ba lặng thinh cô bèn hỏi:

- Anh Ba! Bộ anh không thương em hay sao, mà không niệm Phật hộ niệm cho em đi?

Anh bùi ngùi đáp:

- Có chứ! Anh niệm trong tâm!

Cô cười nói:

- Hộ niệm thì phải cao thanh! Chớ niệm thầm sao được! Vì người sắp chết rất là sợ sệt, nên anh phải niệm lớn để cho người ta nương theo!

Anh cô nghe vậy cất tiếng niệm lớn lên. Lúc này mẹ cô xúc động quá nên niệm không đủ sáu chữ, mà bà chỉ niệm: “Mô Phật, Mô Phật!”

Cô liền nói:

- Mẹ niệm còn thiếu, phải niệm Nam Mô A-di-đà Phật mới đúng!

Sau cùng cô dặn:

- Con nằm như vậy đúng rồi, cha mẹ và anh chị đừng sửa cũng đừng cho ai đụng vào mình con. Chừng nào con tắt thở sáu tiếng đồng hồ sau mới được tự tiện sửa lại!

Sau đó cô còn giải thích thêm, nếu thần thức chưa rời khỏi thân xác mà mình đụng chạm sớm quá, người mất sẽ nổi sân, dễ bị đọa lạc. Rất tội nghiệp!

Từ đó cô yếu dần, mọi người trợ niệm mãi cho đến 4 giờ, cô nhẹ nhàng an tường dứt thở ra đi trong tư thế nằm nghiêng bên phải trên chiếc ghế. Nhằm ngày 26 tháng 6 năm 1985, cô hưởng dương 32 tuổi. Ngay lúc ấy có ông Hai Ngâu, ông Ba Suông nhà ở ngoài đồng và nhiều người khác nữa cùng thấy ánh sáng hực lên ở phía nhà của cô, ai ai cũng ngỡ là nhà cháy!

Khi hay tin cô mất, chư đồng đạo lần lượt kéo tới, hộ niệm đến gần 8 giờ sáng, ông Bảy Găng bèn thăm khám thi thể và bồng xuống cho nằm ngửa ngay ngắn lại. Cô Ba trong bếp chạy ra liền lên tiếng:

- Cậu Bảy ơi! Em con có dặn: sau sáu tiếng đồng hồ dứt hơi, mới được sửa cậu ơi!

Ông đáp:

- Em nó đi xa rồi, con đừng có sợ! Cậu Bảy khám rồi, đâu con khám lại thử coi!

Cô liền đến sờ thấy các nơi đều lạnh, duy có đỉnh đầu ấm nóng. Các khớp xương mềm mại, gương mặt hồng hào, sáng rực lộ nét tươi vui. Ai nhìn thấy cũng cho là cô đang nằm ngủ chớ không ai nói là cô chết cả!

(Thuật theo quyển Lưu bút của cô, và lời Nguyễn Thị Mịa, Nguyễn Thị Đi, hai chị của cô, cùng đồng đạo Lê Thị Thái.)

77. NGUYỄN VĂN NÔ (1935 - 2013, 78 tuổi)

“Lặn xuống đáy biển mà không biết sợ giao long, đó là cái dũng của người chài lưới; Vào rừng mà không biết sợ hổ, báo, đó là cái dũng của người thợ săn; Thấy guom bén mà không biết sợ, xem tử như sanh, ấy là cái dũng của người chiến sĩ; Biết được chỗ ‘cùng - thông’ là Thời, Mệnh và bất cứ ở vào cảnh nguy hiểm nào cũng không biết sợ, đó là cái dũng của Thánh nhân.” Còn như nghe lời Phật, lời Tổ chỉ dạy mà cố gắng làm y theo, bỏ hẳn những thói hư tật xấu, những tập khí hung ác tà vạy, chùa bỏ dứt khoát chứ không hèn lần hèn lựa, hay dây dưa cù của...thì đây là cái dũng của người đệ tử Phật! Guong vãng sanh sau đây là bài học quý báu rất cần thiết để cho chúng ta tham khảo và noi theo!”

Ông Nguyễn Văn Nô sinh năm 1935, cư ngụ ấp Bình Thành, xã Phú Bình, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang. Song thân là cụ ông Nguyễn Phú Chuộc và cụ bà Phạm Thị Oanh. Ông là con thứ năm trong gia đình có bảy anh em.

Năm 19 tuổi, ông kết hôn với bà Tăng Thị Bé, sinh được ba trai bốn gái. Gia đình chuyên sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình của ông thẳng thắn, cương trực và chân thật. Rất nghiêm khắc và qui củ đối với gia đình cũng như đối với chính bản thân mình.

Ông vốn dĩ bẩm chất thông minh, lanh lợi, vừa đẹp trai lại vừa hào phóng. Trước kia ông nội là Chủ Cả trong vùng, đến thời cha ông thì làm Xã Trưởng, nên thuở thiếu niên ông có điều kiện tốt học hành đỗ đạt. Bạn bè của cha ông phần lớn đều là những người có địa vị quyền thế trong xã hội, lại rất thương mến ông, muốn cất nhắc nâng đỡ ông, nhưng ông không thích ra làm việc. Có lần ông đã nộp đơn xin dạy học, nhưng sau đó ông đổi ý nên ngừng lại.

Vợ ông cũng là con cháu Chủ Cả. Khi về làm dâu cho nhà họ Nguyễn thì “áo vận quần vo”, phải lo phục dịch đãi đằng khách khứa... rồi lo cho chồng, cho con. Một bữa cơm ăn hàng ngày xấp xỉ gần bằng một tiệc giỗ nhỏ. Trải qua nhiều năm tháng như thế, cảm nỗi khổ của kiếp người, bà phát tâm trường trai, mỗi ngày bốn thời lễ niệm. Dù rằng vẫn đang vất vả chăm sóc đời sống gia đình, nhất là đứa con Út hầy còn chưa dứt sữa. Bà luôn âm thầm nguyện cầu Tam Bảo gia hộ cho chồng con sớm tỉnh giác tu hành quy y Phật Đạo!

Trải qua hơn một năm, lòng thành của bà ứng nghiệm. Hôm nọ ông đi xuống sông tắm. Tắm xong, ông nghe trong người không được khỏe. Tối lại khi ngủ, ông nằm mơ thấy mình chạy xe đi hết thuốc Nam. Trên đường về gói thuốc rớt xuống đất, ông dừng xe lại lượm lên. Cứ liên tục nhiều lần như vậy. Lần sau cùng giấy báo dùng để gói thuốc bị rách, thế mà không lòi thuốc Nam ra

ngoài, mà lại lòi cái xương sườn người ta, ông nhìn thấy liền ụp mửa trong giấc chiêm bao. Chợt giật mình thức dậy thì ông buồn nôn liên tục. Đến giờ ăn bà vợ dọn cơm có cá thịt thì ông không tài nào nuốt vào được, chỉ ăn cơm với muối cục chan nước nóng mà thôi. Xưa nay ông chưa từng ăn được một ngày chay lạt nào, dù chỉ một ngày, hễ sáng ăn chay thì chiều trở đũa dùng mặn ngay lập tức!

Dần dà ông bèn giác ngộ Phật pháp nên đã cùng vợ con chính thức làm lễ quy y Tam Bảo, thệ nguyện trường trai giới sát, chuyên chí tu hành. Sống đời thiếu dục tri túc, sự ăn mặc hết sức bình dị giản đơn. Từ đó bao nhiêu tập nhiễm của mấy mươi năm phong lưu hào phóng, tú đở tường đầy đủ không sót món nào, ông tẩy đều nhất loạt san bằng sạch sẽ. Nào rượu chè, cờ bạc, thuốc lá... cho đến cái thứ quái ác nhất, độc hại kinh thiên động địa nhất, khó bỏ nhất là á phiện, thế mà ông một đao chặt đứt tất cả, đứt một cách ngọt lịm không chút xiu cù ngứa, nhùng nhằng! Theo thường tình người ta hay có thái độ bỏ đi rồi lượm lại, ông thì không như vậy, quả thật là dũng khí phi phàm! Lúc ấy là năm 1974, ông đang 39 tuổi.

Khi ngồi lại, trầm lắng lắng lòng suy tư về cuộc đời, nghiệm xem giá trị đích thực của kiếp nhân sinh, ai lại chẳng buâng khuâng khi nghe lời khai thị của Cổ Đức:

*“Luân quần đời người chỉ bấy nhiêu,
Loanh quanh sự sống có bao điều.
Danh lợi cảm tình ăn với ngủ,
Ai cũng đua chen mãi búa diu,*

*Lao nhọc cả đời lo tạo dựng,
Đâu ngờ bất chợt tử thần kêu.
Giật mình hồi hận. Ô hô, muộn!
Kèn trống tiễn đưa đến lò thiêu.*

*Xem thấy chuyện người gãm lại ta,
Sớm liệu nếu không chẳng kịp mà!
Trầm luân muôn kiếp. Ô!... Đã đủ!
Đừng luyến lưu chi cõi Ta Bà!
Làm phước làm lành cho tan nghiệp,
Xem kinh nghe kệ bớt đại tà.
Biết khổ hãy mau mau niệm Phật,
Hầu vượt trần mê kiến Di Đà.”*

Cũng từ dạo đó, ông xem kinh đọc sách, chuyên nghiên cứu và thực hành pháp môn Tịnh độ, gần gũi các thiện tri thức để trao đổi Phật pháp, ngày đêm bốn thời lễ niệm, những người thân thuộc và lối xóm đều có cùng nhận xét là: “Hai ông bà đang tranh đua tu kinh với nhau.”

Một sự việc xảy ra cũng khá lạ lùng, là kể từ khi ông phát tâm tu hành thì ông không dám ngủ, thường giảng cái mừng ở ngoài hàng ba trước nhà để niệm Phật. Hễ vừa ngã mình xuống thì ông thấy có người kêu ông dậy niệm Phật, lễ Phật. Có đêm ông mở cửa, trải chiếu rồi nằm trên võng nhắm mắt lim dim, miệng thì cứ mời gọi:

- Kính mời quý ông vào nhà nghỉ!

Rồi lép đáp trò chuyện một mình, vợ con thì chẳng nhìn gặp ai cả. Sáng ra lúc được thân quyến nhắc lại, ông bèn cho biết là khi mình vừa thiêm thiếp mơ màng thì nghe tiếng vó ngựa lộc cộc và trông thấy rất nhiều binh lính của Đức Cố Quân, nên ông mới mời các vị ấy vào nhà. Cứ vài ba ngày lặp lại một lần như thế, kéo dài suốt cả năm hiện tượng trên mới thưa dần rồi mất hết. Dinh của Đức Cố cách nhà ông không xa lắm!

Mặc khác, nhờ nhân duyên khá thuận lợi là khi ấy các con cũng đã trưởng thành, ông cùng bà đã khéo hướng dẫn cho chúng trường trai niệm Phật tu hiền, rồi chúng tự nguyện gánh vác hết mọi việc gia đình. Vả lại, lúc bấy giờ sức khỏe của ông thuộc dạng: “Nắng không ưa, mưa không chịu, ghét gió, kỵ mù sương” cho nên quanh năm suốt tháng ông chỉ chuyên lo việc kinh kệ hành trì mà thôi!

Phần đối nhân xử thế ông rất hài hòa, tích cực giúp được ai điều gì thì tùy sức tận tâm giúp đỡ, riêng bản thân mình thì rất kiệm ước, thích giản đơn, không thích nhà cao cửa rộng, dù rằng ông có dư khả năng để xây cất khang trang. Thỉnh thoảng ông cũng thường cùng các bạn đồng tu đi cầu nguyện, hay đi niệm Phật ở chùa Huệ Viên hoặc ở Dinh Cố.

Do chuỗi dài thời gian gắn liền với bệnh tật, nên ông thấm thía lời Phật dạy lẽ thật về sự khổ và lý vô thường. Các bệnh viện như: Bệnh Viện 115 ở Sài Gòn, các bệnh

viện ở Long Xuyên, Châu Đốc, ông đều lần lượt tham quan ít nhất là một lần, thời gian trú chân có khi một tuần, cũng có lúc đôi ba tuần lễ. Vì vậy sanh tâm nhằm chán Ta Bà, ý nguyện cầu sanh về Tây Phương nơi lòng ông rất mãnh liệt và khẩn thiết.

Đến cuối tháng 5 năm 2013, vì nhồi máu cơ tim nên các con đưa ông vào Bệnh Viện Tim Mạch An Giang. Nằm ở phòng cấp cứu suốt một tháng thì chuyển ra ngoài. Bệnh hành hạ ông bằng những cơn ngặt mình khó kham nhẫn, nằm xuống thì nhờ các con đỡ dậy, ngồi dậy chưa bao lâu thì nhờ đỡ nằm xuống... Cứ như thế liên tục cả đêm. Sau đó tiến triển thêm cả đêm lẫn cả ngày. Còn ăn uống bất cứ thứ gì, thì đến buổi trưa là bị nôn mửa ra hết. Cuối cùng, gia đình đã phải xin với bác sĩ cho ông được xuất viện về nhà để tiện bề cho ba cô con gái vây quanh chăm sóc. Tình trạng này kéo dài suốt ba tháng trường!

Đầu tháng 10 năm 2013, đêm nọ vào giữa khuya ông đang nằm trên chiếc võng, bỗng chợt nói:

- Đại ca à! Đại ca buông tha cho tôi đi. Tôi đâu có làm gì tội đâu mà đại ca hành hạ thân xác tôi, tội nghiệp cho mấy đứa con tôi, nó cực khổ quá vậy!

Cô Phượng bèn cất tiếng hỏi:

- Đại ca ở đâu, thưa ba?

Ông vừa chỉ, vừa đáp:

- Đó! Ông bước vô đó!

Các con ông nhìn thì không thấy ai hết. Lát sau ông lại hỏi:

- Đại ca đó ra ngoài... mà... ông đi chưa vậy con?

Cô Phượng bất giác không tự chủ được mình, bỗng đứng vọt miệng đáp:

- Chưa, thưa ba! Ông còn đứng đây nè!

Ông lại hỏi:

- Ông đứng đó làm gì vậy con?

“Phước chí tâm linh”, cô đáp:

- Ông đứng đó, ông nói rằng: Ông rán nhiếp tâm niệm Phật đi, thì tôi tha cho ông!

Ông nói:

- Ông nói như vậy hả con! Nói chuyện phải có giấy tờ. Thời kỳ này mà... bút sa gà chết! Con lên trình ngôi Tam Bảo đi!

Cô con gái thứ Hai thấy thế nghĩ thâm, nếu mà không đi thì ba sẽ biết em mình nói dối, nên cô liền kêu cô Phượng:

- Thôi em ở đây đi, để chị đi lên chị trình ngôi Tam Bảo cho!

Khi đến trước bàn Phật đốt nhang xong, cô bèn xá rồi quỳ xuống thành tâm khẩn nguyện:

- Cầu xin Đức Phật từ bi hộ độ cho những oan gia trái chủ trong nhiều đời nhiều kiếp tha cho ba con, để ba con nhiếp tâm niệm Phật. Sau khi vãng sanh về Cực Lạc học đạo hoàn toàn rồi sẽ trở lại cứu vớt chư vị. Ba hứa là ba sẽ cứu độ quý vị trước. Hằng ngày chúng tôi là con, cũng nguyện đem công đức tu hành hồi hướng cho

quý vị sớm được vãng sanh Tây Phương, sớm thoát kiếp luân trầm sanh tử. Nếu ba được vãng sanh thì chư vị cũng được vãng sanh; nếu ba chúng tôi sa địa ngục, chư vị cũng sa địa ngục!

Vái xong cô lạy bốn lạy. Rồi nguyện tiếp thêm hai lượt nữa.

Khi cô trở xuống, thì thấy ông bắt đầu niệm Phật to tiếng, cứ hai mươi, ba mươi câu Phật hiệu thì xen vào một câu: “Nam Mô Đại Từ Đại Bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát”

Lúc bấy giờ do thiếu máu não nên đôi khi niệm đến giữa chừng: Nam Mô Đại Từ... thì ông quên, liền hỏi: rồi gì... nữa con? Các con ông liền ứng thanh niệm tiếp theo: Đại Từ Đại Bi cứu khổ cứu nạn Quán Thế Âm Bồ Tát. Niệm cho đến sáng ông khàn cả giọng. Trong cả đời tu, mấy mươi năm trôi qua ông chỉ niệm Phật thầm trong tâm, các con có khi thấy ông lờn chuỗi, chứ chưa chứng kiến ông niệm Phật cao thanh bao giờ!

Sáng ra, cô Hai mới thở thê:

- Ba à! Lý do làm sao mà ba kêu người ta bằng đại ca? Bộ ba sợ chết hả?

Ông đáp:

- Đâu có! Ba đâu có sợ chết! Bởi vì người ta lớn tuổi, ba kính nể nên mới kêu như vậy! Ba nào có sợ chết đâu!

Kể từ đó ông ăn được, ngủ được nên đã khỏe lại, cơn ngạt mình dứt hẳn.

Ông thường dặn đi dặn lại với các con rằng:

- Khi có khách tới nhà thăm ba, các con nên tiếp khách ở bên ngoài; còn như người ta vô hỏi thăm ba, khi hỏi vài ba câu rồi thì các con cấp tốc khéo mời người ta ra ngoài uống nước, đừng không có nói chuyện với ba nhiều... Sau khi ba lên đường hoàn toàn rồi mới cho thân nhân hay. Bởi vì người thân đến gần cũng trở ngại cho sự siêu thoát lắm! Để cho ba yên tĩnh để ba niệm Phật. Khi ba mệt mấy chị em con xúm lại hộ niệm cho ba là được rồi... Con đừng nên mời đồng đạo, bởi vì đồng đạo hộ niệm tức nhiên mạnh động cả xóm đều hay, thì người ta tới thăm... Mà tới thăm trong lúc đó, người này hỏi, người kia hỏi lằng xằng, làm cho tâm ba tán loạn không có nhớ niệm Phật được, thành thử phải dự bị trước...”

Sáng ngày mùng 3 tháng 11 năm 2013 đến giờ cơm, các con dọn ra mời ông dùng, ông trả lời:

- Bữa nay ba ăn cơm không được!

Cô Hai bèn nói:

- Vậy để con nấu cháo cho ba nhen!

Khi đem cháo đến, húp vài ba muỗng nước cháo ông liền ụa ra hết. lát sau ông bảo:

- Con gọi điện thoại kêu thằng Nam nó về đi!

Vì chú mới về ngày hôm qua nên cô Hai đáp:

- Ba à! Hai, ba ngày nó về một lần. Chớ ngày nào

cũng về thì cũng khó cho nó, vì nó còn phải đi làm kiếm tiền nuôi vợ con của nó mà!

Ông nói:

- Không, con điện cho nó hay đi, để ba mất nó trách con à!

Lúc này ông thường mắc tiểu, mà đi hoài không được cô Hai liền hỏi:

- Ba thấy có bị tức bụng hông? Nếu có thì con đưa ba đi bệnh viện để bác sĩ ghim ống thông tiểu?

Ông trả lời:

- Không! Ba thấy trong mình của ba vẫn khỏe chỉ thấy mắc tiểu hoài vậy thôi!

Đến chiều, khoảng 3 giờ, thầy thuốc gần bên nhà đến đo huyết áp, nhưng huyết áp thì không còn đo được nữa, mạch thì lâu lâu mới nhịp một cái. Ông thầy thuốc nói:

- Dì Hai, dì nên chuẩn bị tinh thần đi!

Mặc dù sức khỏe của ông đã cạn kiệt, nhưng tinh thần ông vẫn tươi tỉnh bình thường, người ngoài nhìn sắc diện thì không biết ông là người đang bệnh rất nặng.

Tối hôm đó có hai vợ chồng người em thứ Bảy ghé thăm, tới tám giờ rưỡi thì ra về. Khi khách đã về, ba cô con gái và một người con trai vây quanh niệm Phật với ông, ông dặn:

- Tai của ba không có lãng, các con niệm Phật cho ba rất nhỏ, rất chậm ba mới theo kịp. Niệm lẹ thì tim ba đập

mạnh; còn niệm lớn thì ba nghe... ba chịu không có nổi. Con niệm nhỏ nhỏ ba nghe được hết trơn hà!

Lúc này mồ hôi của ông tự nhiên đổ đầm đề. Con ông lấy khăn lau, kể đó ông lấy tay chỉ cái lưng ông nói:

- Xương sống của ba nhức!

Cô Hai dùng lòng bàn tay định chà lưng cho ông, thì ông bảo:

- Con à! Con đẩy nhẹ nhẹ để Phật rước!

Nói xong ông thay đổi tư thế, nằm ngửa ra, vài phút sau thì nằm nghiêng qua bên phải, hai chân duỗi thẳng rồi chồng lên nhau theo thế kiết tường. Cô Hai nói:

- Ba rần nhiệt tâm niệm Phật, ghen ba!

Ông gật đầu và bảo:

- Con lấy cho ba uống một miếng nước để không kịp!

Khi ông uống nước xong, cô Hai liền hỏi:

- Ba có niệm Phật không?

Ông đáp:

- Có! Ba có niệm Phật!

Cô liền đọc:

*“Dầu Tiên phàm ma quý súc sanh,
Cứ nhất tâm tín, nguyện, phụng hành.
Được cứu cánh về nơi An Dưỡng,
Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng.
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.”*

Rồi cô nói:

- Ba à! Chỉ một kiếp thôi. Giờ phút này là giờ phút ăn thua đó ghen ba. Giờ phút cuối bây giờ ba phải buông

bỏ hết tất cả, đừng có vướng víu cái gì hết. Tụi con cái gì cũng biết, cái gì cũng làm được hết, ba đừng có lo nữa. Ba rán nhiếp tâm niệm Phật. Chỉ một kiếp này thôi hén ba. Thoát cái cuộc luân hồi này đi. Ba vãng sanh về phía bên kia có Đức Phật A-di-đà cứu vớt ba về cảnh giới đó, không còn sanh tử luân hồi nữa, không còn mang cái thân tứ đại đau khổ nữa!”

Nói tới đây cô liền cất tiếng niệm:

- Nam Mô A-di-đà Phật. Nam Mô A-di-đà Phật.
Nam Mô A-di-đà Phật!

Niệm vừa dứt câu cô bèn hỏi:

- Ba có nghe con niệm Phật không?

Khi cô hỏi xong, nhìn kỹ lại thì ông đã già biệt cõi hồng trần đầy đau thương và khổ lụy từ lúc nào rồi! Lúc ấy đúng 9 giờ tối, ngày mùng 3 tháng 11 năm 2013, ông hưởng thọ 78 tuổi.

Sự ra đi của ông quả thật quá ư thanh thản bình an, cũng quá ư nhẹ nhàng, nhanh như ánh sao băng, thể hiện sự buông xả mãnh liệt đối với cái thế trần vốn dĩ đầy hư ảo, phù du, đầy vô thường, và đầy tang thương khổ lụy!

Hộ niệm thêm, khi tàn một cây hương, thì xem thấy tay chân của ông mềm mại, sắc mặt tươi hồng, đặc biệt là đỉnh đầu rất nóng!

(Thuật theo lời cô Hai Chuyên, con gái của ông.)

78. NGUYỄN VĂN QUẬN (1969 - 2010, 41 tuổi)

Dù anh đã tạo sát nghiệp rất nặng nề, nhưng rất may mắn là lúc gần cuối đời anh đã gặp được thiện tri thức giới thiệu cho cách thức liễu sinh thoát tử đơn giản nhất, thẳng tắt nhất bằng câu VAN ĐỨC HỒNG DANH, nên anh đã chân thành sám hối, đồng thời buông xả mọi duyên trần tục để chí tâm niệm Phật. Khi tín - nguyện - hạnh được đủ đầy, khi tâm anh hợp nhất với tâm Phật, nên anh đã thấy Phật! Do đó anh được sanh sang cõi Phật an lành là điều hết sức tất nhiên!

Anh Nguyễn Văn Quận sinh năm 1969, cư ngụ tại xã Phú Lộc, Thị xã Tân Châu, tỉnh Đồng Tháp. Cha là ông Nguyễn Văn Tòng, mẹ là bà Bùi Thị Hoa. Anh là anh thứ Ba trong một gia đình có sáu anh em.

Năm 21 tuổi anh thành hôn với chị Tú Thị Sang, sinh được một trai một gái. Lúc đầu anh nuôi sống gia đình bằng nghề “xiệc cá” (chích điện bắt cá). Bởi vì cảm thấy nghiệp sát quá nặng nên thời gian sau, anh đã tận tỵ xen bớt cái ăn cái mặc và mọi thứ chi dụng khác để dành dụm tiền, cuối cùng cũng đã mua được vài công đất nên nghỉ nghề xiệc cá, thỉnh thoảng anh đi làm thuê làm mướn thêm để cho sự sinh hoạt gia đình ổn định hơn.

Anh ăn chay trường từ thuở thiếu niên, sáng chiều lễ Phật. Sau khi lập gia đình một thời gian, do nghề

nghiệp để mưu sinh nên anh trở lại dùng chay kỳ mỗi tháng bốn ngày.

Anh có bản tính hiền lành, hiếu thuận, ưa thích cùng mọi người làm các việc từ thiện như: sưu tầm thuốc Nam để cung ứng cho các phòng thuốc, giúp đỡ, quan tâm những người xung quanh và nhiều việc khác, nên xóm giềng ai cũng mến thương.

Vào khoảng giữa năm 2009 anh phát bệnh. Ban sơ anh điều trị bằng thuốc Nam, nhưng bệnh cứ dây dưa kéo dài mãi. Đến đầu tháng 11 ra Bệnh Viện Đại Học Y Dược, bác sĩ chẩn đoán là khối u gan, nên đề nghị phẫu thuật, anh đồng ý. Khi lên ca mổ bác sĩ rạch chữ L xong thì may lại, không xử lý được gì cả vì bệnh đã đến giai đoạn bó tay! Thời gian nhập viện là mười tám ngày.

Xuất viện về nhà, duyên may gặp được Ban Hộ Niệm Liên Xã Vĩnh Xương đến an ủi và khai thị, khuyên anh phát tâm trường trai trở lại, đồng thời niệm Phật cầu vãng sanh Tây phương Cực Lạc. Kế đó bày cho anh phương pháp dùng gạo lứt muối mè số 7. Anh áp dụng theo, từ đó bụng dần dần hết sưng, sức khỏe khôi phục khá nhiều. Được hơn một tháng, khi ‘ăn ra’ do không có người hướng dẫn đúng cách nên anh đã bị bội thực, bụng sưng lớn trở lại, bệnh tình ngày một nguy ngập.

Qua tết Nguyên Đán, trưởng Ban Hộ Niệm đã đến khai thị về lý vô thường và lẽ thật của sự khổ, anh tỉnh ngộ rất dễ dàng. Do bụng to như cái trống, muốn sống mà

sống không được, muốn chết mà chết không xong, từng cơn mệt kịch liệt, từng cơn đau đốn dữ dội hoành hành, lắm khi phải nhắm mắt nhắm mày. Toàn thân thì nóng như lửa đốt, mỗi ngày vợ con phải mua ít nhất là một cây nước đá dùng khăn nhúng nước để lau và đắp cho anh. Quả là:

*“Bệnh tật chưa hề nể mặt ai,
Từ trên vua chúa đến ăn mày.
Bất luận trẻ, già, ngu hay dại,
Nào phân mập, ốm, gái cùng trai.
Nhân ác gieo nhiều, nhiều đau đốn,
Tự làm tự chịu chẳng ai bày.
Đã khổ rần chuyên tu Tịnh nghiệp,
Trực đạo Tây Phương hết trả vay!*

*Bệnh đeo xác thịt bởi nợ nần,
Phải mau sám hối nguyện tu thân!
Nhức nhối càng tăng càng niệm Phật,
Đón đau rần chịu chớ nổi sân.
Cảnh sống khổ vui toàn mộng寐,
Biết trần giả tạm chớ mê trần.
Ấn nhân bên lòng trì Lục tự,
Cực Lạc Tây Phương sẽ dự phần.”*

Mặc dù thống khổ cùng cực nhưng anh hoan hỉ nhẫn chịu chẳng hề hờn giận rên than. “Mưa dầm thấm đất”, Ban Hộ Niệm đã cộng tu và khai thị hằng đêm, ngoài ra còn mang cho anh những đĩa niệm Phật vãng sanh, nhờ

thế tín tâm của anh đối với pháp môn Tịnh Độ mỗi lúc một sâu chắc, lòng cầu sanh Tịnh Độ khẩn thiết hơn. Ban đầu anh còn lo lắng đến vợ con, gởi gắm vợ con cho người chị thứ Hai. Chị mới khuyên anh rằng:

- Thôi em rán buông xả, cứ niệm Phật để vãng sanh đi! Máy đứa con của em đã khôn lớn hết rồi, em đừng bận tâm đến nữa!

Sau đó anh dốc hết tâm, niệm Phật ròng rã, hành trì suốt ngày đêm. Mỗi tối Ban Hộ Niệm đến thấy anh nằm mết đừ, lúc đại chúng niệm Phật anh cũng chấp tay niệm theo, khi buổi cộng tu hoàn mãn mọi người cáo từ ra về thì anh khỏe khoắn trở lại, y như người bình thường không đau đớn gì cả. Nhiều lần như thế nên anh cũng từng than:

- Sao mà kỳ quá chị Bảy ơi! Sao em khỏe lại nữa rồi!

Phần đông các bệnh nhân khi lên cơn đau, cơn mết, Ban Hộ Niệm đến hộ niệm tới chừng được hết mết, hết đau thì người ta mừng; còn anh thì ngược lại, anh buồn. Theo ý anh thì nghĩ rằng: khỏe lại cũng đồng nghĩa là Phật sẽ lâu tới rước!

Đến ngày 21 tháng 2 năm 2010, anh nằm chiêm bao thấy Tây Phương Tam Thánh hào quang chiếu sáng rực rỡ, từ trên hạ xuống nói với anh rằng:

- Con chưa đầy đủ công đức. Con rán niệm Phật thêm, chừng nào đủ rồi Ta sẽ rước con đi!

Khi tỉnh giấc anh thuật lại cho mọi người biết. Từ đó lòng anh tràn đầy niềm vui mừng, lộ hẳn ra nơi gương mặt, trên mặt lúc nào cũng toe toét tươi cười. Ba ngày kế tiếp anh ngưng ăn, chỉ uống một ít nước, nằm chấp tay niệm Phật suốt đêm. Mãi đến ngày 29 thêm hai lần nữa, anh cũng lại nằm mộng được thấy Phật.

Sáng ngày 30 anh nhờ người nhà tắm rửa rồi khiêng anh từ nhà bếp ra hàng ba trước nhà, vì anh luôn nằm trên chiếc võng. Trưa hôm đó, cô Bảy nhúng khăn vào thau nước đá lau cho anh. Anh nói:

- Chị Bảy bữa nay tắm cho em mát quá! Em thương anh Bảy chị Bảy quá thương rồi, và thương đồng đạo quá! Nữa em mà về trên trần được rồi là em quay trở lại liền!

Sau đó khiêng võng đưa anh vào nhà, thân quyến và Ban Hộ Niệm vây quanh trợ niệm. Mắt anh luôn chăm chú hướng về ngôi Tam bảo, tay chấp nơi ngực, miệng niệm Phật theo mọi người. Đến 3 giờ chiều anh mỉm cười rồi nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Nhằm ngày 30 tháng 2 năm 2010, anh hưởng dương 41 tuổi.

Cuộc hộ niệm vẫn tiếp tục duy trì. Có ông anh vợ thứ Hai hay tin anh mất, khi đến nơi thấy anh nằm trên võng với tư thế như vậy, ông bèn cất tiếng:

- Sao mà không ẳm nó xuống để ngay ngắn lại, mà để như vậy, nữa cất nhượng chỗ làm sao mà kéo ra!

Vì mẹ ông mới mất ở tuần lễ trước, qua hơn một giờ thì các khớp xương của bà cứng đờ cứng còng. Nên vừa

nói xong, ông bước vô chuẩn bị ra tay để sửa. Chị ruột của anh thấy thế bèn ngăn lại. Ông tức giận liền bỏ ra ngoài. Những người lối xóm cứ xâm xì với nhau:

- Trừ ra cắt nhượng ...chớ làm sao!

Và có vài âm thanh phụ họa theo:

- Lo niệm riết... chắc sinh quá!

Hộ niệm đến 4 giờ sáng hôm sau, gương mặt anh vẫn còn cười toe toét, tay vẫn còn chấp lại nơi ngực. Ai tới thăm nhìn thấy cũng đồng nói anh nằm ngủ anh cười, chớ không ai nói là anh chết cả. Khi sờ thăm thi thể thì thấy các khớp xương mềm mại, bụng không còn cứng, các nơi đều lạnh duy chỉ còn đỉnh đầu ấm nóng.

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Nga là chị thứ Hai của anh và Tú Thị Sang vợ của anh.)

79. NGUYỄN THỊ MẶNG (1940 - 2010, 70 tuổi)

Em gái út của bà, lúc 11 giờ thay ca hộ niệm, cô bèn bước sang qua nhà bên cạnh để nằm nghỉ vì đã mấy ngày đêm thức trắng, vừa ngã lưng xuống là cô ngủ ngon lành. Khi ấy cô chìm vào cơn mơ, bỗng chợt nhìn thấy hình Tây Phương Tam Thánh từ trên cao giáng xuống, ngay khi ấy cũng vừa tỉnh giấc, trong bụng sinh nghi bèn cầm chiếc áo tràng vừa mặc vào vừa chạy riết về, khi bước vô đúng lúc bà vừa dứt hơi.

Bà Nguyễn Thị Mặng sinh năm 1940, cư ngụ tại xã Phú Vĩnh, thị xã Tân Châu, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Ngọc Ẩn, thân mẫu là cụ bà Trần Thị Che. Bà là chị Hai trong gia đình có sáu người con.

Khi đến tuổi hoa xuân, bà kết hôn với ông Nguyễn Văn Mặng trùng tên trùng họ, quê ở Long Thuận, Hồng Ngự, Đồng Tháp.

Hai ông bà chung sống với nhau rất hạnh phúc nhưng khi đứa con trai đầu lòng vừa chập chững bước đi, thì người bạn đường của bà đã dừng chân nơi “Khách Sạn Thiên Thu”, phần lộ trình còn lại bà an phận “vạn lý độc hành”!

Bà rất đỗi hiền lành, hiếu hạnh; với làng xóm láng giềng thì nhân hậu chan hòa, chẳng mịch lòng một ai, nên bà được nhiều người thương mến.

Theo truyền thống gia đình, bà dùng chay kỳ, một tháng sáu ngày, một năm ba tháng, sớm chiều hai thời lễ nguyện. Bà thường nghe băng đĩa kinh kệ sám thi. Nghề độ nhật là nghề may, thỉnh thoảng bà cũng đi nấu đóm cho thân nhân trong tộc họ, và cùng các bạn đạo đi nấu cơm từ thiện cho bệnh viện thị xã Tân Châu.

Năm 2005, bà bị tai biến mạch máu não, đưa vào bệnh viện tim mạch An Giang để cấp cứu. Vài ngày sau, con bà nhìn thấy bà có hiện tượng nguy kịch giống y như một bệnh nhân giường bên cạnh vừa mới qua đời. Chú lo sợ quá liền gom hết tắc lòng thành kính khẩn cầu với Đức Bồ Tát Quán Thế Âm, giảm tuổi thọ mình năm năm để cho mẹ mình được hồi sinh vượt qua cơn hiểm nạn. Sau đó bệnh trạng của bà từ từ giảm dần rồi xuất viện ra về. Về nhà điều trị thêm một thời gian nữa sức khỏe của bà hồi phục, nhưng không hoàn toàn, vận động hơi khó khăn, em gái Út mới nói với bà:

- Chị Hai! Chắc hồi đó chị làm thợ nấu... Dĩ nhiên mình không trực tiếp giết gà giết vịt, nhưng mình nấu bao nhiêu mâm thì mình kêu người ta phải làm bao nhiêu con gà, bao nhiêu con vịt. Chị khiến người ta như vậy... nên giò căng của chị bây giờ... mới như vậy!

Nghe xong bà khóc rồi nói:

- Em cũng cầu nguyện tiếp chị!

Cô Út đáp:

- Được rồi, chị cứ niệm Phật sám hối!

Từ đó bà thường lay sám hối và mua vật mạng phóng sanh. Cô Út còn đem kinh Vô Lượng Thọ đến đọc những phẩm diễn tả cảnh giới Cực Lạc cho bà nghe, và khuyên:

- Chicos! gắng niệm Phật để về trên đó. Cha mình đã về trên đó rồi... Thôi chị về trên đi! Trước hết gặp cha mình, và còn gặp Đức Từ phụ A-di-đà. Được gặp Ngài là sung sướng lắm... Thôi chị cố gắng đi!

Bà cười rồi khẳng định:

- Ừ! Chị quyết định về trên đó!

Năm 2007, bà bị hở van tim. Đến tháng 9 năm 2009, nhà lối xóm phát hỏa, nên nhà bà cũng bị rụi tàn trong biển lửa. Vật chất quả thật quá ư mong manh vô thường!

Đến năm 2010, bà bị bệnh khớp, thay thầy đổi thuốc rất nhiều nơi, có lần ra tận Bệnh Viện Trung Tâm Chính Hình ở Sài Gòn, bác sĩ khám và cho thuốc về nhà, nhưng rồi thuốc uống vào bao tử của bà bị hoành hành dữ dội, nên đành phải ngừng uống thuốc.

Sau những lần bà bị bệnh lên máu, khi điều trị sức khỏe được hồi phục thì giọng nói của bà không được như cũ, và bà hay xúc động, gặp ai tới thăm là bà khóc, có khi gặp người này mà bà kêu lộn tên người kia, nhưng nhớ lại thì bật cười. Cho nên Cổ Đức đã khuyên nhắc:

*“Dù sang vàng ngọc đây nhà,
Vẫn khổ suy già bệnh tật.*

Đón đau bức ngặt,
Nhức nhói tim gan.
Lục phủ xốn xang,
Bất an ngũ tạng.
Ung thư đủ dạng,
Vạn trạng muôn hình.
Xương, khớp, thần kinh,...
Chỗ nào cũng yếu.
Uống ăn chút xíu,
Thức trắng đêm ngày.
Nhíu mặt nhăn mày,
Các thầy đều chạy.
Có khi gây đại,
Lú lẫn khù khờ.
Tay chơn cứng đờ,
Phải nhờ dìu, ẵm.
Lúc thì lảm cẩm,
Khăn vắt trên vai.
Tới lui tìm hoài,
Cuối cùng nổi cáu.
Hoặc không tỉnh táo,
Đi rong ngoài đường.
Chẳng biết hướng phương,
Mô tê gì cả!

...

Hiện khỏe nên khá,
Gieo trồng Tịnh nhân.
Niệm Phật chuyên cần,

*Tin sâu nguyện thiết.
Thế trần quán trọ,
Xin đừng luyến tiếc,
Cực Lạc quê xưa,
Thành thiệt mong về.
Dưới trăng đốt nén hương thê,
Tây Phương quyết đảo cận kề Như Lai!”*

Một hôm con trai phát hiện bà bị đột quỵ trong nhà tắm liền đưa đi Bệnh Viện Tân Châu cấp cứu, thấy không xong rồi chuyển đến Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, qua hai tuần lễ theo dõi bác sĩ chẩn đoán là suy tim độ ba, và nói:

- Bệnh này còn nước còn tát chứ không có khả năng hồi phục.

Con trai của bà điện thoại về:

- Út ơi! Bác sĩ cho biết như vậy rồi, bây giờ tính sao?

Cô Út liền đề nghị nên xin xuất viện, để về nhà hộ niệm.

Khoảng 2 giờ chiều ngày mùng 5 tháng 4 năm 2010, chuyển bà về tới nhà, trong phòng có treo một bức ảnh Đức Phật A-di-đà bên cạnh bệnh nhân. Cô Út vừa lấy tay chỉ vào bức ảnh vừa nói với bà:

- Chị Hai ơi! Nữa chị đi theo Ông này chớ đừng đi theo Ông nào hết ghen chị!

Bà liền gật đầu. Từ đó bất cứ ai đến thăm, hỏi bà, bà đều khoát tay, bảo:

- Niệm Phật đi! Đừng có nói gì hết!

Đến 8 giờ tối, một tay của bà bị liệt nên bất động, tay còn lại thì quơ đuổi liên tục, mặc dù mắt bà vẫn mở, thân quyền phải đến lay tỉnh và khuyến gọi:

- Chị Hai ơi, niệm Phật đi chị Hai! Kệ nó... cố gắng niệm Nam Mô A-di-đà Phật đi chị!

Khi nói xong thì thấy bà yên lặng, giãy lát trở lại như cũ, hỏi bà là đã thấy gì, thì bà trả lời, mà âm thanh rất khó nghe nên không ai biết là bà muốn nói cái gì. Lúc bà nhắm mắt lại thì quơ tay la ú ớ, y như đuổi gà đuổi vịt. Tình trạng này kéo dài đến 3 giờ sáng hôm sau. Khi thân nhân tụng chú Đại Bi thì bà tạm thời ngủ được.

Sáng ngày mùng 6, Ban Hộ Niệm chia ca hộ niệm, đồng thời gia đình mua cá phóng sanh hồi hướng cho oan gia trái chủ, thì hiện tượng la đuổi của bà thưa dần, và thời gian cũng ngắn lại rõ rệt, chỉ còn lại từ 9 giờ tối đến 1 giờ khuya mà thôi.

Sáng ngày mùng 7 tháng 4 năm 2010, gia đình rút dây truyền thức ăn ra, chỉ còn dây thở ôxy. Lúc này bà vẫn còn tỉnh táo sáng suốt bình thường, ai có hỏi bà vẫn nghe biết rõ ràng. Hộ niệm đến 12 giờ trưa thì bà nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, khi đó mắt bà đang chăm chú hướng về chân dung Đức Phật A-di-đà, tay chân tự sửa ngay thẳng. Bà hưởng thọ 70 tuổi, tính ra thì cũng vừa đúng năm năm mà con bà đã cầu xin với Đức Quán Thế Âm Đại Sĩ khi còn trong phòng cấp cứu tại Bệnh Viện Đa Khoa An Giang.

Sáng hôm ấy, chú Bảy trưởng Ban Hộ Niệm thăm nghĩ sao niệm Phật lâu quá mà bệnh nhân không ra đi, chú liền đến trước bàn Phật khẩn nguyện cho bà: nếu thọ mạng còn thì mau hết bệnh; nếu như thọ mạng hết, nhờ Phật cho vãng sanh sớm. Rồi chú thỉnh ly nước cúng cho bà uống. Khi bà mất, phần nước thừa còn lại nếm thấy cực kỳ ngọt, nên mọi người chia nhau nếm thử.

Em gái Út của bà, lúc 11 giờ thay ca hộ niệm, cô bèn bước sang qua nhà bên cạnh để nằm nghỉ, vì đã mấy ngày đêm thức trắng, vừa ngả lưng xuống là cô ngủ ngon lành. Khi ấy cô chìm vào cơn mơ, bỗng chợt nhìn thấy hình Tây Phương Tam Thánh từ trên cao giáng xuống, ngay khi ấy cũng vừa tỉnh giấc, trong bụng sinh nghi bèn cầm chiếc áo tràng vừa mặc vào vừa chạy riết về, khi bước vô đúng lúc bà vừa dứt hơi.

Nơi mé sông trước cửa nhà bà ở có bãi rác, nên ruồi bay trong nhà rất nhiều, thường bu trên bệnh nhân nên lúc hộ niệm phải có người cầm quạt để quạt đuổi liên tục. Khi bà mất người ta phát hiện không còn một con ruồi nào bay lượn trong phòng nữa hết, mà chúng đậu thành hàng hàng lớp lớp trên cọng dây chì dùng để treo màn chỗ bà nằm.

Qua tám giờ sau, toàn thân mềm mại và rất lạnh, duy có vùng trán còn ấm, tiếp tục hộ niệm thêm thì hơi nóng chuyển lên đỉnh đầu. Lúc này mặt mày bà hồng hào

sáng đẹp, đặc biệt là môi đỏ như thoa son, hai lòng bàn tay và lòng bàn chân đỏ thắm, và cục bướu bên cạnh hàm thường ngày nhô ra lớn như quả trứng gà bỗng dưng biến mất!

Trong thời gian 8 tiếng đồng hồ trợ niệm đó, nước trong những chai để cho Ban Hộ Niệm uống đều có vị ngọt dịu, và từ bàn Phật phát ra một mùi thơm thoang thoảng không giống với bất kỳ mùi hương nào.

Khi hoàn mãn tuần thất, con trai của bà thường nhớ đến bà. Đêm nọ chú nằm mộng thấy bà, trong tâm cũng biết là mẹ mình đã mất, chú liền hỏi:

- Mẹ đi đâu sao lâu quá mà không về, vậy mẹ?

Bà đáp:

- Mẹ đi chơi!

Chú lại hỏi:

- Mẹ đi chơi ở đâu?

Bà trả lời:

- Mẹ đi chơi ở Tây Phương!

(Thuật theo lời Nguyễn Hoàng Thi con trai và Nguyễn Kim Lê em gái út của bà.)

80. TRẦN VĂN LŨƠNG (1935 - 2008, 73 tuổi)

Tảo tần nuôi con dạy cháu, tận tụy vì nước vì dân, lợi chẳng cần danh không mền: Để tiếng thơm muôn kiếp nơi đời!

Siêng năng học hỏi Phật pháp, tinh tấn công phu tu hành, quyết vãng sanh ngư liên đài: Soi gương sáng ngàn năm cho đạo!

Ông Trần Văn Luỡng sinh năm 1935; cư ngụ tại ấp 5, xã Khánh Hòa, huyện U Minh, tỉnh Minh Hải. Thân phụ là cụ ông Trần Văn Uất, thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Thu. Ông là người con thứ Tư trong gia đình có chín anh em. Năm 20 tuổi ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Thạnh; sinh được bốn trai, bốn gái.

Thuở thanh thiếu niên ông phải đối diện với muôn ngàn khó khăn, khốn khổ, ông vừa tham gia kháng chiến, vừa làm thuê làm mướn để duy trì sự sống gia đình. Từ 1975 trở về sau ông không ra làm việc mà trở về đời sống nông dân, vui thú với mảnh ruộng, khu vườn; hoàn cảnh kinh tế lần hồi phát đạt, tương đối thuận tiện hơn xưa.

Tính tình của ông chất phác, hiền lành, vui vẻ, cởi mở nên dễ hòa đồng với mọi người. Riêng đời sống sinh hoạt cá nhân thì ông rất kiệm ước, giản đơn.

Ban sơ đến với Tam Bảo, ông dùng chay một tháng mười ngày, trong lúc đó cô con gái thứ Tám thì đã trưởng trai khá lâu. Sau khi đã nghiên cứu về kinh kệ, ông thấy

mình thích hợp với pháp môn Tịnh Độ, bởi vì pháp môn này cách thức hành trì hết sức dễ dàng, không đòi hỏi trình độ hiểu biết về Phật pháp phải sâu rộng, hoặc môi trường hoàn cảnh sống phải như thế nào mới hành trì được. Mà bất cứ một ai thật lòng ăn năn, sám hối, làm lành lánh dữ, thật tâm tu, thành lòng niệm Phật thì đều đạt được kết quả mỹ mãn cả! Nhất định nắm chắc phần vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Ông kết giao với rất nhiều thiện tri thức để có dịp trao đổi những kinh nghiệm trong công phu tịnh niệm hàng ngày.

Tất cả mọi công tác từ thiện xã hội ông đều hăng hái tham gia. Nhất là tang sự của bà con quanh vùng, ông tự tay tận liệm và còn giúp đỡ về phần vật chất cho những người thiếu thốn cần đến. Nhờ biết được một số phương thuốc gia truyền trị được các bệnh ban, các loại mụn độc, các bệnh trật đả gãy xương, nên năm 1982 ông xin với chính quyền địa phương cho phép thành lập một phòng thuốc Nam tại nhà. Được sự chấp thuận của Hội Chũ Thập Đở và Hội Y Học Cổ Truyền, các cấp xã, huyện, tỉnh... nên phòng thuốc đã ra đời. Đồng thời dân chúng hưởng ứng đông đảo nên phòng thuốc ngày một hưng thịnh. Cũng từ đó ông đã phát tâm trường trai, chí thành niệm Phật, khẩn thiết nguyện cầu vãng sanh Cực Lạc! Đời tu của ông rất gần với lời sách tấn của Cổ Đức:

*“Bất luận là kẻ trí người ngu,
Đều có thể trì câu Lục Tự.*

Thật niệm Phật dứt lòng hung dữ,
Quyết tu hành bỏ sự gian phi;
Lợi danh đời lòng chẳng thiết chi,
Đường giải thoát cố đi cho tột.
Trong nhà lửa mà không bị đốt,
Ở cõi trần mà vượt khỏi mê;
Có vinh huê chẳng nhiễm vinh huê,
Được phú quý không mê phú quý.
Càng có của càng đem bố thí,
Càng có quyền càng nghĩ cứu dân;
Giàu sang không phụ bạc cơ bản,
Thông minh chẳng nhạo khinh ngu dại.
Được thân thế lòng càng rộng rãi,
Đủ tiện nghi dạ phải khoan dung;
Không thừa cơ chụp giựt hành hung,
Chẳng cậy thế thổi lông tìm vết.
Muốn làm sống không đành làm chết,
Thương người không nỡ ghét hại người;
Tìm làm cho hòa nhã tốt tươi,
Chẳng muốn tạo lỗi thoi gây gổ.
Giữ nhân cách, biết điều thẹn hổ,
Ở thẳng ngay, sống có cương thường;
Nghe khổ người lòng biết xót thương,
Thấy đói biết chia cơm sẻ áo.
Ở chòm xóm lấy câu hòa hảo,
Trong gia đình gìn đạo hiếu thân;
Ai cũng đều ăn ở có nhân,
Người đời sẽ bớt phần thống khổ.

*Ai cũng biết chung lo tế độ,
Thì ngục môn bế ngõ từ lâu.”*

Ông thường khuyên con cháu và mọi người cố gắng làm lành lánh dữ, chuyên cần niệm Phật trong mọi oai nghi giữ sao cho đừng gián đoạn, để khi lâm chung quyết định vãng sanh. Ông thường đọc câu:

*“Việc làm là việc bề ngoài;
Trong tâm niệm Phật ngày rày ai hay!”*

Và ông thường nhắc nhở con cháu rán tu đến Tứ Đại Trọng Ân, tu tròn Nhân Đạo và thực hành Thập Thiện!

Năm 2005, vào ngày mùng 8 tháng giêng, ông bị tai biến mạch máu não, thân nhân đưa vào bệnh viện Cà Mau, nửa người bên phải bị liệt rất nặng. Ở đây một tuần, bác sĩ bó tay hết cách, thấy tình hình không ổn nên gia đình bèn xin xuất viện về nhà để lo hậu sự. Qua hôm sau là ngày 16, lúc 9 giờ sáng thì ông tắt hơi trong âm thanh Phật hiệu vang rền.

Trước đó ba ngày gia quyến đã mời chư đồng đạo cầu nguyện cho ông tại nhà, nên khi ông mất bà con đều tề tựu đông đủ. Ngưng thở độ chừng khoảng nửa giờ sau thì ông thở nhẹ nhẹ trở lại, rồi từ từ tỉnh hẳn. Khi tỉnh ông bèn kêu vợ gọi người con gái thứ Tám lại, trước sự hiện diện toàn bộ thân tộc ông nói với cô:

- Hồi nào tới giờ... cha đã chăm lo ngôi thờ tự và phòng thuốc Nam này... cố gắng niệm Phật. Hôm nay tuổi cha đã già yếu, một ngày nào đó cha cũng phải ra đi

vĩnh viễn. Con có nhận lãnh sẵn sóc ngôi thờ tự và phòng thuốc Nam này hay không? Nếu được thì con phải hứa với cha, cha mới an lòng nhắm mắt trước khi theo Phật!

Cô Tám hứa nhận xong, ông dặn dò thêm một số việc khác cho gia đình.

Từ đó trở đi ông buông xả muôn duyên chỉ chăm lo dưỡng bệnh nơi ngôi thờ cúng, ngày đêm lễ Phật, niệm Phật liên tục, tất cả bệnh tật nơi ông đều tự nhiên dứt sạch tay chân hoạt động bình thường không còn liệt nữa, chỉ có điều là thể lực có phần kém hơn trước kia đôi chút mà thôi!

Ba năm sau, giữa tháng 7 năm 2008 ông trở bệnh, sức khỏe cứ yếu dần. Ngày 16 tháng 7 con cháu mời bạn đồng tu đến cầu an ba hôm. Sáng ngày 19 thấy cha chắc không qua khỏi, cô Tám liền căn dặn mẹ nên kê cận chăm sóc cho ông, vì sợ ông đi một mình dễ bị té, cô âm thầm đi mời đồng đạo đến hộ niệm cho ông, vì sợ ông lo nên cô không báo cho ông biết, thế mà khi các anh chị của cô hỏi qua hỏi lại với nhau:

- Tám đâu rồi?

Ông nghe được bèn đáp:

- Tám đi công chuyện rồi 12 giờ mới về!

Khi cô về đến nhà, cô nấu cho ông một tô hủ tiếu và pha một ly sữa. Khi ông dùng hết rồi, bèn nói với cô Tám:

- Cha ăn với con tô hủ tiếu này thôi, cha không ăn nữa!

Mọi người đều nghe nhưng cho qua, không ai để ý đến; chẳng ngờ đó lại là lời trần trối sau cùng.

Vào tối ngày 19 - 7, huynh Chín đại diện cho Ban Hộ Niệm đã họp thân tộc lại để sinh hoạt về một số thể lệ của hộ niệm, do vì địa phương này xưa nay chưa từng có ai được hộ niệm cả! Tập tục tang chế cũng rất khác hẳn với những vùng An Giang, Châu Đốc... nơi mà có nhiều người tu Tịnh độ. Ở đây thường là sát hại rất nhiều sinh vật trâu, heo, bò, chó... để đãi đăng hương thôn khi có thân quyến qua đời, và thời gian quàng nhục thân lại cũng rất lâu. Buổi họp kéo dài từ 9 giờ tối cho đến 2 giờ sáng hôm sau - ngót năm tiếng đồng hồ - mới hoàn mãn, tất cả mọi thành viên trong gia đình đã thống nhất ý kiến, mọi việc tương đối trôi chảy thuận lợi!

Kể từ lúc đó đến ngày 23 tháng 7 ông nằm luôn, niệm Phật theo đại chúng. Khi con ông đến hỏi:

- Cha có nghe niệm Phật không cha?

Ông nghe xong thì khẽ gật đầu. Trong nhà có khoảng vài chục đồng đạo từ các nơi tề tựu trở về để hộ niệm cho ông. Mỗi ca là mười vị, cứ luân phiên thay đổi liên tục cả ngày lẫn đêm.

Đến 6 giờ 10 phút chiều, thấy thần sắc của ông thay đổi nên toàn bộ con cháu và đồng đạo vây quanh đồng thanh hô to Phật hiệu. Khoảng 30 phút sau ông nhẹ nhàng trút hơi thở sau cùng, lúc ấy đúng 6 giờ 45 tối, ngày 23 tháng 7 năm 2008, ông hưởng thọ 73 tuổi.

Khi ông tắt hơi mọi người đang hộ niệm được khoảng năm phút, thỉnh linh đôi tay ông từ từ co lên chắp lại nơi ngực, nhưng chưa hoàn tất thành hình búp sen thì dừng lại!

Lúc ấy đôi mắt không khép kín và miệng lại há to, mấy tiếng đồng hồ sau miệng tự ngậm chặt lại. Đến sáng hôm sau gương mặt ông lộ nét hoan hỷ, an lạc; các khớp xương đều mềm mại. Nhìn ông như nhìn một người đang nằm ngủ.

Đặc biệt là bốn năm ngày liền nằm im niệm Phật ông không ăn uống gì hết, và cũng hoàn toàn không có đại tiểu tiện chi cả!

Đám tang của ông, gia quyến đã tiến hành thết đãi tộc họ, hương thôn và quý quan khách toàn bộ bằng đồ chay khiết tịnh. Đối với địa phương này mà nói, thì đây quả thật là một quyết tâm hết sức phi thường của người con Phật, đáng được tán thán đề cao, cũng là tấm gương sáng đáng để cho mọi người học tập noi theo, vì nó đã sửa đổi hẳn cổ lệ ảnh hưởng tai hại cho hương linh người quá vãng to lớn nhất! Trong khi đó chuyện tang lễ đãi đằng thực phẩm chay của những vùng lân cận thì quá ư bình thường và cũng rất lâu đời rồi, mà dùng câu: “Xưa như quả đất” thì đúng hơn!

Bảy tuần thất trôi qua (tức bốn mươi chín ngày sau khi ông mất) cô Tám nằm mộng thấy ông, ông nói với cô rằng:

- Con cứ yên tâm đi, cha đã được về cõi Phật rồi! Cha sẽ độ cho con vượt qua mọi khó khăn... Con rán niệm Phật!

Ngôi nhà ông hiện nay cô con gái thứ Tám đã tổ chức niệm Phật định kỳ, tạo điều kiện cho quần chúng nơi đây có chỗ tựa tâm linh. Đó cũng là tâm nguyện của ông, tâm nguyện của một người đã dâng trọn cả cuộc đời mình cho dân cho nước! Bà con quanh vùng rất hoan hỷ đến tham dự thường xuyên, noi theo gương hạnh của ông để hầu đạt được bình an trong khi sống và thật sự vĩnh viễn bình an sau khi chết. Bởi vì đời người không phải chỉ giới hạn có mấy mươi năm ngắn ngủi này thôi đâu! Tuy thân xác có hội hiệp, có tan lìa; còn thần thức thì trường tồn, chưa từng chết mất!

(Thuật theo lời Trần Thu Dòn, cô con gái thứ Tám của ông và đồng đạo Chín.)

BÓNG HÌNH CHA

*Ngồi ngắm nhìn mưa rơi lả chả...
Nhớ cha... con buồn bã trăm chiều!
Cha hiền chỉ dạy dặt dìu,
Nẻo đường lành tốt, bao điều cần tu.
Hôm nay cha mặc dù vắng bóng,
Lòng con luôn hoài vọng thuở xưa.
Ngày đêm tần tảo sớm trưa,*

Vì đàn con trẻ nắng mưa chẳng nài.
Bao vất vả đắng cay cha nhận,
Để cho con hưởng phận thanh nhân.
Chở che sương gió gian nan,
Trăm ngàn lao nhọc chẳng màng khổ thân.
Cả vật chất tinh thần đều đủ,
Luôn quan tâm nhắc nhở chi li.
Tổ tường từng bước con đi,
Từng lời con tập, oai nghi ngó nhìn...
Suy xét kỹ công minh ứng đối,
Hợp lý tình hợp đạo chánh chân.
Trong ngoài phải lẽ xử phân,
Thân sơ trên dưới xa gần tròn vuông.
Giờ nhớ cha lệ tuôn trào mãi,
Công sinh thành núi Thái khó so.
Biển sâu rộng, có thể đo,
Ân dày muốn đáp sao cho ngang bằng?!
Chỉ còn cách ngày hằng tu tập,
Gắng chuyên cần bồi đắp phước lành.
Những điều lợi ích nhân sanh,
Xả thân gánh vác thực hành tận tâm.
Vì Phật pháp không làm danh lợi,
Cùng chung lo quốc thối dân an.
Mọi người vui tới đạo tràng,
Cộng tu định khóa chứa chan chân tình.
Khích lệ nhau chuyên tinh Tịnh Độ,
Khích lệ nhau giác ngộ lý mâu.
Phật pháp vi diệu cao sâu,

Đồng nhau niệm Phật đồng cầu vãng sanh.
Đốt nén hương lòng thành khẩn nguyện,
Phật mười phương linh hiển gia trì.
Long thiên hộ pháp từ bi,
Chở che cho bước con đi vững vàng.
Nay cha đã an nhàn tu học,
Hẹn một ngày hỏa tốc sang Tây!
Chùng áy sẽ được sum vầy,
Không còn sinh tử, nước mây trùng phùng!
Nhớ cha, dạ vô cùng quặn thắt,
Nguyện một lòng nắm chặt Hồng danh!
Thệ tu trọn sáng trọn lành,
Đúng lời cha dạy bình sanh thuở nào!
Khói hương nghi ngút bay cao,
Chúng mình con trẻ có bao nỗi niềm!
Hoa hạnh phúc nở trong tim!

(Thu Dòn và một bạn đồng tu)

81. HỒ THỊ TƯỜNG (1928 - 2012, 83 tuổi)

Mặc dù bị bệnh nằm một chỗ, nhưng đến giờ công phu thì bà nhờ con bế bà đến trước ngôi Tam bảo để lễ nguyện và niệm Phật không thiếu sót thời nào. Bao nhiêu tiền của con cháu cho, bà đều bố thí phóng sanh hết, không giữ lại tí gì cả, đồng thời bà cũng phát tâm trường trai. Mỗi khi thấy con cháu nói chuyện ồn ào bà đều khuyên ngăn, nên giữ yên tịnh và quý tiếc thời gian để hành trì niệm Phật.

Bà Hồ Thị Tường sinh năm 1928, nguyên quán tại rạch Ca My, quận Ô môn, tỉnh Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Hồ Văn Ninh, thân mẫu là cụ bà Võ Thị Nguôi. Bà là con thứ năm trong gia đình có năm anh em.

Năm lên 20 tuổi bà thành hôn với ông Nguyễn Văn Vui, sinh được một trai bảy gái, cư ngụ tại xã Thới Phong, thị trấn Thới Lai, huyện Ô Môn, tỉnh Cần Thơ. Gia đình bà sinh sống bằng nghề nông.

Tính tình của bà hiền hòa, nhân hậu, thương người, mến vật, thích sống đơn giản, cần kiệm. Bà quy y Tam bảo rất sớm, khi tuổi chưa đến 20 bà đã dùng chay mỗi tháng 4 ngày, mỗi ngày hai thời lễ niệm.

Vào khoảng đầu thập niên 70, vì chiến cuộc nên gia đình bà phải nhiều lần di tản. Một hôm không may bom đạn vô tình đã cướp đi sinh mạng người chồng - nơi

nương tựa duy nhất của đời bà - khi đó bà 46 tuổi. Nỗi tử biệt sanh ly sâu thương to dường quả núi thành linh giáng xuống... Hình như định mệnh quá ư khắc nghiệt không một chút nhân nhượng nói tay, làm cho bà khổ đau cùng cực, tựa hồ rơi tằm vào hố sâu tuyệt vọng. Giây phút này bà gần như hoàn toàn tuyệt vọng!

*“Sống như giấc chiêm bao một thứ,
Rủi lâm vào nạn sự buông tay;
Không ai biết được ngày mai,
Hôm qua thấy đó bữa nay mất rồi.
Biết bao cuộc sống dôi gió dập,
Cảnh thảm sâu tới tấp liền tay;
Cám thương già trẻ gái trai,
Sống đời mạt pháp không ngày nào an.”*

Từ đó, bà cảm nhận được lý vô thường qua lời Đức Phật dạy: mây nổi bèo trôi, nay tan mai hợp... Mọi thứ trên cõi đời có sanh thì có tử; có hội ngộ ắt phải có giây phút phân ly! Nhờ đó mà nỗi niềm bi cảm tan nhạt dần trong tâm khảm của bà, bà chấp nhận đời sống hiện tại, cố gắng lo nuôi dưỡng các con cho sớm được nên người. Tinh thần bà khôi phục lại thể cân bằng, bà phát tâm ăn chay tăng thêm mỗi tháng 10 ngày và một năm 3 tháng.

Bà rất thích đọc kinh kệ và nghe băng đĩa, như các đoạn sau:

*“Đầu cúi lạy Cửu Huyền Thất Tổ,
Ngõ đáp ơn báo bổ sanh thành.
Nay con quy Phật tu hành,*

*Cửu Huyền Thất Tổ lòng lành chứng tri.
Lời Phật dạy từ bi bác ái,
Dạ nơn từ quảng đại mở mang.
Hiếu trung con giữ vẹn toàn,
Từ rày chẳng dám lẳng loàn như xưa.
Sau hưởng đặng phước thừa của Phật,
Hồn nhẹ nhàng vượt khỏi tử sanh.
Nguyện đem công quả tu hành,
Cứu trong tông tổ vãng sanh liên đài.
Về Phật quốc ngày ngày an lạc,
Cả giống dòng giải thoát luân trầm.
Rồi đem đạo pháp huyền thâm,
Độ trong sanh chúng hết lằm hết mê.
Cả vạn vật đồng về Phật cảnh,
Chẳng luyến trần ảo ảnh gạt lường.
Nguyện cầu chư Phật mười phương,
Niết-bàn tịch tịnh là đường vô sanh.”*

Và:

*“Dù tiên hiền ma quỷ súc sanh.
Cứ nhất tâm tín nguyện phụng hành,
Được cứu cánh về nơi An Dưỡng.
Chỉ một kiếp Tây Phương hồi hướng,
Thoát mê đồ dứt cuộc luân hồi.”*

Sinh hoạt hằng ngày của bà là thường trông và sưu tầm thuốc Nam, cung ứng cho phòng thuốc trong vùng. Tỉnh thoảng ai có nhu cầu trị bệnh, bà chèo xuồng đưa

bệnh nhân đi châm cứu hoặc hốt thuốc. Bà cũng hay đến thăm hỏi, an ủi những người già cả đau yếu bệnh hoạn, hay những người nghèo khổ, hoàn cảnh eo hẹp khốn đốn trong thôn xóm, đồng thời mang các loại thức ăn mình đang có và gạo đến tận gia đình để biếu tặng cho họ, vì thế mà ai ai cũng có thiện cảm và quý mến bà. Ngoài ra bà có nuôi ba con chó, chăm sóc chúng y như con người không khác, từ thức ăn cho đến chỗ ngủ đều rất sạch sẽ ngăn nắp, mừng chiếu của chúng bà giặt giũ thường xuyên!

Năm 1999 bà phát bệnh đưa vào Bệnh Viện Chợ Rẫy, ở đây hai tuần, bác sĩ chẩn đoán là ung thư phổi, và khuyên thân quyến nên đem bà về để lo liệu hậu sự là vừa! Khi về nhà các con vừa cho bà dùng Đông dược; vừa tha thiết thành tâm cầu nguyện Ân Trên Tam Bảo gia hộ. Ba hôm sau bà xỏ ra thật nhiều, rồi dần dần sức khỏe hồi phục. Một tháng sau trở lại Bệnh Viện Chợ Rẫy để tái khám, bác sĩ khám xong cho biết phổi của bà đã hoàn toàn lành lặn, mọi dấu hiệu ung thư đều mất hết.

Qua cơn bạo bệnh này, tín tâm của bà đối với Tam Bảo thêm sâu chắc, lòng nguyện sanh Tây Phương càng khẩn thiết mãnh liệt hơn. Bà có mở ra một gian tịnh thất, rồi kêu gọi mọi người hữu duyên với Tịnh độ đến để niệm Phật định kỳ hằng tháng. Mặc dù gặp phải rất nhiều vất vả khó khăn, mà bà vẫn kiên định lập trường xông pha vượt qua mọi thử thách chướng ngại!

Ngoài ra bà cũng thường khuyên dạy các con cháu rằng:

- Những quyền thuộc như cha mẹ, anh em, vợ chồng... hội tụ trên thế gian đều là vay trả nợ nần; đều là đền ân báo oán. Kiếp sống con người rất là giả tạm phù du, đầy tang thương dâu bể. Chỉ có cố gắng vun bồi đức hạnh, nhất là ở đời phải có căn bản đạo đức làm người và tu tạo phước đức, trồng tía nhân lành, tùy thời, tùy sức tăng trưởng thiện sự; đồng thời rán cố gắng tập ăn chay niệm Phật nguyện cầu sanh sang cõi Cực Lạc của đức Phật A-di-đà, mới có thể ra khỏi sanh tử luân hồi chấm dứt khổ đau vĩnh viễn: “Trông chúng sanh nghĩ tận đui đầu; về Cực Lạc mới là hết khổ” mà thôi!

Bà khỏe mạnh được mười hai năm, đến đầu năm 2011, vùng bụng của bà đau, đi siêu âm phát hiện khối u ở đại tràng. Bà về nhà vừa uống thuốc Nam vừa niệm Phật cầu nguyện Tam bảo gia hộ, được một thời gian thì bệnh tạm ổn. Một điều làm cho các con của bà hết sức lấy làm lạ là khi mỗi lần trong người sắp sửa xuất hiện những cơn sốt, cơn đau hay cơn mệt là bà lật đật mặc áo tràng và tìm râu chuối rồi đến trước ngôi Tam Bảo để lễ nguyện và niệm Phật!

Sang năm sau vào khoảng tháng 2, bệnh bộc phát dữ dội. Kế tiếp bà bị liệt nửa người bên phải, nhưng bà không chịu đi bệnh viện mà chỉ dùng Đông dược và thỉnh nước cúng Phật để uống. Bệnh thường hoành hành bà vào lúc ban đêm. Trong bụng có một khối cứng chạy tới chạy lui làm bà đau đớn khó chịu, khi đó bà khẩn thiết

niệm Phật và lấy nước cúng thoa vào thì cơn đau lắng dịu xuống rõ rệt. Mặc dù bị bệnh nằm một chỗ, nhưng đến giờ công phu thì bà nhờ con bế bà đến trước ngôi Tam bảo để lễ nguyện và niệm Phật không thiếu sót thời nào. Bao nhiêu tiền của con cháu cho, bà đều bố thí phóng sanh hết, không giữ lại tí gì cả, đồng thời bà cũng phát tâm trường trai. Mỗi khi thấy con cháu nói chuyện ồn ào bà đều khuyên ngăn, nên giữ yên tịnh và quý tiếc thời gian để hành trì niệm Phật.

Bệnh tình ngày một tiến triển, lần hồi thể trạng của bà mỗi lúc cạn kiệt rõ rệt hơn. Mặc dù những cơn đau dữ dội hoành hành, nhưng chưa hề nghe bà rên than hay kể lể bao giờ. Gương mặt của bà luôn tươi vui không chút gì lộ vẻ bệnh khổ; nhìn qua không ai biết bà đang bị bệnh nặng. Bệnh càng tăng dần, con cháu mời thầy thuốc đến nhà chích thuốc khỏe và truyền dịch cho bà.

Đến ngày mùng 1 tháng 9 năm 2012, bà không chịu uống thuốc, chích thuốc, vô nước biển và ăn uống gì cả; chỉ thỉnh nước cúng trên bàn Phật để uống mà thôi. Con cháu hỏi nguyên nhân, bà trả lời vì muốn cho mau sạch nghiệp đặng về với Phật.

Một hôm có vị liên hữu đến thăm và hỏi bà:

- Bác Mười ơi! Bây giờ bác niệm Phật mà nữa bác sẽ về đâu?

- Nữa bác sẽ theo Phật về Cực Lạc!

- Tại sao bác không theo Thầy mà bác lại theo Phật, thưa bác?

- Bởi vì Thầy... thì ma dễ giả; còn Phật A-di-đà thì không ai giả được hết!

- Khi bác mệt thì bác niệm ra sao?

- Khi Mệt thì niệm A-di-đà Phật!

- Còn lúc khỏe thì bác niệm thế nào?

- Lúc khỏe thì niệm Nam Mô A-di-đà Phật!

Năm ngày trước khi bà mất, con cháu luân phiên nhau trợ niệm mỗi khi bà có cơn mệt. Trước khi bà mất hai ngày thì gia đình có mời Ban Hộ Niệm đến niệm Phật liên tục suốt ngày đêm. Lúc nào cũng thấy bà tay lần chuỗi, nhép môi niệm Phật theo mọi người.

Đến ngày mừng 6, có chị Tư là bạn đồng tu ở Úc châu về thăm bà, hỏi tên tuổi, quê quán, ước nguyện niệm Phật của bà như thế nào... để chị quay phim. Bà trả lời rất vui vẻ và còn tươi cười hẹn với chị sau này sẽ gặp nhau ở cõi Tây Phương Cực Lạc. Ngày hôm đó, mặc dù xương sống của bà đã cứng, nhưng tới giờ công phu bà vẫn bảo con cháu phải đỡ ngồi dậy để bà xá nguyện.

Đến 7 giờ 50 phút sáng mừng 7 tháng 9 năm 2012, môi bà đang động bồng dừng dừng lại, mắt mở ra nhìn rôi từ từ nhắm khít, nhưng hai môi còn hở, bà tự sửa tay chân thẳng thớm, rồi nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng trong khi mọi người vây quanh đang hộ niệm cho bà. Bà hưởng thọ 83 tuổi.

Qua 9 tiếng đồng hồ trợ niệm, các khớp xương mềm mại, gương mặt thật đẹp, miệng ngậm kín, môi đỏ, da hồng hào. Đặc biệt là toàn thân đều ấm không chỗ nào lạnh cả, riêng đỉnh đầu thì rất nóng. Đây là điềm hy hữu lạ lùng!

Cô con gái thứ tư của bà trong lòng thường canh cánh nỗi hoài nghi, không biết mẹ mình được vãng sanh hay không. Nên đến tuần thất thứ 3, vào thời niệm Phật 3- 4 giờ khuya, cô đã tới trước bàn vong thắp nhang nguyện vái với bà:

- Nếu má có được về Cực Lạc thì má phải cho con một điềm gì đó để biết là má đã về Cực Lạc, để con yên tâm niệm Phật, con không có buồn nữa!

Khẩn nguyện xong cô ngồi xếp bằng niệm Phật. Sau một thời gian khá lâu, bỗng nhiên cô bắt gặp một luồng ánh sáng thật sáng xẹt từ trên xuống giữa đỉnh đầu đi ảnh nơi linh vị. Cô nhìn khắp xung quanh xem có ai chụp hình hoặc pha đèn hay không. Nhưng vạn vật đều tĩnh lặng trong màn đêm. Bất giác hai dòng lệ mừng vui tuôn dài trên đôi má, trôi đi nỗi buồn và niềm hoài nghi đã nhiều ngày ôm ấp!

Bà có cô con gái thứ bảy tên là Nguyễn Thị Thanh đã chết. Đến tuần thất thứ tư thì cô nhập vào nữ đồng tu tên Hồng, đi tới chụp vào tay cô Út và nói:

- Chị là người chị thứ bảy của cưng! Khi chị mất năm 15 tuổi chưa có phát tâm quy y Tam Bảo, nên bây giờ chị chưa được siêu!

Cô Út không tin mới hỏi những kỷ vật lúc còn sanh tiền. Vong nhân đều trả lời trúng hết. Cô Út bèn hỏi:

- Chị có biết má bây giờ ở đâu không?

Vong đáp:

- Má được về Cực Lạc thẳng luôn trong bữa đó rồi cứng ỏi!

Cô Út gạn lại:

- Làm sao chị biết?

Vong đáp:

- Lúc má ra đi chị ở gần đó, chị thấy có Đức Phật xuống rước má!

Sau đó vong nhờ cô em bố thí phóng sanh hồi hướng và làm lễ quy y cho mình, và đọc tên hồi hướng sau những thời khóa tu mà gia đình đã nhiều năm tổ chức.

Cô Út hỏi:

- Trong danh sách hồi hướng em có ghi tên của chị kia mà?

Vong trả lời:

- Máy em chỉ đọc tên những người mới; còn chị thì các em nói đã lâu quá rồi nên nào có đọc tên đâu!

Cô Út chột nhớ lại, quả đúng y như vậy!

(Thuật theo lời Nguyễn Ngọc Xuân con gái của bà).

82. TRẦN THỊ KIM HOA (1932 - 2014, 82 tuổi)

*Dâng tặng cho đời trọn trái tim,
Nguyện cầu thế giới mãi bình yên.
Mong ước lâm chung sanh Tịnh Độ,
Xá lợi chúng minh đã thỏa nguyện!*

Bà Trần Thị Kim Hoa sinh năm 1932, cư ngụ tại số 11 Đinh Tiên Hoàng, Khóm 2, Phường 2, Thành Phố Sa Đéc. Thân phụ là cụ ông Trần Phước Châu, thân mẫu là cụ bà Huỳnh Kim Tuyến. Bà là chị Ba trong gia đình có mười một anh em.

Thuở ấu thơ, nhờ có bà dì nhắc nhở cho nghe về nhân quả và Phật Pháp, bỗng dưng bà tự giác ngộ nên đã phát tâm ăn chay kỳ, trong khi các chị em khác thì không.

Năm lên 17 tuổi, có lần làng quê của bà xảy ra chiến cuộc ác liệt, dân chúng bị kẹt ở giữa. Bà đang nằm dưới cãng C bèn chí thành khẩn nguyện:

- Nếu mà... sự thật trên đời này... từ hồi nào tới giờ Phật Pháp thực sự tồn tại, thì cho con khẩn nguyện sau khi tàn ba cây hương sẽ có lệnh ngừng bắn, để dân chúng tản cư tránh chết chóc. Nếu được y như lời con nguyện, con sẽ xuống tóc ăn chay ba tháng!

Bà nguyện xong, khoảng nửa tiếng đồng hồ sau quả nhiên có lệnh ngừng bắn. Khi mọi người đã di dời đến địa

điểm an toàn rồi, bà bèn thưa với cha về vụ việc vừa qua. Nghe bà thuật xong, cha của bà bật khóc:

- Con ơi! Trên thế gian có nhiều lời khấn vái sao con không khấn vái, mà con lại đi vái xuống tóc, hả con!

Bởi vì trong đàn con, bà là người có những điểm nổi bật hơn hết, nên ông lúc nào cũng chú ý quan tâm. Đặc biệt là mái tóc của bà rất đẹp!

Khi lên 20 tuổi, bà kết hôn với ông Trầm Hồ, sinh được bảy trai ba gái. Gia đình bà sanh sống bằng nghề bán quán ăn.

Tính tình của bà thẳng thắn, vui vẻ, có óc tìm tòi và sáng tạo, làm việc rất nghiêm túc. Đối với con cái thì có trách nhiệm. Hễ hứa với ai điều gì thì bà nhất định phải làm cho bằng được!

Năm hơn 30 tuổi bà quy y Tam bảo với Sư Giác Giới, được pháp danh là Chơn Ngọc, hiện giờ Sư là Hòa Thượng Viện Chủ Tịnh xá Ngọc Viên tại Vĩnh Long.

Năm 1975, do chứng kiến những vết tích đau thương của chiến tranh và những nỗi kinh hoàng sợ hãi còn đọng lại sâu đậm trong lòng người, bà một lần nữa khấn nguyện, nguyện cầu cho đời sống đồng bào sớm được ổn định, dân chúng nhanh chóng được an cư lạc nghiệp. Lần này bà phát nguyện xuống tóc và trường trai trọn đời.

Từ đó bà thường lui tới các chùa và tịnh xá để nghe pháp, tu học cùng cúng dường. Quán ăn của bà từ mặn chuyển sang bán các món chay, lấy pháp danh của mình đề tên cho bảng hiệu quán.

Khi bắt đầu dùng chay, có những lúc bà thèm “hột vịt kho với thịt” dữ dội. Bà tự cảnh sách lấy mình:

- Mà ăn bao nhiêu năm nay rồi không đủ hay sao mà còn thèm đồ mặn, hả mà? Mà coi nè, tao cho con chó ăn, mà nó hông thèm ăn nữa nè!

Thế rồi bà bới một tô cơm, múc thịt kho hột vịt cho vào để dưới đất, và kêu con ky ky trong nhà đến. Con chó này thường ngày không ăn gì ngoài bánh in, nên khi nó chạy đến chỉ lấy mũi ngửi ngửi sơ qua, rồi bỏ đi chỗ khác chứ không ăn. Bà tự chửi mình:

- Đó! Mà thấy chưa? Mà còn thua con chó nữa. Tao cho nó ăn mà nó hông thèm ăn... Còn mà ăn bao nhiêu năm nay rồi không đủ hay sao?

Nhờ vậy mà lần hồi bà đã tự chiến thắng chính mình! Quả thật, như lời Phật dạy: “Thắng được mình là chiến công oanh liệt nhất!” Cổ Đức đã từng khuyên:

*“Nhớ Phật đã có ngày bảo tới,
Rằng Liên Hoa hạ giới muốn xem,
Thì tâm trần tục ưa thèm,
Nên đem nó đổi lòng tìm Liên Hoa.
Liên Hoa nếu người ta muốn gặp,
Tắt lòng mê trần tục tan dần;
Tự mình cố gắng tu thân,
Có ngày Liên Hội được phân tham gia.
Liên Hoa nếu nói ra thường tánh,
Sanh trong bùn mà chẳng hôi bùn;
Nhưng theo nghĩa của Phật dùng,*

*Liên Hoa là chốn không tùng trần gian.
Phật đã chỉ đường sanh Phật Quốc,
Phật đã cho biết trước cuộc đời;
Không tu là bởi tại người,
Chớ không tại Phật chẳng lời dạy răn.
Rán tu bỏ kẻ tặng người tục,
Rán thắng qua các dục tâm trần;
Lấy phàm thân đổi Phật thân,
Chớ vì phàm xác diệt chân linh hồn.”*

Lúc đương thời bà cùng chồng thường đi chùa hoặc tịnh xá mỗi tháng định kỳ vài ngày, vì còn phải lo làm kiếm sống. Khi chồng mất lúc ông 61 tuổi, và khi các con đã trưởng thành đều an bề gia thất, thì bà chung sống với cô con gái thứ tư, bắt đầu từ đó bà chuyên tâm tinh tấn tu hành. Bà thường đến Tịnh Xá Ngọc Quang mỗi ngày ba thời (sáng, trưa, chiều) tụng kinh Pháp Hoa để hồi hướng cầu cho thế giới hòa bình, bớt đi những thiên tai nhân họa, và cộng tu niệm Phật với đại chúng. Mặc dù bà dốt, không biết chữ, nhưng khi tụng với mọi người bà lắng nghe rồi dò theo. Qua năm sau thì bà đọc chữ được rành rẽ.

Có lần bà nói với cô Tư:

- Con ơi con! Bữa nay em con rước trẽ, má đi bộ từ tịnh xá về, má gặp bà bán vé số đồng đi chung đường. Nhìn bóng dáng của bà, má thấy má hạnh phúc lắm! Vì cùng trang lứa với nhau mà mình đâu có khổ sở như bà. Vậy tại sao mình không cố gắng tu?

Và:

- Khi nghe pháp con không cần phải nghe hết những lời của Sư dạy, chỉ cần tâm đắc một câu nào đó rồi làm theo được câu đó là tốt lắm rồi!

Trong Kinh Pháp Hoa, bà thích nhất là đoạn thí dụ nhà lửa. Bà hay nói:

- Phật dùng đủ phương tiện, kêu con ơi con hỡi, mà mình cứ ở trong đó chớ không chịu chạy ra. Cũng như chúng ta mãi loanh quanh luẩn quẩn dính mắc đắm nhiễm bao nhiêu thứ: được - mất, hơn - thua, tranh danh đoạt lợi, thăng trầm vinh nhục, thắng - thối, thịnh - suy... để rồi bị lửa vô thường thiêu đốt, nhận chịu vô vàn thống khổ, vô lượng đau thương!

Bà cũng thường cùng bạn đồng tu đi các nơi cúng dường Tam bảo và ủy lạo, nhất là bà rất ưa thích phóng sanh chim cá. Khi tuổi càng lên cao thì bà không còn tụng kinh nữa mà chỉ tinh chuyên lễ Phật, niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc. Từ năm 2005 - 2008 bà liên tục dự Phật Thất ở chùa Hoàng Pháp, có khi cả tháng con mới ra rước về. Đến năm 2009 trở về sau, thì thường nhập thất ở Tịnh xá Ngọc Quang do Sư Giác Hóa hướng dẫn. Ban đầu thời gian nhập là vài tuần. Rồi tăng dần lên 1 tháng, rồi tăng lên tới 6 tháng.

Bà hay nói:

- Bây giờ mình lớn tuổi, muốn cho lẹ đâu còn đủ thời gian để đọc từng bài kinh dài ngoằng nữa. Thì mình cứ

Nam Mô A-di-đà Phật niệm tới đi, là nó lẹ nhất thôi. Chớ hổng có cách nào khác!

Hôm nọ cô Tư khuyên bà:

- Má ơi! Má nhập thất ngẩn ngẩn, chứ dài ngày quá có bề gì mấy đứa con làm sao biết đường... mà lo?

Bà đáp:

- Con ơi! Mỗi lần dọn đường để được nhập thất không phải là chuyện dễ. Nên dọn đường rồi mà mình tu ngẩn ngày quá thì nó rất uổng. Tại vì khi mình vô thất thì mọi thứ mình phải vất bỏ, má xem như má đã chết rồi!

Bà cũng thường dạy:

- Nếu con chờ rảnh con mới niệm Phật, thì tới chết cũng chưa niệm được. Nên con phải vừa làm công chuyện vừa niệm. Nếu con sợ phân tâm thì con phải đếm số vô! Nhưng mà trước khi niệm Phật con phải sám hối. Bởi vì mình là chúng sanh tội lỗi đầy dẫy. Cho nên mình phải sám hối những tội lỗi đã lỡ gây ra từ hồi vô tử tới ngày hôm nay. Giờ con một lòng ăn năn sám hối, xin Ân Trên chư Phật mười phương từ bi chứng minh cho con. Con xin chừa, từ đây trở về sau con không dám tái phạm. Rồi hồi hướng cho tất cả chúng sanh trong mười phương ba cõi này được an lạc hòa bình, kẻ âm được siêu người dương được thối. Rồi hồi hướng cho những oán thân trái chủ, cho những vong linh siêu mô lạc mả đồng sanh Tây Phương đồng thành Phật Đạo!

Cô Tư vốn là giáo viên thường đến trường, cô hay lo

ngại tai nạn vì tay lái của mình không vững vàng lắm.
Bà dạy cô:

- Trước khi lên xe con phải niệm: Nam Mô Quán Thế Âm Bồ Tát 3 hoặc 10 lần. Rồi con nguyện: Nhờ Đức Quán Thế Âm Bồ Tát gia hộ cho con và tất cả chúng sinh đi trên đường này. Đi bộ hay đi tàu ghe, xe cộ đều được bình an. Cầu xin Bồ Tát từ bi tiếp dẫn cho những vong linh nào đã trót bị tử nạn vì giao thông tàu thuyền xe cộ được vãng sanh Tịnh Độ!

Vào tháng 3 - 2014, bà bắt đầu chuẩn bị cho chuyến ra đi cuối đời của mình. Hằng ngày bà ở trên tầng lầu 3, có Niệm Phật Đường và phòng ngủ nghỉ, có cả phòng vệ sinh trên đó. Một hôm bà bảo chú con trai Út gọi điện thoại nhờ đội bốc vác đem cái đi-văng trên lầu 3 xuống tầng trệt:

- Để nữa mà má mất thì má nằm đi-văng cho đàng hoàng, chớ chẳng lẽ nằm ghé bố sao?

Con bà bận công chuyện nên hơi trì trệ, bà hối thúc nhiều lần. Chú vừa nói vừa đùa:

- Má ơi! Má hối con quá trời, má làm như má đi liền vậy đó?

Bà nói:

- Chuyện đó không biết à ghen con!

Rồi bà dặn dò các con:

- Dù các con có bận rộn cỡ nào thì cũng rán nhớ niệm Phật. Còn tụi con ăn chay nếu không nhiều được thì mỗi tháng cũng phải vài ba ngày, tùy theo sức của mình. Rồi nhớ chia sẻ cho những người xung quanh. Tại vì tụi con kiếp trước đã có tu rồi nên sinh ra mình được ăn học, tức là mình có trí tuệ; và mình có công ăn chuyện làm, đời sống hằng ngày của mình không phải lo lắng khổ sở vấn đề cơm áo gạo tiền. Nên mình phải biết chia sẻ với người khác, tức là phải bố thí... Vào ngày sát bát hằng tháng của má là ngày 27, các con phải duy trì không được bỏ nghen! Rồi mỗi tháng cũng phải nhín ra một chút đỉnh tiền để mua vật mạng phóng sanh...”

Sau đó bà đi cúng dường Tam bảo vài nơi.

Sáng mùng 5 - 4, bà bảo cô Tư:

- Hương! Hương! Con thấy đường con cắt móng tay cho má coi!

Khi cắt xong, cô hỏi bà:

- Má cắt móng chân luôn hông?

Bà đáp:

- Thôi con ơi! Khởi cắt móng chân. Cắt móng tay được rồi!

Tối chiều cô con dâu thứ Chín lại thăm bà, bà kêu:

- Vợ thằng Chín! Đâu con cắt móng chân giùm má coi con!

Cô Tư nghe vậy liền nói:

- Trời! Vậy mà hồi sáng con hỏi, má nói hông cắt?

Bà trả lời:

- Cái này má để dành cho vợ thằng Chín.

Rồi bà hỏi:

- Vợ thằng Chín! Bữa nay là ngày mấy rồi con!

Cô dâu thưa:

- Dạ! Bữa nay mừng 5 rồi má ơi!

Cô Tư hỏi bà:

- Má hỏi ngày chi vậy má?

Bà đáp:

- Hỏi ngày đặt cho nó dâu ra đó coi!

Rồi bà gọi điện thoại cho cô con gái thứ sáu của bà:

- Chi ơi! Con rảnh không? Tối nay xuống ngủ với má cho vui đi con!

Bốn giờ sáng ngày mừng 6, bà bảo cô Tư pha nước cho bà tắm, và làm cho bà một ly cà phê sữa đá với một ly trà đá. Mọi khi thì 5 giờ bà mới tắm, tắm xong thì uống sữa nóng. Khi ngồi uống sữa, nói chuyện qua lại với các con, cô Tư nhìn gương mặt của bà rất đẹp nên cô ao ước:

- Chừng nữa con già mà da mặt của con được như da mặt của má con cũng chịu nữa!

Bà nói:

- Người mầu mà, đâu phải giỡn!

Hơn 5 giờ, bà gọi:

- Hương ơi Hương! Sao má thấy trong người má mệt quá, Hương!

Cô Chi đến gần thấy vậy bèn đưa bà sang bệnh viện, đồng thời điện thoại cho các anh em hay. Nhân viên ở bệnh viện đo huyết áp cho bà thì thấy gần 20. Các con xem tình hình không ổn trong khi bác sĩ chưa có biện pháp gì xử lý cho bà, nên dự định chuyển tuyến bèn gọi điện thoại cho xe cấp cứu Xuyên Việt. Hợp đồng thuê xe xong, cô Tư cho bà hay:

- Má ơi má! Mình chuẩn bị đi Sài Gòn nghen!

Bà đáp:

- Thôi con ơi! Hồng đi. Mình về nhà!

Cô Tư nài nỉ:

- Má ơi! Mình bệnh mà, phải ở bệnh viện chớ!

Bà quyết định:

- Thôi! Má khỏe rồi, mình về!

Thấy bà nhất quyết quá các con bèn bỏ ý định chuyển tuyến. Về lại nhà là 11 giờ 30 phút, con cháu xúm lại vây quanh hộ niệm cho bà, bà cũng niệm Phật theo, tiếng từ từ nhỏ dần rồi thanh thản trút hơi thở cuối cùng vào lúc 12 giờ trưa ngày mùng 6 - 4 - 2014, bà hưởng thọ 82 tuổi. Khoảng hơn mười phút sau, Thượng Tọa Giác Hóa cùng quý sư và chư Phật tử trong Ban Hộ Niệm của Tịnh xá Ngọc Quang lần lượt đến nơi. Qua 8 tiếng đồng hồ sau thì thấy gương mặt của bà tươi vui, sáng đẹp, các khớp xương mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng.

Ngày mùng 7 tiến hành lễ hỏa táng. Sau đó thu được rất nhiều xá-lợi và hoa xá-lợi, trong đó đặc biệt là trái tim xá lợi, điều này làm cho gia đình và toàn thể Tăng ni cùng Phật tử tràn ngập niềm vui sướng vô biên!

(Thuật theo lời Trâm Kim Hương, cô con gái thứ Tư của bà.)

PHỤ CHÚ

Theo lời dạy của Ấn Quang Đại Sư, muốn đảm bảo tránh sự trở ngại cho sự siêu thoát của người mất, thì phải qua tám hoặc mười hai giờ sau khi tắt hơi mới được đụng chạm vào thi thể. Đối với một số người chấp ngã nặng quá, thần thức họ vẫn còn ở trong thân, nếu như thăm sờ sớm quá họ sẽ nổi sân nên bị đọa lạc vào tam ác đạo rất dễ dàng.

Cho nên cần phải quan tâm lưu ý điều cấm kỵ này để khi ông bà, cha mẹ, anh em... của mình trong giờ phút lâm chung không mất phần vãng sanh, nhất là những vị ấy đã nhiều năm tu niệm. Còn đối với ai chưa từng ăn chay niệm Phật, chưa từng hiểu biết tí gì về Phật pháp cả thì còn cần phải thận trọng nhiều hơn nữa để tránh đưa họ thọ lãnh khổ đau do rơi vào tam ác đạo. Rất mong mọi người hãy thương tưởng đến gia thân quyến thuộc của mình mà ghi nhớ kỹ điều này!

83. LÊ THANH BÂN (1922 - 2009, 87 tuổi)

Trong ngày tang lễ có đồng đạo Sáu Phối tham dự và tường thuật lại rằng:

- Bữa 28 tôi ghé thăm ông, tôi có hỏi: Bộ ông tính theo Phật hay sao mà không uống thuốc, chích thuốc và ăn uống gì hết vậy? Ông liền đưa lên 2 ngón tay. Tôi nói: Vậy là ngày 30 ông về với Phật à? Ông gật đầu.

Và ông đã an tường trút hơi thở cuối cùng lúc 9 giờ sáng ngày 30 - 5 -2009, thọ 87 tuổi!

Ông Lê Thanh Bân tên thật là Lê Thành Bá, cư ngụ ấp Bình Đông 2, xã Bình Thạnh Đông, huyện Phú Tân, tỉnh An Giang.

Dưới đây là dòng hồi ký mà ông đã viết vào lúc tuổi 80:

“Tôi sinh vào năm Quý Hợi, 1922, tại làng An Bình, quận Hồng Ngự, nhà dưới Quận ba cây số, gia đình đông anh em, tôi thứ Năm. Anh thứ Ba và Tư, mấy người em gái với em trai út.

Không được đi học chữ Việt ngữ (Quốc ngữ). Cha cho tôi làm tiếp ruộng người bạn của cha. Ông này có chức vụ Hương Chủ trong làng, thời Pháp. Ông chỉ có ba người con gái - người thứ Hai và thứ Ba đều có chồng, chỉ còn cô gái út tuổi Tý, nhỏ hơn tôi 1 tuổi.

Thời gian làm tiếp ruộng rẫy tôi có học chữ Việt ngữ do anh Nhỏ tức là rể thứ Ba của ông dạy, còn chữ Nho thì tôi học với ông...”

Đến lúc thành nhân chuyện cảm tình lúa đôi lớn dần, tuy rằng Hương Chủ thương ông lắm nhưng vì danh dự, bởi không môn đăng hộ đối nên vẫn không chấp nhận cuộc hôn nhân giữa ông và cô Út, mặc dù khi ấy cô Út đã mang thai... cuối cùng ông ngậm ngùi xin nghỉ việc về nhà.

Do nhà nghèo không có tiền đóng thuế thân, nên ông đã trốn sang Nam Vang, thủ đô Cam-pu-chia, mãi đến sau ngày Nhật đảo chánh năm 1945, ông mới trở về nước. Kế đó ông học nghề võ rồi tham gia kháng chiến chống Pháp, cuối cùng gia nhập vào lực lượng bộ đội Nguyễn Trung Trực.

Năm 1952 (30 tuổi) ông kết hôn với bà Huỳnh Thị Vinh, sinh được ba trai ba gái. Kể từ đây số phận đào hoa thật sự bế mạc!

Khi bộ đội Nguyễn Trung Trực sáp nhập trở thành quân đội chánh quy thì ông đào ngũ, và đổi tên Lê Thành Bá thành tên Lê Thanh Bân. Khi về nhà ông được người quen giới thiệu vào làm việc tại địa phương, nhưng lương thấp. Mặt khác, có người bạn là Út Phước cho ông mượn hai mẫu ruộng để canh tác.

Vì muốn kinh tế gia đình nâng cao nhanh chóng, nên ông rời quê ra Sài gòn nhờ người em rể là họa sĩ Ngô

Hy giới thiệu vào làm việc trong hãng phim Mỹ Vân. Làm ở đây chỉ được một thời gian thì chuyển qua vẽ quăng cáo, nhưng thấy vẫn không khá khẩm cho mấy... Thế là ông buồn bã quay lại cố hương để tiếp tục... cắt lúa mướn, và... giăng lưới khi mùa nước lũ về!

Nhưng không cam tâm! Ông trở ra Sài Gòn được bạn bè giới thiệu vào làm ở trạm xăng dầu; rồi sang làm ở Ngân Hàng Việt Nam Thương Tín. Khi màu sắc huy hoàng trước mắt vừa hé mở... thì cánh cửa “định mệnh” đóng âm, khép kín lại. Thế là: “Cốt khí vẫn hoàn cốt khí!” - Nghèo vẫn nghèo! Buồn quá, ông quay về quê, mỗi lần nhìn đám lục bình trôi theo dòng nước lớn rồng là mỗi lần nghe lòng vui đi nổi niềm tâm sự...

Năm 1970, khi chính phủ ban hành luật “Người cày có ruộng”. Ông Út Phước đã kêu ông đi khai tên để sở hữu hai mẫu ruộng, ý muốn cho ông hai mẫu ruộng luôn, bởi vì ông Út Phước rất nhiều đất. Ông từ chối, trả lời rằng:

- Từ lâu nay anh đã thương tình cho tôi mượn đất để làm. Thôi, bây giờ tôi cứ làm giùm, giữ đất cho anh. Thà nghèo chết bỏ, chứ tôi không có khai!

Sau năm 1975, có lần đi thăm đất ruộng gặp lại bạn cũ. Khi đôi bên đã hàn huyên tâm sự thật lâu. Kể lễ tường tận cho nhau nghe bao khúc thăng trầm của cuộc truy tìm sinh kế ngõ hầu thành đạt cao sang! Trước khi chia tay người bạn tên Tứ của ông nói lời kết thúc với ông rằng:

- Anh nên đi tu là vừa!

Qua lần gặp gỡ trao đổi đó, ông chính thức phát tâm trường trai sớm chiều lễ bái chuyên chí tu hành.

Ban sơ, khởi sự tu tập ông phải từ bỏ rượu chè, thuốc lá... và bao nhiêu thú ưa thích đắm nhiễm của thế tục. Nhất là vấn đề ăn chay, xưa nay đối với ông vẫn là khó khăn bậc nhất. Theo tập tục địa phương vùng này, thông thường người ta dùng chay mỗi tháng bốn ngày: 14, rằm và 29, 30. Riêng ông từ hồi nào tới giờ chỉ ăn được một ngày đầu, hôm sau bèn trở đũa lập tức. Nên khi nghe ông nói phát tâm trường trai tu hành thì bà vợ luôn cười chế giễu. Thấy thế ông khẳng định mạnh mẽ một câu như đinh đóng cột:

- Nói thiệt với bà, cái gì tôi không làm thì thôi; nếu tôi làm, thì phải làm cho tới đích!

Bà vợ đáp:

- Một tháng bốn ngày ông ăn còn không nổi nữa... mà... tới đích cái gì!

Từ đó ông thường xem kinh đọc sách và lân la kê cận học hỏi với các bậc thiện tri thức gần xa. Dần dà quen biết nhiều người, nhiều nơi. Chùa Từ Quang là một trong những nơi ông thường đến tá túc, và Pháp môn Tịnh độ cũng đặt nền móng căn bản ngày một sâu dày.

Hoàn cảnh gia đình khảm đảo lắm lúc làm ông rất buồn, nhưng nhờ tin sâu nhân quả mà cố gắng vượt qua, lần hồi ông đã tạm thời khắc phục.

Sau đây là dòng hồi ký của ông:

“... Lúc chạy theo đời, muốn vợ con ăn sung mặc sướng; lúc tu hành, muốn vợ con lo tu hiền tạo phước đức để hưởng nhờ kiếp này và kiếp sau, chớ chết là không đâu? Nếu không lo tu hiền sẽ luân hồi!”

Do đó mình quyết tâm lo niệm Phật, khi chết đừng đầu thai vào cõi Ta-bà này mà Thầy Tổ đã nói:

*Ta-bà khổ Ta-bà lắm khổ,
Tịnh độ vui Tịnh độ nhàn vui.*

Tin chắc lời Thầy Tổ và kinh giáo của chư Phật cũng nói như vậy. Nhưng mà mình phải nhứt tâm niệm Phật thì mới được sinh cõi Tịnh độ...”

Bình thời ông thường đi đây đó để khuyên nhắc về Phật Pháp và khuyến tấn các đồng đạo cố gắng ra sức tu trì, nhất là những vị trẻ tuổi.

Giai đoạn tuổi về chiều, ông có sáng tác một số sách lưu hành như:

- *Chuyện ngày xưa.*
- *Nhật ký trong đời người.*
- *Thuật xử thế của người tu.*
- *Hai nẻo đường người tu sĩ.*
- *Chuyện ngày nay.*

Nội dung chính của các tác phẩm đều có thiện ý, xây dựng con người nên sống có đạo đức nhân nghĩa.

Ngày 19 - 6 - 2004, đột nhiên ông bị tai biến mạch máu rất nặng, liệt nửa người bên phải, đưa ra nhà y sĩ Quyên điều trị Tây y hai tuần thì ông đòi về. Sau đó chuyển sang dùng Đông dược, qua vài tháng thì bệnh tình đã thuyên giảm 70 đến 80 phần trăm. Do thuở bình thời ông kết giao rộng, nên hay tin ông lâm trọng bệnh, anh em đồng đạo tập nập ghé thăm, nhân đó ông diễn giảng sâu rộng về lý nhân quả, lý vô thường, khuyến tấn lẫn nhau cố gắng tu trì, nhất là các em cháu đồng tu mới phát tâm:

*“Các cháu tu thoát khỏi Ta bà,
Tuổi trẻ rồi đây cũng phải già.
Bạn bậu giàu nghèo rồi cũng bỏ,
Sao bằng vui niệm Phật Di Đà.”*

Cơn bệnh này thật sự đã đóng vai trò quyết định cho cuộc vãng sanh xán lạn ở cuối đời ông!

Kể từ lúc ăn chay tu hành, những năm nước lũ lụt dân chúng đói khổ, ông thường dùng cơm gạo, để dành phần còn lại giúp đỡ cho người. Và bao nhiêu tiền mà bạn bè ở nước ngoài gửi về cho ông, ông đều đem ấn tống kinh sách hết. Đến khi nằm bệnh con cháu đều cho tiền nhiều hơn, ông vẫn làm Phật sự sạch sẽ. Các con may quần áo mới cho ông bộ nào thì ông tặng hết bộ nấy. Có lần nhiều đồng đạo ghé thăm và nói:

- Bác gắng tu khi chết có ấn chứng để cho đồng đạo nương theo với!”

Ông trả lời:

- Từ khi phát tâm tu hành, lúc nào tôi cũng cố gắng buông xả những điều gì trước đây mà mình ham muốn như: danh, lợi, tình... để thân tâm được an định; chứ còn tu mà muốn được ấn chứng này nọ tôi không có nghĩ đến. Mà quý đồng đạo khuyên tôi rán tu cho có ấn chứng tôi thành thật rất cảm ơn!

Khoảng cuối tháng 5 - 2009, sức khỏe ông yếu dần. Vào ngày 23 ông đi tiêu nhiều lần, rồi không chịu ăn nữa. Con ông rước y tá chích thuốc và vô nước biển cho ông, nhưng ông không chịu. Lúc này ông không nói chuyện được nữa, chỉ ra dấu và viết chữ thôi.

Nhịn ăn đến ngày thứ tư, các con ông thấy ông suy nhược quá nên nóng lòng nhiều lượt cố tình nài nỉ và ép thúc ông truyền dịch, ông đành miễn cưỡng chấp thuận. Nhưng càng truyền dịch thì thân thể ông bị bức ngặt tồi tệ hơn.

Chiều ngày 29 - 5 - 2009, cô con gái thứ sáu ngồi bên cạnh, ông lấy tay viết ba chữ: “Rán lo tu.”

Sáng hôm sau ngày 30 - 5 - 2009, khi y tá đến dự định chích thuốc khỏe cho ông, ông nhứt định cự tuyệt. Thấy ông mệt nhiều, cô con gái thứ ba liền hỏi ý ông muốn tắm rửa thay y phục mới rồi dời ra nhà trước hộ

niệm cho ông phải không? Ông gật đầu. Cô bèn gọi điện thoại cho cô em gái thứ sáu đang bán tàu hủ ở chợ về gấp. Khi mọi việc hoàn tất, các con vây quanh hộ niệm. Cô Sáu nói với ông:

- Bây giờ gần 10 giờ rồi, ba có theo Phật thì đi. Đừng có chờ ai hết, vì về không có kịp đâu, ba ơi!

Cô vừa nói xong thì ông an tường trút hơi thở cuối cùng, lúc đó 9 giờ 10 phút sáng. Ông hưởng thọ 87 tuổi.

Tám tiếng đồng hồ sau tay chân thi thể ông mềm dịu, đỉnh đầu ấm nóng, mặt mày hồng hào tươi vui.

Cũng trong ngày tang lễ có đồng đạo Sáu Phối tham dự và tường thuật lại rằng:

- Bữa 28 tôi ghé thăm ông, tôi có hỏi: Bộ ông tính theo Phật hay sao mà không uống thuốc, chích thuốc và ăn uống gì hết vậy? Ông liền đưa lên 2 ngón tay. Tôi nói: Vậy là ngày 30 ông về với Phật à? Ông gật đầu.

(Thuật theo tập hồi ký của ông và hai cô Kim Nhân, Kim Vân con ông.)

84. NGUYỄN VĂN PHỤNG (1917 - 2010, 93 tuổi)

*Đức cả nhân từ, hòa đồng thương mến mọi người. Công quả không nài gian lao vất vả: Đuộm nhuần tinh thần
Nhân Nhục - Hỷ Xả!*

Trung kiên đạo sự, trùng hưng ngôi Bửu Hòa Tự. Tu trì chẳng kể già bệnh yếu suy: Sáng đẹp gương hạnh Trí Tuệ - Từ Bi!

Ông Nguyễn Văn Phụng tự là Hai Vĩ, tục gọi là ông Hai Từ, sinh năm 1917, nguyên quán tại Xẻo Môn - Cần Thơ, ông là anh thứ Hai trong gia đình có chín anh em.

Khi đến tuổi trưởng thành, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Năm, sinh được bốn người con, mất hết ba người chỉ còn người con trai Út. Cha mẹ của ông ruộng đất rất nhiều, nhưng khi lên 27 tuổi, do mến mộ Phật Pháp nên ông rời bỏ gia đình vợ con, về vùng An Giang - Châu Đốc để học đạo tu hành, thọ trì quy giới, dùng chay kỳ và sớm chiều lễ bái sám nguyện, noi theo tông chỉ “Học Phật Tu Nhân”, sống đời sống tại gia cư sĩ, thiếu dục tri túc.

Ông định cư tại thị trấn Cái Dầu, tỉnh An Giang. Hằng ngày ông làm thuê làm mướn để độ nhật. Năm năm sau bà vợ mới tìm gặp lại ông, bà cũng phát tâm tu giống như ông.

Nơi ông toát lên vẻ hiền từ, chất phác điềm đạm và nhân hậu. Ông bình đẳng đối xử với tất cả mọi người, nên ai ai cũng kính mến ông.

Hai ông bà thường lui tới chùa Bửu Hòa gần nhà để làm công quả và học hỏi Phật pháp. Năm 1975, Giáo hội giải thể, ngôi Bửu Hòa Tự trở thành hoang phế... Mỗi lần đưa mắt ngắm nhìn phong cảnh thiên môn là mỗi lần ông nghe trong lòng buốt xé và tiếc nuối! Tâm nguyện Tam bảo được mãi mãi thường trụ, để ánh sáng Phật pháp luôn tỏa rạng khắp ngàn phương và lưu truyền hậu thế, những mong lợi lạc muôn loài! Tâm nguyện ấy cứ da diết trong ông và ngày một lớn dần...

Sang năm sau ông giao phó việc nhà cho con trai và dâu để mình vào chùa lo hương khói nhang đèn. Và cái tên ông Hai Từ cũng bắt đầu từ đó.

Đời sống sinh hoạt vật chất vào thời điểm ấy quả thật là thiên nan vạn nan, mọi thứ từ “ăn”, “mặc”, cho đến “ở”... đều thiếu thốn trầm trọng. Nhưng đối với ông thì chẳng ảnh hưởng chút nào. Bởi vì ông luôn “tri túc” nên “thường lạc”, lòng luôn an vui, nhẹ nhõm như một phiến mây!

Bữa cơm của ông rất đơn sơ, chỉ cần một nắm đọt lá sâm là xong! Vậy mà sức khỏe rất bình ổn. Đời tu của ông quả thật:

*“Vui với Đạo,
An cảnh bản.
Bao tiếng chê khen mặc thế nhân!”*

*Chẳng bận tình đời nhiều ấm lạnh,
Chung quy ai cũng đến mộ phần!
Ngắm hồng trần,
Tợ phù vân.
Hết tụ rồi tan mãi xoay vần.
Tháng lụn năm tàn trong chớp mắt,
Rán lo giải thoát, thoát ngục trần.
Mãi mê tu,
Rất chuyên cần.
Tịnh Độ là quê phải gọi thân!
Sớm tối trọn vui câu Lục tự,
Chắc chắn Liên hoa nhập thức thân!”*

Tình thân của ông thường thanh thản, lúc nào cũng vui với lời kinh tiếng kệ, nhất là câu: “Nam Mô A-di-đà Phật đi đứng nằm ngồi rán niệm chớ quên không đợi gì thời khắc”, hiện tại an lạc, ông tin bằng niềm tin sắt đá rằng tương lai của mình sẽ là:

*“Mãn kiếp hồng trần sanh Lạc quốc,
Hưởng công niệm Phật rất yên lành.”*

Cuộc đời của ông gắn bó với ngôi chùa Bửu Hòa theo thời gian thăng trầm biến động, trải qua nhiều cam go, khó khăn trắc trở, mà ông cùng một số bạn đạo đã lèo lái vượt qua. Cuối cùng chùa được trùng tu khang trang và mừng lễ lạc thành vào năm 2005, lúc này ông 88 tuổi. Từ đó chùa tổ chức tu học thường xuyên, đặc biệt là Phật thất định kỳ mỗi tháng một lần, mỗi lần là mười ngày.

Mặc dù tuổi hạc đã cao nhưng ông vẫn tham gia đều đặn các kỳ Phật thất, và công khóa tu niệm của đại chúng ông chưa hề thiếu vắng buổi tu nào. Đây quả thật là tấm gương xán lạn hàng hậu tấn chúng ta cần phải noi theo!

Năm 2010 vào khoảng tháng 4 sức khỏe của ông có phần suy kém, con cháu rước ông về tư gia lo bề phụng dưỡng, nhưng cứ vài ngày là ông chống gậy đi thăm chùa một lần.

Đến ngày 12 tháng 9 năm 2010, ông bảo người nhà đến chùa mời quý cô trong ban trụ phòng đến hộ niệm cho ông, vì các cô này thường đi đó đây để hộ niệm. Trưa hôm ấy khi các cô đến, vừa bước vô nhà, ông đã lên tiếng:

- Các cháu hộ niệm cho bác Hai. Bác Hai rất cảm ơn các cháu! Bác mệt mà các cháu niệm Phật cho bác, bác cảm ơn các cháu rất nhiều! Bác niệm Phật để tạ cái ơn của các cháu, chớ không biết lấy cái gì để đền bù công ơn của các cháu!

Ông lặp lại đến ba lần như vậy.

Khi các cô hộ niệm xong đến kính lễ ngôi Tam bảo để ra về, thì ông nói:

- Cảm ơn hết các cháu. Các cháu hộ niệm cho bác Hai. Bác Hai ra đi về với Phật, bác Hai cũng mang ơn các cháu!

Ông cũng lặp đi lặp lại nhiều lần câu cảm ơn như thế.

Kế đó ông cho biết 12 giờ ông sẽ theo Phật. Ngày hôm sau khi quyển thuộc và đồng đạo nô nức kéo đến ông nói:

- Thôi! Ôn ào quá không có thanh tịnh, hổng có đi!

Đến khuya ngày 15 tháng 9 năm 2010, ông mệt nhiều mọi người xúm lại hộ niệm ông chấp tay giữa ngực niệm Phật theo, âm thanh nhỏ dần nhỏ dần rồi dứt hẳn, môi se sẽ động rồi từ từ cũng ngưng, rồi ông thanh thản trút hơi thở cuối cùng. Lúc ấy đúng 11 giờ 45 phút, ông hưởng thọ 93 tuổi. Khi đó trên nóc nhà của ông có một luồng ánh sáng nhiều màu chói sáng rực rỡ.

Qua tám giờ sau các khớp xương mềm mại, toàn thân đều lạnh, duy có đỉnh đầu còn ấm nóng.

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Kim Hương, con dâu út của ông và đồng đạo Năm Phụng.)

85. MAI VĂN TRUNG (1923 - 2007, 84 tuổi)

*Xài cho người khác, ông như một ông hoàng rộng rãi;
xài cho riêng mình, ông như một người keo kiệt!*

Đó là ông Mai Văn Trung sinh năm 1923, nguyên quán Ngã Bảy, Phụng Hiệp, Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Mai Văn Dầy, thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Quyến. Ông là con thứ sáu trong gia đình có bảy anh em.

Năm 1940, lúc 17 tuổi, ông có cùng thân phụ đến làng Nhơn Nghĩa, Xà No, quy y Tam bảo, chính thức trở thành cư sĩ tại gia, mỗi tháng ăn chay bốn ngày và sớm chiều hai thời lễ bái sám nguyện.

Năm 33 tuổi, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Năm, sinh được tám trai ba gái, định cư tại ấp Bình Nghĩa, thị trấn Cái Dầu, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang. Gia đình ông sinh sống bằng nghề làm ruộng và buôn bán cây, lá...

Bản tính ông chân thật, cần kiệm, siêng năng lại hiếu thuận, từ hòa.

Năm 1979, ông phát tâm trường trai, lúc này ông 56 tuổi. Một đêm khuya nọ ông tâm sự với vợ rằng:

- Bà ơi! Giờ thì thôi, làm cho gia đình vợ con hoà... còn ông bà cha mẹ ai lo? Tôi giao hết cho bà để tôi đi tu!

Bà vui vẻ đáp:

- Tui tưởng đâu ông giận hờn vợ con ông đi tu thì tôi không chịu; còn ông nói ông đi tu để cứu vớt ông bà tổ tông... Thì thôi, ông đi thì đi, tôi nhận nuôi mấy đứa!

Kể từ dạo ấy ông rời khỏi gia đình, đến tá túc tịnh thất của các huynh đệ, hoặc chùa am, chuyên tâm tham gia các công tác từ thiện và nỗ lực tu học, chăm chỉ hành trì pháp môn Tịnh Độ cho đến ngày về với Phật.

Ông thường đi xin gạch để trùng tu các chùa, đình hoặc phòng thuốc Nam. Công trình lớn nhất là chùa Bửu Hòa và đền thờ Nguyễn Trung Trực. Ngoài ra thì lạc quyền tiền để giúp cho người nghèo khó, người già đang lâm cơn bệnh tật, và những sản phụ không đủ phương tiện khám bệnh và điều trị thuốc thang, hoặc các gia đình gạo cơm eo hẹp...

Cách làm việc của ông đâu ra đó, có sổ chi thu ghi rõ số mục, ngày tháng hẳn hoi. Ông thường kết hợp với chính quyền địa phương để đi quyên góp, hoặc chính quyền địa phương ký giấy xác nhận, rồi ông đi đến từng nhà để kêu gọi mọi người tùy hỷ đóng góp. Nhưng đâu phải làm việc tốt lành là được tất cả mọi người ai ai cũng tin tưởng và vui vẻ ủng hộ cả đâu! Thường thì ông phải đón nhận biết bao lời lẽ gièm pha xoi bói... thậm chí mắng chửi tận mặt. Vốn là một phàm phu, một chúng sanh đang tu tập, chứ không phải là Phật hay Bồ Tát tâm hồn hoàn toàn thanh tịnh, trắng phao như lông cò, nên đôi khi ông nghe xong hai dòng lệ bất giác tuôn chảy ngậm ngùi! Điều đáng để cho chúng ta kính phục là khó khổ cách mấy ông vẫn giữ vững lập trường của mình, không thối chí nản lòng chùn chân lùi bước, như lời răn nhắc của Cổ Đức:

“Muốn tươi sắc ngọc sắc ngà,
Đừng buồn những lúc người ta giữa mài.
Càng nhiều thử thách đắng cay,
Càng thêm sáng tỏ tương lai tu hành.
Xưa nay những vị đạo thành,
Vị nào cũng gặp muôn nghìn gian lao.
Nghệp lâu nay chất ngất cao,
Không đời đực phá thì nào nó tan.
Tu hành thì phải kiên gan,
Thân dù sao cũng Phật đàng cứ đi.
Đi cho đến cõi Liên Trì,
Để hoàn toàn được thoát ly hồng trần.”

Ông cũng thường tâm sự với các em cháu rằng:

- Hãy xem những nghịch cảnh trái duyên là **quà tặng trong cuộc sống** mà thế gian đã trao tặng cho chúng ta. Chúng ta nên hoan hỷ đón nhận và cố gắng niệm Phật, mới có thể cất bước về Tây Phương Cực Lạc được. Nếu cứ mãi bận bịu buồn phiền với những dây mơ rễ má đó thì chuyện vãng sanh vẫn là chuyện xa vời!

Những năm cuối đời ông chuyên đi hộ niệm và làm khung hình Tam Bảo, hình Cửu Huyền và hình Tổ Thầy, hầu tạo điều kiện cho mọi người có phương tiện thờ phượng lễ bái.

Về phần sinh hoạt riêng cá nhân, ông rất là kiệm ước, từ: ăn, mặc... cho tới tiêu dùng đều đơn giản đến mức không thể tưởng tượng. Như đôi khi đến bữa ăn, nước tương ông cho nước vào, kho sên sệt là có thể dùng với

cơm qua ngày. Vậy mà sức khỏe của ông khó có ai sánh cùng. Khi ông ốm đau chỉ uống thuốc Nam, chưa hề tốn tiền mua thuốc Tây hay thuốc Bắc.

Người bạn đồng hành, dãi nắng dầm mưa cùng chung làm công tác từ thiện với ông, là chiếc xe đạp Trung Quốc cũ kỹ nặng trĩu. Nhiều lần đang chạy thì rớt cái này, rơi cái nọ ra ngoài... nhưng ông vẫn kiên nhẫn bước xuống lượm lên gắn vào rồi cộc cạch chạy tiếp. Khi tẹt quá không còn chạy được nữa ông mới đem đến nhờ thợ sửa chữa. Con cháu của ông cho tiền dư sức để mua xe honda tốt, thế mà ông vẫn không thay chiếc xe đạp cà tàng nặng trĩu này. Có lần cô Năm Phụng đề nghị:

- Bác Sáu ơi! Con cháu cho tiền, sao bác không mua chiếc xe nhẹ đạp chạy?

Ông trả lời:

- Thôi, để tiền làm từ thiện!

Ông có hai túi tiền, một là tiền riêng do con cháu cho ông, một là do quyên góp. Thường khi đi giao mấy chục cái khung hình, lỗ tay bất cẩn ngã xe bẻ kiếng thì dùng tiền nhà đắp vô. Từ Cái Dầu ông xuống Kinh Xáng Cây Dương, Kinh Xáng Vịnh Tre, chùa Từ Quang... để giao tặng cho bà con, đồng đạo, cũng bằng chiếc xe đạp cà tàng đó. Giữa đường mệt thì ông dừng lại nghỉ, khát thì vào nhà người ta xin nước lu để uống. Ông chưa hề ghé quán hay mua bất cứ thứ gì để ăn uống trên đường cả!

Xài cho người, ông như một ông hoàng; xài cho mình, ông như một người keo kiệt!

Có lần ông cùng cô Năm Phụng đi đến nhà đồng đạo để trang trí ngôi Tam Bảo. Trời trưa, nhà lợp thiếc nắng nóng như đổ lửa, nóng muốn điên chỗ chẳng phải nóng vừa... mồ hôi lả chả ướt cả áo quần. Kể cửa, người đục, cở cháy khô mà không một lời đòi hỏi, tự động ra khạp lấy ca múc nước uống. Tranh thủ làm xong ra về, trong túi có tiền nhiều lắm mà đâu có ghé tiệm, để đi riết về nấu cơm luộc rau. Khi đang dùng bữa ông nói:

- Như vậy mới đúng theo lời Phật dạy: Ăn cần ở kiệm dặng mà lo tu! Chớ đừng có ăn xài sung sướng quá, mình quên đi cái Đạo, rồi trưởng dưỡng xác thịt thì bỏ tu phế Đạo.

Thỉnh thoảng quanh vùng nơi ông cư trú có nhu cầu hộ niệm, ông rất nhiệt tình hỗ trợ các em cháu. Thường ca 12 giờ hoặc 1 giờ khuya đến 4, 5 giờ sáng là ca của ông. Ông ngồi kiết già niệm cao thanh suốt mấy tiếng đồng hồ mà vẫn tỉnh bơ. Không biết năng lượng ấy ông đã lấy từ đâu!

Ông thường dặn dò đi, dặn dò lại với các em cháu:

- Mình muốn về với Phật thì phải: Tin sâu, Nguyện thiết, Hành thâm. Mỗi ngày ít nhất phải ba thời lễ niệm, mỗi thời ngồi ít nhất là một giờ đồng hồ, nếu khỏe thì nhiều hơn. Thành tâm lạy Phật, niệm Phật mới về cõi

Phật được. Còn làm phước chỉ là hưởng phước hữu lậu thế gian mà thôi. Hưởng thì có ngày cũng hết! Dù vua chúa sang trọng gì rồi cũng phải chết. Chỉ có thành tâm, chí tâm niệm Phật mới mong được về cõi Phật: Chuyên niệm Phật cầu sanh Phật quốc.

Đến cuối tháng 7 - 2007, ông bị sốt, uống thuốc Nam hoài mà không bớt. Nơi nách bên trái của ông có nổi một mụn bằng đầu ngón tay. Mấy năm nay ông đang ở tu nơi tịnh thất của cô Ba Xuyên và cô Năm Phụng tại cầu chữ S (trên nhà ông một đối). Hay tin ông bệnh con cháu đến thăm, không an lòng bèn đưa ông đi Bệnh Viện Chợ Rẫy phẫu thuật. Nằm viện hơn một tuần thì về nhà an dưỡng. Chẳng bao lâu thì nơi bả vai trái của ông nổi lên liên tiếp bốn mụn lớn bằng cái bánh cam, không đỏ, không đau nhức gì hết.

Ngày 12 - 9 - 2007, cô Năm Phụng ghé thăm, ông tâm sự:

- Thôi! Cuộc đời này chắc bác phải ra đi. Hai cháu rán tranh thủ hộ niệm cho bác. Bữa nào bác sai mấy đứa lên kêu thì hai cháu xuống hộ niệm cho bác. Hai cháu niệm ba ngày thì bác sẽ ra đi cho nó rồi đi!

Cô nhẹ nhàng thưa:

- Bác ơi! Năm nay bác đã tám mươi mấy tuổi rồi, con đường về xứ Phật mình đã chuẩn bị, thì mình về đi! Bác đừng có lo gì nữa hết! Ở ngoài chúng cháu lo cho bác, gia đình lo cho bác... Bác yên tâm niệm Phật, bác phải phát nguyện với Đức Từ Phụ A-di-đà: Con là Mai Văn

Trung, 84 tuổi, nhờ ơn Đức Phật gia hộ cho ngày ra đi về xứ Phật của con được nhẹ nhàng thân thể, để con tỉnh tâm niệm Phật!

Sáng ngày 14 ông cho gia đình biết là hôm nay ông theo Phật, nên sai con ra chùa Bửu Hòa lấy áo tràng cùng khăn đóng cho ông; đồng thời cũng bảo các con kiểm bông, kiểm hoa để chưng trên bàn Phật, cho mời các vị bạn đạo đến niệm Phật cho mình.

Bà vợ nghe ông nói như vậy, bèn vội vàng đi ra chợ mua một lồng chim phóng sanh để hồi hướng cho ông. Xong, trở về thuật lại cho ông nghe, ông liền nói:

- Bà ra chợ mua cá đi!

Bà lột tốt cầm thùng quày ra chợ lần nữa.

Mấy ngày trước, đệ Gương ở chùa Bửu Hòa có ghé thăm ông, vì năm 2002 ông đã ở chùa Bửu Hòa hơn hai năm, tu chung với đệ Gương. Đệ Gương thương kính ông lắm. Đệ có hỏi:

- Ông Sáu à! Ông đau như vậy mà ông biết ngày chết của ông không?

Ông bình thản đáp:

- Biết chớ sao không mậy! Ngày 14 tao chết. Mày kêu đồng đạo đến hộ niệm cho tao!

Vì vậy, khi về chùa đệ đã thuật lại cho cô Chín Vân hay, nên sáng ngày 14 cô đã cùng đệ Gương tới nhà ông.

Đến nơi khi chào hỏi, ông mừng lắm, ông nắm tay cô và nói:

- Chín mới qua hả?

- Dạ! Con qua đây hộ niệm đưa bác về Tây Phương!

Rồi cô Chín hướng dẫn đệ Gương cùng các con của ông quét dọn gian phòng, và dời giường ông nằm ra giữa phòng để ngồi hai bên trợ niệm, đồng thời chưng bông hoa trên bàn Phật. Mọi việc xong xuôi cô cất tiếng niệm vang dội. Đệ Gương không chuyên hộ niệm, âm thanh quá nhỏ nên cô mới điện thoại mời hai vợ chồng Út Quen cũng là trưởng đoàn hộ niệm. Khi hai vị lên tới, ông vô cùng mừng rỡ nắm tay Út Quen và nói:

- Út ơi! Út với Chín rần đưa tui về Tây Phương nghen?

- Dạ! Chú Sáu cứ an tâm!

Rồi chú Út xoay qua nói nhỏ với cô Chín:

- Sao mà thấy ông tỉnh bơ vậy Chín?

- Ừ! Tỉnh thì tỉnh... mà đi thì đi!

Thế rồi mọi người đồng niệm cao thanh, ông cũng niệm Phật theo. Được hơn nửa tiếng đồng hồ, con gái Út của ông mới điện thoại cho người chị thứ Chín:

- Sao mà ba mình còn sống... Ông mạnh, ông nói chuyện tỉnh bơ, còn ngồi, còn đi... mà mấy bả kéo ông ra hộ niệm chị ơi?

Chị cô không bằng lòng, la lên:

- Trời ơi! Đuổi mấy bả ra đi... Làm cái gì, ông ba còn sống mà hộ niệm cho chết vậy!

Những người nhà lân cận cũng lên tiếng:

- Chèn ơi! Bác Sáu còn nói chuyện leo lẻo, chết chóc gì... mà làm om sòm bát nhã vậy!

Chú Sơn con ông, sợ mọi người buồn, liền lên tiếng:

- Chín ơi, Chín! Chín tụng kinh đi Chín?

- Chèn ơi! Ông kêu niệm Phật... mà mầy kêu tụng kinh!

- Chín ơi! Chín đừng có buồn, em con nó sợ ba con chết, nó nhắn tin về, nó hồng cho hộ niệm!

Ông nắm tay cô Chín, tha thiết nói:

- Chín Vân! Chín niệm đi, Chín Vân!

Thấy ông tha thiết quá mọi người tiếp tục niệm thêm, hơn nửa giờ sau có tin nhắn về không cho hộ niệm. Mọi người ra ngoài đứng xơ rớ, tâm ý còn đang lưỡng lự, tiến thoái đều khó khăn. Khi trở vô thì ông bảo:

- Niệm nữa đi, Chín Vân!

Thế là tiếp tục niệm thêm một lát nữa... Rồi cũng tin nhắn không cho hộ niệm!

Lúc vợ ông mua cá đem đi thả xong xuôi, về đến nhà thì phái đoàn của cô Chín Vân đã âm thầm rút quân không dám cho ông hay!

Khoảng 12 giờ rưỡi cô Ba Xuyên và cô Năm Phụng xuống tới. Ông đang hối thúc các con lo đặt bàn kiếm bình bông để lên, trong khi đó đã có đầy đủ rồi nhưng vì con ông sợ ông chết nên đã cất giấu. Cô Năm lại gần bên cạnh nói với ông rằng:

- Bác Sáu ơi! Bình bông là giả, gia đình cũng là giả, bàn Phật cũng là giả luôn... Bây giờ bác phải nhất tâm niệm Phật. Tâm ý hiệp nhất, hướng về Đức Từ Phụ A-di-đà. Nhờ Đức Từ Phụ A-di-đà phóng quang nhiếp thọ. Bây giờ không còn lo nghĩ ra bên ngoài và nói chuyện bên ngoài nữa ghen bác Sáu. Con niệm, bác niệm!

Nói xong cô và cô Ba Xuyên cùng niệm lớn lên, ông cũng niệm theo. Đến 1 giờ chiều con ông khóc, ông nói:

- Sao không lo niệm Phật mà khóc!

Cô Năm xen vào:

- Thôi bác ơi! Tâm ý hiệp nhất, Phật A-di-đà mới tiếp độ. Nếu mà tâm bác còn động ra bên ngoài thì không về Phật được ghen bác. Con niệm, bác niệm!

Từ đó trở đi ông không còn phân tâm nữa.

Đến khoảng 2 giờ rưỡi chiều âm thanh niệm Phật của ông nhỏ dần và dứt hẳn, môi vẫn còn cử động niệm Phật theo mọi người. Khi kim đồng hồ chỉ đúng 3 giờ chiều thì môi ông ngưng lại, đôi mắt từ từ khép kín, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, hai tay vẫn còn chấp lại giữa ngực. Nhằm ngày 14 - 9 - 2007, ông hưởng thọ 84 tuổi.

Lúc ông vừa mất thì người cháu, con anh thứ Hai của ông bước đến gần dự định sửa hai tay xuôi cho thẳng thớm đàng hoàng, cô Năm ngăn lại và hứa rằng nếu khớp bị cứng thì sẽ có cách xử lý.

Hộ niệm tiếp tục khi tàn ba cây hương, cô Năm mới khấn nguyện:

- Bác Sáu ơi! Thân thức của bác Mai Văn Trung! Nếu sống thì khôn, thác thì thiêng. Khi về với Phật, nơi cõi giới an lành... thì bác hãy để lại cho thế gian này biết được cảnh tượng của người tu ra đi như thế nào.

Cô đang nguyện chưa dứt câu, thì hai tay của ông đang chấp nơi ngực tự động rời ra, rơi xuống nghe một cái phịch, ai nấy đều giật thót cả người!

Thời gian sau cô con dâu thứ Sáu của ông, tức là vợ của chú Lộc, một hôm nằm mộng thấy ông mặc áo tràng đội khăn đóng đến nói với cô rằng:

- Con cho thằng Lộc nó hay: Ba đã về Phật rồi! Mấy đứa rán lo tu hành, rán lo niệm Phật!

(Thuật theo lời: Nguyễn Thị Năm, vợ của ông và đồng đạo Năm Phụng.)

86. NGUYỄN VĂN TIỂU (1926 - 2009, 83 tuổi)

Lúc mất, ông hướng mắt ngắm nhìn từng người, từng người đang trợ niệm cho ông, dường như tỏ lòng tri ân. Rồi ông xoay sang trái nhìn chân dung Đức Phật A-di-đà mà một liên hữu trong Ban Hộ Niệm đã treo trên vách. Sau đó ông đưa mắt về giữa, nhìn thẳng lên trần nhà, rồi an tuồng ra đi, tự sửa tay chân ngay ngắn.

Ông Nguyễn Văn Tiểu sinh năm 1926, tại ấp Thạnh Lợi II, xã Trung Hưng, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Tính, thân mẫu là cụ bà La Thị Ngọc. Ông có sáu anh em, ông là người con thứ Sáu trong gia đình.

Năm lên 23 tuổi, ông kết hôn với bà Phan Thị Giỏi. Qua bảy lần sinh nở, tất cả đều mất sớm duy chỉ còn cô con gái thứ Ba tên Nguyễn Thị A.

Thuở thiếu thời ông sống bằng nghề làm thuê, hoặc cắt lúa mướn... Sau đó chuyển sang thợ mộc.

Ông tính tình thẳng thắn, đặc biệt là rất nóng nảy. Đời sống sinh hoạt ông rất gói ghém kiệm ước, chùng mực. Cơ thể vô cùng trán kiện, mãi cho đến 70 tuổi mà sức khỏe vẫn như một trán niên.

Tháng 6 năm 1945, ông có dự buổi thuyết pháp tại Thốt Nốt, nhờ nhân duyên này mà ông tín hướng về Tam bảo, phát tâm dùng chay mỗi tháng bốn ngày, mỗi năm ba

tháng và sớm chiều hai thời lễ lạy. Ngoài ra ông thường hay đọc kinh sách những khi nhàn rỗi, lúc ấy ông 19 tuổi.

Người anh ruột thứ Hai của ông là ông Hai Quán đã phát tâm tu hạnh ly gia, rày đây mai đó chuyên lo hành đạo vào những thập niên 60, 70. Thỉnh thoảng ông Hai về thăm nhà, đồng thời giảng giải Phật pháp cho thân quyến nghe, nhất là lý nhân quả luân hồi, tội phước báo ứng, khuyên ông đổi lại cúng chay vào những ngày lễ giỗ trong năm của gia đình, vì lúc ấy ông là chủ ngôi từ đường chuyên lo phần tế tự. Cũng nhân những dịp này, ông Hai mời rất nhiều thiện tri thức về dự đám, nhờ đó ông được gần gũi và đã kết giao với các vị nên sự hiểu biết về lý đạo ngày một sâu rộng hơn.

Năm 1982, người bạn đường lâm bệnh tê liệt đã nhiều năm qua đời. Ông bèn phát tâm trường trai, nhưng chưa bao lâu thì bỏ cuộc, lúc đó ông 56 tuổi. Hai năm sau người con rể duy nhất cũng nối tiếp qua đời.

Đến năm gần 70 tuổi, ông giao phó hết mọi chuyện gia đình cho con cháu, đêm ngày kết bạn với sách đèn kinh sám. Quyển mà ông thích nhất vẫn là phẩm “Đường Giải Thoát”. Tính tình của ông dần dần đổi khác, nhân từ hòa nhã, ai cũng mến kính dễ gần!

Năm 73 tuổi, ông dũng mãnh phát tâm trường trai trở lại. Đôi lúc tưởng chừng giữa đường gãy gánh, nhưng ông cương quyết nhẫn nại cho đến giây phút sau cùng. Nhất là những khi cơ thể suy sụp, nhìn đến cơm là ngao ngán. Ông thường nói với con cháu:

- Thà chết thì chết, chứ không trở đũa!

Khi cơm không nuốt vô thì ông chuyển sang dùng bánh, dùng bún... lây lất qua ngày. Thật là:

*“Khó khăn lục đục thất tình,
Cố gắng sẽ được, cố gìn thì nên.
Có điều cần nhớ chớ quên,
Hơn nhau chỉ một chữ bền mà thôi.
Nay chưa xong được thì moi,
Moi chưa thì một cũng rồi chẳng không.
Thích Ca cũng phải dày công,
Chớ đâu đạt được lục thông nhất thời.
Thiện nam tín nữ khắp nơi,
Cũng nên lấy đó để soi kẻ lắm.
Tu hành có được nhứt tâm,
Thành công chắc chắn như cầm trong tay.”*

Năm 2004 (78 tuổi), do mắt bị cườm đá nên ông phải phẫu thuật tại Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ. Từ đó ông lần lần dứt bớt việc nghiên cứu kinh điển, chuyên chú vào công phu hành trì nhiều hơn. Sau mỗi thời công phu lễ bái, ông vào mừng ngời niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc.

Những năm gần cuối cuộc đời, sức khỏe của ông xuống dốc rõ rệt, thường hay sanh bệnh nhưng không nặng lắm. Cho đến đầu tháng 11 năm 2008, đột nhiên bạo phát, thân nhân đưa vào Bệnh Viện Hoàn Mỹ ở Cần

Thơ. Bác sĩ nơi đây chẩn đoán là xơ gan giai đoạn cuối, vô phương cứu chữa. Ông yêu cầu gia quyến:

- Máy đũa nên đưa ông về nhà niệm Phật mà chết, chớ đừng để chết ở bệnh viện!

Nằm viện được ba ngày, con cháu xin bác sĩ cho ông ra về.

Khi biết mạng sống của mình chẳng còn bao lâu, ông buông bỏ tất cả dồn hết tâm lực, chí thành vào câu Lục Tự, ông nhép môi niệm theo chiếc máy mà cháu ngoại đặt bên cạnh suốt cả ngày đêm, tha thiết nguyện sớm trực đạo Tây Phương.

Đôi ba phen ông than thở với con cháu, về việc làm không hay không tốt hồi quá khứ của mình, như cho vay... Những mong con cháu thay ông hành thiện tích phúc để bù đắp lại những lỗi lầm xưa!

Cũng từ đó con cháu phát hiện ra một điều là bao nhiêu nóng nảy, gắt gỏng, khó khăn nơi ông đã biến mất tự bao giờ. Dường như ông là một con người hoàn toàn mới! Đúng như:

*“Gặp khi đòi thử quá sức mình,
Thường sa ngã khôn kinh chống nổi.
Vì lẽ ấy khi người cãi hỏi,
Phải thành tâm chớ dối trong lòng.
Những điều mình chưa gội rửa xong,
Tự hổ thẹn dù không ai biết.
Được vậy mới trở nên tinh khiết,*

*Tội lỗi không còn việc tái lai.
Trước kia dù nhiều việc lầm sai,
Nay sửa được ra người tốt đẹp.”*

Cũng từ lúc đó chứng bệnh quái ác đã hành hạ ông dữ dội, bụng và chân sưng lên, đau đớn vô cùng, có khi phải rên thành tiếng.

Suốt hai tháng rưỡi trên giường bệnh trả nghiệp thân quyến lẫn đồng đạo thường xuyên ghé thăm an ủi và khích lệ, ông càng khẩn thiết trì niệm thêm hơn. Có lần cháu ngoại đến bên cạnh khuyên ông:

- Ngoại ơi! Số mạng con người thì ai cũng phải chịu... ai cũng phải chết hết! Nhưng nhờ mình biết được Phật pháp, nghe lời Thầy dạy... nên mình phải rán cố gắng niệm Phật để vãng sanh về Cực Lạc! Mà được vãng sanh về Cực Lạc rồi thì mới không còn bị sinh tử luân hồi nữa; Chứ còn ở Ta Bà này thì mình phải nhận chịu vô lượng, vô biên khổ đau mà thôi!

Nghe xong ông gật đầu, nói:

- Ngoại cũng biết rõ điều đó, ngoại cũng rán cố gắng... để thoát khổ!

Ngày 23 tháng 1 năm 2009, ông nôn ra rất nhiều, chất nôn có màu đỏ. Thể lực suy kiệt rất rõ. Gia đình mời chư đồng đạo đến hộ niệm cho ông, cuộc hộ niệm và cầu an bắt đầu tiến hành ngay trong chiều hôm đó.

Ba ngày liên trợ niệm liên tục, ông nhép môi niệm theo, âm điệu rất thanh thoả rành rẽ, mặc dù lúc ấy tay

chân đau nhức nên ông cử động liên hồi, ít khi được lặng im.

Đúng 9 giờ 50 phút sáng, ngày 25 tháng 1 năm 2009, ông nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, hưởng thọ 83 tuổi.

Trước khi mất vài chục phút, ông khỏe khoắn trở lại, nằm yên không còn bú rút, day trở, ngặt mình như trước nữa.

Lúc mất, ông hướng mắt ngắm nhìn từng người, từng người đang trợ niệm cho ông, dường như tỏ lòng tri ân. Rồi ông xoay sang trái nhìn chân dung Đức Phật A-di-đà mà một liên hữu trong Ban Hộ Niệm đã treo trên vách. Sau đó ông đưa mắt về giữa, nhìn thẳng lên trần nhà, rồi an tường ra đi, tự sửa tay chân ngay ngắn.

Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì mãi cho đến giờ nhập mạch. Cô đồng đạo trong Ban Hộ Niệm dò tìm điểm nóng, nhận thấy các nơi đều lạnh chỉ có đỉnh đầu rất ấm.

Một vị liên hữu đã nhận xét:

- Tui hộ niệm đã nhiều ca. Thấy ông Sáu ra đi là nhẹ nhàng và tỉnh táo hơn hết!

(Thuật theo lời Đặng Quốc Tuấn cháu ngoại của ông và Ban Hộ Niệm.)

87. NGUYỄN THỊ ĐIỀN (1922 - 1999, 77 tuổi)

*Tâm luôn nhớ Phật,
Roi hết sự đời!
Khách đến quên mời,
Thánh thơi lòng dạ!*

...

*Thiên hạ hối hả,
Đon đả đầu môi.
Gương sáng rán soi,
Đừng nên khách sáo!
Người xưa thường bảo,
Bớt nói một câu;
Thoát khỏi khổ sầu,
Bằng danh hiệu Phật!*

Bà Nguyễn Thị Điền sinh năm 1922, nguyên quán Phong Hòa. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Bông, thân mẫu là cụ bà Lê Thị Huê. Bà là con thứ Bảy trong gia đình có chín anh em.

Khi đến tuổi hoa xuân bà thành hôn với ông Nguyễn Văn Thừa, sinh được tám người con nhưng đều mất sớm, chỉ còn hai trai một gái, cư ngụ tại Tân Mỹ, huyện Thốt Nốt, tỉnh Cần Thơ. Gia đình bà làm thuê, làm mướn để sinh sống.

Bà có bản tính hiền hậu, cần mẫn.

Nhân dịp cùng cha đi dự buổi thuyết pháp vào ngày mùng 8 tháng 6 năm 1945 tại sân vận động huyện nhà.

Vị trí của bà đứng cách khán đài một khoảng khá dài, trước một biển người to rộng bao la, hình dáng của Thầy thì ở tận mù tít xa mờ, lại không có am-li, mi-rô gì cả. Thế mà... có lẽ do lòng chí thành cảm ứng nên bà đã nghe từng câu từng câu lọt qua tai rành rẽ rõ ràng, y như đứng gần kề bên gang tấc. Tín tâm của bà với Tam Bảo kiên định qua lần nghe pháp hôm ấy. Duyên lành này khiến bà vào đạo, lúc ấy bà 23 tuổi!

*“Quyết tu sẽ đắc có ngày,
Đạo thành tựu được nhờ đầy lòng tin.
Tín Phật đã tu thành chánh quả,
Tín mình tu đạo cả sẽ thành;
Tín xưa Phật cũng chúng sanh,
Phật siêu kiếp được tin mình cũng siêu.
Tín càng mạnh càng tiêu khiếp nhược,
Tín càng sâu càng được vững tâm;
Có tin mới có dám làm,
Không tin phàm vẫn còn phàm như xưa.
Tín rồi phải sớm trưa thực hiện,
Nếu tin sông ý nguyện chẳng thành;
Ta bà thế giới chúng sanh,
Muốn tu chúng quả phải tin đầy lòng.
Đòi xô đẩy như giông như bão,
Tu kém tin dễ đảo dễ nghiêng;
Có tin mới có nhẫn kiên,
Đức tin là bước đầu tiên tu hành.
Lòng tin có sự thành sẽ có,
Tu tin thành dù khó cũng tu;*

*Sầu tin thành mới hóa cù,
Người tin thành mới đạo mầu chứng nên.
Có tin chắc mới bền chí tiến,
Không thật tin dễ chuyển thôi tâm.
Có tin lầm mới sửa lầm,
Có tin đúng mới lo làm đúng thêm.
Tin nhân quả mới kềm ác niệm,
Tin luân hồi mới kiếm siêu sanh;
Tin rằng vạn sự tại mình,
Muốn về Phật quyết tu hành được ngay.”*

Do hoàn cảnh sống vất vả, đầy những cam go khó nhọc, phải luôn đối diện với giông tố của đời thường, nên bà cảm nhận sâu sắc về kiếp sống con người rất phù du tạm bợ, đầy khổ lụy tang thương. Do đó, bà phát tâm trường trai, mỗi ngày chuyên cần bốn thời lễ bái, niệm Phật một lòng cầu nguyện sanh về thế giới an lành của Đúc Phật A-di-đà, lúc ấy vào năm 1972 (bà 50 tuổi).

Những tháng năm cuối đời, bà thường xuyên đau ốm, mình mẩy tay chân hay đau nhức, tuy không dữ dội lắm, ăn ngủ thì có phần suy kém. Đến bệnh viện nhiều lần, nhưng bác sĩ chẳng tìm ra được là bệnh gì, nên chỉ kết luận chung chung là “bệnh già”, còn nói bệnh này tới chết mang theo chứ không bao giờ hết! Và đề nghị thân nhân nên cho bà dùng thuốc Nam và nghỉ ngơi là ổn thỏa nhất!

Bệnh thì không nặng không nhiều, nhưng cứ dây dưa mãi. Bà rất thích nghe đọc kinh sách. Mặc dù không biết

một chữ u hay chữ a gì cả, vậy mà... bộ Thi Văn Giáo Lý bà thuộc lòng gần hết! Bà thường ngêu ngao ngồi niệm Phật một mình, âm lượng có khi lớn có khi nhỏ vừa đủ nghe. Hay vừa làm lật vạt như sàng gạo, lượm thóc vừa niệm, thỉnh thoảng xen vào những câu như:

*“A-di-đà nhìn xem khắp cõi,
Đặng trông chờ mong mỗi chúng sanh.
Hiện hào quang ngũ sắc hiền lành,
Đặng tìm kiếm những người hiền đức.”*

Có lúc Bà thường lặp đi lặp lại:

“Cầu Đức Phật A-di-đà từ bi phóng quang tiếp dẫn con về thế giới Cực Lạc!”

Ngoài ra bà còn một điểm đặc biệt là chưa từng ngồi lê đôi mách, thậm chí con cháu hay thân quyến đến chơi, một câu vãn thừa cũng chẳng có... Hễ ai có hỏi tới đâu thì trả lời tới đó, phận mình chuyên lo niệm Phật mọi thứ đều chẳng bận lòng! Nhưng đối với các thiện tri thức đến trợ duyên sách tấn bà về Tịnh Độ thì bà rất vui vẻ chú tâm lắng nghe.

Có lần, một số bà con ghé thăm thấy bà bệnh kéo dài hoài liền than:

- Chèn ơi! Bà Bấy hiền quá mà bà đau hoài!

Bà liền nói:

*“Ông nhồi quả cho người hành đạo.
Lúc nguy nàn có thối chí cùng chẳng?”*

*Nếu bên lòng vị quả cao thẳng,
Chẳng chặt dạ bỏ lẩn Phật Thánh.”*

Đến ngày mùng 5 tháng 5 năm 1999, thấy sức khỏe của bà quá suy nhược nên con cháu mời đồng đạo đến cầu an cho bà. Được nửa tháng thì bệnh lại càng trầm trọng hơn, bèn lên chương trình hộ niệm cho bà.

Lúc mọi người đang hộ niệm cho bà, bỗng nghe bà kêu:

- Kía! Kía! Kía! Kía!

Thì ra thuở thiếu thời bà có nuôi một đàn vịt... Rồi khi mê lúc tỉnh, xen lẫn những cơn mê và đau nhức dữ dội, trải qua một tuần lễ hộ niệm sức khỏe của bà dần dần hồi phục, tinh thần minh mẫn trở lại, ai ai cũng ngỡ rằng bà hết bệnh, nên đồng đạo đến hộ niệm thấy thế chỉ thăm hỏi vui vẻ rồi lần lượt ra về. Có lần bà nói với cô Tám Như và cô Út Thành:

- Tám với Út cho thím gọi con Quyến lại. Có gì... hai cháu làm ơn dạy nó giùm thím nghen!

Đến ngày mùng 3 tháng 6 cô con gái Út dự định ngưng trợ niệm, người cháu góp ý:

- Thôi đi dì ơi! Rán niệm vài đêm nữa đi. Bất quá mình hồi hướng công đức cho bà mau hết nghiệp!

Ngày 20, hai dì cháu tắm cho bà. Đứa cháu hỏi:

- Bà Bảy! Bà có biết chừng nào bà về Cực Lạc không?

Bà không trả lời thẳng câu hỏi, mà chỉ đáp:

- Hai đứa rán cực khổ với bà đi. Đây tới ngày mùng

5 hà! Đây tới ngày mừng 5 là mấy đứa con khỏe rồi... không còn lo cho Bà nữa.

Cô Út mới hỏi:

- Ủa! Đây tới ngày mừng 5 là sao hả má?

Bà lặng thinh không đáp.

Chiều khoảng 2 giờ ngày mừng 5 tháng 6 năm 1999. Bà hỏi cô Út:

- Quyến ơi! Bữa nay mấy rồi con?

Cô đáp:

- Bữa nay là ngày mừng 4 rồi Má ơi!

Bà nghe xong còn đang ngần ngừ ngẫm nghĩ, đứa cháu lên tiếng rằng:

- Không phải. Bữa nay mừng 5 rồi, dì Út ơi!

Bà liền bảo đứa cháu:

- Hên! Con đi vô nấu nước cho bà tắm, lau mình cho bà!

Cháu bà nói:

- Thôi lỡ rồi bà Bả ơi! Để sáng hãy tắm. Sáng 8 giờ tắm tốt hơn!

Bà không chịu, nói:

- Lẹ lẹ đi, để không có kịp!

Rồi bà quay sang hối thúc cô Út và chú Tám:

- Còn con Quyến thì đi thay bông bàn Phật đi! Thành Dấu thì thấp nhang các ngôi thờ, đi con!

Hôm ấy chỉ có đồng đạo Hai Mạn đến trợ niệm. Khoảng 6 giờ bà nhờ con đỡ ngời dậy, rồi nói với cô Út:

- Quyển ơi! Má muốn về cõi Cực Lạc quá à, phát nguyện ra sao con dạy má coi!

Sau khi hướng dẫn bà phát nguyện xong, bà liền nói:

- Ông Phật kia! Ông Phật xuống rước má kia!

Nói vừa dứt lời, bà nhờ con cháu đỡ nằm xuống, rồi chấp tay niệm Phật. Người cháu đem nước lại kê muống vào miệng, định cho bà uống, bà lắc đầu và nói:

- Thôi đi! Đừng đổ nước nữa, để bà niệm Phật!

Niệm Phật được một lúc thì bà xuôi thẳng hai tay, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, lúc ấy đúng 10 giờ 19 phút tối, ngày mùng 5 tháng 6 năm 1999. Bà hưởng thọ 77 tuổi.

Hộ niệm đến 2 giờ sáng hôm sau, khi thăm thân thì thấy các khớp xương mềm mại, mọi nơi đều lạnh, duy có đỉnh đầu nóng như lửa.

Vài tuần thất trôi qua, cô Út cứ hoài nghi không biết mẹ mình có được vãng sanh hay không. Tối hôm nọ cô đến bàn vong rút ra một cây hương, đốt lên rồi khấn nguyện nếu má có thật sự vãng sanh rồi thì má cho con biết.

Khi cầu nguyện xong, chẳng bao lâu thì một mùi hương lạ sực nức ngào ngạt tỏa khắp cả phòng!

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Quyển, cô con gái Út của bà và một số đồng đạo.)

88. PHẠM VĂN ĐƯỜNG (1947 - 2010, 63 tuổi)

Ông Phạm Văn Đường sinh năm 1947, cư ngụ tại ấp Phú An, xã Bình Hòa, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Phạm Văn Đường, thân mẫu là cụ bà Phan Thị Trinh. Ông là anh cả trong gia đình có sáu anh em.

Năm lên 19 tuổi, ông kết hôn với bà Trần Ngọc Diệp, sinh được một trai, sáu gái. Gia đình sinh sống bằng nghề làm thuê làm mướn.

Tính tình ông vui vẻ hiền lành, chân thật và hiếu thuận. Đối với hương thôn thì ông luôn hòa đồng, nhẫn nhường, nên đã được lòng hầu hết mọi người xung quanh.

Dường như ông có duyên lành sâu dày với Phật pháp, ngay thuở thiếu niên là đã sớm chiều hai thời lễ bái, kính tín Phật Trời, tin tưởng luật nhân quả, ưa thích làm lành. Ông có chiếc xuồng đậu dưới bến trước nhà, hễ thấy ai có nhu cầu qua sông thì mặc dù đang ăn cơm, nhưng ông sẵn sàng đưa giúp sang bờ bên kia mà không nhận thù lao. Những lúc làng xóm có gia đình nào hữu sự thì ông đến giúp đỡ không cần phải lên tiếng nhờ vả. Ngoài ra ông còn nhặn phần điểm tâm sáng để dành tiền san sóc cho những người nghèo khổ, hay già cả tật nguyên mỗi khi đến nhà xin!

Thường ngày ông thích đọc quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ và nghe các băng đĩa đồng loại như thế.

Năm 40 tuổi, một hôm ông nói với bà:

- Tiên kiếp của mình gây ác nghiệp quá nhiều, nên bây giờ mình mới nghèo khổ. Thôi, bây giờ mình ăn chay đi, đừng có sát sanh nữa, mẹ thằng Đô ơi!

Thế là từ đó hai ông bà phát tâm trường trai, giới sát tu hành. Sau những thời sám nguyện lễ Phật, ông ngồi niệm Phật khoảng 30 phút. Khi nào không có ai mượn làm gì thì hai ông bà đến phòng thuốc Nam gần nhà làm công quả chặt thuốc, phơi thuốc... Riêng bà, ngoài việc công quả ở phòng thuốc ra, thì hay đến chùa cùng đại chúng cộng tu; phần ông duy nhất gắn bó với phòng thuốc cho đến ngày qua đời.

Vì thường xuyên đến đạo tràng nên bà mang về nhà nhiều kinh sách, băng đĩa thuộc pháp môn Tịnh Độ do chùa Hoàng Pháp phát hành. Ông thích nhất là đĩa “Vô Thường”, thích ghê lắm, cứ nghe đi nghe lại mãi đĩa ấy. Mỗi lần ông đọc kinh sách hay xem băng đĩa rồi thường giảng giải lại cho bà và các con nghe! Như là:

- Má thằng Đô! Bà thường đi hộ niệm cho người ta thì nên xin với chủ nhà rằng sau khi tắt hơi rồi cho hộ niệm thêm 8 tiếng đồng hồ nữa, xong rồi mới được thay đồ, nghe chưa! Còn như người ta không đồng ý thì bà phải năn nỉ với người ta làm sao... chớ trong khi đó thần thức của họ còn trong thân, thì họ đau đớn dữ lắm ghen mẹ thằng Đô! Nếu người bệnh niệm Phật được nhất tâm

thì chẳng nói làm chi, bằng không thì họ nổi sân lên thì sẽ sa địa ngục liền!

Ông cũng thường đem đạo lý, chỉ dạy cho các con cách thức đối nhân xử thế, ông nói:

- Cái gì mình cũng phải nhu hòa. Thà rằng mình nhận lỗi hết đi con, rồi sau đó người ta biết tánh tình của mình; chứ bây giờ mình cự cãi, tranh đua cũng chẳng được gì. Thà là mình nhịn đi, trước mắt là thua thiệt mất mát chứ sau thì sẽ được đó con!

Hai ông bà dùng trường trai được ba bốn năm gì đó, cha của ông lo sợ nên khuyên hai vợ chồng ông nên dùng mặn trở lại cho đủ sức khỏe mà lao động. Thấy ông im ru, sau đó liền quở trách:

- Tụi bay...! Ông Phật sống nói mà tụi bay không chịu nghe... rồi hỏi tụi bay... chớ, bay ăn... bay ốm yếu, bay đau... ai nuôi một đàn con bay... bầy, tám đứa ai nuôi cho nổi!

Vốn tính hiếu thuận, thấy cha chấp chặt như thế, đôi ba phen la rầy nên ông trở đũa, dùng chay một tháng chỉ còn sáu ngày, và mỗi năm ba tháng.

Khi làm việc ở phòng thuốc, ông thường tỏ rõ chí hướng của mình cho các bạn bè thân thiết:

- Sau này tôi chết, tôi cũng cầu về Phật chứ không đi về đâu hết!

Đời tu của ông thâm lặng như thế hơn 20 năm trôi qua, mặc dù bình thường, đơn giản nhưng đều đặn. Đến

năm 2010, một hôm ông vĩ vai bà khi bà ở chùa mới về tới nhà, và ông nói:

- Mẹ thằng Đô à! Mình sống ở đây là nhà trọ, quán trọ... khi tàn đêm, không biết chừng nào mình mới gặp lại nghen bà?

Bà ngỡ ông mới vừa đọc câu chuyện gì đó ở trong kinh sách hay nghe băng đĩa, nên bà đáp:

- Ủ!

Ông nói tiếp:

- Bà rán làm...

Nghe tới đó bà ngắt ngang:

- Tôi đau tôi nghệt thở hoài, chắc tôi chết trước ông!

Ông nói:

- Không! Tôi chết trước bà, vì bà còn nhiều người nhờ cậy; chỗ tôi chỉ có một món thuốc Nam không hà, đâu có được như bà!

Đúng như lời người xưa từng bảo:

*“Quán trọ chốn Ta bà,
Đâu phải thật quê nhà!
Dừng chân giây phút tạm;
Khi đêm tàn trôi qua;
Mỗi người đi mỗi nẻo;
Lang thang khắp san hà!
Mấy mươi năm cõi mộng,
Chết chẳng hẹn trẻ già!
Mệnh môn dòng sinh tử,*

*Khuyên ai chớ dần dà!
Dù sang, hèn, khôn, dại...
Nào thoát khỏi Diêm La.
Đòi người không trường cửu,
Lời cổ nhân thiết tha.
Khuyên tu mau kéo trễ,
Kẻ trí khéo nhìn xa!
Thời gian qua nhanh chóng,
Kéo ngược có được đâu.
Nhất tâm tu Tịnh nghiệp,
Chí thành tin tưởng sâu.
Nguyện sinh về Tịnh Độ,
Thành thật một lòng cầu.
Không rời câu Phật hiệu,
Sen báu rực ánh màu!"*

Đến ngày mùng 8 - 11 - 2010, chiều tối bà đi chùa về, ông giảng mùng xong nói với bà:

- Mẹ thằng Đô ơi! Tôi giảng mùng rồi bà ngủ trước đi!

Nói xong ông đi vắn ti-vi xem tin tức thế giới, khi bà đang mơ màng thì nghe ông gọi:

- Mẹ thằng Đô à! Giờ này 12 giờ rồi, bà mãi giấc chưa mẹ thằng Đô? Tôi đau bụng quá hà!

Bà hỏi lại:

- Ủa, ông đau mà sao ông không cho tôi hay?

Ông đáp:

- Tôi thấy bà làm cực khổ, tôi không dám cho bà hay!

- Ông trật lắm rồi đó nghen! Vợ chồng trong lúc đau ốm thì cần nhờ nhau; chớ nếu không có đau ốm, đâu có ai nhờ làm chi!

- Thôi bà đi lên tiệm mua cho tôi paragine, có bao nhiêu mua hết cho tôi!

Bà tức tốc đi liền, nghĩ thầm trong bụng từ nào tới giờ ông đau lặt vặt ông tự lo lấy, bây giờ nhờ đến mình có lẽ đã nhiều lắm rồi!

Khi bà mua thuốc đem về đưa cho ông, ông bèn uống liền hai viên. Nhưng rồi cơn đau mỗi lúc một dữ dội hơn, gia đình bèn đưa vào Bệnh Viện Đa Khoa Châu Phú. Ở đây bác sĩ chẩn đoán là khối u gan, đề nghị chuyển tuyến. Hôm sau xuống Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, bác sĩ cũng cho biết khối u gan đã ở vào thời kì thứ ba, hết còn cứu chữa gì kịp nữa rồi, có ra Trung Tâm Ung Bướu ở Sài Gòn thì cũng bó tay thôi chứ không làm gì hơn được!

Chiều hôm đó bạn thân của ông là chú Hai Công ghé thăm, ở ngoài hàng lang bà thuật lại tự sự mà đôi hàng lệ lả chả tuôn trào. Chú Hai nói:

- Đâu nghe ảnh đau gì đâu! Sao mà nhanh dữ vậy, chị Hai?

Khi chú bước vào chào hỏi thì thấy ông thần thái vẫn bình thản ung dung, vui vẻ, không lộ nét gì là bệnh hoạn cả, vì ông còn đi đứng tới lui bình thường. Nói chuyện

qua lại một hồi nhìn thấy sắc diện của bà hình như ông đoán được bệnh trạng của mình mà bác sĩ đã chẩn đoán, có lẽ sắp đến màn kết thúc, nên ông an ủi và trấn an mọi người, ông vừa nói vừa cười:

- Thôi! Đúng ra thì đường nào cũng về La Mã! Ai sống trên cõi đời này cuối cùng rồi cũng phải chết, chết sớm hoặc chết muộn mà thôi. Vậy thì đừng có lo, đừng có nghĩ gì hết!

Chú Hai cũng vã lã:

- Cái chết thì ai cũng không tránh khỏi rồi, thôi anh rán niệm Phật để được vãng sanh nghe, anh Hai!

Ông cười, đáp:

- Được rồi! Tôi đã có chí nguyện cầu vãng sanh lâu lắm rồi!

- Nếu anh đã có chí nguyện cầu vãng sanh, thì sau này tụi tui hứa sẽ đưa anh rất ngon lành!

Ông gật đầu vô cùng hoan hỷ. Trước khi chào ra về, chú Hai nói:

- Thôi tôi về sắp xếp mấy đứa ở nhà đặt bàn Phật cầu an cho anh nghe?

Ông cười, trả lời:

- Thôi cầu siêu luôn đi, khỏi cầu an!

Qua ngày hôm sau (11 - 11 - 2010) thấy ông yếu nhiều, gia đình quyết định xin bác sĩ đưa ông về nhà để

hộ niệm. Khi lên xe bà ngồi bên cạnh niệm Phật cho ông, ông bảo:

- Mẹ thằng Đô! Mẹ thằng Đô à! Bà niệm Tây Phương Tiếp Dẫn dùm tôi đi mẹ thằng Đô!

- Ba thằng Đô ơi! Tôi thường đi hộ niệm... Khi người ta tắt hơi rồi mới niệm Tây Phương Tiếp Dẫn; còn ông... ông còn thở... còn nói chuyện như vậy... thì đức Phật rước ai? Đức Phật xuống đây rước ai bây giờ, ông còn sống nhân mà rước ai?

Ông vừa cười vừa nói:

- Mẹ thằng Đô à! Bà nghe lời tôi đi bà đọc Tây Phương Tiếp Dẫn đi bà!

- Ba thằng Đô à! Ông nghe lời tôi đi ông!

Nhưng thấy ông yêu cầu nhiều lần quá nên bà liền niệm Tây Phương Tiếp Dẫn để cho ông vui lòng. Khi đó ở nhà đã chuẩn bị trước, Ban Hộ Niệm cũng đã được mời đến để chờ ông về.

Khi tám, chín giờ tối xe về tới nhà, chú Hai chạy ra đón, nghe đọc Tây Phương Tiếp Dẫn thì chú rất kinh ngạc vì nghĩ rằng ông đã mất rồi. Liên cất tiếng hỏi:

- Sao mà mau quá dữ vậy chị Hai?

- Tại ổng muốn niệm Tây Phương Tiếp Dẫn, chú ổng chưa có đi!

Chú Hai bật cười, nghĩ thầm rằng thì ra ông này ổng muốn vãng sanh quá rõ ràng rồi!

Khi đưa ông vào nằm ở trước ngôi Tam Bảo để hộ niệm, chú Hai đến gần nói:

- Tụi tui ra đây là để hộ niệm cho anh! Vậy anh phải nhất tâm niệm Phật để vãng sanh nghen, anh Hai!

Và chú còn dặn thêm:

- Anh nhất tâm niệm Phật để cầu vãng sanh, nếu mà chấp tay được thì chấp, không chấp được thì thôi!

Lúc này ông vẫn còn tỉnh táo, sáng suốt nhận biết rõ ràng, nên khi nghe xong ông gật đầu. Hộ niệm được một hồi sau, ông nhờ người đỡ ngồi dậy cho ông hướng mặt về ngôi Tam Bảo. Ông chấp hai tay lại xá xuống rồi đưa lên trán khấn nguyện, nhưng âm thanh lúc này hơi khó nghe. Vái xong, ông xá mấy xá, sau đó nhờ đỡ nằm xuống.

Liên hữu Thắng liền đến khai thị khuyên ông buông nên xả muôn duyên, một lòng niệm Phật để về thế giới Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà. Rồi hướng dẫn ông cùng đại chúng (khoảng 30 người) đọc lớn lên bài văn phát nguyện, và niệm 10 câu Phật hiệu. Ông cũng đọc và niệm theo rành rẽ. Kế đó đồng đạo khuyên ông nên niệm thầm theo để đỡ tổn sức.

Thấy ông còn khỏe quá mọi người trong Ban Hộ Niệm định chia ca, chú Hai lên tiếng:

- Ông Hai thấy vậy... chứ tôi mới rờ mạch, mạch của ông đứt hết rồi! Anh em rần tập trung hộ niệm cho ông!

Quả thật như thế, liền theo đó ông bắt đầu lên cơn mệt nhiều, hơi thở ngắn dần và dồn lên trên. Khi mọi người tập trung lại, niệm khoảng 15 phút thì ông nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, trong lúc đó hai tay ông đang từ từ co để chắp lại nơi ngực, nhưng chưa thành búp sen, mà còn hở ra. Lúc ấy đúng 11 giờ 11 phút đêm, ngày 11 - 11 - 2010, ông hưởng thọ 63 tuổi.

Chín giờ sáng ngày 12 mới nhập liệm và lo phân hậu sự. Gương mặt của ông sáng đẹp dường như đang mỉm cười, ai cũng nghĩ rằng ông đang ngủ chứ không phải chết!

(Thuật theo lời Trần Thị Diệp vợ của ông và đồng đạo Hai Công.)

89. NGUYỄN THỊ BA (1951 - 2011, 60 tuổi) và NGUYỄN THỊ TƯ (1955 - 2010, 55 tuổi)

Bà Nguyễn Thị Ba sinh năm 1951, cư ngụ tại ấp Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Đáng, thân mẫu là cụ bà Phan Thị Khỏe. Bà là con thứ Ba trong gia đình có tám chị em.

Tính tình của bà hiếu thuận, hiền lành, hòa đồng với mọi người.

Nhờ gặp gỡ bạn đạo và đi cầu nguyện siêu độ cho các tang lễ quanh vùng, được dịp nghe các thiện tri thức

cảnh tỉnh cõi thế là vô thường, biển trần là khổ lụy! Và cũng nhờ đọc học kinh sám, tiếp xúc với Phật pháp:

*“Một mai chết chợt đến,
Mới hay mình trong mộng!
Trăm thứ đều bỏ lại,
Chỉ mang tội phước đi!”*

Nhờ những cơ duyên trên, mà bà phát tâm trường trai, giới sát, tu hành từ năm 30 tuổi. Người em gái thứ Tư của bà nhỏ hơn bà bốn tuổi cũng phát tâm tu theo. Hai chị em nương với nhau, sống chung, tu chung, không lập gia đình. Tính tình của bà Tư cũng như bà Ba, như in ra từ một khuôn. Bà Ba vốn ít nói, bà Tư lại càng ít nói hơn, hai bà làm thuê làm mướn để độ nhật.

Hằng ngày sau hai thời lễ nguyện sớm tối, hai bà đều ngồi niệm Phật. Hôm nào không đi làm thì tăng thêm một thời công phu vào giữa trưa, nhưng chính yếu vẫn là niệm Phật trong mọi oai nghi, và những lúc đang làm công việc.

Mặc dù thiếu thốn về phương diện vật chất, nhưng hai bà vẫn hăng hái tham gia các công tác từ thiện xã hội, nhất là chặt thuốc Nam, hoặc theo đoàn sư tầm thuốc ở núi, ở hòn... với thời gian dài hạn.

Sự hành trì của hai bà đại để như thế, âm thầm và đều đặn suốt ba mươi năm. Những tháng ngày về già, hạnh đức của hai bà đã chiêu cảm các cháu, mỗi tối chúng đều đến nhà để hai bà hướng dẫn lễ bái, niệm Phật, đồng

thời đem Phật pháp giảng giải cho chúng nghe về lợi ích của sự hiếu hạnh, thuận thảo; lợi ích của sự tu hiền; lợi ích của sự niệm Phật... Khuyến chúng rán làm lành lánh dữ, tập ăn chay, cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc để vĩnh viễn ra khỏi sinh tử luân hồi, thoát vòng khổ mê trần tục!

Vào khoảng tháng 6 năm 2010, bên ngực trái của bà Ba nổi lên mụn độc, không nung mủ mà chỉ ửng đỏ, bóng nước, vỡ ra chảy nước vàng rồi lan ra xung quanh. Thay thầy đổi thuốc lấm phen, đủ các loại: đắp, dặt, dán, phết, bôi, trong ống ngoài thoa... đủ phương đủ cách nhưng đầu vẫn vào đấy. Hướng lan của nó qua bên trái ăn lầy ra hết nửa lưng. Các thầy thuốc dường như rất sợ đối với thứ mụn độc địa này, hầu hết đều miễn cưỡng điều trị cầu may vậy thôi chứ không tự tin gì cả!

Lúc này bà sụt cân rất nhanh, chỉ còn 28kg, sự ăn ngủ suy kém nhiều. Đến tháng 9, người em gái thứ Năm nóng lòng đưa bà ra Bệnh Viện Trung Tâm Ung Bướu ngoài Sài Gòn. Ở đây một tuần vẫn không tìm ra bệnh, bác sĩ đang chuẩn bị làm “sinh thiết đồ” thì thân nhân quyết định xin xuất viện. Về nhà bà vẫn tiếp tục uống thuốc Bắc và đắp, dặt thuốc Nam như cũ. Bệnh hoành hành bằng những cơn nóng rát giống như là chế nước muối vào da thịt mới vừa bị đứt. Cô Năm phải dùng rất nhiều bông gòn để chặm vết loét mỗi ngày hai lần.

Từ khi mới phát bệnh bà đã không chịu đi chạy chữa, do chiều ý gia đình nên bà miễn cưỡng tùy thuận.

Suốt thời gian dài bệnh khổ, chưa từng nghe bà rên rỉ, than van, chỉ một lòng niệm Phật A-di-đà cầu vãng sanh Tây Phương Cực Lạc. Do vì bà nhận thấy rằng:

*“Ta-bà thế giới rộng thênh,
Xưa nay thân chết không quên người nào.
Kiếp này không sớm tẩu đào,
Cõi trần còn phải chui vào chết thêm.
Trước khi chết có đau êm,
Bao nhiêu đau khổ đổ trên đời mình.
Nào danh nào lợi nào tình,
Mất thì thương tiếc, được gìn hết hơi.
Lo cho đến chết mất đời,
Người nào cũng thiếu không người nào xong.
Dù là kẻ dốt hay thông,
Vẫn làm tôi mọi không công cho đời.
Để tâm suy xét tốt nơi,
Thấy rằng cái kiếp con người dối ma.
Người thương mấy cũng phải xa,
Vật ưa thích mấy cũng là bỏ đi.
Chạy trời không khỏi tử qui,
Trăm mưu ngàn kế làm gì bố ai.
Đâu bằng niệm Phật ăn chay,
Cầu về Cực Lạc hết ngày trầm luân.”*

Vào lúc 5 giờ chiều, ngày mùng 3 tháng 10 năm 2010, bà Tư bị đột quỵ, mê man bất tỉnh, lúc 8 giờ tối gia đình đưa vào Bệnh Viện Đa khoa An Phú. Thấy bệnh

nặng quá, bác sĩ làm hồ sơ chuyển tuyến, 12 giờ khuya vào nằm Bệnh Viện Đa Khoa Châu Đốc. Sau khi chụp “Citi” bác sĩ cho biết kết quả:

- Bệnh nhân này các động mạch lớn ở não bị đứt hết rồi. Thôi!.. Tùy gia đình muốn để ở đây... hay chở về thì chở!

Dượng Năm trả lời:

- Vậy thì thôi, quý bác sĩ cho tôi làm giấy chở chị tôi về nhà. Bởi vì chị là người tu tại gia cư sĩ, đem về nhà để nhờ đồng đạo hộ niệm! Chứ nếu tắt thở ở bệnh viện thì hộ niệm không có kết quả!

Thế là cấp tốc đưa bà về, về tới nhà là đúng 6 giờ sáng ngày hôm sau.

Các bạn đồng tu hay tin kéo đến cùng với thân quyến hộ niệm mãi cho đến 2 giờ 30 phút chiều, bà Tư nhẹ nhàng trút hơi thở sau cùng, nhằm ngày mùng 4 tháng 10 năm 2010, bà Tư hưởng dương 55 tuổi.

Suốt thời gian từ lúc ngã bệnh cho đến lúc mất gần hai mươi bốn giờ đồng hồ, bà Tư luôn ở trong trạng thái hôn mê và gương mặt bị méo lệch sang một bên.

Cuộc hộ niệm và khai thị vẫn tiếp tục duy trì, hai giờ sau gương mặt bà Tư bình thường trở lại, hết còn méo nữa! Qua tám tiếng đồng hồ sau đó gương mặt của bà hồng hào, đẹp đẽ, tay chân mềm mại, điểm ấm chỉ còn duy nhất ở đỉnh đầu.

Lo hậu sự cho bà Tư xong, bệnh tình của bà Ba tăng dần, bà không nằm trên giường được, đêm cũng như ngày đều nằm văng và cũng không còn đi đứng được. Ăn thì chỉ dùng qua loa được một ít cháo, em gái thứ Năm nài ép năn nỉ lắm mới ăn mà thôi. Thường khi bà hay năn nỉ ngược trở lại, một lòng mong cầu sớm sanh về cõi Phật, sớm xả ly tẩm thân như nhớp đầy bệnh hoạn khổ đau!

Đến ngày mừng 1 tết năm 2011 bà không chịu ăn nữa. Thấy chị mình bệnh mà không chịu ăn, cô Năm bưng cháo đến năn nỉ, nài ép trong khi cơ thể của bà mỗi lúc ăn thức ăn vào đều cảm nghe bức ngạt khó chịu nên bà nói:

- Vú thằng Thành à! Đã chị nói như vậy rồi mà sao vú thằng Thành ép chị hoài vậy? Thôi đi đừng có ép chị ăn nữa!... Chị đã nguyện về cõi Phật rồi, không có còn mơ mộng gì ở dương trần này nữa đâu!

Dường như sức lực của bà thực sự cạn kiệt, nói chuyện mà đã thấy rất khó khăn. Thân nhân đề nghị mời đồng đạo đến hộ niệm, bà vô cùng hoan hỷ gật đầu. Thế là chuyển bà từ chiếc võng ở trong buồng ra giường ở nhà trước. Từ đó bà nằm im lặng niệm Phật theo mọi người, huynh đệ đến khai thị bà không trả lời mà bà chỉ gật đầu hoặc nheo mắt, lâu lâu nhỏ một tí nước thấm môi cho bà.

Suốt ba ngày liền bà vẫn tỉnh táo, sáng suốt, không có hôn mê. Đến hơn 2 giờ chiều ngày mừng 4 tháng 1 năm 2011, hơi thở của bà ngắn dần, không lâu sau thì bà an

tường nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng trong âm thanh Phật hiệu vang rền, lúc đó đúng 2 giờ 40 phút, bà thọ 60 tuổi.

Lúc mất miệng của bà há to, bốn giờ sau bắt đầu từ từ ngậm kín lại. Qua tám giờ sau gương mặt của bà đổi màu hồng hào, tươi đẹp hơn lúc bình thời. Các khớp xương mềm mại, đặc biệt là đỉnh đầu ấm nóng.

Tiếp theo đó là nhập liệm rồi ai về nhà nấy để nghỉ ngơi, vài mươi phút sau trong nhà tỏa ra mùi hương, tựa tựa mùi thơm của trà nhưng không phải, kéo dài hơn nửa tiếng đồng hồ mới mất hết!

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Quân và Dương Văn Hòa, em gái và em rể thứ Năm của hai bà).

90. NGÔ THỊ DÒN (1947 - 2014, 70 tuổi)

Bà Ngô Thị Dòn sinh năm 1947, nguyên quán Phú Tân - An Giang. Thân phụ là cụ ông Ngô Văn Tiếu; thân mẫu là cụ bà Nguyễn Thị Hai. Bà là chị Hai trong gia đình có bốn anh em.

Khi lên 18 tuổi bà kết hôn với ông Huỳnh Thanh Tuấn, quê ở Thốt Nốt - Cần Thơ. Vài năm sau hai vợ chồng ra riêng, về định cư tại chợ Vĩnh Trinh, mở tiệm buôn bán tạp hoá, thuộc ấp Vĩnh Lân, xã Vĩnh Trinh,

huyện Vĩnh Thạnh, tỉnh Cần Thơ. Bà sinh được ba trai, bốn gái. Ngoài buôn bán ra gia đình còn có làm thêm nghề ruộng.

Tính tình bà vui vẻ, cởi mở, rộng lòng thương giúp mọi người; ăn mặc thì rất thanh đạm, bình dân.

Năm 1988, chồng của bà bị đột quỵ, vừa chuyển đến Bệnh Viện Đa Khoa Thốt Nốt thì ông qua đời, cô gái Út lúc ấy vừa mới lên năm. Đôi vai gầy phải gánh thêm trách nhiệm làm cha!

Năm 1995, bà phát tâm trường trai, cũng vào thời gian này bà có đến chùa Bửu Duyên ở An Giang để quy y, được pháp danh là Diệu Âm Bảo Ngọc.

Năm 2007, bà ngã bệnh, chạy chữa nhiều nơi. Sau đó đến Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ, bác sĩ ở đây chẩn đoán là “viêm gan siêu vi B”. Người nhà vẫn chưa an tâm nên đã đưa bà ra Bệnh Viện 115 ở Sài Gòn, thì phát hiện là gan có khối u, bác sĩ cho thuốc về và hẹn tháng sau quay lại tái khám. Về nhà, các con của bà bèn tiến hành đặt bàn hương án lễ Phật sám hối, niệm Phật, trì chú Đại Bi và phóng sanh. Hơn một tháng, bà trở lại bệnh viện, các bác sĩ đều ngỡ ngàng khi so sánh những chỉ số cận lâm sàng với đợt đầu, mọi người đều hỏi:

- Bà uống thuốc gì?... Bà dùng thuốc gì mà mau lành bệnh như thế nhỉ?

Rồi ai ai cũng chúc mừng cho bà!

Năm 2011, nhân một chuyến đi thăm người chị chồng đang tu tại đạo tràng Quan Âm Tịnh Thất ở Đức Trọng. Do đó, bà ham thích khung cảnh trang nghiêm khi cộng tu cùng đại chúng, vì vậy các con của bà mua một căn nhà đối diện với Quan Âm Tịnh Thất, hầu tạo điều kiện cho mẹ mình được thuận tiện tu tập hành trì.

Từ đó, hằng năm bà thường lui tới chung tu với đại chúng, ngõ hầu tìm niềm hạnh phúc đích thực của cuộc đời, đó là cõi lòng thanh tịnh và an lạc, mà bấy lâu mình tự vất bỏ không chút tiếc thương! Và lại thời gian rất quý báu, một khi đã qua chẳng bao giờ quay trở lại, nếu ta cứ chần chừ e cho luống uổng một kiếp người, bởi vì:

*“Một ngày đã qua,
Mạng sống giảm dần.
Như cá cạn nước,
Nào có vui gì!*

...

*Người trí khá suy,
Thế trần tạm giả.
Dòng đời hối hả,
Tất bật sớm trưa.
Đi nắng về mưa.
Mưu toan cuộc sống.
Hết trông tới ngóng,
Chạy đuổi tìm cầu.
Hạnh phúc nơi đâu?
Sao toàn nước mắt!
Ô hô! Nắng chiều chợt tắt,
Thế là kết liễu một đời.*

...

Sớm tỉnh người ơi!

Gieo mầm Tịnh nghiệp.

Hồng trần mãi kiếp,

Thơm ngát hương sen!

Khấp mùi phương chư Phật thấy ngợi khen,

Trong phút chốc biển trầm luân khô cạn!”

Vài năm sau phát hiện bà bị bệnh tiểu đường, chữa trị nhiều nơi nhưng chẳng khả quan, ngược lại ngày một nặng dần!

Đến tháng 7 năm 2014, sức khoẻ của bà bắt đầu suy sụp, nhiều cơn sốt nối tiếp theo nhau, sự ăn ngủ lần hồi sa sút trầm trọng. Sang tháng 8, bệnh nặng quá, thân quyến đưa bà vào phòng cấp cứu của Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ. Nằm ở đây cả tuần lễ, trong suốt thời gian này truyền dịch để chờ kết quả của các xét nghiệm, bà thường chìm vào hôn mê, ít khi tỉnh táo, đôi lúc tiểu tiện không còn tự chủ được nữa, trên người thì rất nhiều dây sợi, chằng chịt lòng thòng.

Chiều hôm nọ, bác sĩ gọi cô Hai đến và cho biết bà đã bị ba bốn chứng bệnh một lượt, mà bệnh nào nghe nói tới là đã tá hỏa: “ung thư gan giai đoạn cuối”, “ung thư dạ dày giai đoạn cuối”, “tiểu đường”, “thiếu năng động mạch vành”... và một số bệnh khác. Khi nghe xong, cô mới hỏi bác sĩ:

- Mẹ tôi còn đủ sức để chuyển ra Đà Lạt được không, thưa bác sĩ?

Bác sĩ trả lời:

- Chắc bà cụ không chịu nổi đâu!

Dù biết tình trạng sức khỏe của mẹ mình nguy ngập như thế, nhưng các con bà đồng tâm nhất ý quyết định đưa mẹ mình vào “vãng sanh đường”!

Thế là các cô gấp rút lo làm thủ tục cho bà được xuất viện ngay trong đêm hôm đó, tranh thủ đưa vào phòng vãng sanh của Quan Âm Tịnh Thất. Cũng rất lạ, trong giờ phút đó bà tỉnh lại. Khi trình bày dự định như thế cho bà nghe, nghe xong bà khẽ gật đầu. Trước giờ lên xe liền rút hết tất cả các ống, kể cả ống tiếp hơi. Mạng sống của bà mong manh như sợi chỉ mảnh treo chuông. Thế mà, mọi chuyện vẫn êm xuôi trôi chảy, đâu vào đó! Sau mười mấy ngày đêm liên tục hộ niệm cho bà, bà dần dần khoẻ lại.

Khi đã trải qua cơn “thập tử nhất sanh” này, thầy trụ trì đã làm một cuộc phỏng vấn, cho ghi lại hình ảnh, ngõ hầu khích lệ và xây đắp tín tâm cho chư liên hữu xa gần, cần phải vững tâm tin tưởng tuyệt đối vào câu Hồng Danh Vạn Đức thì sẽ thu được lợi ích thật sự bất khả tư nghì!

Sau đó, mặc dù sức khỏe của bà chưa hồi phục chi mấy, thế mà bà vẫn gắng gượng cộng tu với đại chúng thêm gần một tháng nữa. Vì nhớ nhà quá nên các con đành phải tùy thuận đưa bà trở về miền Tây.

Khi về nhà trải qua cũng thêm một tháng nữa thì thể trạng của bà suy sụp trầm trọng trở lại, hai tay và hai chân sưng nhẹ. Có lần, khi những cơn bệnh hoành hành dữ dội, chẳng thể kham nhẫn, bà thở than với các con về việc vãng sanh:

- Khó lắm con ơi! Vãng sanh không phải dễ đâu!

Các con của bà đồng xúm lại năn nỉ:

- Mẹ rán cố gắng lên! Mẹ nhất tâm niệm Phật thì sẽ được vãng sanh thôi! Biết bao nhiêu người nghiệp chướng còn nặng nề hơn mình rất nhiều... mà người ta cố gắng... người ta đã được vãng sanh. Mình nếu kiên định tín nguyện, thiết tha trì niệm thì... Đúc Đại Từ Phụ A-di-đà sẽ không bỏ mình đâu, mẹ phải rán lên nhen!

*Ao sen báu Tây Phương đưa nở,
Chờ chúng sanh niệm Phật chí tâm!”*

Các con hết lòng trình bày và nhiều lần giải thích, sau rốt bà gật đầu.

Những tháng ngày cuối đời, do bệnh tật hành hạ bà thấm thía về sự thật nỗi khổ của kiếp làm người. Tấm thân tứ đại do nghiệp báo trói cột này quả thật nó đã chứa nhóm biết bao nhiêu thú dơ bẩn, bất tịnh, và vô lượng vô biên đau thương phiền lụy. Chừng chết đến phải một mình ra đi, tất cả đều bỏ lại, chẳng mang theo được gì, chỉ mang tội với phước mà thôi! Mặt khác, nhờ nghe đĩa “Khuyên Người Niệm Phật” của cư sĩ Diệu Âm, và đoạn khai thị “Nhìn thấu là trí huệ chân thật” của Hòa

thượng Tịnh Không, mà tâm luyện ái về con cháu của bà tan nhạt dần, mọi tình chấp đã tiêu mòn đáng kể. Lúc này tâm nguyện cầu sanh Tây Phương Cực Lạc nơi bà tương đối khẩn thiết và chân thật hơn. Bà thường căn dặn các con, chừng nào bà tắt hơi 24 tiếng đồng hồ sau mới điện thoại báo tin cho thân tộc hay, ngõ hầu tránh bớt những bất trắc xảy ra cho sự vãng sanh của mình!

Chương trình hộ niệm bắt đầu vào ngày mùng 5 - 10 - 2014, hơn một chục vị đồng tu từ Đức Trọng, Đà Lạt vào phối hợp với Ban Hộ Niệm của liên hữu Phước ở Tịnh Biên xuống.

Khi người thân hay lối xóm đến thăm, các con bà mời giữ lại ở phòng khách, có vào thì cùng niệm Phật với bà, không ai hỏi han, nói chuyện gì hết!

Thỉnh thoảng khi mọi người thay ca vào hộ niệm, bà vừa lấy tay chỉ đứa bé ngồi trên hoa sen của bức hình Tây Phương Tiếp Dẫn rất lớn bên vách, vừa nói:

- Kìa!... Bảo Ngọc ngồi trên hoa sen kìa!

Ai cũng đồng cười rộ lên, vì Bảo Ngọc chính là pháp danh của bà.

Những ngày gần mất, bà dặn dò các con và mấy cô dâu nên canh giữ mấy đứa cháu nội vì sợ nó làm cản trở trong giây phút bà ra đi, bà thường nói:

- Con ai nấy giữ, đừng cho con nít lại gần mẹ! Bây giờ mẹ buông xả hết rồi, mẹ quyết định về với Phật!

Đến ngày mùng 9 tháng 10, bà nhờ người gọi cô Út đến. Khi cô tới gần bên cạnh hỏi bà có chuyện gì, thì bà nói:

- Mẹ gặp...

- Mẹ gặp gì?

Bà mỉm cười nói:

- Thôi! Không nói đâu!

Từ đó trở đi gương mặt của bà luôn tràn đầy niềm vui lạ thường.

Qua hôm sau, vào lúc chiều tối bà gọi cô Hai đến, rồi nói:

- Mẹ gặp Phật A-di-đà!

Đến 9 giờ rưỡi tối ngày 11, hơi thở bà ngắn dần, mãi đến 5 giờ 30 phút sáng, bà nhẹ nhàng trút hơi thở sau cùng, khi ấy bà đang nằm ngửa mắt hướng về tượng Phật A-di-đà ở giữa phòng, rồi bà xoay người nghiêng bên phải nhìn tấm ảnh Tây Phương Tiếp Dẫn treo trên vách. Đặc biệt là bà nhích môi mỉm cười đồng thời nhép miệng niệm A-di-đà Phật rồi mới dứt hơi! Hôm ấy nhằm ngày 12 - 10 - 2014, bà hưởng thọ 67 tuổi.

Hộ niệm thêm hai mươi bốn tiếng đồng hồ sau, toàn thân mềm mại như bông, gương mặt tươi vui, ai trông bà cũng giống như người đang nằm ngủ. Trên thân hoàn toàn sạch sẽ không có mùi hôi. Trước kia có nhiều bác sĩ cho các con của bà biết là bệnh của bà thường thì ra đi

trong cơn hôn mê, và sau khi tắt hơi, máu sẽ tràn ra theo các đường miệng và hậu môn. Nhưng lúc này thì hoàn toàn không có những điều đó xảy ra!

* Khoảng 9 giờ, sư cô Hạnh Hòa bỗng thấy ánh sáng, chiếu sáng rực rỡ trên bàn Phật, nhưng chỉ một mình cô thấy, nên cô giữ im. Tối đến sư cô nằm chiêm bao cô thấy một ông già râu tóc bạc phơ đến nói với cô:

- Tôi cho cô thấy sự vãng sanh của hương linh Ngô Thị Dòn! Cô hãy xem cho kỹ nghe!

Đồng thời thấy hiện tượng ban sớm lập lại. Trong ánh quang minh xoáy tròn ấy xuất hiện hình ảnh của bà ngồi trên hoa sen.

* Đến tuần thất thứ năm, cô con gái Út của bà lên gác ngồi niệm Phật hơn một giờ sau bỗng nghe có mùi hương lạ, không giống với bất kì mùi hương nào, được chừng mười phút thì tan mất.

* Ngày 21-11- 2014, cô Năm sau khi đi dự khoá tu Tam Thời Hệ Niệm với chư liên hữu ở Tịnh Biên về đến nhà khoảng 3, 4 giờ sáng. Đang mệt mỏi, vừa ngả lưng chưa kịp ngủ, trong cơn nửa tỉnh nửa mê, bỗng nghe văng vẳng bên tai có âm thanh vang to, rõ ràng môn một:

- Cô yên tâm đi! Ngài Địa Tạng Vương Bồ Tát nói là mẹ cô đã vãng sanh rồi!

(Thuật theo lời Huỳnh Thị Như Thúy, Huỳnh Thị Phụng Kiều, Huỳnh Thị Xuân Đào, các con của bà).

91. NGUYỄN VĂN LONG (1935 - 2013, 78 tuổi)

Ông Nguyễn Văn Long sinh năm 1935, nguyên quán tại huyện Sóc Xoài, tỉnh Kiên Giang. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Văn Cơ, thân mẫu là cụ bà Đặng Thị Ngà. Ông là con út trong gia đình có chín anh em.

Khi tuổi còn ở độ thơ đồng, cha ông đã di cư về sinh sống tại ấp Long Thiện, xã Ô Long Vĩ, huyện Châu Phú, tỉnh An Giang để thuận tiện cho việc học hỏi Phật pháp, tu thân hành thiện.

Năm 24 tuổi, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Sàng, sinh được một trai, bảy gái. Gia đình sống bằng nghề làm ruộng và buôn bán.

Thuở thanh niên ông rượu chè be bét, khi gặp Phật pháp, thiện căn quá khứ chín mùi, ông bảo bà vợ làm một bữa tiệc rồi mời hết các bạn “lưu linh” lại, ăn uống no say một lần cuối cùng trước khi rửa tay gác kiếm để rút chân ra khỏi bang hội, lúc đó ông được 35 tuổi (1970).

Từ đó ông trường trai giới sát, quyết chí tu thân hành thiện, mỗi ngày ba thời lễ nguyện, niệm Phật khi đi, đứng, nằm, ngồi không đợi gì thời khắc. Ông ý thức rằng hình dáng tướng mạo cũng giúp ích cho sự tu sửa thân tâm, nên ông noi theo gương tiên nhân để tóc và khoác lên mình bộ y phục bà ba.

Tính tình ông vui vẻ, đôn hậu, hiếu kính với mẹ già, thuận thảo với anh em, hòa đồng với mọi người. Đối với lối xóm thôn hương, ông chẳng hề mịch lòng bất cứ một ai. Ông rất sốt sắng trong các công tác từ thiện xã hội.

Năm 1974, mẹ ông qua đời, ông và người anh thứ Tám đã gắng hết sức chăm sóc và hộ niệm cho bà, cuối cùng gặt hái được kết quả mỹ mãn là bà cụ đã thật sự được vãng sanh!

Ngoài công phu thường nhật, ông thường xem kinh đọc sách mà đặc biệt duy nhất chỉ là quyển “Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ”, các băng đĩa thuyết giảng cũng duy nhất của ông Hai Tho và ông Út Châu. Ông thường xuyên làm công quả cho Ban Trị Sự Giáo Hội Phật Giáo tại địa phương, và tham gia cầu nguyện cho những tang lễ quanh vùng. Các bạn đồng tu tâm đầu ý hiệp thường xuyên tới lui nhà của ông để bàn luận, trao đổi kinh nghiệm tu trì.

Ông thường dạy dỗ con cháu trong nhà làm ăn buôn bán phải chơn chất thật thà, và cố gắng ăn chay, tu hiền, niệm Phật. Ông thường nói:

- Các con nên biết, con người sống thì phải có Đạo, rán tu... ông bà mình thì đã có tu rồi, thì mình rán tu! Rán niệm Phật! Rán làm lành! Rán làm phước, giúp đỡ mọi người lối xóm và những người nghèo đói tật nguyện!

- Mình rán niệm Phật để sau này mình được vãng sanh, mình được về Tây Phương, để thoát khỏi bể khổ

trâm luân cõi Ta Bà, an hưởng yên vui vĩnh viễn nơi miền Cực Lạc!

Các con ông noi theo gương ông, nên y theo lời ông dạy. Ông cũng thường nói với các con:

- Không lẽ ba với mấy đứa không kéo nổi má mây hay sao?

Thế là mọi người đồng khuyến tấn bà, dần dần bà cũng phát tâm trường trai theo mọi người vào đầu thập niên 90.

Hằng ngày, ngoài những lúc chăm lo việc đồng áng ruộng vườn hay phận sự cho giáo hội, và công tác phúc lợi xã hội ra, ông tận dụng thời gian còn lại để đờn đát các gia cụ, phụ với người anh thứ Tám, hầu tăng thêm thu nhập. Con gái ông lấy làm lạ khi thấy ông vừa ngồi chẻ tre, hay ngồi vót nan... mà sao môi cha mình cứ lép nhép hoài. Khi hỏi ra mới biết cha mình đang niệm Phật.

Khi đến tuổi lục tuần, các con đã khôn lớn, trưởng thành có thể gánh vác mọi chuyện, ông bèn giao phó việc nhà nên nhàn nhã nhiều hơn. Từ đó trở đi công phu hành trì cũng tăng lên bốn thời trong ngày.

Vào khoảng tháng 2- 2008, chân trái của ông không còn tự chủ được nữa, các con ông đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa Châu Phú để chữa trị, qua một tuần không giảm mà còn tăng thêm một tay bên trái. Thân nhân nóng lòng bèn chuyển ông ra Sài Gòn vào Bệnh Viện Hoàn Mỹ, bác

sĩ chẩn đoán là tai biến mạch máu não, ở đây một tuần thì xuất viện, bệnh tình ổn định tương đối khả quan.

Đến tháng 3 - 2009, bệnh tái phát, gia đình đưa ông vào Bệnh Viện Hoàn Mỹ, điều trị một tháng thì xuất viện về nhà tiếp tục uống thuốc Đông, Tây, Nam, Bắc, lần này bệnh tình không hồi phục mặc dù có đến bệnh viện từ thiện của huyện để tập vật lý trị liệu cả tháng trời, triệu chứng liệt nửa người vẫn không thay đổi mà còn tiến triển ngày càng nhiều hơn!

Mỗi lúc bệnh của ông thêm nặng, các chi bị liệt từ cứng các khớp đốt xương sống và ngón tay; nhất là các ngón tay co quéo lại, lúc đầu còn kéo ra để lau chùi theo các kẽ, về sau cứng đờ cứng còng, khi con ông nắm kéo ra thì ông rất đau nên để nguyên như thế, đến độ các móng bị thúi. Do nửa người bị cứng các khớp nên mỗi lần thay y phục cho ông rất là khó khăn, phải hai đến ba người mới có thể hoàn thành được việc này. Thân ông tuy bệnh nhưng thần trí rất sáng suốt, ông nhớ rõ từng việc mồn một, công phu trì niệm của ông càng tinh thuần hơn trước.

Có lần con ông muốn đi làm ở xa tận ngoài Bình Dương để có thể kiếm tiền, ông khuyên con nên dừng lại ý định đó:

- Thôi con ơi! Mình ở nhà vừa lo làm, vừa lo niệm Phật, lạy Phật thì được rồi!

Bởi vì ngạn ngữ có câu: “Hổ ly sơn hổ bại”, con cạy một khi xa núi lìa rừng khó mà bảo toàn được mạng sống.

Cho nên tầm nhìn của người cha lúc nào cũng xa rộng thực tiễn, mong cho con mình không phải lâm vấp vào bao thứ chạm bẫy đời thường: danh, lợi, cảm tình, văn minh vật chất!

Nếu như mình nghèo mà giữ gìn được đạo, mình có đạo vui với đời sống tu hành, “thiểu dục tri túc” hay là “lạc đạo an bản, xả thân tu tĩnh” thì mình vẫn hạnh phúc hơn nhiều so với tiền tài của cải... Hạnh phúc đó mới là hạnh phúc chân thật. Mà hạnh phúc chân thật ấy vốn có sẵn trong tâm tay của mình, không phải bôn ba kiếm tìm. Khác hẳn tiền tài vật chất là thứ giả dối tạm bợ mong manh luôn thay luôn đổi. Đó cũng là nguồn cội của bao thứ ưu phiền, tang thương khổ lụy, càng làm cho kiếp luân hồi kéo dài vô cùng tận. Như lời của Cổ Đức đã nhận định:

*“Xuống lên nơi cõi hồng trần,
Chịu đường sanh tử, chịu phần khổ lao.
Bị làn sóng nghèo giàu lôi cuốn,
Bắt đầu tranh, bắt muốn hơn thua;
Lợi danh lo bán, lo mua,
Ái tình lo hốt, lo vừa vào thân.
Đi cặp với tâm trần ham hố,
Nào ưu sâu tai khổ muôn trùng;
Mạng căn như đóa phù dung,
Muốn ham chưa thỏa, kể chun vào hòm.
Nếu để mắt mà nom đích xác,
Công Dã Tràng xe cát biển Đông;
Của tiền nhiều lấp cạn sông,
Người yêu đứng lợp cả đồng cũng thôi.*

*Uống công đổ mồ hôi nước mắt,
Vào tình yêu vào các lợi danh;
Chỉ gây lấy tội vào mình,
Thân không trường hưởng, hồn linh đọa đày.”*

Đầu tháng 5 - 2013, bệnh ông trở nặng. Đến ngày mừng 9 ông không còn nói chuyện được nữa và không ăn được gì, chỉ uống nước cúng Phật và một ít sữa. Các con ông và một số bạn đạo bắt đầu lên chương trình hộ niệm. Qua nửa tháng, cô Hai thấy sức khỏe của cha suy kiệt quá nên nóng lòng, bèn truyền dịch cho ông, nhưng chỉ được nửa chai, tình hình không ổn nên dừng lại. Hộ niệm thêm nửa tháng nữa, ông nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng vào lúc 10 giờ 45 phút tối, ngày mừng 8 - 6 - 2013, ông hưởng thọ 78 tuổi.

Trong suốt một tháng ông không nói chuyện được, nhưng có bạn đạo đến khai thị nhắc nhở hay con cháu hỏi ông có nhớ niệm Phật hay không, thì ông gật đầu hoặc nheo mắt. Bình thường ông nằm yên, khi mệt nhiều phải há miệng ra để thở chứ không thấy ông nhép môi niệm Phật theo đại chúng. Vậy mà trước khi ra đi năm phút ông nhép môi niệm Phật theo mọi người rồi mới an lành ra đi. Khi mất miệng ông há to rồi sau đó từ từ khép kín lại.

Hơn tám giờ sau gương mặt của ông sáng đẹp, vui tươi, đỉnh đầu ấm nóng trong khi toàn thân thì lạnh.

Sáng hôm sau là ngày mừng 9, lúc 9 giờ sáng nhập mạch, một điều hết sức đặc biệt là khi thay đồ rất dễ

dàng, không tìm thấy một khớp xương nào cứng cả. Khớp ngón tay co quéo vào bàn tay khi ông còn sanh tiền cứng đến đổi không kéo ra được nữa, vậy mà bây giờ tự động rời ra mềm mại một cách lạ thường!

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Sàng, vợ ông và Nguyễn Thị Vàng, con gái thứ Mười của ông.)

92. NGUYỄN VĂN THUYỀN (1931 - 2013, 82 tuổi)

*Chân thật tu hành hạnh đức to,
Vui đạo an phần chẳng phiền lo!
Trần thế lợi danh không bận buộc,
Quyết đến Tây Phương chỗ hẹn hò!*

Ông Nguyễn Văn Thuyền, là anh ruột của ông Nguyễn Văn Long (chuyện thứ 91 ở trước) sinh năm 1931. Ông là con thứ tám trong gia đình.

Khi em gái thứ chín đi lấy chồng, cha mẹ lần lượt qua đời, ông không lập gia đình mà sống chung với gia đình người em trai út.

Được biết ông phát tâm trường trai tu hành rất sớm (trước năm 1970), nhưng người thân không còn nhớ rõ là năm tháng nào!

Hàng ngày, nghề chính của ông là đương rổ, đương xê. Mỗi khi đến mùa vụ, ông phụ lực đôi chút với em

mình. Ngoài ra ông tích cực đóng góp công sức vào các công tác từ thiện xã hội, như: bắc cầu, bồi lộ, chặt và phơi thuốc Nam...

Tính tình của ông hiền lành, ít nói, không cố chấp nên dễ hòa đồng với mọi người xung quanh. Đối với các cháu trong nhà ông rất mực thương yêu, luôn nhắc nhở chúng tập làm lành lánh dữ, khi thấy chúng có làm điều gì sai trái ông la rầy dạy dỗ xong rồi thì thôi chứ không để bụng. Đời sống sinh hoạt cá nhân rất kiệm ước, ăn mặc đơn giản thanh đạm, chẳng màng danh lợi giàu sang.

Từ khi ông mới bắt đầu tu công khóa mỗi ngày là bốn thời, sau lễ nguyện thì ngồi niệm Phật khoảng một giờ hoặc lâu hơn. Ngày nào ông cũng xem kinh đọc sách, dường như ghiền ghiện! Trọn đời quyển sách ông đọc duy nhất là “Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ”, giống như nhai gạo lứt muối mè, càng đơn giản xem ra càng công dụng, vi diệu vô cùng; đúng với đường lối “Nhất môn thâm nhập, trường thời huân tu” mà cổ Thánh tiên Hiền đã thường khuyên dạy: “Học chi đạo, quý dĩ chuyên!” bởi vì xen tạp nhiều thứ quá thì khó mà chuyên nhất, nên ít được thọ dụng hơn. Các bạn thiện tri thức cũng thường xuyên ghé nhà ông, cùng nhau trà nước đàm luận việc tu hành.

Đặc biệt là ông không hề cất chứa tiền bạc, của cải, chỉ có chiếc xe đạp và chiếc nón nan dùng làm phương tiện thăm viếng các bạn đạo ở phương xa. Lâu thật lâu ông khởi hành một chuyến khoảng năm ba ngày, đó là dịp học hỏi Phật pháp cũng như trao đổi kinh nghiệm

trong phương thức tu tập hành trì. Bao nhiêu tiền làm ra, ông đều giao hết cho các cháu để chi dụng những sinh hoạt cần thiết của gia đình. Mỗi khi con cháu có may y phục mới cho ông bộ nào thì ông chuyển tặng bộ nấy, chỉ chừa ba bộ cũ bên mình để thay đổi thường ngày mà thôi!

Năm 68 tuổi, mắt ông bị cườm, thân nhân đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang để mổ. Vì ông bị cao huyết áp nên bác sĩ không dám giải phẫu. Lúc này lại phát hiện thêm ông bị “thoát vị bìn”, triệu chứng này đã nhiều năm trước tới giờ, nhưng ông không cho con cháu biết, nên đã lâu lắm rồi dáng đi đứng thì thấy xương sống của ông uốn cong lại có dạng lưng tôm và khi nằm thì luôn nằm nghiêng một bên chứ không nằm giữa được. Bác sĩ khuyên gia đình thôi hãy để vậy luôn đi vì ông cụ lớn tuổi, lại cao huyết áp nên phẫu thuật đưa ruột lên sẽ rất nguy hiểm. Hơn nữa, thoát vị ở lúc giai đoạn đầu gây tắc ruột thì mới đáng lo, còn bây giờ đã phình to mà ông chịu đựng quen rồi cũng không có gì phải sợ!

Qua lần bệnh này, khi xuất viện về nhà ông nghỉ dưỡng đác, từ đó chuyên lo tu niệm hơn xưa.

Các cháu trong gia đình khi lên hơn 5 tuổi là ông dạy học thuộc lòng “Bài văn phát nguyện quy y”, rồi kế tiếp là thực hành khóa lễ sớm chiều.

Ông thường nằm trên chiếc võng điếm danh, kiểm soát, đốc thúc từng bữa một. Ngày qua ngày, tập tễnh dần quen, sau đó chúng tự động ý thức, cũng tự giác ngồi

niệm Phật mỗi ngày. Những khi rảnh rỗi, ông đem đạo lý giảng giải cho các cháu nghe, đồng thời khuyên răn niệm Phật, có lần cháu ông hỏi:

- Niệm Phật để làm chi, thưa bác?

Ông đáp:

- Niệm Phật mới được vãng sanh, chớ không niệm Phật thì làm sao vãng sanh được con!

Và ông cũng thường hay dạy:

- Các cháu răn cúng lạy niệm Phật để cứu bản thân mình, khi rửa chén, khi chặt củi, quét sân, xách nước gì cũng răn nhớ niệm Phật. Chỉ có Phật mới cứu mình thôi chứ không có ai cứu mình được... Lúc nào mình cũng răn nhớ niệm Phật để đi thẳng về Tây Phương Cực Lạc. Chỉ có thế giới đó là giải thoát sanh tử luân hồi, thế giới đó mới là tốt đẹp thôi, thế giới đó không còn khổ đau nữa!

Sanh, già, bệnh, chết vốn dĩ đương nhiên là lẽ thật của cuộc đời, người trí nhìn xem xung quanh bao cảnh tượng diễn biến hằng ngày sẽ tự giác ngộ, như lời cảnh tỉnh của Cổ Đức:

*“Da môi tóc bạc lần lần,
Lục cùm chân run mấy chốc.*

...

*Đứng đi mệt nhọc,
Ngồi nằm khó khăn.
Đổ vãi khi ăn,
Trọc trần khi ngủ.*

Mỗi tê đây đủ,
Khấp cả tứ chi.
Chẳng có chỗ ni,
Mà không đau nhức.
Tiểu tiêu rất cực,
Bón thì ngòi hoại.
Có khi cả ngày,
Mà chưa xả trước.
Lắm lúc đi tước,
Không tự chủ cầm.
Lên lảng giường nằm,
Thúi hôi dậy đất.
Quả là khổ thật,
Cho lứa tuổi già.
Ai cũng phải qua,
Được tha là yếu.

...

Nay khỏe chẳng liệu,
Còn đợi chừng nào?
Niệm Phật mau mau,
Cầu về Cực Lạc!
Lâm chung Phật cùng Bồ Tát,
Hương mâu thiên nhạc lai nghinh!
Trời Tây thêm đóa sen xinh,
Ta Bà bớt một hữu tình khổ đau!”

Thời gian mau chóng trôi qua, tám thân tứ đại rồi cũng phải bị định luật vô thường chi phối, biến đổi theo vòng tuần hoàn của thiên nhiên tạo hóa... Năm 2009 (78

tuổi), ông ngã bệnh, thân quyến đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang. Một điều làm các cháu của ông vô cùng kinh ngạc là suốt thời gian ở đây, mặc dù không có đồng hồ nhưng khi đến thời công phu thì ông vẫn ngồi dậy xá nguyện rất đúng giờ, không chênh lệch sai trật, sáng: 5 giờ, trưa: 11 giờ, chiều: 5 giờ, khuya: 11 giờ đêm.

Bác sĩ chẩn đoán ông bị bốn chứng bệnh một lượt: “viêm phổi, viêm gan, suy thận và nhồi máu cơ tim”. Ở đây ba ngày thì chuyển sang Trung Tâm Tim Mạch một tuần. Lúc này bệnh tình rất nguy kịch, ông thường nằm bất động, các mạch máu đã chuyển sang màu tím.

Thân nhân ở nhà đã đặt bàn Phật và mời đồng đạo đến để cầu nguyện cho ông suốt ba hôm liền. Sau đó các bạn thân của ông và gia đình mới liên hệ với bác sĩ, xin được đưa ông về nhà để hộ niệm, vì không muốn ông mất ở bệnh viện. Lúc đầu bác sĩ không chấp thuận, khuyên gia đình “còn nước còn tát”, vì biết rằng khi ông rời khỏi bệnh viện thì mạng sống của ông giống như “chỉ mảnh treo chuông”. Các bạn đồng tu mới đến gần kề vào tai ông trình bày ý định ấy thì thấy ông gật đầu, bác sĩ chứng kiến nên liền chấp thuận cho ông xuất viện. Khi xe đưa về đến nhà, ông nằm trên băng ca lúc khiêng vào nhà, vừa bước ngang qua ngưỡng cửa đến ngôi thờ Tam Bảo thì ông đã chấp tay kính lễ. Từ đó trở đi gia quyến cùng chư đồng đạo túc trực hộ niệm liên tục ngày đêm. Trợ niệm qua ngày kế thì ông dần dần khỏe lại rồi nhanh chóng phục hồi hẳn như lúc bình thường. Quả là bất khả

tư nghị, hiệu lực của câu Hồng Danh Vạn Đức vô cùng thù thắng!

Bốn năm sau, đến năm 2013 ông bắt đầu trở bệnh, nhưng không nặng lắm, thường chỉ lên huyết áp, rồi sự ăn ngủ kém dần.

Trong thời gian một tháng hộ niệm cho ông Út, ông cũng thường ngồi trên giường của mình gần đó để hộ niệm cho em. Chiều ngày mùng 9, lễ an táng của ông Út vừa hoàn mãn, hôm sau là ngày mùng 10 thì ông bắt đầu lên cơn mệt dữ dội, các đồng tu lần lượt được gia đình mời quay trở lại để tiếp tục hộ niệm cho ông. Khi các liên hữu đến khai thị, ông thường bảo rằng vãng sanh là nguyện vọng duy nhất, mà suốt đời mình hằng ôm ấp và nỗ lực hết mình. Ông nói:

- Tôi lúc nào cũng niệm Phật để mong vãng sanh Cực Lạc hết trơn, không có lúc nào quên câu niệm Phật đâu!

Cuộc hộ niệm kéo dài đến ngày 12 tháng 6 năm 2013 (3 ngày 3 đêm), vào lúc 9 giờ 45 phút sáng thì ông nhẹ nhàng ra đi trong âm thanh vang rền của câu Phật hiệu, ông thọ 82 tuổi. Suốt mấy ngày liền môi của ông luôn nhép, niệm Phật theo mọi người, trước khi mất khoảng 15 phút ông vẫn còn dùng một chén cháo, ăn xong nhờ người nhà đỡ nằm xuống. Hơn mười năm qua, do lưng tôm nên ông luôn nằm nghiêng một bên, mà ông thường

nghiêng về bên phải nhiều hơn. Vậy mà trước khi mất ông lại nằm ngửa ra bình thường, hai tay và hai chân tự sửa xuôi theo thân hết sức ngay ngắn, rồi miệng ngưng nhép, từ từ dứt thở đi êm, mọi người chứng kiến một cảnh tượng quá đổi lạ lùng!

Đến 5 giờ chiều, đồng thời tiến hành làm lễ nhập mạch và an táng, khi ấy gương mặt của ông hồng hào, vui đẹp hơn lúc còn sanh tiền, các khớp xương mềm dịu, các nơi đều lạnh, duy có đỉnh đầu vẫn còn ấm nóng.

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Vàng, cháu của ông.)

93. PHAN THỊ KIÊM (1940 - 2011, 71 tuổi)

Bà Phan Thị Kiêm sinh năm 1940, cư ngụ tại ấp Vĩnh Bảo, xã Vĩnh Hậu, huyện An Phú, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Phan Văn Mãi, thân mẫu là cụ bà Lê Thị Hai. Bà là chị Ba trong gia đình có bốn chị em.

Thuở còn trẻ bà buôn bán vải ở chợ An Phú, sau đó chuyển sang bán thuốc Tây và bán tạp hóa tại nơi bà hiện đang định cư cho đến lúc mãn phần.

Bà có bản tính vui vẻ, hoạt bát, hiền lành, hiếu thảo với cha mẹ, hòa thuận với chị em, đối với chòm xóm chẳng mịch lòng một ai. Đặc biệt, khi biết mình có lỗi thì xin lỗi chứ không để phiền hà cho ai, mặc dù người đó nhỏ tuổi hơn mình!

Khi tuổi ngoài 30, bà bị bệnh u nang tử cung, nên đã ra Sài Gòn phẫu thuật. Có lẽ bệnh hoạn đeo đẳng giúp bà tỉnh ngộ Phật pháp, nên vào năm 1987 bà phát tâm trường trai, quyết lòng tu hành niệm Phật cầu sanh về Cực Lạc.

Bà rất mạnh mẽ làm các việc từ thiện xã hội, bằng số tiền ít ỏi có được từ nguồn thu nhập buôn bán hằng ngày. Mỗi khi có ai đến quyên góp, như: bác cầu, làm đường, cứu tế chân bần, tang sự, bệnh hoạn... bà đều hoan hỷ dốc túi để ủng hộ. Bà còn tham gia chặt thuốc Nam mỗi khi có các đồng đạo gần nhà tổ chức.

Bà thường khuyên dạy các cháu của mình:

- Rán ăn chay trường, tu hành, thờ kính cha mẹ... Rán làm ăn chân thật... Mình tu để hưởng kiếp sau ở cõi Tây Phương Cực Lạc, chớ coi đời này giả tạm lắm!

Bà còn dẫn dắt các cháu đi cầu nguyện tuần thất cho bà con quanh vùng. Thời khóa công phu của bà thâm lặng và rất đều đặn. Ngoài hai thời sáng chiều ra, có lúc khỏe thì bà tăng thêm thời giữa trưa. Bà niệm Phật chủ yếu là trong mọi oai nghi: đi, đứng, nằm, ngồi không đợi gì thời khắc. Bà thỉnh thoảng cũng xem kinh sách, nghe băng đĩa về pháp môn Tịnh độ, do vì pháp môn này thích hợp với mọi căn cơ, mọi hoàn cảnh, mọi tầng lớp trong xã hội, bất kỳ ai cũng có thể tu được cả, vừa đơn giản dễ dàng, vừa đảm bảo an toàn, lại vô cùng nhanh chóng, như lời nhận định của Cổ Đức:

“Cho nên các Phật xưa nay,
Thường khuyên bá tánh Liên đài cầu sanh.
Pháp cao người khó nổi hành,
Thì là niệm Phật làm lành cũng nên.
Không cần phải niệm to lên,
Niệm thầm trong dạ đừng quên cũng thành.
Trong tâm khởi một niệm sanh,
Mười phương chư Phật nghe rành như vang.
Chớ nghi Phật ở Tây phang,
Không nghe thấu tiếng vái van trong lòng.
Phật nào cũng có lục thông,
Ngồi xa vẫn biết rõ lòng chúng sanh.
Lo mình niệm Phật không rành,
Đừng lo Phật ở xa mình không hay.
Nhứt tâm cầu đạo Như Lai,
Phật trong được rõ Phật ngoài đều thông.
Nam mô sáu chữ thành lòng,
Có ngày sẽ được sáu thông tại trần.
Dù là kẻ phú hay bần,
Đều tu niệm được không phân nghèo giàu.
Nhứt tâm niệm Phật thì mau,
Phóng tâm niệm Phật thế nào cũng lâu.
Mau lâu chẳng tại Phật đâu,
Mà là tại kẻ thật cầu hay không.
Thật cầu thì Phật mau trông,
Giả cầu thì Phật khó mong thấy liền.
Thế gian dụng bạc làm duyên,

*Phật Trời dụng tấm lòng thiêng¹ làm căn.
Lòng thiêng nếu để nứt rạn,
Thì là không thể bước sang Phật đài”.*

Đến năm 2009 (lúc 69 tuổi), bà ngã bệnh, chữa trị đã rất nhiều nơi, cuối cùng khi ra bệnh viện Chợ Rẫy, bác sĩ ở đây mới phát hiện ra là bà bị “xơ gan”, rồi cho bà mua thuốc về nhà uống và dặn bà: khi nào uống hết thuốc thì trở ra tái khám. Bà đi tái khám được vài lần nhưng thấy kết quả chẳng khả quan gì, nên bà ngưng dùng thuốc, chuyên lo niệm Phật để chuẩn bị cho chuyến ra đi cuối đời của mình được bảo đảm thành công!

Lúc này bà lo thu xếp dần công việc buôn bán lại, đồng thời tham dự những ngày niệm Phật định kỳ được tổ chức tại tư gia của bạn đồng tu ở địa phương. Có khi sức khỏe kém, không đủ sức đi lên gác lầu để niệm Phật cùng đại chúng, phải nhờ người dìu, vậy mà bà vẫn cố gắng có mặt đầy đủ, không hề thiếu vắng lần tu nào. Ngoài ra bà còn thường hay xuất tiền ra mua vật mạng phóng sanh.

Đầu năm 2011, bệnh tình của bà sắp đến thời chung cuộc. Bụng của bà đã bắt đầu no tròn, sức khỏe không còn đủ để tự chăm sóc cho chính mình, bà mới về ở chung nhà với hai vợ chồng người em trai Út gần đó, để nhờ em cháu cùng chư vị đồng tu chăm sóc và hộ niệm. Có nhiều người khuyên bà nên đi bệnh viện, bà một mực nhất quyết từ chối vì bà biết rằng chứng bệnh của mình không có bệnh

¹ Lòng thiêng: lòng thành.

viện nào hay một thứ thuốc nào có thể đủ khả năng chữa trị được hết. Để khỏi phải tốn tiền, phí thời gian vô ích, và tổn hại nặng nề nhất là dễ bị phân tâm mà mất phần vãng sanh. Sự quyết định của bà tương ứng với lời dạy của Thiện Đạo Đại Sư, vị tổ thứ hai của Tịnh Độ tông:

“Người niệm Phật khi sắp mãn phần, muốn được sanh về Tịnh Độ thì điểm cần yếu là đừng sợ chết. Phải thường nghĩ thân này như nhớp, biết bao điều khổ lụy trôi vây! Nếu bỏ được thân huyễn hội như, sanh về Cực Lạc, thọ thân kim cương thanh tịnh, sẽ thoát khỏi luân hồi khổ thú, hưởng vô lượng an vui. Ví như bỏ chiếc áo cũ rách đổi lấy đồ trân phục còn điều chi đáng thích ý bằng. Nghĩ như thế buông hẳn thân tâm, không còn lo buồn tham luyến. Lúc vừa có bệnh thường liền nghĩ đến sự vô thường, một lòng niệm Phật chờ chết. Nên dặn thân thuộc chớ lộ vẻ bi thương, cùng bàn việc hay dở trong nhà, nếu có ai đến thăm chỉ khuyên vì mình mà niệm Phật, đừng hỏi thăm chi khác. Cũng không nên dùng lời dụ dàng an ủi, chúc cho sớm được lành vui, vì đó là chuyện bông lông vô ích. Phải bảo trước cho quyến thuộc biết: lúc mình bệnh ngặt sắp mất, đừng rơi lệ than khóc hoặc phát ra tiếng than thở âu sầu, làm cho kẻ lâm chung rối loạn tâm thần, lạc mất chánh niệm. Nói tóm lại, tất cả chỉ giữ một việc xưng danh trợ niệm cho đến khi tắt hơi. Nếu lại được bậc thiên tri thức, hiểu rành về Tịnh Độ thường đến nhắc khuyên, thật là diệu hạnh!

“Như lúc lâm chung, biết áp dụng phương pháp này, tất sẽ được vãng sanh, không còn nghi ngờ chi nữa.

“Việc vượt qua cửa tử là điều rất quan hệ lớn lao, phải tự mình gắng sức mới được.

“Nếu một niệm sai lầm, tất nhiều kiếp sẽ chịu khổ lụy. Đâu có ai thay thế cho mình? Phải chú ý nghĩ suy và ghi nhớ kỹ!”

Bệnh tình của bà nặng dần, những cơn đau ngày càng nhiều hơn. Nhưng những lần đau và mệt đến, bà niệm Phật vang dội, thỉnh thoảng xen kẻ phát nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc âm thanh lớn đến độ bao nhiêu người đi ở ngoài đường thấy đều nghe biết. Khi bà mệt thì thân nhân và các bạn đạo tập trung lại cùng hộ niệm cho bà, đến chừng qua cơn đau cơn mệt rồi thì tạm dừng bèn giải tán để mỗi người lo làm công việc của mình.

Lúc đầu bà còn tự ngồi dậy để dùng cơm, về sau phải nhờ người đỡ, và cuối cùng không đỡ dậy được nữa mà phải nằm luôn!

Trước khi mất một tháng, bà nhờ người em dâu Út đem hai quyển sổ ghi nợ ra đốt hết.

Ngày 27 tháng 1 năm 2011, vào buổi chiều, đứa cháu đem cơm đến đút cho bà ăn nhưng bà không ăn, và bà cũng không còn nói chuyện được nữa. Gia đình mời chư đồng đạo đến để lên chương trình hộ niệm liên tục cho bà. Khi có liên hữu đến khai thị, khuyên bà xả bỏ muôn duyên, chí tâm niệm Phật cầu vãng sanh Tây Phương, thì bà gật đầu hoặc nheo mắt. Bà cứ nằm im như vậy hai ngày đêm, đến 2 giờ chiều ngày 29 - 1 - 2011, bà mới trút hơi thở cuối cùng, ra đi trong thanh thản nhẹ nhàng. Bà hưởng thọ 71 tuổi.

Hộ niệm được ba tiếng đồng hồ, gương mặt của bà bỗng thay đổi lạ thường: đôi mày đậm đen và dài ra rõ rệt, má hồng, môi đỏ hẵn lên. Đến 8 giờ tối nhập liệm, thì các khớp xương dẹt oặt. Mọi nơi đều lạnh hẵn, duy có đỉnh đầu còn ấm nóng.

Ngày 27 (trước lúc mất 2 ngày), vào khoảng 5 giờ chiều, trong phòng của bà xuất hiện một mùi hương lạ. Đứa cháu của bà nói với mẹ em rằng:

- Mẹ ơi, trong nhà mình có cái gì mà thơm dữ vậy?

Người em dâu Út của bà quả nhiên bắt gặp mùi hương lạ này, hai mẹ con bèn đi tìm kiếm nhưng không tìm ra manh mối gì cả!

Đến khoảng 6 - 7 giờ tối ngày 29, lúc đang hộ niệm, mùi hương ấy lại lan tỏa, nhiều người đang ngồi hộ niệm đều ngủ được.

Sau khi an táng xong, bộ ván bà nằm, người nhà đem ra dội rửa, khi tưới nước vào để chà rửa thì mùi hương ấy lại xông ra thơm bát ngát. Ba ngày sau, khi đem bộ ván vào nhà, nó cũng phát ra thoang thoang mùi hương lạ ấy. Mùi hương đó kéo dài đến thêm ba, bốn hôm nữa mới chấm dứt!

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Phúc, em dâu Út của bà, và đồng đạo Hòa, đồng đạo Thủy).

94. NGUYỄN HỮU PHƯỚC (1908 - 2011, 103 tuổi)

Ông Nguyễn Hữu Phước sinh năm 1908, cư ngụ tại số nhà 139, khóm 2, phường 2, thành phố Sa Đéc. Thân phụ là cụ ông Nguyễn Hữu Kinh làm quan cùng thời với Hoàng Hoa Thám, thân mẫu là cụ bà Trịnh Thị Cẩm. Ông là con thứ ba trong gia đình có sáu anh em.

Khi tuổi trưởng thành, ông kết hôn với bà Nguyễn Thị Nguỡng, sinh được ba trai hai gái. Nhà ông có một chiếc xe khách và một chiếc xe tải, chuyên đưa khách và chở hàng hoá dùng làm phương kế sanh nhai.

Thuở thanh niên ông tham gia kháng chiến chống Pháp, rồi sang kháng chiến chống Mỹ. Khi các bạn đồng đội tập kết ra Bắc, thì ông xin ở lại miền Nam tiếp tục hoạt động bí mật cho đến ngày hưu trí.

Bản tính của ông thẳng thắn, quyết định dứt khoát, dễ buông xả, không cố chấp, có tinh thần trách nhiệm cao, đặc biệt là giàu lòng thương người!

Khi tuổi về già, ông thích luyện tập “Dịch cân kinh” và nghiên cứu Thiên học, chăm chỉ ngồi thiền, với mục đích để đạt được sức khoẻ tốt và để có được một tinh thần thoải mái trong cuộc sống.

Cô con gái thứ Hai của ông Pháp danh là Tịnh An đã giới thiệu Phật Pháp cho ông. Trước tiên cô trao cho ông xem quyển kinh A-di-đà, kế tiếp là lời khai thị của

Ấn Quang Đại Sư. Khi tín tâm ông đã khởi phát, cô bèn hướng dẫn ông đến chùa Kim Huê quy y Tam bảo với Hòa Thượng Thiện An, được Pháp danh là Đức Thọ, vào năm 1993, lúc ấy ông đã 85 tuổi.

Từ đó về sau, ông chuyên cần niệm Phật cầu nguyện vãng sanh Tây Phương Cực Lạc thế giới. Mỗi tối thấp hương xong thì ông ngồi niệm Phật, ngoài ra thì ông niệm trong mọi oai nghi. Đại đức Chơn Tánh thường hay tới lui khuyến tấn pháp môn Tịnh độ, ông vô cùng hoan hỷ mỗi khi trao đổi với thầy.

Sức khoẻ của ông rất tốt, ít khi bệnh, mỗi lần trúng cảm thì ông chỉ nấu nồi lá xông là giải quyết bệnh được ngay. Còn vấn đề ăn uống đối với ông vô cùng đơn giản, con nấu cho ông ăn thứ nào, thì ông dùng thứ nấy, chưa từng kén lựa đòi hỏi, khen chê ngon dở! Do vì cô Tịnh An tập ăn chay mỗi tháng bốn ngày, sau đó cô tăng dần lên sáu ngày, rồi mười ngày. Cuối cùng cô trường trai nên ông cũng dùng trường trai theo.

Hằng ngày, mỗi khi dùng cơm ông thường hay nhắc đi nhắc lại:

- Các con sống phải thương yêu nhau, đùm bọc nhau... rán niệm Phật, niệm Phật mới không có khổ nghen con!

- Hồi nhỏ tới lớn thì ba rất có hiếu với ông bà. Khi ba hoạt động cách mạng thì ba vì nhân dân, vì đất nước; Khi ba có gia đình rồi thì ba rất thương con cái, chăm lo đời sống gia đình; Khi ba ngộ được pháp môn Tịnh độ,

biết được Đức Phật A-di-đà, Ngài đã phát nguyện: Nếu chúng sanh nào nghe cõi nước của Ta hết lòng tin ưa, xưng danh hiệu Ta, như không được sanh, Ta thề không thành Phật. Do vậy ba rất muốn vãng sanh về thế giới Cực Lạc để ba tu với Đức Phật A-di-đà. Chừng nào ba thành Phật, ba mới trở lại độ tất cả chúng sanh, mới độ cho con cháu được!

Và ông cũng thường khẳng định một cách mạnh mẽ với cô Tịnh An:

- Chỉ có Đức Phật mới chỉ dẫn cho mình và đưa mình đến con đường giải thoát mà thôi. Mình đi theo Phật thì mình tu thành Phật, mới độ cho con cháu được. Nếu mà mình không có tu, không có niệm Phật, ở ngoài đời mình tranh chấp hơn thua... mình khổ lắm con ơi!

Như hiện trạng mà Cổ Đức đã khuyến tấn:

*“Chúng sanh trong nhà lửa,
Đang say giấc mộng trường;
Nếu không người gọi thức,
Tất bị cháy tan xương.
Chuông Thiên nên động gập,
Nước Tịnh phải rưới bơn;
Độ dân rời hỏa trạch,
Cùng Phật đáo Tây Phương.
Tử sanh không ràng buộc,
Phiên não hết vấn vương;
Vượt ngoài vòng nhân ngã,
Khỏi hẳn cảnh ghét thương.*

*Phàm tình không phá phách,
Sự thế hết nhiều nương;
Luôn vui không thấy khổ,
Thật tự tại miên trường.
Chúng sanh trong hạ giới,
Mau cải ác tùng lương;
Giác mê trần hãy tỉnh,
Cửa Phật pháp mau nương.
Cõi đời là đau khổ,
Kiếp sống vốn vô thường;
Rán tu cho giải thoát,
Ấy là kế thượng phương.”*

Vào khoảng đầu tháng 5 năm 2011, ông tự nhiên ăn ít lại, dường như linh cảm rằng mình sắp sửa đi xa!

Đến ngày mùng 4, ông nói với cô Tịnh An:

- Ba không ăn uống gì được nữa con ơi, như vậy thân thể của ba càng sạch sẽ đặng ba theo Phật!

Cô con gái thứ tư chưa hiểu Phật Pháp nên rất sợ ông chết, thấy ông không ăn uống gì và thấy ông mệt nên chiều hôm đó cấp tốc đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa Sa Đéc. Bác sĩ khám xong, nói:

- Ông cụ này... yếu sức suy kiệt rồi!

Nên liền cho ông thở oxy và truyền dịch chứ không xử lý gì thêm. Ông bảo cô Tịnh An ngồi bên cạnh niệm Phật cho ông nghe. Qua hôm sau, tức là ngày mùng 5, vào lúc 5 giờ chiều, cô Tịnh An đề nghị:

- Thôi mình về nhà nghen ba! Mình về nhà để niệm Phật nghen ba?

Ông đồng ý và tỏ thể cùng cô:

- Con lau mình mẩy cho ba sạch sẽ đi, rồi con đi làm giấy tờ, để cho ba về nhà!

Gần 10 giờ tối về tới nhà, ông bắt đầu chìm vào hôn mê. Vài bạn đồng tu được mời đến hộ niệm và thay thế sám hối cho ông. Khi cô Tịnh An khai thị:

- Đức Phật dạy trong kinh: Từ vô thủy kiếp đến nay do vì si mê mà thân, khẩu, ý của mình đã gây tạo vô lượng vô biên tội lỗi. Mà ba ơi! Riêng đời này hồi xưa tới giờ, ba vì dân vì nước, ba có chiến đấu để giành độc lập thì ba cũng có sát sanh. Bây giờ ba phải cùng sám hối với con!

Nói vừa hết câu thì thấy hai hàng nước mắt của ông tuôn ra, chảy xuống. Sáng ra, cô Tịnh An sang Tịnh xá Ngọc Quang thỉnh sư Chơn qua khai thị cho ông, và liên hệ mời Ban Hộ Niệm ở Vĩnh Long cùng quý Phật tử Tịnh xá Ngọc Quang.

Lúc 8 giờ 10 phút, khi mọi người đã tề tựu đông đủ, cô Tịnh An đến bên cạnh nói với ông rằng:

- Ba ơi! Ba cho phép con rút ống ôxy ra để Ban Hộ Niệm niệm Phật cho ba nghe? Ba phải buông xả tất cả và nhất tâm niệm Nam Mô A-di-đà Phật nghe ba! Ban Hộ Niệm chúng con niệm Phật tiếp cho ba, để ba vãng sanh nghe ba!

Nói xong mọi người đồng thanh niệm Phật và rút ống thở ra, 5 phút sau ông nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng, miệng vẫn còn hở. Một giờ sau gương mặt ông dần dần trở nên hồng hào. Qua tám tiếng đồng hồ thì da mặt

căng lên tất cả nếp nhăn đều biến mất, môi đỏ, các khớp xương mềm mại, đỉnh đầu ấm nóng trong khi mọi nơi khác trên cơ thể đều lạnh. Đặc biệt là miệng ngậm lại và nở một nụ cười trên gương mặt của một cụ già tuổi đã 103 tuổi. Hôm ấy nhằm ngày mùng 6 tháng 5 năm 2011.

Khi chứng kiến sự ra đi tốt lành của ông, rất nhiều người trong thân tộc đã quy y Tam Bảo, quyết chí tu hành.

Một sự kiện kỳ lạ, là tối đêm đó đang hộ niệm bỗng nhiên tất cả đèn trong nhà đều tắt hết mà không tìm ra được nguyên do. Cô Tịnh An bèn đi ra nhà sau thì phát hiện em dâu thứ năm định lén giết gà nấu cháo để thết đãi tộc họ. Cô giải thích và khuyên em nên đãi khách toàn bộ bằng thức ăn chay lạt để hồi hướng cho cha. Khoảng 15 phút thì tự động đèn sáng trở lại!

Bà vợ của ông tuổi đã 90, xưa nay vẫn trọn bốn phận làm vợ, làm mẹ; có điều là bà không biết gì về Phật pháp, và bà niệm Phật không được. Cô Tịnh An đem máy niệm Phật đến mở lên cho bà nghe, thì âm thanh vào lỗ tai của bà không phải “Nam Mô A-di-đà Phật”; mà bà nghe là: “Con trâu đi cày! Con trâu đi cày!” Các con Bà tụng kinh Địa Tạng và Chú Vãng Sanh để hồi hướng cho bà, và những lễ tuần thất siêu độ cho ông thì tiến hành trai phạn, cúng dường Tam Bảo ở các chùa, tịnh xá, cũng hồi hướng cầu an cho bà luôn. Lần hồi bà niệm Phật được bình thường như mọi người! Qua 100 ngày, một hôm bà đem nỗi thắc mắc trong lòng hỏi cô Tịnh An:

- Sao mà ngộ quá con! Mấy tuần nay má niệm Phật dữ lắm! Má nghe người ta niệm Phật vang dội cả một góc trời. Tại sao người ta niệm Phật sáng đêm mà không mệt, vậy hả con?

Con bà nghe thế mừng lắm, bèn hỏi:

- Rồi má có niệm Phật theo không, thưa má?

Bà đáp:

- Có!

Lúc còn sinh tiền, anh em của ông đều ở xa, duy có người em trai thứ bảy ở cách dưới nhà ông một đổi, nên ông rất thương yêu và giúp đỡ ông này. Khi vừa hay tin ông mất, ông Bảy đến đòi vô sờ thử, cô Tịnh An chạy ra đón lại và năn nỉ:

- Chừng tám tiếng đồng hồ sau chú hãy lên thăm thì con cho chú thăm, chú Bảy ơi! Còn bây giờ để cho Ban Hộ Niệm người ta niệm cho ba con vãng sanh theo Phật!

Ông Bảy nghe xong giận lắm, la chửi một tí rồi ra về. lát sau ông Bảy trở lại, cô Tịnh An cùng vài bạn đạo đi ra tiếp tục năn nỉ và giải thích nữa; nhưng ông Bảy vẫn không hiểu gì hết trơn hết trọi, nên đã la ó om xòm:

- Người ta lên thăm anh em mà cũng không cho... cái kiểu gì mà kỳ cục vậy! Từ xưa đến giờ tao không thấy cái nhà nào kỳ cục như cái nhà này!

Đến chừng qua tám giờ hộ niệm xong, trông thấy sắc diện tươi vui xinh đẹp, thân xác mềm mại của anh

mình quá lạ lùng. Gần trọn đời người mà ông Bảy chưa từng một lần chứng kiến, nên ông vô cùng hoan hỷ.

Đến tuần thất thứ hai, ông Bảy nằm mộng thấy ông về cùng với bốn vị nữa, tất cả đều đắp y cà sa màu đỏ thắm, đầu sạch tóc láng bóng. Ông đến bên cạnh khuyên ông Bảy nên cạo đầu, ăn chay, quy y Tam Bảo và thọ năm giới. Ông Bảy đáp:

- Chắc em ăn tương không nổi!

Ông nói:

- Nếu em ăn tương không nổi thì em ăn chuối với muối tiêu!

Ông còn giảng giải Phật Pháp cho ông Bảy nghe rất nhiều, nhất là giảng giải về Năm giới.

Khi tỉnh giấc ông Bảy rất vui mừng thuật lại cho mọi người. Đồng thời ông Bảy cũng đã làm y theo lời của ông khuyên dạy trong giấc chiêm bao. Cô Tịnh An bèn hướng dẫn cho ông Bảy công khoá hành trì pháp môn Tịnh độ, cách thức phát nguyện cầu vãng sanh Cực Lạc,... nhất nhất đều rành rẽ rõ ràng, lúc này ông Bảy đã 89 tuổi!

Từ đó về sau mỗi lần gặp cô Tịnh An, ông Bảy thường nói:

- Nữa... chừng nào chú sắp chết, con mời Ban Hộ Niệm đến hộ niệm cho chú giống như là ba con, vậy đó!

(Thuật theo lời Nguyễn Thị Lệ Hoa, pháp danh Tịnh An cô con gái thứ Hai của ông.)

95. TRẦN MINH CHÂU (1920 - 1979, 59 tuổi)

*Có tài mà cậy chi tài,
Vun bồi đức hạnh chờ ngày nở hoa.
Tình thương rãi khắp gần xa,
Chí tâm tưởng Phật liên tòa phóng quang!*

Ông Trần Minh Châu sinh năm 1920, cư ngụ tại ấp Long Hòa 2, xã Long Điền, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang. Thân phụ là cụ ông Trần Văn Trông, một thầy thuốc danh tiếng đương thời; thân mẫu là cụ bà Dương Thị Lánh. Ông là con thứ Ba trong gia đình có chín anh em.

Khi tuổi trưởng thành ông được cha truyền cho nghề Đông y. Sau khi đã hoàn tất học nghiệp, ông không hành nghề này mà cùng một số bạn đồng trang lứa sang Campuchia mưu sinh bằng những nghề lao động tay chân nặng nhọc như gánh đất mướn...

Hôm nọ, nhà ông chủ có cô con gái Út bị bệnh “băng kinh”. Mặc dù đã rước nhiều lương y đến chẩn mạch và kê đơn, chẳng những bệnh tình không hề thuyên giảm, mà càng ngày càng nghiêm trọng thêm hơn, tính mạng đang cơn nguy ngập “thập tử nhất sinh”. Trong số anh em làm chung có người đề nghị:

- Anh biết nghề thuốc! Thì thôi ra tay nghĩa hiệp trị bệnh cho con gái ông chủ đi!

Rồi họ bèn giới thiệu ông với ông chủ nhà. Ông liền xin ông chủ nhà đưa toa thuốc của những vị lương y trước đã hốt để xem. Ông chủ nhà liền hỏi:

- Bộ mày biết hốt thuốc Bắc hả?

Ông khiêm nhượng đáp:

- Con cũng biết chút đỉnh chứ không có biết nhiều, ông ơi!

Sau khi đọc toa thuốc xong, ông nói:

- Bệnh này dùng phương thang này thì đúng rồi! Nhưng trong đây có mấy vị thuốc cần phải đem đi sao đen thì mới chỉ huyết, tức là cầm máu; còn như không sao đen để dùng sống thì nó có tác dụng ngược lại là hoạt huyết, tức là máu ra nhiều hơn chứ không cầm máu được!

Ông chủ nhà cấp tốc làm y theo lời hướng dẫn của ông, bệnh của cô con gái lập tức khỏi hẳn.

Bấy lâu nay mọi người xem ông rất bình thường. Nhưng qua sự kiện này thì mọi người nhìn ông bằng cặp mắt khác, ai ai cũng kính nể ông và không cho ông gánh đất nữa.

Sau khi mục kích bệnh trạng của con gái mình trong cảnh hiểm nạn phút chốc biến mất, ông chủ nhà mừng quá, mời ông đến để nói lời cảm ơn và ngỏ ý muốn gả con gái cho ông, nhưng ông từ chối!

Kế đó ông chủ nhà giàu có ấy lại nảy ra dự định khác, là ông sẽ bỏ vốn ra đầu tư kinh doanh một tiệm thuốc Bắc

cho ông đứng trông coi. Khi nêu lên kế hoạch trù liệu này với ông, ông cũng khước từ. Vì mong muốn chẳng để cho một nhân tài bị mai một, ông chủ nhà không muốn ông gánh đất nữa, với dụng ý ép buộc ông ra tay cứu giúp thế nhân bằng kiến thức y học gia truyền của mình. Vậy là ông bị rơi vào tình trạng thất nghiệp, ông bèn bỏ trốn về lại quê xưa sau gần mười năm tha hương phiêu bạt.

Không lâu sau, ông kết hôn với bà Trương Thị Lắm, sinh được mười người con nhưng mất hết năm, chỉ còn ba trai hai gái. Gia đình ông sanh sống bằng nghề làm ruộng.

Năm 1946, do nhìn thấy nhiều người bị bệnh khổ và nghèo đói bức bách, lâm vào cảnh khốn cùng, ông bèn lập ra một phòng thuốc Nam từ thiện tại nhà. Những bệnh nhân nào cần dùng thuốc Bắc thì ông kê đơn cho họ tự đi đến tiệm để hết, hoặc ông đích thân mang về rồi lấy lại tiền vốn. Việc làm của ông được đại đa số quần chúng hưởng ứng, kẻ góp công người góp của, lần hồi phòng thuốc trở nên hưng thịnh. Đồng thời, cái tên thầy Ba Châu dần dần trở nên quen thuộc với tất cả mọi người, lúc đó ông 27 tuổi.

Ngoài ra ông còn thu nhận rất nhiều học trò, truyền đạt về nghề thuốc lẫn Hán văn, để tiếp nối sự nghiệp phúc lợi xã hội này.

Tính tình của ông vui vẻ, hài hòa, ít nói nhưng rất cương nghị và nghiêm túc, luôn nghiêm khắc với chính mình, rộng dung thứ người. Luôn tỏ ra uy đức khiến cho

mọi người nể sợ, ông dùng thân giáo làm chính. Đời sống sinh hoạt cá nhân thì vô cùng đơn giản, ăn rất thanh đạm, mặc thì chỉ hai bộ đồ để thay đổi mà thôi, và ông tự tay mình đẽo hai đôi guốc, một đôi bằng cây vông nem, còn đôi kia thì bằng cây gòn.

Được biết ông dùng trường trai rất sớm nhưng con cháu không nhớ rõ là tháng năm nào!

Ông thường khuyên học trò và mọi người rán tu tròn nhân đạo để niệm Phật cầu sanh Tây Phương Cực Lạc, bởi vì xét thấy tu hạnh xuất gia không phải dễ dàng!

*“Nếu xuất gia thì phải hy sinh,
Cả vật chất tinh thần lo Đạo.
Chớ giả dối mà mang sắc áo,
Mượn bồ-đề chuỗi hạt lòn người.
Làm cho dân khinh để ngạo cười,
Tội lỗi ấy luật nào dung thứ.”*

Ông thường đọc kinh “Pháp Bảo Đàn”, “Giảng Xưa” và quyển “Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ” bằng chữ Nôm, hằng ngày ông ngủ rất ít, giữa khuya ông đã dậy công phu, đến 3 giờ thì đọc sách hoặc là dạy các con học cho đến giờ công phu buổi sớm mai, rồi bắt đầu lo chẩn mạch bốc thuốc. Tối giờ cơm sáng thì tạm nghỉ, dùng cơm xong thì tiếp tục làm việc cho tới giờ cơm chiều. Dùng cơm chiều xong, ông tiếp tục giải quyết cho đến hết bệnh nhân mới thôi. Ông đối xử với mọi người rất bình đẳng không phân biệt giàu nghèo, chức vụ lớn nhỏ... Hễ ai đến trước thì trị bệnh trước, ai đến sau thì chẩn mạch sau. Tiền bạc, oai thế

không áp chế được ông. Chỉ ưu tiên cho những trường hợp đặc biệt mà ai cũng phải công nhận thôi! Tối đến, công phu xong thì ông đi nghỉ một lát, đến 11 giờ thì tiếp tục công phu khuya. Ngày nào cũng lặp đi lặp lại đều đặn như thế.

Làm việc ở cơ quan, hăng xướng có lãnh lương và còn có giờ giấc, mỗi tuần đến chủ nhật và ngày lễ thì đều nghỉ; riêng ông thì hoàn toàn trống không các khoảng ấy. Đôi khi hai buổi cơm ban ngày, thậm chí giấc ngủ ban đêm cũng chẳng được tròn nữa là... Việc làm này xuất phát từ tinh thần tự nguyện, hết lòng hy sinh phụng hiến!

Chùa Long Hòa là ngôi chùa làng, ông cũng có tên trong danh sách Ban Hộ Tự. Thế mà những ngày lễ lớn trong năm hay là những buổi họp trọng đại ông đều tham dự chẳng trọn vẹn bởi bệnh nhân kiếm tìm. Các dịp cúng quảy trong thân tộc cũng không ngoại lệ. Dường như quanh năm suốt tháng bước chân của ông chưa hề bước ra cửa ngõ.

Bệnh nhân đến hết thuốc ông thường khuyên giữ im lặng, đừng bàn chuyện thị phi, đừng bói móc xấu dở hay bài bác nọ kia... Đúng như câu:

*“Chuyện người chớ móc chớ moi,
Hãy treo gương thiện mà soi lấy mình”.*

Mặc khác, cả đời ông đã chứng kiến rất nhiều bệnh nhân giàu có tài sản kếch sù nhưng rồi cũng phải cúi đầu trước tử thần, ngoan ngoãn chấp hành. Các cơn đau đớn

dữ dội trên thân cứ hành hạ liên tục đêm ngày chẳng dứt; những nỗi niềm sâu khổ trong tâm cứ cắn xé mãnh liệt không ngừng, bao nhiêu danh y diệu dược đều bó tay vô phương cứu chữa, giờ phút ấy mọi thứ vật chất của cải, bạc tiền... đều trở thành con số không to tướng, mọi thứ đều trở nên vô dụng! Những bệnh nhân ấy xem ra khổ đau còn kinh khiếp hơn những người bình thường. Đúng y như lời nhận định của cổ nhân:

*“Vĩ hưởng khoái lạc ngàn muôn,
Đâu khỏi vô thường chết mất!*

...

*Cho rằng vật chất,
Chỗ dựa an toàn.
Tính toán lo toan,
Cả đời tạo lập.
Tháng năm vun đắp,
Cốt sao cho nhiều.
Ngỡ rằng được nhiều,
Sẽ là hạnh phúc.
Ruộng vườn sung túc,
Thẳng cánh cò bay.
Nhà cửa lầu đài,
Trang hoàng rực rỡ.
Xe tàu đủ cỡ,
Bóng lộng cao sang.
Sở hữu bá bang,
Vô biên tài vật...*

...

Nào ngờ khi mất,
Chẳng đem được gì!
Tâm trí ưu bi,
Mến yêu thương tiếc.
Phút giây vĩnh biệt,
Đau đớn vô vàn!
Luống uổng biết bao công lao
dã tràng xe cát,
Tìm gan tan nát,
hồn vía bán loạn kinh hoàng!

...

Giờ chưa muộn màng,
Phải nên tu gấp!
Thiện cần xây đắp,
Ác thì sám hối, cố gắng ngăn chừa.
Thành lòng niệm Phật sớm trưa,
Tin sâu nguyện thiết quê xưa sẽ về.
Lâm chung quyết nự Liên Huê,
Khỏi vòng sanh tử u mê bao đời!”

Vào cuối năm 1978, sức khỏe của ông bắt đầu suy sụp, ăn uống kém dần, nhưng ông vẫn làm việc bình thường. Hôm nọ, vào một buổi chiều ông nằm trên chiếc võng có đủ mặt ba người con trai, ông nói:

- Ba tháng nữa ba mất!

Chú Sáu cất tiếng hỏi:

- Thưa ba! Ba nói ba tháng nữa ba mất, mà ba mất vào tháng nào?

- Ba mất vào tháng tư!

Chú liền chạy đi lật lịch xem, xem xong chú lại hỏi:

- Thưa ba! Năm nay nhuận hai tháng tư, vậy thì ba mất tháng tư trước hay là tháng tư sau?

Ông đáp:

- Tháng tư sau!

Chú lại hỏi tiếp:

- Ba mất tháng tư sau, mà ngày mấy?

Ông đáp:

- Ngày mừng!

- Ba có thể cho tụi con biết là ngày mừng mấy được không, thưa ba?

Ông trả lời:

- Đã nói ngày mừng rồi mà còn hỏi mấy gì nữa!

Hay tin ông yếu, các bạn hữu đến thăm và khuyên ông cố gắng bảo trọng thể lực để duy trì sự giúp dân trợ thế được bền bỉ lâu dài. Ông cho biết thuở xưa ông phát nguyện hành nghề ba mươi năm, mà giờ phút này đã ba mươi hai năm rồi, nên chắc phải buông xả muôn duyên, thu xếp để chuẩn bị cho chuyến về quê của mình. Từ đó ông ăn ít dần, nhưng vẫn chần mạch hết thuốc trị bệnh cho mọi người như thường nhật.

Đến ngày 25 tháng 4, ông hoàn toàn ngưng ăn, chỉ uống một ít nước trắng, các con và những học trò luân phiên thay nhau chăm sóc cho ông. Trải qua một tuần thấy ông suy gầy quá độ, một học trò đề nghị vô nước

biển, ông không chịu. Nài nỉ riết ông đành tùy thuận, khi đang truyền dịch thì ông bị tai biến liệt nửa người. Từ đó ông không còn nói chuyện được nữa!

Qua ngày hôm sau bảy, tám học trò đang bu quanh bàn chuyện ôn náo, ông bèn hú lớn một tiếng. Biết được ý muốn của ông mọi người giữ yên lặng, chăm lo hộ niệm, ông rất hoan hỷ lộ nét vui mừng!

Hộ niệm xuyên suốt qua bảy ngày đêm, ông an tường trút hơi thở cuối cùng vào lúc 3 giờ 35 phút chiều, ngày mùng 9 tháng 4 (nhuần) năm 1979. Ông hưởng dương 59 tuổi, đúng như lời ông đã báo trước đó ba tháng.

Trước khi mất, ông nhếch môi mỉm cười, gương mặt vô cùng rạng rỡ tươi vui. Chú Ba (học trò của ông) đứng bên cạnh nhìn thấy như thế, trong lòng tin chắc rằng thầy mình đã được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc, nên năm mười phút sau chú đưa tay sờ lên đỉnh đầu của ông nhưng không chạm sát vào da đầu mà cách xa một khoảng, thế mà hơi nóng hực ra nóng ran cả bàn tay. Ba, bốn tiếng đồng hồ sau sức nóng vẫn còn y nguyên như cũ!

Sáng hôm sau đến giờ nhập mạch, gương mặt ông tươi vui, hồng hào, sáng đẹp như người đang nằm ngủ và đang mỉm cười. Các khớp xương thì mềm mại, đỉnh đầu vẫn còn rất nóng.

(Thuật theo lời Trần Văn Ân, con trai thứ Sáu của ông và đồng đạo Ba.)

96. NGÔ VĂN VINH (1928-2007, 79 tuổi)

Ông Ngô Văn Vinh sinh năm 1928, nguyên quán xã Ngọc Hòa, huyện Giồng Riềng, tỉnh Kiên Giang. Song thân là cụ ông Ngô Văn Sừ, cụ bà Ngô Ngọc Giàu. Ông là con thứ Bảy trong gia đình có mười anh em.

Năm 1945, vì mền mộ Phật pháp nên cha ông đã di dời về ấp Hòa An, xã Cần Đăng, huyện Châu Thành, tỉnh An Giang. Ông cũng đi theo cha và định cư tại đây cho đến ngày qua đời. Lúc lên 29 tuổi, ông thành hôn với bà Phạm Thị Thắm, sinh được sáu trai, bốn gái, gia đình sống bằng nghề làm ruộng.

Tính tình ông hiền lành, ít nói. Quanh năm gấn bó với thửa ruộng, luống cà, lam lũ chân lấm tay bùn nuôi đàn con dại.

Noi theo gương của cha, ông dùng chay kỳ, mỗi tháng là bốn ngày và mỗi ngày hai thời lễ bái nguyện cầu: thế giới bình an, vạn dân giải thoát, ông bà tổ tiên siêu sinh Tịnh Độ. Đối với công tác từ thiện xã hội, ông đều tùy hỷ đóng góp gạo tiền. Những lúc rảnh rỗi ông cũng thường xem kinh đọc sách.

Năm 1998 (ông 70 tuổi), ông ngã bệnh, khi thân nhân đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa An Giang, vài ngày sau thì chuyển ra Bệnh Viện Chợ Rẫy, ở đây phát hiện ông bị khối u thanh quản, nên kế đó chuyển sang

Trung Tâm Ung Bướu. Khi sang trung tâm Ung Bướu bác sĩ đề nghị giải phẫu, vì khối u đã quá lớn, và bệnh cũng đã tiến triển ở giai đoạn cuối cùng; bác sĩ còn cho biết thêm, biện pháp này chỉ kéo dài mạng sống của ông tối đa là 5 năm mà thôi; đồng thời sau khi giải phẫu xong sẽ không còn nói chuyện được nữa!

Nằm ở đây được hai tuần, sau khi xuất viện bác sĩ khuyên rằng:

- Ông về... ông nên bỏ hút thuốc lá đi! Nếu ông muốn sống với con cháu vài năm nữa. Bởi vì hút thuốc... nó làm cho bệnh này tái phát, cũng như tiến triển nhanh lắm!

Qua lần bệnh “nhất sanh thập tử” này, bà con thân thuộc và các bạn thiện tri thức ghé thăm, an ủi, đem Phật pháp nhất là pháp môn Tịnh Độ khuyến tấn ông, ông cũng cảm nhận kiếp sống thật là vô thường, đời người đầy đầy những khổ đau,... Do đó, ông giác ngộ phát tâm trường trai quyết chí tu hành. Sau thời lễ bái ông ngồi niệm Phật khoảng 30 phút, đồng thời ông mạnh mẽ hăng hái trong các công tác từ thiện xã hội hơn xưa.

Thời gian này đi đâu ông cũng mang một tấm bảng và một viên phấn theo bên mình, khi có ai hỏi hay muốn hỏi gì với ai, ông ghi chữ vào bảng ấy hoặc dùng đầu gục gặc hay lúc lắc thay cho lời hỏi và đáp.

Ông mạnh khỏe được một năm thì bệnh tái phát, lần này khối u mọc ra ngoài đúng như bác sĩ đã tiên lượng. Đến Bệnh Viện Đa Khoa Cần Thơ giải phẫu, trải qua hai

tuần thì xuất viện về nhà, bệnh tình dần dần tạm ổn. Các bạn đạo thường hay đến viếng thăm khích lệ, khuyên ông rán nỗ lực tinh tấn thêm hơn. Bao nhiêu tiền của con cháu cho, ông đều bố thí hết chứ chẳng dùng xài riêng cho mình. Thời gian này, bệnh khổ của thân giúp ông có cơ hội chiêm nghiệm lời giáo huấn vàng ngọc mà bấy lâu nay lãng quên:

*“Mưa nắng trải xuân thu
Vội vàng khô nhọc cầu.
Sớm hôm lo sinh kế.
Lãng quên thấy bạc đầu.
Thị phi không kết liễu
Lắm phiền não ưu sầu.
Biết rõ đạo cao quý,
Thế mà chẳng tìm cầu!
Một mai vô thường đến,
Mới biết mình trong mộng!
Muôn thứ đều bỏ lại,
Chỉ có nghiệp theo trôi!
Khổ đau sanh tử biết rồi,
Rán lo niệm Phật để ngời tòa sen!
Đừng cam sống phận thấp hèn!”*

Theo bác sĩ cho biết, bệnh sẽ tái phát lần thứ hai, và cuối cùng sẽ di căn vào các bộ phận nội tạng bên trong, chứ không như lần đầu chỉ hướng ra ngoài da và thời gian mệnh chung tối đa là năm năm sau khi mổ. Vậy mà đến năm thứ chín bệnh mới di căn sang phổi, nghĩa là đã vượt qua sự tiên lượng của bác sĩ là bốn năm.

Vào khoảng tháng 9 năm 2007, một hôm bỗng dưng ông đột quỵ. Đến Bệnh Viện Đa Khoa An Giang thì phát hiện hai lá phổi có vấn đề, khi chuyển ra Bệnh Viện Trung Tâm Ung Bướu ở Sài Gòn, bác sĩ khám xong liền đề nghị phẫu thuật vì phổi đã bị ung thư. Chú Năm liền điện thoại cho người anh là bác sĩ Ngô Trung Quân hay để xin ý kiến. Bác sĩ Ngô Trung Quân được tin, đến nơi và nói:

- Bây giờ thì anh có ý kiến với các em như thế này: Hiện tại thì cậu đã 79 tuổi rồi, sức khỏe của cậu kém dần lắm... nếu bây giờ mà mấy em nóng lòng muốn giải phẫu, thì cậu có thể chết ngay trên bàn mổ... Còn như để cậu thư giãn như vậy đó, có thể sự sống kéo dài hơn!

Ngừng một tí thì ông nói tiếp:

- Thôi bây giờ anh quyết định với mấy em như vậy: Không cho cậu nhập viện nữa, cũng không vô hóa chất nữa! Để cho cậu thư thả sống với con cháu một, hai tháng rồi cậu sẽ nhẹ nhàng thanh thản ra đi thì tốt hơn!

Thấy ý kiến rất sáng suốt, hợp tình, hợp lý nên mọi người chấp thuận làm theo bèn đưa ông về nhà. Khi về nhà, ngày nọ chú Năm mới hỏi ông:

- Con hỏi thiệt ba, ba có sợ chết không, thưa ba? Nếu ba sợ chết thì thôi con không nói, còn nếu như ba không sợ chết thì con nói cho ba nghe!

Ông liền lấy phấn ghi mấy chữ:

- Đòi mà ai không chết, con!

- Nếu ba không sợ chết thì... cái bệnh này cũng do nghiệp của mình mà có! Vậy thì ba muốn về cõi Phật thì bao nhiêu cái nợ mà ba gây trong tiền kiếp hoặc hiện kiếp, dĩ nhiên nó phải đến đòi... mà nếu ba không chịu trả thì không hết nợ. Thôi thì bây giờ ba phải chấp nhận trả nghiệp, thành tâm niệm Phật để vãng sanh về thế giới Cực Lạc, chứ trong lúc này xác thân đây không thể cứu được, mình chỉ nhờ Đức Phật cứu thần thức thôi!

Ông nghe xong gật đầu đồng ý.

Từ đó trở đi ông không dùng bất cứ một loại thuốc nào. Do bệnh tình tương đối ít, chẳng hoành hành đau đớn gì cho lắm, nhờ vậy mà ông được rảnh rang chuyên tâm niệm Phật. Các bạn thiện tri thức thường lui tới thăm hỏi, trợ duyên về phần tinh thần, ông càng hăng hái dụng công nhiều hơn.

Cũng từ đó sức khỏe lần hồi suy kiệt, tám thân tứ đại sắp sửa đến thời kỳ phân ly trong khi nội tâm ông rất an định thơn thớt, thần sắc điềm tĩnh không lộ nét thống khổ, lo buồn!

Ngày 19 tháng 11 năm 2007, ông mệt nhiều, chú Năm liền mời đồng tu đến cầu nguyện và hộ niệm cho ông. Trong những cơn bức ngặt thân tâm, hành hạ ông lúc này dữ dội, cứ xoay trở, lăn lộn mãi ít khi nào được yên. Đang nằm thì ông nhờ người thân đỡ dậy, chưa bao lâu thì phải đỡ cho nằm xuống. Chư đồng đạo hết lòng khuyên ông phải rán nhẫn chịu, đồng thời trong lòng cũng phải xả bỏ muôn duyên, cố gắng niệm Phật hầu

thoát ly cõi đời đầy đau khổ này, để vãng sanh về cõi Phật A-di-đà, cảnh giới an vui! Mỗi lần được khuyên nhắc, an ủi như vậy, ông đều gật đầu, lộ nét đồng ý vui mừng.

Đến 3 giờ 50 phút chiều ngày 21, mọi người đều đang vây quanh hộ niệm, ông nhờ đỡ ngồi dậy hướng mặt về bàn Phật, hai tay chấp lại rồi xá xuống khẩn nguyện chi đó, giây lâu ông nhờ đỡ nằm xuống. Chú Năm bèn nói với ông:

- Ba có sợ chết không! Xác thân này chắc phải bỏ chứ không cứu được! Bây giờ mình chỉ thành tâm niệm Phật nhờ Đức Phật cứu thần thức mà thôi!

Ông gật đầu rồi nằm im, thần thái lúc này tươi tỉnh an nhiên, bệnh khổ không còn hoành hành bức ngặt nữa. Kế đó ông tự sửa tay chân ngay ngắn nghiêm trang, đồng thời nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng trong âm thanh vang rền của câu Hồng Danh Vạn Đức. Khi ấy đúng 4 giờ chiều ngày 21 tháng 11 năm 2007, ông thọ 79 tuổi.

Hộ niệm thêm 5 tiếng đồng hồ sau đó thì thấy khắp nơi trên cơ thể đều lạnh, duy chỉ có trên đỉnh đầu rất nóng, tay chưa đụng vào da chỉ đưa tới tóc thôi mà đã nghe nóng hực. Gương mặt thì hồng hào sáng đẹp, rạng rỡ niềm hân hoan.

(Thuật theo lời Ngô Văn Nhâm, con trai thứ Năm của ông.)

97. LONG THỊ THE (1929 - 2012, 83 tuổi)

Những người trong Ban Hộ Niệm xầm xì với nhau rằng: Bà cụ ở Cả Dứa yếu hơn cô Hai nhiều mà hộ niệm suốt một tuần lễ bà mới đi! Còn cô Hai đây... không biết... mấy ngày?

Bà đang nằm nghe thế, liền ứng thình đáp gọn lòn:

- Không có lâu đâu!

Quả đúng như vậy, tới 6 giờ tối, hơi thở của bà ngắn dần. Đúng 8 giờ thì bà nhẹ nhàng ra đi. Trước khi bà ra đi thì môi bà nhép đủ ba lần câu: Nam Mô A-di-đà Phật.

Bà Long Thị The sinh năm 1929, cư ngụ tại ấp Tân Quới, xã Tân Phú Trung, huyện Châu Thành, tỉnh Đồng Tháp. Kế phụ là cụ ông Phạm Văn Mùi, thân mẫu là cụ bà Phạm Thị Chính.

Năm 20 tuổi, bà kết hôn với ông Trần Kim Sơn, nguyên quán tại xã Vĩnh Trạch, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Cha mẹ bà gả bắt rể, vì bà là con gái duy nhất. Sau khi kết hôn, bà sinh được năm trai, hai gái.

Tính tình bà rộng rãi, không ích kỷ bo bo. Nhất là những hiểu biết, những kinh nghiệm quý báu về nấu nướng hay làm ăn... bà đều hướng dẫn, truyền đạt cho mọi người xung quanh cùng được lợi ích. Đối xử từ gia đình ra đến lối xóm chòm riềng bà đều từ ái, hòa nhã. Bà thường răn dạy con cháu “Nghèo cho sạch, rách cho thơm”. Không gian tham dù là nhỏ nhặt như trái cà, trái ớt... cho đến cây kim cọng cỏ!

Chồng bà trước kia tham gia kháng chiến chống Pháp. Khi đã lập gia đình thì vừa lo làm ruộng, vừa cày đất mướn bằng máy móc cơ giới, cũng vừa tham gia phong trào chấn hưng Phật Giáo tại miền Tây Nam bộ, và ông đã nhận chức vụ Hội Trưởng của xã suốt hai nhiệm kỳ. Sau năm 1975, ông mạnh mẽ chuyên lo các công tác từ thiện, như: bác cầu, bồi lộ, cất nhà tình thương... đồng thời ông cũng có chân trong hội Chũ Thập Đở ở địa phương nhà. Năm 1986, ông cùng bà và vài người con phát tâm trường trai, giới sát. Ông thường nghiên cứu kinh sách, tinh tấn nỗ lực tu hành, sớm chiều cầu nguyện lễ Phật, trì niệm câu Lục Tự Hồng Danh Vạn Đức. Đặc biệt là ông rất thích tham dự hội Long Hoa.

Ngày 22 tháng 5 nhuận, năm 1998, ông bị tai biến mạch máu não, các con đưa ông vào Bệnh Viện Đa Khoa Sa Đéc. Nằm viện được ba ngày thì ông đòi về nhà để được hộ niệm. Các con thấy ông bệnh tình chưa đến đổi gì, nên cố nài nỉ khuyên cha tiếp tục điều trị cho tới khi bình phục. Nhưng ông không chịu, các con phải y theo mong muốn của ông bèn đưa ông về vào ngày 25. Hôm sau là sáng ngày 26, đúng 12 giờ 30 phút trưa thì ông nhẹ nhàng, tỉnh táo, an tường niệm Phật rồi trút hơi thở sau cùng, thọ 76 tuổi.

Qua 12 tiếng đồng hồ sau đó tay chân của ông mềm mại, gương mặt hồng hào tươi sáng, tràn đầy nét hoan hỷ, tươi vui, đỉnh đầu của ông vẫn còn rất nóng!

Vài tuần thất sau đó có hai người bạn đạo đồng nằm

chhiem bao thay ong, ong cho cac vi ay biet rang hien gio minh dang tu voi Đức Phật Di Lạc.

Khi chúng kiến ông chồng ra đi có những dấu hiệu tốt đẹp, bà càng tin tưởng tuyệt đối vào pháp môn niệm Phật.

Ba năm sau (2001) bà bị tai biến mạch máu não, liệt nửa người, và nhiều lần tái phát sau đó. Khớp xương bả vai xệ xuống, khớp khuỷu tay và các khớp ngón tay đều co quéo lại, từ từ cứng đờ, không còn mặc áo được nữa, thân yếu phải thay đổi hoàn toàn y phục bằng vải thun.

Xưa nay nhà bà thường có các bạn đồng tu tới lui giảng giải Phật Pháp, khuyến tấn gia đình bà cố gắng hành trì pháp môn Tịnh Độ. Do vì đã tu hành mười mấy năm trường, đùng một cái bệnh khổ ập đến, bức bách, khốn đốn khó kham nhẫn, nên bà có mối hoài nghi canh cánh nơi lòng: “Tại sao trước mắt mình thấy có rất nhiều người đâu ăn chay làm lành, đâu có tu hành lạy Phật, niệm Phật gì, mà họ lại khoẻ ru; còn mình sao mà lại ra nông nổi thế lương thế này?”

Các thiện tri thức biết được nỗi hoài nghi của bà như thế mới giảng rõ về lý nhân quả thông ba đời cho bà nghe. Những người hiện giờ không tu đôi khi rất hung ác, mà nhân nhĩ thung dung, hưởng vinh hoa phú quý, là họ đang hưởng những nhân phước ở quá khứ. Tức là trước đây một hoặc nhiều đời nhiều kiếp, họ đã hành thiện tích đức. Khi mà hưởng phước hết rồi thì họ phải thọ

những quả báo khổ của nhân mà hiện tại họ đang gây tạo. Còn mình hiện tại tu hành gieo trồng phước thiện mà lại lâm vào cảnh bệnh tật hay hoạn nạn khốn cùng đầy đau thương tang tóc, thì nên biết ở quá khứ mình đã gieo tạo rất nhiều hạt giống xấu ác, giờ phút này nó đã chín muồi, còn nhân thiện hiện nay đang gieo chưa kịp ra hoa kết quả. Cho nên mình phải tin sâu lý nhân quả báo ứng xuyên suốt cả ba thời quá khứ, hiện tại, vị lai, không bao giờ sai chạy, dù chỉ một tơ hào chi li nhỏ nhất nào: trồng dưa nhất định phải hưởng dưa, trồng ớt thì chắc chắn phải ra bông trái ớt. Do đó mà nên hoan hỷ đón nhận trả nghiệp; nghiệp dữ hết rồi thì nhân thiện, quả thiện sẽ đến, đừng hồ nghi mà thối tâm, lui sụt sự tu tiến của mình!

Nghe xong bà thực sự tiếp nhận, nghiệm xét lời khai thị của Cổ Đức, bà chuyên tâm niệm Phật để mai kia nhất định thoát ly bể khổ sanh tử luân hồi:

*“Đời dơ bẩn, xa trông bát ngát,
Gót hồng trần, lưu lạc mấy xuân.
Lòng riêng luống những băng khuâng,
Rán tu thoát kiếp trầm luân khổ phiền.
An Dưỡng Quốc ấy miền chân thật,
Nên thành tâm niệm Phật là hay!
Hương nguyện một nén xa bay,
Hương về Cực Lạc hôm mai khẩn cầu.
Đời dâu bể bể dâu lắm độ,
Cảnh khổ đau đau khổ thê lương.
Nguyện nương đấng Đại Y Vương,*

Nhờ Ngài dắt dẫn ra đường u mê.
Xót thương nỗi khổ về vật chất,
Hại nhau vì giọt mật hư danh.
Kiếp luân hồi mãi loanh quanh,
Mà ba đường ác đã thành gia cư.
Giấc mơ tỉnh bây chừ tử thẹn!
Bước qui Tây rán thẹn tu mà?
Lâu cao rọi ánh trăng ngà,
Kiếp người luẩn quẩn bệnh già kê bên.
Từ nay giữ lòng bền niệm Phật,
Quyết một lòng nắm chặt đài sen!
Việc đời mặc tiếng chê khen,
Cuộc đời mặc kẻ đua chen sắc tài.
Đường sinh tử an bày trước mắt,
Bước khổ vui dè dặt mà trông.
Đã hay lửa đỏ sen hồng,
Đắng cay bao cũng giữ lòng sắt son.
Thôi thì gắng siêng bòn công đức,
Thôi thì rèn niệm lực tinh chuyên.
Nguyện sinh về cõi Bảo Liên,
Để không còn nỗi thảm phiến tử sanh!”

Từ đó về sau, đĩa “Cách thức hành trì pháp môn Tịnh Độ” của Như Trúc trích tuyển từ Thi Văn Giáo Lý và Hiển Đạo, bà mở nghe quanh năm suốt tháng. Khi không nghe Pháp thì mở máy niệm Phật để niệm theo. Cứ xen kẽ thay đổi nhau không cho hở trống phút giây nào. Nhờ vậy mà bà tâm tâm nhàm chán xác thân đầy nhơ bẩn, khổ đau; ý ý khẩn thiết nguyện sanh về Cực Lạc thế giới. Nên sự

niệm Phật của bà ngày một khản thiết tinh chuyên. Bao nhiêu tiền của người thân hoặc con cháu cho bà, hoặc nhà nước trợ cấp, bà đều bố thí sạch sẽ. Bà thường dặn dò các con khi mình qua đời, quần áo chỉ mang theo một bộ thôi, còn lại để hiến tặng cho những người túng thiếu bần hàn, vì chôn dưới đất hư mục rất uổng phí.

Đến ngày mồng 8 - 12 - 2012, bà bị sốt, bệnh tình càng lúc nặng dần, điều trị dây dưa, đến trưa ngày 15 khi cô Sáu đang đút cháo cho bà, đến muống thứ ba thì bà cắn muống lại, và không ăn nữa. Rồi bà kêu cô Sáu gọi điện thoại mời Ban Hộ Niệm. Chương trình hộ niệm cũng bắt đầu từ chiều hôm ấy.

Từ đó trở đi bà luôn luôn nhắm nghiền đôi mắt, bất cứ ai hỏi gì bà cũng mở mắt ra rồi khoác tay nói:

- Thôi để niệm Phật!

Sáng ngày 16, do thấy sức khoẻ của bà còn sỏi quá, nên những người trong Ban Hộ Niệm xầm xì với nhau rằng:

- Bà cụ ở Cả Dứa yếu hơn cô Hai nhiều mà hộ niệm suốt một tuần lễ bả mới đi! Còn cô Hai đây... không biết... mấy ngày?

Bà đang nằm nghe thế, liền ứng thỉnh đáp gọn lỏn:

- Không có lâu đâu!

Quả đúng như vậy, tới 6 giờ chiều hơi thở của bà ngắn dần. Đúng 8 tối giờ thì bà nhẹ nhàng ra đi. Trước khi bà ra đi thì môi bà nhép đủ ba lần câu: “Nam Mô A-di-đà Phật”. Hiện tượng ấy làm cho mọi người vô cùng

vui mừng khi ngân vang âm thanh câu Hồng Danh tiền biệt bà về An Dưỡng Quốc. Hôm ấy nhằm ngày 16 tháng 12 năm 2012, bà hưởng thọ 83 tuổi.

Sáu giờ sáng hôm sau (tức là ngày 27), qua hơn 10 tiếng đồng hồ kể từ lúc dứt hơi, gương mặt của bà hồng hào tươi sáng. Miệng tự ngậm kín lại, đỉnh đầu rất nóng trong khi toàn thân đều lạnh (thời điểm này vào mùa đông khí hậu cực lạnh). Đặc biệt là các khớp xương mềm mại hi hữu lạ lùng. Vì các khớp bị dị tật đã cứng đơ cứng còng trên tám năm, hằng ngày không kéo ra được mà bây giờ tự động duỗi thẳng ra bình thường!

Lúc sanh thời, con bà thường nói với bà:

- Chắc nữa... chùng nào vú mất phải lấy dao lam cắt gân, mới mặc áo... mới liệm vô hòm được!”

Bà đáp:

- Không có đâu!... Đến chùng đó nó thẳng ran ra chứ có gì mà phải lo!

Con bà cứ ngỡ đó là câu trả lời cho suông qua thôi nên không mấy chú ý. Chẳng ngờ lời nói đó lại trở thành hiện thực!

Hơn một tuần lễ sau có cô Năm nhà bên kia sông, nằm mơ thấy bà, bà cho biết đã về với Phật A-di-đà rồi!

(Thuật theo lời Trần Thị Kim Cúc, cô con gái thứ sáu của bà.)

98. BÙI VĂN TY (1920 - 1989, 69 tuổi)

Người xưa dù đã biết trước ngày giờ về với Phật, nhưng các vị ấy vẫn rất thận trọng và càng nỗ lực dụng công chí thiết nhiều hơn, không dám may mắn buông lời khinh suất. Ngày nay những hành giả Tịnh Tông cần ghi nhớ kỹ điều này!

Ông Bùi Văn Ty sinh năm 1920, nguyên quán Thị Xã Long Xuyên. Song thân là cụ ông Bùi Văn Nhuận và cụ bà Huỳnh Thị Cửu, ông là thứ Năm trong gia đình có sáu người con.

Năm 20 tuổi (1941) ông kết hôn với bà Phạm Thị Tiên, sanh được bảy người con. Nghề nghiệp của ông là quân nhân chuyên ngành cảnh sát; phần bà thì quanh năm tảo tần mua bán rau cải nuôi nấng đàn con.

Đến năm 41 tuổi (1962) ông kế phối với bà Hồ Thị Sáu, sinh được bốn trai, ba gái, định cư tại chợ Vĩnh Thành, huyện Thoại Sơn, tỉnh An Giang. Ông chuyên sang nghề hớt tóc và viết đơn, còn bà thì bán thức ăn: bún, hủ tíu...

Tính ông hiền hòa, vui vẻ, cởi mở, miệng thường hay ca hát líu lo. Đời sống sinh hoạt rất ngăn nắp, chừng mực, ưa chuộng sự sạch sẽ thơm đẹp. Ông rất quan tâm trong việc dạy dỗ các con ngay thuở bé thơ, từ hạnh nét cho đến lời ăn tiếng nói sao cho đừng mất lòng mọi người, nhất là răn nhường nhịn. Có lần con ông lân la nô đùa

với lũ trẻ đồng trang lứa, bỗng gậy gõ, cha chúng đến nhà vừa chửi mắng vừa nắm xé áo của ông, ông tươi vui bình thường, giả lả đôi ba câu rồi cho qua, xem như không có chuyện gì xảy ra. Hoặc có những lúc bà vợ cãi vả với người ngoài, ông đều khuyên can nhẫn chịu!

*Tâm tánh phải hôm mai bình tịnh.
Lúc nào cũng dặn lòng nên nhịn,
Nhịn tiếng đòi nhịn tánh muốn ham;
Nhịn thói quen theo lối tục phàm,
Nhịn cay đắng khi làm đạo đức.
Nhịn cho được lúc người chọc tức,
Nhịn những điều thử thách của đời;
Nhịn chừng nào khỏi nhịn mới thôi,
Lúc còn phải nhịn thời rán nhịn.
Nhịn càng mạnh nghiệp càng không dính,
Sức nhẫn nhiều sớm định tâm nhiều;
Dục ý dù lớn mấy cũng tiêu,
Rán nhịn được những điều khó nhịn.
Thân còn tạm hướng gì chung đỉnh,
Vật trên đời đâu dạng dài lâu;
Vì mến yêu mà phải ưu sầu,
Xưa đã thế nay đâu khác được.*

Mặc dù hoàn cảnh kinh tế gia đình rất khó khăn eo hẹp, nhưng ông vẫn nhín ra một ít tiền mua thuốc Tây để sẵn, hoặc sưu tầm thêm một số thuốc Nam rồi chủ động biếu tặng những người trong thôn xóm ốm đau khi trái tiết trở trời.

Vào khoảng năm 1978, bà vợ của ông bị trúng gió rồi chết, toàn thân đã cứng đờ, màu da bầm tím như trái mồng tơi, các nơi đều lạnh duy chỉ còn vùng ngực ấm nóng lạ thường, thân quyến đã chuẩn bị đầy đủ các thứ để lo hậu sự. Đến ngày thứ năm ông mời bà con lối xóm và những cư sĩ tại gia đến cầu nguyện liên tiếp ba hôm. Trong đêm thứ ba đột nhiên bà từ từ sống lại, thời gian ngừng thở là đúng một tuần.

Trải qua mấy tháng sau sức khỏe của bà mới hoàn toàn bình phục. Khi tỉnh lại, bà tường thuật những gì đã thấy nghe trong suốt khoảng thời gian bảy ngày đó. Cũng từ ấy cả gia đình ông đồng phát tâm trường trai, niệm Phật tu hiền, sáng chiều hai thời lễ nguyện, hai ông bà đối nhau như bạn đạo và giữ tịnh giới. Trước kia bà bán thức ăn mặn, bây giờ đổi lại món chay, tính tình bà trở nên hiền lành, hòa ái, khác hẳn với thuở xưa! Đồng thời bà được chư đồng đạo rước đi các nơi để kể chuyện, rất nhiều người nghe rồi bèn tương chao, giới sát, làm lành lánh dữ, tinh tấn niệm Phật tu hiền!

Nhờ nhân duyên này, ông tỏ ngộ tường tận hơn về lý nhân quả báo ứng. Một mai tấm thân tứ đại giả tạm này tan hoại thì thân thức còn phải đi đầu thai, tìm một tấm thân mới, mà thân sau đẹp hay xấu, khổ đau hay sung sướng đều tùy thuộc trọn vẹn vào nghiệp thiện hay nghiệp ác của mình đang gây tạo hiện giờ. Gieo nhân nào thì gặt quả nấy, trồng dưa đắng dưa, trồng đậu hưởng đậu, không sai lệch một mảy may tơ hào nào cả!

Cũng từ đó ông bắt đầu giao tiếp với các bạn đạo như ông Hai Mum, ông Bảy Phương... và các nam nữ trẻ tuổi khác. Đặc biệt là ông rất kính trọng những người tu, say mê nghe đạo lý lắm. Mỗi lần cô Năm ở chùa Phước An (gần nhà) ghé thăm, sau khi chuyện trò một hồi, lúc xin kiếu về, ông thường cố mời ở lại:

- Con nói chuyện Phật pháp cho cậu nghe nữa đi!
- Con bận công việc nên phải về, cậu Năm ơi!
- Con rán ở lại một chút nữa đi!

Hình như đối với hết thảy các thiện tri thức, ông đều có thái độ y như vậy!

Ông ít đọc sách, thường chỉ xem kinh Báo Hiếu Phụ Mẫu Ân và quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ.

Mặc dù kiến thức về Phật pháp chẳng có chi nhiều, nhưng sự hành trì lễ niệm của ông lại chí thành cung kính; tín tâm đối với lý nhân quả và pháp môn Tịnh độ thì rất kiên định. Ông thường nói với mọi người:

- Rán niệm Phật, chỉ một kiếp này về Tây Phương Cực Lạc thôi, chớ không có về cõi nào hết!

Sau thời lễ nguyện ông thường đứng thẳng trước ngôi Tam Bảo, tay lần chuỗi tràng niệm Phật khoảng ba mươi phút. Cách niệm của ông là câu này dính liền câu kia, âm thanh vừa đủ nghe.

Đối với các công tác từ thiện xã hội, ông rất nhiệt tình hưởng ứng bằng công sức của mình.

Hằng ngày vào khoảng 4, 5 giờ chiều ông thường cầm chiếc giỏ đệm và con dao đến chùa hoặc đi theo lối xóm, thấy ai có trồng bông như: bông trang, bông điệp... thì ghé vào xin về chưng trên bàn thờ. Ông thường khoe với cô Năm và cô Bảy:

- Kìa! Con xem... Huy hoàng rực rỡ... Nhìn mà lòng thơ thối vô cùng!

Đi xin hoài riết rồi cũng cảm thấy áy náy, nên ông bèn sưu tầm giống về trồng gần nhà. Từ đó trở đi, hoa tươi khoe sắc đua nở bốn mùa!

Công phu của ông cứ bình thường đều đặn và lặng thầm như thế hơn mười năm. Đến khi 69 tuổi, sức khỏe ông bắt đầu suy dần. Vào khoảng đầu tháng 8 năm 1989, ông ngã bệnh, bèn bảo các con đưa ông ra Mỹ Xuyên, nhà cô con gái thứ Tư là Tư Xuân (con bà vợ lớn) chăm sóc, vì nhà gần bệnh viện thị xã. Thời gian ở đây khoảng ba tháng ông đã ba lần nhập viện, mỗi đợt độ khoảng một tuần, bác sĩ chẩn đoán là “suy nhược cơ thể” và nghi ông bị nhiễm “lao” do vóc dáng quá ư khô gầy.

Thấy cô con gái mãi lo kinh doanh nhiều quá, nên ông thường khuyên cô:

- Thôi con bớt làm lại, để lo niệm Phật tu hành đi con, kéo không có kịp! Ngày xưa ba cũng đã từng đếm tiền nè con, nhưng mà... rồi cũng đành phải phủ trắng tay!

Lần nhập viện sau cùng, thấy bệnh tình của cha ngày càng trầm trọng, vì thương cha mình quá, cô muốn cha mau mạnh lại như đề nghị của thầy thuốc, nên cô khuyên ông trở đũa dùng mặn, ông từ chối:

- Sao con mê muội quá! Đòi người ai mà chẳng chết! Mà chết cũng chỉ một lần thôi! Tôi sợ rồi ăn mặn nhắm có sống được không?

Vì biết bệnh trạng của mình thuốc men lúc bấy giờ đã hoàn toàn bất lực, thế nên khi xuất viện ông về thẳng trong Vĩnh Thành nhằm ngày mùng 2 - 11 - 1989.

Hay tin ông bệnh nặng, chư đồng đạo hay tới lui ghé thăm, an ủi, khuyên nhắc ông phải gấp rút buông xả muôn duyên để cố gắng niệm Phật, ông thường đáp lại rằng:

- Tôi nhất định về với Phật, chớ không có về chỗ nào hết!

Sáng ngày 19 - 11 - 1989, ông bảo cô Tư Hồng:

- Con ra nói mẹ làm cho cha một tô bún, nhưng đừng để giá và rau sống, nghe hôn! Hôm nay là ngày 19, ba ăn xong là ba tuyệt thực luôn, ba không ăn nữa! Ba chỉ uống nước cúng thôi, để ba súc cái mình của ba cho sạch... bởi vì ba đi!

- Ba đi đâu, thưa ba?

- Ba đi theo Phật!

Từ đó trở đi, ông tuyệt nhiên chẳng ăn uống thứ gì cả, duy nhất chỉ thỉnh nước cúng Phật để uống mà thôi!

Bệnh của ông càng ngày càng tăng dần, một hôm ông nói với bà:

- Lúc tui đi theo Phật mà bà khóc lóc, kêu réo tui là bà ác lắm đó!

Đến ngày 22, gia đình tổ chức cầu nguyện cho ông liên tục ba đêm. Chiều tối hôm ấy ông kêu cô Năm và cô Bảy đến bên cạnh mà nói:

- Hai con lại đây cậu nói cho nghe!

- Cậu nói gì, thưa cậu?

- Kìa! Coi kìa! Phật hằng hà sa số Phật. Đẹp hết sức đẹp... mà vui quá, con ơi!

- Ở đâu, sao con không thấy?

- Kìa! Phật kìa!... Phật cho biết ba ngày nữa Phật rước cậu về Cực Lạc!

Khi hai cô về chùa, ai cũng hồ nghi trong lòng, bởi vì nhận thấy rằng ngoài hạnh nhẫn nhường, kính người tu và thích nghe Phật pháp ra, ông đâu có điểm gì nổi bật nên hai chị em thường xầm xì với nhau:

- Cậu Năm tu hành cũng bình thường quá mà, đâu có... gì bao nhiêu, mà sao ổng nói ổng thấy Phật! Thiệt là... Không biết ổng có nói sảng hay không!

Sáng ngày 25 con cháu các nơi tự thông báo với nhau rồi lần lượt tề tựu về đông đủ, ông ngưng ăn đã

đúng một tuần nên giọng nói rất yếu nhưng vẫn còn nghe rõ. Ông nằm trên giường dặn dò mọi chuyện: nào là việc đào huyệt, nào là việc đi hỏi ông Út (bạn của ông) xem coi 2 giờ chiều này ông theo Phật có ảnh hưởng gì về chuyện làm ăn của con cháu hay không... cho tới việc chuẩn bị khăn đắp mặt cho ông nữa! Mọi người thì cứ vâng dạ nhất nhất đều làm theo lời ông, nhưng chuyện ông nói là ông theo Phật thì dường như chẳng mấy ai tin cả!

Ông còn dặn:

- Khi mà ba theo Phật rồi các con đừng có chụp hình nghen! Nếu ba chết các con chụp hình ba thì được. Còn cái này ba theo Phật nên đừng có chụp hình!

Kế đó có khách đến thăm, hỏi chuyện qua lại đôi ba câu, rồi ông nói:

- Một lát nữa đây tui ra đi... cho tui gửi gắm vợ và các con của tui lại đây cho các anh chị em mình... các anh chị em mình... tha thứ những lỗi lầm... bởi vì chúng nó còn nhỏ dại quá... Nhờ các anh chị vui lòng dạy dỗ, khuyên bảo chúng nó giùm, tui rất mang ơn!

Khi khách đã về hết, chú rể thứ Năm mới hỏi ông:

- Ba ơi! Chừng nữa ba muốn cái vỏ bao lớn?

Ông đáp:

- Thôi, vừa vừa thôi con ơi! Ít... ít tiền, chớ con đừng có mua thứ đắt tiền quá ba không chịu!

Kế đó ông nhờ tắm gội sạch sẽ đặng ông theo Phật.

Khi tắm xong, ông bảo cô Tư Hồng (con bà vợ kế):

- Con dẫn chị Tư con (con bà vợ cả) ra ngoài tiệm mua cho ba chai dầu thơm để xịt xung quanh!

Lúc hai người quay về đem chai dầu đưa cho ông. Cầm lên giây lâu xem xong, ông nói cô Tư Hồng:

- Người ta đi theo Phật mà chị Tư con nó hà tiện... Chai dầu này là chai dầu dỏm nè, hôi rình hà. Thôi trả chai dầu này lại cho nó đi con! Con trở ra ngoài con mua chai dầu 'xịn', bao nhiêu tiền con trả đi... Chớ chị con mua chai dầu này không có được, chai dầu này là chai dầu dỏm!

Khi mua chai dầu khác đem về, xịt lên mình ông và khắp hết chung quanh giường nằm theo lời ông yêu cầu, chẳng mấy chốc đột nhiên sắc ông bỗng dưng biến đổi lạ, tâm trí không còn tỉnh táo sáng suốt bình thường nữa, các con khuyên nhắc niệm Phật ông không chịu niệm. Đang trong tình trạng bối rối bất ổn, thời may cô Năm (ở chùa Phước An) đi thỉnh thuốc giùm cho bệnh nhân trên đường về chùa, khi ngang qua cô thấy trước sân rất đông người đang che rạp, cô bèn thẳng vào nhà sau, bước vào phòng thấy cảnh huống nguy ngập, cô bèn trở ra nhà trước đốt hương rồi quỳ dưới bàn thờ Phật, thành tâm khẩn nguyện, đọc tên họ của ông, cầu xin mười phương Tam Bảo từ bi gia hộ cho ông tỉnh táo để ông niệm Phật vãng sanh. Chừng quay vào thì ông bình thường trở lại, cô lại gần hỏi ông:

- Cậu biết con là ai không?

- Biết! Năm Chùa chó ai!

- Bây giờ con niệm Phật, cậu niệm theo con nghe? Cậu niệm Nam Mô A-di-đà Phật để cậu về với Phật A-di-đà cho khỏe! Nếu mạng sống còn thì mình hết bệnh; nếu mạng số hết thì mình vãng sanh Tây Phương Cực Lạc!

Thế là cô cất tiếng niệm, ông liền niệm theo, thấy vậy gia đình mời cô bước lên giường ngồi xếp bằng ở phía trong, còn vợ con thì ngồi ghế ở phía ngoài, thường ngày ông không cho bất cứ người thân nào lên giường của ông đang nằm hết, bấy giờ trời đã 12 giờ trưa. Niệm được một lúc nghe tiếng niệm của ông lớn quá, cô Năm sợ ông mau đuối sức nên khuyên:

- Thôi cậu Năm ơi! Cậu niệm nho nhỏ đi, cho đỡ mệt. Để con niệm lớn cho!

Thời điểm hiện tại địa phương này, chương trình hộ niệm chưa được phổ biến. Phần đông hiểu kỳ đến xem, chứ chẳng ai hiểu biết chuyện vãng sanh là gì! Thấy ông bệnh nặng, thể lực cạn kiệt trầm trọng, đoán chắc rằng ông sẽ ra đi trong một sớm một chiều, phần hậu sự dĩ nhiên là phải kết thúc trong khoảng thời gian không xa, nên mọi người ra ngoài trước để che rạp làm nhà khách, khi ông có những dấu hiệu gì lạ mới tập trung lại, đôi ba người niệm Phật, còn số đông thì cứ hiểu kỳ đứng nhìn!

Ngồi niệm mãi gần hai giờ trôi qua, ông kêu khát nước, cô Năm mới đi thỉnh nước cúng cho ông uống. Uống xong ông niệm thật lớn, được hơn mười câu, cô Năm bèn nói với ông:

- Thôi cậu Năm ơi! Cậu niệm nho nhỏ, để con niệm lớn được rồi!

Ông liền đổi âm thanh lại nhỏ vừa đủ nghe. Khi được vài mươi câu, ông hỏi:

- Máy giờ rồi con?

Cô Tư bèn nhìn đồng hồ thấy 1 giờ 58 phút, tự nhiên cô giật thót cả người, vì ông nói 2 giờ chiều nay là ông theo Phật, cô liền đáp:

- Tối giờ rồi, thưa ba!

Ông đang ở tư thế nằm ngửa, bèn tự nghiêng mình sang bên phải theo thế kiết tường, tay trái kê đầu, tay phải xuôi theo thân, rồi im lìm nhẹ nhàng dứt hơi. Lúc ấy đúng 2 giờ chiều, ngày 25 - 11 - 1989, ông thọ 69 tuổi.

Sự ra đi của ông quá ư nhanh lẹ và im lìm, cô Năm ngồi bên cạnh vẫn không hay biết gì cả, cô Tư Hồng bèn kêu:

- Niệm Tây Phương tiếp dẫn đi chị Năm!

Cô Năm không tin rằng ông đã ra đi nên vẫn giữ nhịp niệm Phật đều đều như cũ, vì từ lúc vào cho tới giờ đã trải qua ba tiếng đồng hồ, cô chỉ nghĩ là mình niệm Phật cho ông niệm theo để ông khỏe, và cô ngồi niệm Phật để cho gia đình vui vậy thôi, chứ không ngờ rằng ông theo Phật đúng như lời ông đã mách trước.

Cô Tư chờ hoài không thấy cô Năm phản ứng gì hết, bèn lặp lại một lần nữa:

- Niệm Tây Phương tiếp dẫn đi chị Năm! Ba em mất rồi.

Khi biết ông đã thật sự ra đi, cô Năm cũng hết sức kinh hoàng, bèn chuyển sang niệm Tây Phương tiếp dẫn. Thân quyến và đồng đạo ở phía trước ủa vào, chẳng hiểu sao không ai bảo ai cùng nhau tự động đồng quỳ xuống nền nhà đất, đồng thanh niệm Phật lớn lên, âm thanh vang dội cả vùng!

Cũng trong lúc đó, những liên hữu đang làm ngoài ruộng nhìn thấy những tia sáng xẹt trên nóc nhà của ông. Bên kia sông má của ông Tư Sông cùng với vài bà cụ nữa cũng đồng trông thấy như thế!

Sau khi tang lễ đã hoàn tất, một chuyện khá lạ lùng là những cuộn phim mà con cháu đã chụp ông, khi đem đi rửa đều trắng tinh không có hình ảnh gì cả!

(Thuật theo lời Bùi Ngọc Xuân, Bùi Thị Xuân Hồng hai con ông và đồng đạo Đỗ Thị Năm, Đỗ Thị Bảy.)

99. NGUYỄN ĐỨC LỢI (1998 - 2015, 17 tuổi)

Em Nguyễn Đức Lợi sinh năm 1998, cư ngụ tại ấp Thới Thạnh, phường Thới Long, quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ. Cha là ông Nguyễn Văn Ngon; mẹ là bà Lê Thị Hạnh. Em là con út trong gia đình, có ba người chị gái.

Từ lúc chào đời em bị bệnh mãi cho đến năm lên bốn tuổi. Lúc sáu tuổi (2005) lại xuất hiện một trận bệnh “thập tử nhất sinh”. Các bác sĩ đều tiên lượng thọ mạng của em không quá 24 tháng. Nhưng dần dần mọi chuyện cũng tạm xuôi qua. Khi lên mười tuổi (2008) bỗng nhiên lặp lại một lần “nhất sinh thập tử” nữa. Trải nhiều năm tháng em kết bạn tri kỷ tri âm với bệnh viện nên cơ bắp tay chân của em có dáng vóc quá ư khiêm nhường. Nếu như chỉ nhìn gương mặt của em không thôi, thì nét đầy đặn, tròn trịa tươi sáng hiện ra rất rõ rệt, và không ai nhận biết ra rằng em là nạn nhân của bệnh tim bẩm sinh. Cho nên cứ không bao lâu thì gia quyến phải đưa em vào bệnh viện nghỉ mát khoảng một tuần trăng, mà sự việc cứ lặp đi lặp lại đều đặn như thế!

Tính tình của em rất ngoan hiền, lễ phép, dường như xuất phát từ thiện căn của quá khứ thì đúng hơn, bởi vì chẳng ai chỉ dạy cả. Đặc biệt là tính cách điềm đạm, trầm tĩnh, chững chạc của một người lớn lại có đủ nơi em, nơi đứa bé chỉ mới lên mười!

Chẳng hạn như, khi nói chuyện thì em đều dạ thưa, lúc nhận quà, bất cứ là ai cho gì, nhiều hay ít, em cũng

đều nhận bằng hai tay, nhận xong rồi thì cúi đầu nói: “cám ơn”. Nếu cha cho, nhận xong cúi đầu rồi nói: “Con cám ơn cha”; nếu mẹ cho thì nói: “Con cám ơn mẹ”.

Thỉnh thoảng thấy cha mẹ bất hòa cự cãi với nhau, em liền chạy lại ôm mẹ, vừa dùng tay vuốt vuốt vào mình của mẹ vừa nói:

- Mẹ! Mẹ thương con, nhịn cha một chút đi mẹ, bỏ qua đi mẹ!

Rồi chạy sang cha, năn nỉ cha:

- Cha ơi cha! Nhịn mẹ đi cha!

Nhìn thấy con mình như thế, cả hai chẳng ai bảo ai, trong lòng đều tan hết mọi nỗi phiền!

Còn đến giờ ăn, em đợi cho cha mẹ và chị ăn trước, rồi em mới dùng sau. Hoặc khi cha mẹ đi vắng, cơm vừa dọn xong em cũng chờ chị ăn trước, rồi em mới bắt đầu ăn.

Mỗi lần cha đi làm về, mồ hôi tuôn đổ đầm dề, nhưng em vẫn chạy lại ôm chầm lấy cha để hôn, và chờ cha tắm xong, liền nói:

- Cha tắm rồi cha hôn con một cái, đi cha!

Lắm lúc cha em sợ lây bệnh cho con mình nên la rầy không cho, nhưng em vẫn không thay đổi, vì biết cha ngoài miệng mặc dù la trách chú thực sự trong lòng tốt độ mừng vui!

Thấy con tuy là đau yếu triền miên, hình hài ốm tong ốm teo, mà bỗng dưng có được hạnh nét rất ư đặc

biệt, vượt hẳn những đứa trẻ khác cùng trang lứa, thậm chí nhiều người lớn tuổi hơn mà cũng chẳng sánh kịp con mình, nên hai ông bà rất đổi hài lòng, vì đó là niềm an ủi, niềm tự hào lớn nhất và cảm nghe con tim ấm áp lạ thường!

Gần cuối năm 2008 vào khoảng tháng 11, chị của em từ nước ngoài về thăm nhà thấy em mình sao cứ bệnh rề rề hoài nên nói:

- Sanh mà y ra... toàn là mà y báo không à!... Bệnh hoạn hoài vậy đó!... Tới mười tuổi rồi... mà còn bệnh nữa!

Em trả lời:

- Chị ơi! Trên đời này không có ai muốn mình bệnh... Em bệnh em cũng mệt dữ lắm đó chị! Tại chị không có bệnh, chị không biết! Tại vì kiếp trước chắc em làm cái gì tội lắm, nên bây giờ em mới bệnh như vậy đó!”

Năm 2009 cha và mẹ của em phát tâm ăn chay trường tu hiền, lúc này em vào trường học vừa hết lớp 1.

Vào khoảng tháng 3 năm 2010, đang học lớp 2 em xin với mẹ:

- Mẹ ơi, mẹ! Cho con ăn chay cúng lạy chung với mẹ đi! Cho con nghỉ học để con tu. Con bệnh hoạn con đi học cũng rất là mệt!

Cha mẹ em đồng ý. Từ đó mỗi buổi chiều em cầm cái bọc và chiếc kéo chạy sang nhà hàng xóm xin bông trang về cúng Phật, và lau dọn bàn Phật, thay nước cúng mỗi

ngày. Tối em cố gắng theo cha mẹ hành trì đều đặn các công khoá thường nhật.

Mỗi lần thấy mẹ làm cá nấu cho hai chị em ăn, trông con vật bị đập đầu, nó giãy giụa đành đạch, lúc mổ bụng thì máu me của nó tuôn ra lênh láng. Cảnh tượng ấy biểu lộ sự đau đớn gớm ghiếc hãi hùng. Thế nên em xin với mẹ:

- Mẹ ơi! Con thấy mẹ đập đầu con cá, con sợ quá. Từ đây sắp lên mẹ cho con ăn tương luôn đi, mẹ!

Ban đầu bà còn ngần ngừ, sợ con mình ăn chay sẽ bị thiếu dinh dưỡng, vì bệnh đã nhiều năm trong khi hiện giờ còn đang dây dưa chưa dứt, nên bà đã im lặng phớt lờ, nhưng em nài nỉ miết, bà nhận thấy con mình tuy tuổi đời hãy còn thơ dại, thế mà tầm nhìn của nó lại hợp với lẽ Đạo, vượt xa lắm kẻ niên kỷ đã ở vào vị trí trưởng thành! Và lại nếu mình tu, mà mình ngăn cản không cho con mình ăn chay... sợ e có lỗi, nên bà đành phải tùy thuận nhận lời. Khi thấy em dùng chay, người chị cũng ăn chay theo. Thế là cả nhà đều trường trai, giới sát.

Một điều hết sức kỳ lạ là, kể từ ngày em dùng trường trai, con ma bệnh lần lần biến mất, dần dà em phát tướng ra, mặc dù chẳng bằng ai, nhưng vẫn không còn nằm bệnh viện, không còn uống thuốc uống men gì nữa cả!

Thường ngày cha em đi làm từ thiện, mẹ thỉnh thoảng đi công chuyện, chỉ còn chị thì lo công việc nội trợ nên không khí gia đình cũng như đạo tràng rất trang

nghiêm thanh tịnh, suốt ngày em chỉ lo niệm Phật xem kinh và nghe Pháp mà thôi.

Năm em 13 tuổi, ăn chay được một năm, mọi người trong nhà phát hiện một sự việc, là mỗi lúc chiều tối em đi giăng mùng cho cha, mẹ, và trước khi đi ngủ em chạy lại nói với cha: “ Con chúc cha ngủ ngon!”; chạy lại mẹ cũng nói: “Con chúc mẹ ngủ ngon!”, mà ngày nào cũng như thế. Còn khi giăng mùng cho chị thì nói: “Chị nấu cơm cho em ăn... Chị giặt đồ cho em nên em phải giăng mùng cho chị ngủ!”

Những ngày rằm và 30 em thường đến chùa Vạn An, ngôi chùa gần nhà để lễ Phật.

Quyển sách mà em thường đọc là quyển Thi Văn Giáo Lý Toàn Bộ; còn băng đĩa mà em thường xuyên nghe là đĩa: “Cách Thức Hành Trì Pháp Môn Tịnh Độ”. Nên những khi rảnh rỗi em thường diễn tả cảnh giới Cực Lạc cho cha mẹ và chị nghe:

*“Cõi ấy chẳng nào phiền đau khổ,
Tuổi sống lâu vô số vô biên;
Muốn chi thì được có liền,
Thân người nào cũng bằng sen hóa thành.
Cõi ấy vốn trọn lành trọn tốt,
Cõi ấy không ai chết ai già;
Thường ngày có đức Di Đà,
Dùng thân thông hóa hiện ra muôn hình.
Người nào cũng quanh mình đều sáng,
Ai cũng đều viên mãn thân thông;*

Đường xa muôn dặm Tây Đông,
Nhưng đi chỉ mất độ trong phút giờ.
Người cõi ấy thường trưa mỗi bữa,
Đi cúng dường Phật ở khắp nơi;
Đi về trong buổi ngộ thời,
Người nào cũng muốn thỉnh lời Như Lai.
Nên ai cũng đồng giai Bồ Tát,
Không người nào sa lạc phạm phu;
Hạ người kẻ phát tâm tu,
Cầu về Cực Lạc là đầu nhập môn.
Cõi ấy vốn người nhân thiện cả,
Ai muốn sang phải dạ lương hiền;
Cõi sen người phải như sen,
Gần bùn mà chẳng ố hoen mùi bùn.
Cõi lành kẻ dữ hung khó bước,
Phật từ bi chẳng rước bất lương;
Muốn về Cực Lạc Tây phương,
Các điều hung dữ chớ vương điều nào!”

Năm 2013, ngoài hai thời lễ niệm sớm tối ra, em còn tăng thêm thời giữa trưa. Qua năm sau thì em trở lại hai thời, vì không muốn phô trương hình thức, và sức khoẻ cũng không khả quan lắm! Bởi sự tu hành quý ở thành tâm, ở thực chất, chứ không phải ở hình thức bên ngoài. Có lần em khuyên chị nên niệm Phật thâm trong tâm chớ đừng nên niệm Phật ngoài miệng; vì niệm Phật ngoài miệng không có được bao nhiêu mà lại mệt lắm!

Thấy chị hay nổi quạu, hay la rầy, nên lần nọ em hỏi chị:

- Chị ơi! Chị có biết hai ông Thần (Ông Thiện và Ông Ác) ở trong chùa không, chị?

- Biết!

- Tu hành mà khó khăn quá nữa thành Thần đó!

Và còn nói:

- Tu mà cái mặt cứ... cà nhảnh, cà nhảnh hoài là thành Thần giữ núi đó!

Cũng nhiều lần em khuyên chị đừng nên lập gia đình; nếu có gia đình sẽ không được tự do hành đạo, mà cũng rất là khổ! Đặc biệt là em hay ca ngợi những người nữ có vóc dáng giống người xuất gia, và khuyên chị cần phải tu dưỡng hạnh đức, còn dẫn chứng:

“Lớn lên phận gái cần chuyên,”

Trong nhà có treo hai bức tranh rồng phụng, em nhờ cha gỡ đem xuống. Em nói với chị:

- Hai bức tranh cũ này nó không phù hợp với gia đình mình, em sẽ làm hai bức tranh khác để gia đình mình nhìn mà tu hành!

Và em tháo kiếng ra, dùng dầu lửa hòa với dấm bôi vào để cạo sạch sẽ, rồi lấy giấy cal màu (loại giấy mà người ta thường dùng trang trí trên các sườn xe đạp) cắt thành hình bông sen và các mẫu chữ cái, dán lên thành bức tranh mới. Một bức là: “*Tu cầu gia đạo vuông tròn;*

Chồng hòa vợ thuận cháu con thảo hiền”; còn bức tranh kia: *“Rán tu đắc đạo cứu cửu huyền; Thoát chốn mê đồ đến cảnh tiên.”*

Em làm rì mọ cả tháng trời mới xong, khi treo lên em nói với chị:

- Em dán mấy câu này để cho cha, mẹ và chị xem!

Lúc ấy, đúng dịp đón xuân năm 2015. Cũng từ đó trở đi em ít nói chuyện hơn trước, oai nghi càng nghiêm cẩn hơn trước, thường ngồi một mình trầm ngâm im lặng.

Đến cuối tháng 2, sau khi buổi công phu tối lễ Phật sám nguyện xong, thấy trong người hơi mệt, em không ngồi niệm Phật mà đi ra nhà sau, chợt bị té xỉu, vài phút sau tỉnh lại. Gia đình đòi đưa đi bệnh viện, em không chịu. Thấy mẹ khóc, hôm sau em phải theo cha để đến Bệnh Viện Tâm Đức khám bệnh mang thuốc về uống.

Đến ngày 18 tháng 3, đường tiêu hoá của em hơi kém, ăn uống không được ngon. Chị em mới nói:

- Em đi bác sĩ khám bệnh đi!

Và còn hỏi:

- Em có sợ chết không?

- Em không có sợ chết, tại vì cái nghiệp em phải trả... Đi bác sĩ nó còn dây dưa hoài à chị ơi! Chị đừng có nói với mẹ. Bởi vì mẹ kêu em đi bác sĩ thì em phải đi. Chị giấu, đừng nói với mẹ, giùm em!

- Em mà chết, chắc mẹ chết theo đó!

- Không có đâu! Em chết, mẹ còn có chị!

Chiều ngày 21 tháng 3, thấy em mặc chiếc áo tràng bị chật cứng, chị mới nói:

- Em cho chiếc áo tràng đó cho chị đi! Nữa mẹ sẽ may cái áo khác cho em?

- Thôi khỏi may! Để ba hôm nữa em cho chị cái áo tràng này luôn!

Chị ngỡ là ai đó đã hứa cho em mình cái áo tràng mới rộng hơn, vừa định hỏi thì thấy em đã bước đến ngôi Tam Bảo đánh lễ, nên định bụng chừng nào công phu xong sẽ hỏi, nhưng rồi lại quên bẵng đi cho đến ba ngày sau là ngày 24.

Sáng ngày 24, thực hành công khoá xong em nói với cha rằng mình thèm ăn chôm chôm, nhờ cha đi mua cho mình. Cha em vô cùng hoan hỷ, nên đi liền. Mà lạ một điều là hồi nào tới giờ em chưa từng thèm chôm chôm cái kiểu này! Kế đó người chị đi chợ, bèn hỏi:

- Chị đi chợ mua thuốc cho chị, em ăn cháo không? Sẵn chị mua cháo luôn!

Em đáp:

- Ừ! Chị đi nhanh nhanh về, để không thôi không gặp mặt em!

Chị em hỏi:

- Đi nhanh nhanh về cho em ăn, em đói bụng chứ gì?

Em không trả lời mà đi thẳng ra nhà tắm, rồi tắm sớm. Tắm xong rồi em vào nói với mẹ:

- Mẹ bóp cái lưng dùm con. Con mỏi quá!

Lúc đó mẹ em đã trải chiếu chiếu trên nền gạch của nhà sau. Em đến ngồi kê bên bà và nói thêm:

- Mẹ ơi mẹ! Mẹ ở lại rán lo tu hành. Mẹ đừng quan tâm tới con!

Nói xong em chấp tay lại niệm Phật trong tư thế ngã người dựa vào mẹ. Niệm Phật được hơn 5 phút thì em thở một hơi dài rồi duỗi tay chân ra tự sửa mình thẳng thớm, nhẹ nhàng trút hơi thở cuối cùng. Lúc ấy gần 6 giờ sáng ngày 24 - 3 - 2015, em hưởng dương 17 tuổi. Thấy con mình đã thực sự ra đi mẹ em liền ra phía sau nhà gọi to báo tin cho các chị em của bà hay, phút chốc mọi người lần lượt kéo đến.

Chị của em đi chợ về, mới dựng xe xong, người dì ở trong nhà chạy ra cho hay Đức Lợi mới mất. Cô thất kinh hồn vía, tối tăm mặt mày, đôi chân bủn rủn, không đi được nữa, phải nhờ người dì dìu vào nhà. Vô thẳng nhà sau thấy em mình đang nằm, cô nhào lại ôm chầm lấy thi thể của em mình tay đặt lên trên trái tim em để xem tim còn đập hay không. Mẹ cô đang niệm Phật bèn ngưng lại nói:

- Thôi! Em con mất rồi, con đừng có đê nó nữa!

Kế đó mọi người đưa thi thể của em lên giường và tiếp tục hộ niệm.

Trong khi tâm trí bán loạn không cam tâm chấp nhận cái cảnh vĩnh biệt, thì chị của em bắt gặp một mùi hương kỳ lạ từ thi thể của em mình phát ra, không giống bất kỳ loại hương thơm nào. Nhờ đó mà thần trí dần dần an định trở lại. Trong gia đình chỉ có mẹ tương đối cứng cỏi hơn cha và chị của em, nên em đã nhờ cha đi mua chôm chôm, đây quả là em đã chủ động cách ly những duyên trở ngại cho việc vãng sanh của mình!

Lễ an táng được tiến hành trong ngày. Khi nhập liệm gương mặt của em hồng hào, sáng đẹp, tươi vui, mùi hương trên thân hầy còn; các khớp xương mềm mại và đỉnh đầu rất nóng.

(Thuật theo lời: Nguyễn Văn Ngon, Lê Thị Hạnh, Nguyễn Thị Ngọc Bích, cha mẹ và chị của em).

LỜI PHỤ

* Bức tranh thứ nhất:

*“Tu cầu gia đạo vuông tròn,
Chồng hòa vợ thuận cháu con thảo hiền.”*

Chữ “tu” ở đầu câu thứ nhất có nghĩa là tu tạo, là tạo tác. Sự ra công, ra sức nỗ lực... Tu có hai lãnh vực là làm lành và lánh dữ:

1. **Lánh dữ:** bỏ những xấu ác, tà đại của thân khẩu ý (tu sửa).

2. **Làm lành:** tất cả mọi hành động của thân, lời nói của miệng và ý nghĩ trong lòng luôn luôn hướng đến những điều thiện, ích lợi mọi người, lợi ích chúng sanh (tu bổ).

Chữ “cầu” trong câu thứ nhất chỉ cho lòng mong muốn, nguyện vọng, hy vọng, mơ ước...

Bốn chữ “gia đạo vuông tròn” chỉ về lý thể.

Câu thứ hai “Chồng hòa vợ thuận cháu con thảo hiền”: chỉ về sự tướng.

Hợp bốn chữ “gia đạo vuông tròn” và tám chữ “Chồng hòa vợ thuận, cháu con thảo hiền” lại, chỉ cho thành quả tốt đẹp mỹ mãn trọn vẹn không khiếm khuyết. Đây là niềm vui “thiên luân” theo lý niệm cổ của người Đông phương.

Theo luật nhân quả thì muốn ăn dưa thì phải trồng dưa, muốn dùng đậu thì phải gieo đậu. Mong hưởng quả gì thì phải gieo trồng nhân đó.

* Ý nghĩa đại khái của hai câu trên là: Nếu mình muốn hưởng thọ cái niềm vui “thiên luân” ở lúc tuổi xế chiều, như là gia đình hòa thuận, êm ấm, con cháu hiếu thảo hiền lành, thì chính mình khi còn trẻ khoẻ phải gắng hết sức làm tròn bổn phận và trách nhiệm, nêu gương cho con cháu, người thân trong nhà. Rồi kể đó mới dùng lời lẽ khuyên dạy chỉ dẫn. Nếu không như thế, nghĩa là đối với cha mẹ mình không hiếu kính, phụng dưỡng; đối với vợ chồng con cháu mình vô trách nhiệm... Không tuân

giữ thường đạo (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín), không hành thiện tích đức (ngũ giới, thập thiện)... mà mong có được gia đình hòa thuận con cháu ngoan hiền, hiếu hạnh là điều vô cùng phi lý!

Những người Tây phương du lịch sang các nước Á châu họ rất đổi kinh ngạc khi chứng kiến hiện tượng “tam đại đồng đường” hoặc “tứ đại đồng đường”, họ không thể hiểu nổi tại sao ba, bốn thế hệ lại có thể cùng sống chung với nhau một nhà!

Ngày nay ở phương Tây, tỷ lệ người già tự tử ngày một tăng cao, lý do là vì họ bị con cháu bỏ rơi, nên rất buồn khổ khi nằm ở Viện Dưỡng Lão để chờ chết; người Đông phương chúng ta hiện thời chạy theo văn minh vật chất, từ từ vất bỏ thuần phong mỹ tục, luân lý đạo đức lẫn hồi sa sút, tụt dốc đến mức báo động, vô phương cứu chữa...

*“Có nhiều kẻ lớn rồi quên lãng;
Nuôi mẹ cha tính thảng tính ngày.
Lại còn nhiều tiếng đấng cay;
Sao không chết phút sống hoài làm chi!”*

*** Bức tranh thứ hai:**

*“Rán tu đắc đạo cứu cửu huyền,
Thoát chốn mê đồ đến cảnh tiên”*

“Đắc đạo” là chứng đắc đạo quả. Quả thấp nhất là “Tu-đà-hoàn” (vị bất thối) còn gọi là nhập lưu (vào dòng Thánh); quả vị cao nhất là “Vô Thượng Chánh Đẳng Chánh Giác”, hay còn gọi là “Diệu Giác”, tức là Phật quả.

“Cứu huyền” gọi đủ là “cứu huyền thất tổ”, theo nghĩa hẹp là chỉ chung cho tất cả ông bà tổ tiên cha mẹ nhiều đời.

Hai chữ “mê đồ” nghĩa là con đường mê mờ, tăm tối, lấm lạc, tà vạy.

Chữ “tiên” ở cuối câu thứ hai không có nghĩa hạn hẹp là chỉ cho tiên nhân (chư thiên), mà là danh từ đối lại với chữ “tục” (tiên - tục), như cách dùng trong các cặp từ: thánh - phàm, Bồ Tát - chúng sanh, Phật - ma...

Vậy thì “thoát chốn mê đồ” (ra khỏi nẻo đường tà vạy, lấm lạc) là NHÂN; mà “đến cảnh tiên” (cõi an lạc, tốt lành) là QUẢ.

Bởi vì mức độ mê mờ có cạn có sâu, cho nên cảnh giới an lạc có rộng - hẹp, có tương đối - tuyệt đối, có chưa viên mãn và viên mãn...

Giả như ở trong “phàm thánh đồng cư độ” thì tam ác đạo (địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh) là “mê đồ”; mà quả báo của tam thiện đạo (trời, người, a-tu-la) là “cảnh tiên”.

Nhưng nếu xét nơi “phương tiện hữu dư độ” thì trời, người, a-tu-la là “mê đồ”, mà Tứ thánh pháp giới mới là “cảnh tiên”.

Lại xét nơi “Thật báo trang nghiêm độ” thì Tứ thánh pháp giới là “mê đồ” (vì chưa minh tâm kiến tánh), mà chư Bồ Tát từ Sơ trụ của Viên giáo trở lên mới là “cảnh tiên”.

Sau cùng, nếu xét nơi “Thường tịch quang độ” thì chư Bồ Tát vẫn còn là “mê đồ” mà chỉ có chư Phật quả viên mãn (tức Diệu Giác) mới là “cánh tiên”!

Tu “đắc đạo” thì có hai cách: một là tự lực, hai là tha lực. Mà trong kinh Tượng Pháp Quyết Nghi, Đức Bổn Sư Thích Ca Mâu Ni đã chọn lựa cho chúng ta: “Thời kỳ chánh pháp giới luật thành tựu” (sau Phật nhập diệt một ngàn năm thứ nhất, người giữ giới đầy đủ sẽ đắc đạo); “Thời kỳ tượng pháp thiên định thành tựu” (một ngàn năm thứ hai sau khi Phật nhập diệt, ai tu đạt được định sẽ đắc đạo); “Thời kỳ mạt pháp Tịnh Độ thành tựu” (sau hai ngàn năm trở đi, người tu nên tu niệm Phật cầu vãng sanh, nếu đầy đủ tín - nguyện chắc chắn sẽ đắc đạo).

“Tự lực” là tự dùng sức của mình tu thẳng đến Diệu Giác (Phật quả viên mãn) thì trước nhất phải đoạn kiến hoặc và tư hoặc, chứng A La Hán, được vào Phương Tiện Hữu Dư Độ. Rồi tiếp tục đoạn trần sa và căn bản vô minh hoặc, chứng quả Sơ Trụ của Viên giáo (hay Sơ Địa của Biệt giáo) tức nhập vào Thật Báo Trang Nghiêm Độ; rồi phải lần lượt đoạn 41 phẩm tập khí vô minh để phân chứng Pháp Thân... cho đến viên mãn cứu cánh Phật quả sẽ nhập trọn vẹn Thường Tịch Quang Độ. Vì phải trải qua thứ lớp nhất định như đã kể trên nên gọi là thụ xuất (ra khỏi sanh tử luân hồi, chứng quả Phật rốt ráo theo chiều đứng từ dưới thẳng lên trên). Cách tu này rất khó, Cổ Đức dùng hình ảnh con mọt ở trong gốc cây tre ra bên ngoài bằng cách đục từng đốt, từng đốt lên đến tận ngọn rồi mới chui ra ngoài nên rất lâu và rất khó!

Còn “tha lực” là pháp môn niệm Phật cầu vãng sanh, ngoài sức của chính mình ra còn có lực nhiếp thọ của Đức Phật A-di-đà; mặc dù nghiệp còn mà vẫn được ra khỏi Phàm Thánh Đồng Cư Độ, cõi Ta Bà của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni, được sinh sang Phàm Thánh Đồng Cư Độ, cõi Cực Lạc của Đức Phật A-di-đà. Cũng giống như con mọt không đục từng đốt lên trên ngọn cây tre để ra ngoài, mà chỉ đục ngang qua đốt tre để chui ra bên ngoài, vì vậy nên rất nhanh và rất dễ. Con đường này là hoành siêu (từ phàm phu còn đầy dẫy hoặc nghiệp mà được thoát khỏi sinh tử luân hồi, thẳng vào Phật quả viên mãn theo chiều ngang), vì không qua thứ lớp đoạn hoặc như tự lực ở trên!

Vả lại, bốn cõi của Đức Phật Thích Ca Mâu Ni là “Pháp Tướng Độ” nên có riêng biệt, có ngăn ngại, có chia cách; Còn bốn cõi của Đức Phật A-di-đà là “Pháp Tánh Độ” nên dung thông nhau. Đây là điểm rất đặc biệt hy hữu, bất khả tư nghì. Do đó mười phương chư Phật đều tán thán thế giới Cực Lạc, đồng thời khuyên chúng sanh trong cõi nước mình nên phát nguyện sanh về đó. Cho nên khi vãng sanh là: “nhất sanh nhất thiết sanh”, nghĩa là đã sanh sang cõi Phàm Thánh Đồng Cư Độ của Đức Phật A-di-đà thì cũng đồng được vào Phương Tiện Hữu Dư Độ, Thật Báo Trang Nghiêm Độ và Thường Tịch Quang Độ. Cho nên vãng sanh tức là thành Phật hay vãng sanh tức là “đắc đạo”.

Vậy thì ý nghĩa hai câu “Rán tu đắc đạo cứu cửu huyền; Thoát chốn mê đồ đến cảnh tiên”, người tu theo pháp môn Tịnh Độ tạm hiểu đại khái là: răn niệm Phật

vãng sanh Tây Phương, học đạo cho hoàn toàn rồi trở lại cứu độ ông bà cha mẹ cũng như tất cả chúng sanh. Như thế sẽ được vĩnh viễn không còn khổ nạn (mê đồ), tiêu dao nhàn nhã, hưởng quả an lạc trường cửu bất sanh bất diệt (cảnh tiên).

Hai bức tranh mà Đức Lợi làm để lại cho cha mẹ và chị xem, để theo đó mà tu, quả thật rất xác đáng, khế hợp với lời của Cổ Đức: “Dục tu tiên đạo, tiên tu nhân đạo, nhân đạo bất tu, tiên đạo viễn hỹ.” Tạm hiểu là: Chúng ta muốn thành Phật, thành tiên, siêu phàm nhập Thánh, thì trước hết phải tu cho được cái đạo làm người. Bởi vì nhân đạo là gốc rễ, là nền tảng của Phật đạo; nếu như làm một con người tốt trong xã hội làm còn chẳng xong, mà mong đạt đến quả vị tiên Phật là chuyện mộng mị xa vời!

Dù rằng đối với Tịnh Độ Tông vẫn có những trường hợp “sám hối vãng sanh”, tức là có người cả đời tạo ác nghiệp, đến giờ phút lâm chung duyên may gặp được thiện tri thức khai thị, hướng dẫn cho Pháp môn Tịnh độ, người ấy nghe xong bèn chí thành sám hối, liền niệm Phật cũng được vãng sanh, nhưng số người ấy rất hiếm hoi, vẫn là thiểu số do thiện căn quá khứ quá lớn và chín muồi. Cho nên chúng ta đừng nên nuôi cái tâm lý cầu may ấy. Cần phải nỗ lực trong lúc bình thời!

100. BÉ HOA MINH (2005 - 2013, 8 tuổi)

*Sự tu đừng đợi xế chiều,
Mô chôn rất nhiều kẻ tuổi còn xanh!
Mạng người hơi thở mong manh,
Hít vào chẳng được trở thành đời sau!
Khuyên ai gấp gấp mau mau,
Nhất tâm niệm Phật tẩu đạo trần mê.
Tây Phương Tịnh Độ quyết về,
Không còn muôn kiếp thảm thê nổi chìm!*

Bé Hoa Minh tên thật là Nguyễn Chung Bảo Ngọc, sinh năm 2005, cha em là Nguyễn Minh Đức, mẹ là Chung Thị Minh Tri, làm việc ở thẩm mỹ viện. Khi em vừa ăn mừng “thôi nôi” thì qua ngày hôm sau người cha thân yêu của em qua đời, do căn bệnh ung thư phổi ác tính đã hoành hành suốt nửa năm liền trước đó. Vài tháng sau mẹ đã đưa em về chung sống với ông bà ngoại tại 311C, Khu vực 4, quận Ninh Kiều, Thành Phố Cần Thơ.

Có lẽ thiện căn nhiều đời sâu dày với Phật Pháp nên em rất thích nghe tụng kinh. Mỗi thời công phu hằng ngày của ông ngoại là tụng kinh Pháp Hoa trên lầu, em thường leo lên rồi đến nằm kề gần đó, im lặng lắng nghe suốt buổi, đến khi ông tụng kinh xong đánh lễ hồi hướng rồi em mới cùng ngoại đi xuống. Ngày nọ, có đứa cháu lối xóm hỏi bà ngoại rằng: “Làm cách nào để khi ngủ mình nằm chiêm bao không gặp ma?” Bà dạy nó trước khi ngủ

nên niệm Phật. Em ở bên cạnh nghe lóm được, bắt đầu từ đó trở đi mỗi tối khi vô mừng ngủ là em niệm Phật lớn tiếng một lúc, đến chùng ngủ luôn.

Lúc vào trường mầm non, một hôm bà ngoại đón em về nhằm lúc trời mưa tầm tã, em khóc, em nói với bà:

- Ngoại ơi! Ngoại kêu cậu Ba đem áo mưa cho mẹ con. Để mẹ con đi làm về mắc mưa lạnh lắm!

Khi thấy cậu Ba cầm áo mưa ra khỏi nhà rồi em mới nín khóc!

Có lần mẹ em đi làm về giữa đường bị hạ cal-xy máu nên ngất xỉu, được người ta đưa vào bệnh viện cấp cứu. Khi bà ngoại ở nhà nhận được tin qua điện thoại thì em òa lên khóc nức nở:

- Mẹ ơi! Con không muốn con là trẻ mồ côi, rán sống với con, mẹ ơi! Mẹ chết rồi con mồ côi con đi lang thang... Con không muốn!

Ông bà ngoại đều trường trai đã lâu. Lúc lên 5 tuổi, ông ngoại dắt em đến chùa Khánh Quang làm lễ quy y Tam Bảo với Hòa Thượng Thích Trí Quảng, được Pháp danh là Hoa Minh.

Em rất ngoan và thông minh, có nhiều đặc điểm khác lạ với những trẻ thông thường, như: người lớn có nói lời nào đó mà không đúng thì bé chỉnh liến, bằng giọng điệu ngây thơ, hồn nhiên, vô tư; ngẫm nghĩ một hồi mình mới vỡ lẽ quả đúng là như vậy!

Năm học lớp 1, qua lớp 2, lúc kiểm tra chất lượng em đạt thành tích bốn điểm 10 thì đột nhiên phát bệnh vào đầu tháng 11 năm 2012. Triệu chứng đơn thuần chỉ đau đầu và ọa khan. Gia đình đưa em vào Bệnh Viện Khoa Nhi, rồi vài bác sĩ tư, rồi sang Bệnh Viện Phương Châu... điều trị. Bác sĩ chỗ nào cũng chẩn đoán là rối loạn tiêu hoá, cho uống thuốc thì chỉ giảm bệnh có ba ngày đầu, còn năm ba ngày kế thì không tác dụng. Qua các nơi điều trị cũng có kết quả y như thế, gia đình bèn đưa em ra Sài Gòn.

Lúc đầu đi điều trị bác sĩ tư hai tuần, rồi tiếp theo vào Bệnh Viện Nhi Đồng 1 vài tuần, kết quả cũng vậy. Lần thứ hai trở lại Bệnh Viện Nhi Đồng 1, ông ngoại đề nghị Citi. Bác sĩ không chấp thuận cho rằng em chỉ rối loạn tiêu hoá thôi đâu có gì mà phải chụp citi! Ông nài nỉ riết, bác sĩ đành miễn cưỡng. Citi xong mới phát hiện em có khối u rất lớn ở não thuộc về giai đoạn cuối, bèn chuyển sang Bệnh Viện Chợ Rẫy để phẫu thuật. Phẫu thuật xong về nhà, bác sĩ hẹn ba tuần sau tái khám. Qua ba tuần kết quả cũng y như trước.

Trở lại tái khám bác sĩ liền đề nghị xạ trị, nhưng máy bị hư. Chờ một tuần mà vẫn chưa sửa chữa được, ông ngoại sốt ruột liền chuyển qua Bệnh Viện 115. Xạ trị xong về nhà vài tuần kết quả cũng không thay đổi. Trở lại Bệnh Viện 115, thì bác sĩ cho biết bệnh đã di căn nhiều nơi. Bác sĩ đề nghị xạ não lẫn xạ cột sống. Qua vài ngày phát hiện tứ chi của em bắt đầu bị liệt. Bác sĩ liền yêu cầu phải xử lý bằng biện pháp phẫu thuật hoặc hoá

trị. Gia đình không tán thành bèn xin xuất viện về nhà vào khoảng đầu tháng 4 năm 2013.

Lúc còn nằm viện là em đã đòi ăn chay, mặc đồ vật miễn, và nghe máy niệm Phật suốt cả ngày đêm. Khi bà ngoại mua một bộ đồ vật miễn đem đến, em mừng lắm, lúc tắm thay bộ đồ khác em không chịu, thế là bà ngoại phải mua thêm một bộ nữa. Các bác sĩ cũng như nhân viên bệnh viện cũng vui lòng chấp thuận cho em tùy ý, khỏi phải mặc đồ của bệnh viện như bao nhiêu bệnh nhân khác. Diện mạo của em lúc nào trông thấy cũng xinh xắn như chú tiểu, rất dễ thương, không có tí xíu gì của dáng vẻ bệnh hoạn hốc hác sần khổ cả!

Chung phòng có một bé trai đồng trang lứa với em, do cơn đau hành hạ nên khóc lóc om sòm suốt buổi, suốt ngày. Hôm nọ vào buổi tối em mới nói:

- Mình đau thì mình phải biết kiềm chế! Chứ có đau mà phải khóc la hoài vậy!

Mọi người nghe em nói, ai cũng kinh ngạc trố mắt nhìn.

Khi về nhà, tứ chi của em đã bất động. Có lần cô Hai hằm ‘móng chân trâu’ mang qua, em không chịu dùng vì món này là đồ mặn. Bà ngoại mới khuyên:

- Thôi, con rán húp một tí đi cho cô Hai vui, để khỏi phụ cái công cực khổ của cô Hai nấu nướng, và cái công của cô Hai đem từ bên bên qua đây!

Nói một hồi em mới chịu dùng. Khi dùng tới uống thứ hai thì em bỗng đứng lẫn lộn dữ dội. Từ đó về sau gia đình không dám cho em ăn đồ mặn nữa!

Về nhà, lúc đầu gia đình còn nài ép em uống thuốc Nam và tập vật lý trị liệu mỗi ngày, được chừng một tháng, thấy chẳng hiệu quả gì cả nên không tập nữa. Sau đó em cũng không chịu chích thuốc và uống thuốc Nam, em nói:

- Thôi, hỏng uống thuốc nữa đâu! Uống thuốc chỉ sống một thời gian nữa thôi. Mang cái thân này khổ lắm!

Rồi em đòi uống thuốc Phật, mọi người rất đổi kinh ngạc. Bà ngoại liền hỏi:

- Thuốc Phật là thuốc gì?

Em trả lời:

- Thuốc Phật là Nam Mô A-di-đà Phật!

Ông ngoại nghe xong lấy làm lạ liền tìm đến chùa hỏi xem sự thể thế nào. Duyên may gặp Ban Hộ Niệm của chùa Long An. Sau khi trình bày tường tận sự việc, trao đổi với thầy trưởng đoàn trợ niệm một hồi lâu, ông bèn lên tiếng mời Ban Hộ Niệm giúp đỡ. Ban Hộ Niệm chấp thuận yêu cầu nên cho một số liên hữu đến nhà để trang trí sắp xếp phòng ốc, chỗ nơi tươm tất trang nghiêm.

Dự định ban đầu của Ban Hộ Niệm theo thông lệ thì chỉ cộng tu mỗi tối với bệnh nhân ba ngày mà thôi. Nhưng vì em quá khao khát được cộng tu, vả lại nhận thấy nơi em có nhiều nét đặc biệt khác lạ với rất nhiều

những bệnh nhân trước đó, nên đại chúng đã hoan hỷ cộng tu suốt hai mươi ngày cho đến khi em mất.

Hằng ngày cứ đến 2 giờ chiều là em đòi thay tã, gần tối thì cứ hỏi bà ngoại:

- Người ta đến niệm Phật chưa, vậy ngoại?

Khi cộng tu, thông thường Ban Hộ Niệm chia làm hai, mỗi bên niệm năm câu A-di-đà Phật xen kẽ nhau, riêng em thì cứ niệm liên tục lớn tiếng theo mọi người, với khí thế hết sức phấn chấn tích cực!

Mỗi lần cộng tu Ban Hộ Niệm đều có hướng dẫn em phát nguyện cầu vãng sanh, và thường khai thị sách tấn, động viên em rán cố gắng để không cô phụ tấm lòng kỳ vọng của bao người thân cũng như các liên hữu mỗi ngày đến cộng tu, luôn mong đợi kết quả sao cho em được vãng sanh Tây Phương Cực Lạc!

Có lần em đang nằm niệm Phật, dì Út đến kê bên thốt vài câu trêu ghẹo, vui đùa với em, em trả lời:

- Dù ai nói ngả nói nghiêng; lòng ta vẫn vững như kiềng ba chân!

Trước kia, khi còn nằm ở bệnh viện mẹ em đã nhiều lần hỏi:

- Con có sợ chết không?

Em đáp:

- Dạ, không. Chết có gì đâu mà sợ!

Rồi mẹ hỏi tiếp:

- Vậy thì, kiếp sau mẹ với con gặp nhau nữa nghen?

Thì em đồng ý trả lời:

- Dạ!

Đến khi cộng tu được một thời gian, mẹ em hỏi:

- Kiếp sau mẹ với con gặp nhau nữa nghen?

Em đáp:

- Hồng có kiếp sau đâu. Kiếp sau con thành Phật rồi!

Em trả lời bằng điệu bộ chắc ăn và dứt khoát lắm.

Trong suốt thời gian bệnh, chưa hề thấy em khóc hay rên than đau nhức gì hết. Khi nào ngặt mình khó chịu thì em chỉ nhờ bóp chân cho bớt mỏi, mà vừa bóp vừa niệm Phật cho em nghe. Em cũng thường nhờ bà ngoại để tẩm ảnh Đức Phật A-di-đà trên ngực rồi lấy hai tay của mình đặt lên ôm hình lại để em ngắm nhìn.

Đêm nọ em ngủ mơ thấy một người mặc nguyên bộ đồ màu trắng đến vuốt toàn thân của mình. Sáng dậy em kể lại cho mọi người nghe, và cũng từ đó trở đi em không còn cảm thấy trong người đau nhức như lúc trước nữa!

Khi gần đến ngày mất, em dặn dò:

- Bà ngoại à! Ngoại mua chim phóng sanh giùm cho con...và cho tiền mấy ông bà già đi xin mỗi người 50.000...

- Nữa con mất bà ngoại và mẹ đừng có khóc; nếu bà ngoại và mẹ có khóc thì ra đằng sau. Còn người thân đến thăm con mà khóc thì bà ngoại đuổi về hết giùm con!

Mẹ em hỏi:

- Chừng nữa con mất rồi sẽ chôn con gần mộ của cha con hay là đi thiêu?

Em đáp:

- Dạ! Chuyện đó để cho thầy tính!

Và em còn căn dặn từng người:

- Bà ngoại già rồi, ngoại rán niệm Phật đi đặng bà ngoại thành Phật!

- Cậu Ba ơi! Cậu Ba đừng uống rượu nữa. Cậu Ba đi chùa, cậu Ba quy y đi!

- Dì Hai ơi! Dì đừng có hung dữ nữa nghen!

- Dì Út mua cái đĩa “Nghịch tử” cho dượng Út coi!

Mỗi đêm, bà ngoại giăng cái mùng rất lớn để nhiều người vào ngủ chung với em, bà ngoại và mẹ thường nằm hai bên, còn em thì nằm ở giữa. Hôm nọ, như thường lệ bà ngoại trước khi ngủ dặn em:

- Chừng nào con mỏi thì con kêu ngoại nghen!

Đến chừng giật mình tỉnh giấc, bà thấy em đang dùng hết sức lực để thay đổi tư thế, bèn cất tiếng hỏi:

- Sao con không cho ngoại hay?

- Con thấy ngoại ngủ ngon quá, nên con không muốn phá giấc ngủ của ngoại!

Ngày 23 tháng 4, em nói:

- Tối nay ngoại với mẹ nằm ở dưới đi, con muốn nằm một mình!

Bà ôm em bà hôn, em không cho:

- Ngoại đừng có hôn con nữa!

Bà thấy em hôm nay sao khác lạ hơn mọi khi. Nên hỏi:

- Bộ con hết thương ngoại rồi hả?

Em đáp:

- Dạ, không có! Tại vì con muốn nằm một mình!

Đến 2 giờ chiều ngày 26, em bắt đầu mệt nhiều, em nói:

- Mẹ ơi, con khó chịu quá hà!

Mẹ em liền đến bên cạnh ngồi niệm Phật một hồi thì em khoẻ lại. Thấy em đã khoẻ nên cô bước ra ngoài. Bỗng nghe em tự nói chuyện một mình:

- Đi chỗ khác hết đi để cho tôi niệm Phật, đừng có phá tôi nữa!

Rồi sau đó em cất tiếng niệm Nam Mô A-di-đà Phật. Bởi vì bình thường niệm có bốn chữ, bây giờ nghe em niệm sáu chữ thì ngoại ra dấu cho mẹ em lấy điện thoại quay phim ghi lại. Vì bà rất thương cháu nên hề cháu có hành động gì lạ là hay quay phim để sau này xem lại cho đỡ buồn. Thì thấy em vừa phát nguyện và niệm: Nam Mô A-di-đà Phật ba lần. “Nam Mô A-di-đà Phật, xin Đức Phật A-di-đà cho con được vãng sanh về Tây Phương Cực

Lạc”, ba lần. Rồi niệm Nam Mô A-di-đà Phật bằng giọng ngân nga chậm rãi thêm 14 lần nữa.

Hai giờ sau em bắt đầu mệt lại, hơi thở ngắn dần. Gia đình điện thoại cho cô Diệu Đạo trong Ban Hộ Niệm. Khoảng 6 giờ 20 phút tối, cô cùng ba vị đồng tu đến. Thấy em yếu nhiều, bốn vị cùng với dì Hai của em cất tiếng trợ niệm, bà ngoại và mẹ sợ mình xúc động ảnh hưởng đến sự vãng sanh của em nên ra đứng trước lễ Phật.

Khi mọi người niệm Phật thì em nhép môi niệm theo, mãi đến 6 giờ 45 phút tối, em nhẹ nhàng trút hơi thở sau cùng. Trước khi mất em mở mắt ra mỉm cười rồi nhắm lại, niệm thêm hai câu A-di-đà Phật, A-di-đà Phật rồi mới tắt hơi. Quý cô mừng quá bật cười to lên. Mẹ em lúc đó đang lạy Phật nghe cười lớn, trong lòng lầy làm lạ. Tại sao đang trang nghiêm thanh tịnh bỗng dưng phá lên cười! Hôm ấy nhằm ngày 26 tháng 4 năm 2013, em hưởng dương 8 tuổi.

Qua tám giờ sau, sờ thăm thân thì thấy gương mặt của em hồng hào tươi sáng, mọi khớp xương đều mềm mại, các nơi đều lạnh, duy có đỉnh đầu còn ấm nóng. Cuộc hộ niệm vẫn được duy trì mãi cho đến ngày hôm sau.

Sau khi hỏa thiêu gia đình đã nhận được 37 viên xá lợi màu trắng trong suốt!

*(Thuật theo lời Chung Văn Ý - Nguyễn KimThanh
-Chung Thị Minh Tri, ông, bà ngoại và mẹ của em.)*

MỤC LỤC

LỜI GIỚI THIỆU	5
LỜI NÓI ĐẦU	7

TẬP 2 - PHẦN 3

51. Bà TRẦN THỊ XUÂN (1914 - 2003, 89 tuổi) và Ông LƯU LUÂN BÁ (1913 - 2012, 99 tuổi).....	13
52. LÂM THÀNH THUẬT (1919 - 1999, 80 tuổi)	24
53. LÂM VĂN MỄ (1934 - 2012, 78 tuổi)	32
55. SƯ CÔ DIỆU CHÁNH (1923 - 2014, 91 tuổi)	40
55. ĐỖ ĐỒNG ĐEN (1986 - 2011, 25 tuổi)	48
56. PHAN THỊ YÊN (1914 - 1995, 81 tuổi)	57
57. NGUYỄN VĂN BỜ (1930 - 2004, 74 tuổi)	68
58. LÊ THỊ MỚI (1935 - 2011, 76 tuổi)	81
59. ĐÀO THANH CHÂU (1919 - 2000, 81 tuổi).....	92
60. LÊ THỊ CÚC (1932 - 1982, 50 tuổi).....	98
61. NGUYỄN VĂN MỸ (1910 - 1991, 81 tuổi)	105
62. THÁI THỊ TIẾM (1939-2009, 70 tuổi)	112
63. NGUYỄN THÀNH LỖN (1932 - 2009, 77 tuổi).....	122
64. VÕ THỊ TÁC (1950 -2015, 65 tuổi)	134
65. NGUYỄN VĂN THỌ (1932 - 2008, 76 tuổi).....	143

66. HUỖNH THỊ NHIỄM (1936 - 2010, 74 tuổi).....	151
67. DƯƠNG VĂN HẠNH (1974 - 2009, 35 tuổi)	157
68. NGUYỄN THỊ TRỊ (1924 - 2004, 80 tuổi)	165
69. NGUYỄN THỊ CHÍN (1926 - 1992, 66 tuổi).....	172
70. CHIỀU VĂN TRIỆU (1918 - 1997, 79 tuổi).....	176
71. LÊ VĂN SÂU (1952 - 1976, 24 tuổi)	182
72. LÊ VĂN VẤN (1945-1973, 27 tuổi)	188
73. NGUYỄN VĂN TUA (1954 - 1984, 30 tuổi)	194
74. NGUYỄN VĂN ÁNH (1908 - 1996, 88 tuổi).....	199
75. HUỖNH NGỌC THỐ (1932 - 2008, 76 tuổi)	206

PHẦN 4

76. NGUYỄN THỊ MẾN (1953 - 1985, 32 tuổi)	213
77. NGUYỄN VĂN NÔ (1935 - 2013, 78 tuổi).....	222
78. NGUYỄN VĂN QUẬN (1969 - 2010, 41 tuổi)	234
79. NGUYỄN THỊ MẶNG (1940 - 2010, 70 tuổi)	240
80. TRẦN VĂN LƯỜNG (1935 - 2008, 73 tuổi).....	248
81. HỒ THỊ TƯỜNG (1928 - 2012, 83 tuổi)	258
82. TRẦN THỊ KIM HOA (1932 - 2014, 82 tuổi).....	267
83. LÊ THANH BÀN (1922 - 2009, 87 tuổi).....	278
84. NGUYỄN VĂN PHỤNG (1917 - 2010, 93 tuổi)	286
85. MAI VĂN TRUNG (1923 - 2007, 84 tuổi)	291
86. NGUYỄN VĂN TIỂU (1926 - 2009, 83 tuổi)	302
87. NGUYỄN THỊ ĐIỀN (1922 - 1999, 77 tuổi).....	308
88. PHẠM VĂN ĐƯỜNG (1947 - 2010, 63 tuổi).....	315

89. NGUYỄN THỊ BA (1951 - 2011, 60 tuổi)	
và NGUYỄN THỊ TƯ (1955 - 2010, 55 tuổi).....	324
90. NGÔ THỊ DÒN (1947 - 2014, 70 tuổi).....	330
91. NGUYỄN VĂN LONG (1935 - 2013, 78 tuổi)	339
92. NGUYỄN VĂN THUYỀN (1931 - 2013, 82 tuổi)	345
93. PHAN THỊ KIỀM (1940 - 2011, 71 tuổi)	352
94. NGUYỄN HỮU PHƯỚC (1908 - 2011, 103 tuổi)	359
95. TRẦN MINH CHÂU (1920 - 1979, 59 tuổi).....	367
96. NGÔ VĂN VINH (1928-2007, 79 tuổi)	376
97. LONG THỊ THE (1929 - 2012, 83 tuổi)	382
98. BÙI VĂN TY (1920 - 1989, 69 tuổi)	389
99. NGUYỄN ĐỨC LỢI (1998 - 2015, 17 tuổi).....	401
100. BÉ HOA MINH (2005 - 2013, 8 tuổi).....	418